

GIAO HỘI CÁC THÁNH HỮU NGÀY SAU CỦA CHÚA GIÊ SU KỶ TÔ • THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 2011

Liahona



**Các Bài
Nói Chuyện
trong Đại Hội
Trung Ương**

**Loan Báo về
Sáu Ngôi Đèn Thờ Mới**



Học Hỏi từ Thánh Thư, bài của Nancy Crookston

Đấng Cứu Rỗi đã dạy: “Các ngươi dò xem Kinh Thánh, vì tưởng bởi đó được sự sống đời đời: ấy là Kinh Thánh làm chứng về ta vậy.” (Giăng 5:39).

Mục Lục tháng Mười Một năm 2011

Tập 13 • Số 4

PHIÊN HỢP SÁNG THỨ BẢY

- 4 Khi Chúng Ta Gặp Lại Nhau Lần Nữa
Chủ Tịch Thomas S. Monson
- 6 Quyền Năng của Thánh Thư
Anh Cả Richard G. Scott
- 9 Sự Mặc Khải và Chứng Ngôn Cá Nhân
Barbara Thompson
- 11 Sẽ Đến Lúc
Anh Cả L. Whitney Clayton
- 14 Làm Điều Đúng vào Đúng Lúc, mà Không Trì Hoãn
Anh Cả José L. Alonso
- 16 Lời Khuyên cho Giới Trẻ
Chủ Tịch Boyd K. Packer
- 19 Các Anh Chị Em Là Quan Trọng đối với Ngài
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf

PHIÊN HỢP TRƯA THỨ BẢY

- 23 Phần Tán Trợ Các Chức Sắc của Giáo Hội
Chủ Tịch Henry B. Eyring
- 24 Lòng Con Cái Sẽ Trở Lại
Anh Cả David A. Bednar
- 28 Con Cái
Anh Cả Neil L. Andersen
- 31 Thời Gian Chuẩn Bị
Anh Cả Ian S. Arder
- 33 Nên Nhìn Lên Là Tốt Hơn
Anh Cả Carl B. Cook
- 35 Sự Cứu Chuộc
Anh Cả LeGrand R. Curtis Jr.
- 38 Ân Tứ Thiêng Liêng về Sự Hối Cải
Anh Cả D. Todd Christofferson
- 41 Sự Yêu Thương Trọn Vẹn Thì Cắt Bỏ Sự Sợ Hãi
Anh Cả L. Tom Perry

PHIÊN HỢP CHỨC TƯ TẾ

- 44 Tất Cả Chúng Ta Đều Tham Gia
Anh Cả Jeffrey R. Holland
- 47 Quyền Năng của Chức Tư Tế A Rôn
Giám Trợ Keith B. McMullin
- 50 Cơ Hội Hiếm Có
Anh Cả W. Christopher Waddell
- 53 Lo Liệu theo Cách của Chúa
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf

- 56 Sự Chuẩn Bị trong Chức Tư Tế: "Tôi Cần Sự Giúp Đỡ của Anh"
Chủ Tịch Henry B. Eyring
- 60 Dám Đứng Một Mình
Chủ Tịch Thomas S. Monson

PHIÊN HỢP SÁNG CHỦ NHẬT

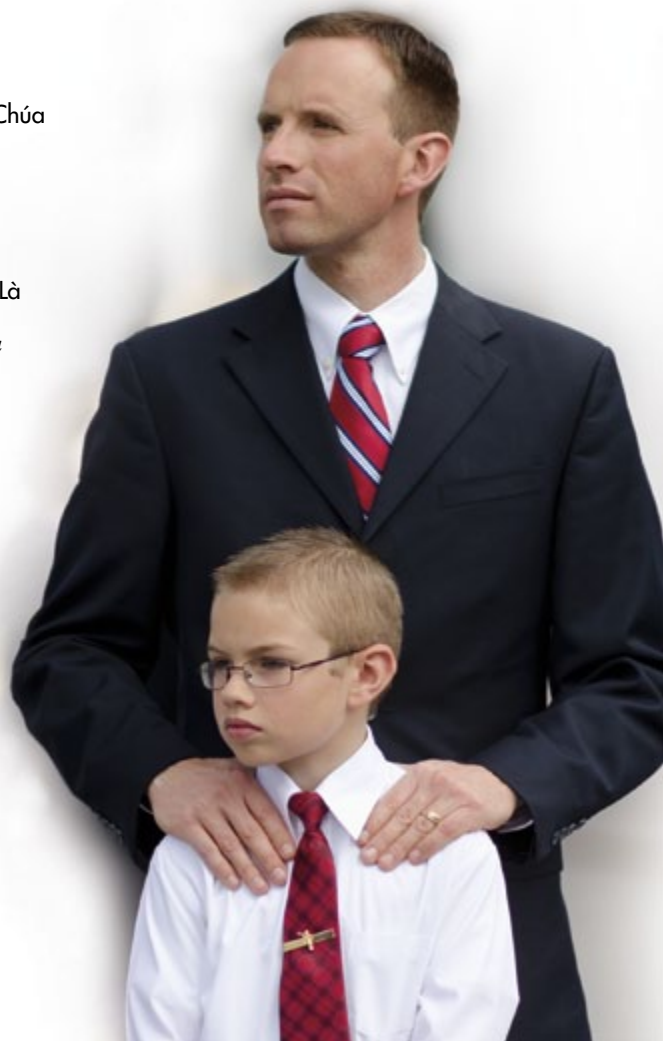
- 68 Một Chứng Thư
Chủ Tịch Henry B. Eyring
- 71 Trông Đợi Chúa: Xin Ý Ngài được Nên
Anh Cả Robert D. Hales
- 74 Sách Mặc Môn—một Quyển Sách từ Thượng Đế
Anh Cả Tad R. Callister
- 77 Yêu Mẹ của Con Gái Các Anh Em
Elaine S. Dalton
- 79 Tầm Quan Trọng của Một Danh Xưng
Anh Cả M. Russell Ballard
- 82 Đứng tại Những Nơi Thánh Thiện
Chủ Tịch Thomas S. Monson

PHIÊN HỢP TRƯA CHỦ NHẬT

- 86 Các Giao Ước
Anh Cả Russell M. Nelson
- 90 Những Lời Giảng Dạy của Chúa Giê Su
Anh Cả Dallin H. Oaks
- 94 Giảng Dạy theo Cách của Thánh Linh
Matthew O. Richardson
- 96 Những Người Truyền Giáo Là một Kho Tàng của Giáo Hội
Anh Cả Kazuhiko Yamashita
- 98 Chọn Cuộc Sống Vĩnh Cửu
Anh Cả Randall K. Bennett
- 101 Đặc Ân Được Cầu Nguyện
Anh Cả J. Devn Cornish
- 104 Những Bài Ca Họ Không Thể Hát
Anh Cả Quentin L. Cook
- 108 Cho Đến Khi Chúng Ta Gặp Lại Nhau
Chủ Tịch Thomas S. Monson

BUỔI HỢP HỘI PHỤ NỮ TRUNG ƯƠNG

- 109 Điều Tôi Hy Vọng Các Cháu Gái (và Các Cháu Trai) của Tôi Sẽ Hiểu về Hội Phụ Nữ
Julie B. Beck
- 114 Lòng Bác Ái Không Bao Giờ Hư Mất
Silvia H. Allred
- 117 Hãy Trung Tín Tuân Giữ Các Giao Ước
Barbara Thompson
- 120 Xin Đừng Quên Tôi
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
- 64 Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô
- 124 Bảng Chú Dẫn Các Câu Chuyện Kể Tại Đại Hội
- 125 Sự Giảng Dạy cho Thời Chúng Ta
- 125 Chủ Tịch Đoàn Các Tổ Chức Bổ Trợ Trung Ương
- 126 Tin Tức của Giáo Hội



Bản Tóm Lược về Đại hội Trung Ương Bán Niên kỳ thứ 181

SÁNG THỨ BẢY, NGÀY 1 THÁNG MƯỜI NĂM 2011, PHIÊN HỢP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Henry B. Eyring. Lời cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Gary J. Coleman. Lời cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Lowell M. Snow. Phần âm nhạc do Đại Ca Đoàn Tabernacle đảm trách; Mack Wilberg và Ryan Murphy, nhạc trưởng; Richard Elliott và Andrew Unsworth, đánh đại phong cầm: “The Morning Breaks,” *Hymns*, số 1; “With Songs of Praise,” *Hymns*, số 71; “We Ever Pray for Thee,” *Hymns*, số 23, do Wilberg, soạn nhạc, chưa xuất bản; “Đấng Cứu Chuộc Y Sơ Ra Ên,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, số 5; “Tôi Là Con Đức Chúa Cha,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, 2–3, do Murphy, soạn nhạc, chưa xuất bản; “Press Forward, Saints,” *Hymns*, số 81, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản.

TRƯA THỨ BẢY, NGÀY 1 THÁNG MƯỜI NĂM 2011, PHIÊN HỢP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf. Lời cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Won Yong Ko. Lời cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Bradley D. Foster. Phần âm nhạc do một ca đoàn Hội Thiểu Nhi từ Pleasant View và North Ogden, Utah đảm trách; Vanja Y. Watkins, nhạc trưởng; Linda Margetts, đánh đại phong cầm: “God’s Daily Care,” *Hymns*, số 306, và “Cảm Tạ Cha Yêu Dấu,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, 7, liên khúc do Watkins soạn nhạc, chưa xuất bản; “Families Can Be Together Forever,” *Hymns*, số 300, do Watkins soạn nhạc, chưa xuất bản; “Ca Khen Người,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, số 27; “My Heavenly Father Loves Me,” *Children’s Songbook*, 228–29, và “Tôi Biết Bàn Cha Hằng Sống,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, số 302, do Jackman xuất bản, soạn liên khúc Watkins, chưa xuất bản.

TỐI THỨ BẢY, NGÀY 1 THÁNG MƯỜI NĂM 2011, PHIÊN HỢP CHỨC TƯ TẾ

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf. Lời cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Richard G. Hinckley. Lời cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Koichi Aoyagi. Phần âm nhạc do ca đoàn Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc từ Pleasant Grove, Utah; Justin Bills, nhạc trưởng; Clay Christiansen, đánh đại phong cầm: “Rise Up, O Men of God,” *Hymns*, số 324, do Staheli soạn nhạc, xuất bản Jackman; “Ôi Chúa Đấng Tôi Cần Luôn,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, số 12, do Bills soạn nhạc, chưa xuất bản; “Rejoice, the Lord Is

King!” *Hymns*, số 66; “Hỡi Các Con Cái của Chúa Trời, Hãy Cùng Đền Đầy,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, số 4, do Bills soạn nhạc, chưa xuất bản.

SÁNG CHỦ NHẬT NGÀY 2 THÁNG MƯỜI NĂM 2011, PHIÊN HỢP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf. Lời cầu nguyện mở đầu: Anh Cả Paul K. Sybrowsky. Lời cầu nguyện kết thúc: Anh Cả James B. Martino. Phần âm nhạc do Đại Ca Đoàn Tabernacle đảm trách; Mack Wilberg, nhạc trưởng; Andrew Unsworth và Clay Christiansen, đánh đại phong cầm: “Lead Me into Life Eternal,” *Hymns*, số 45; “Guide Us, O Thou Great Jehovah,” *Hymns*, số 83, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản, “Consider the Lilies,” Hoffman, do Lyon soạn nhạc, do Jackman xuất bản; “Tạ Ôn Thượng Đế Đã Ban Cho một Vị Tiên Tri,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, trang 36; “Con Sẽ Đi Đến Nơi Nào Ngài Sai Con,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, trang 46, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản. “I Believe in Christ,” *Hymns*, số 134, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản.

TRƯA CHỦ NHẬT NGÀY 2 THÁNG MƯỜI NĂM 2011, PHIÊN HỢP CHUNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Chủ Tịch Henry B. Eyring. Lời cầu nguyện mở đầu: Anh Cả F. Michael Watson. Lời cầu nguyện kết thúc: Anh Cả Gregory A. Schwitzer. Phần âm nhạc do Đại Ca Đoàn Tabernacle đảm trách; Mack Wilberg và Ryan Murphy, nhạc trưởng; Bonnie Goodliffe và Linda Margetts, đánh đại phong cầm: “Arise, O God, and Shine,” *Hymns*, số 265, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản; “I Feel My Savior’s Love,” *Children’s Songbook*, 74–75, do Cardon soạn nhạc, chưa xuất bản; “Giờ Đây Chúng Ta Hãy Cùng Vui Mừng,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, trang 32; “Lord, We Ask Thee Ere We Part,” *Hymns*, số 153, do Wilberg soạn nhạc, chưa xuất bản.

TỐI THỨ BẢY NGÀY 24 THÁNG CHÍN NĂM 2011, BUỔI HỢP HỘI PHỤ NỮ TRUNG ƯƠNG

Chủ tọa: Chủ Tịch Thomas S. Monson. Điều khiển chương trình: Julie B. Beck. Lời cầu nguyện mở đầu: Barbara C. Bradshaw. Lời cầu nguyện kết thúc: Sandra Rogers. Âm nhạc do Ca đoàn Hội Phụ Nữ từ các giáo khu ở Eagle Mountain và Saratoga Springs, Utah đảm trách; Emily Wadley, nhạc trưởng; Bonnie Goodliffe và Linda Margetts, đánh đại phong cầm: “The Morning Breaks,” *Hymns*, số 1, do Wilberg soạn nhạc, chưa

xuất bản; “Đẹp Thay Công Việc của Chúa,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, số 36, do Manookin soạn nhạc, đã xuất bản Jackman; “Hark, All Ye Nations!” *Hymns*, số 264; “Giờ Đây Chúng Ta Hãy Cùng Vui Mừng,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiểu Nhi*, trang 32.

CÁC BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI HIỆN ĐANG CÓ SẴN

Để truy cập các bài nói chuyện tại đại hội trung ương bằng nhiều ngôn ngữ, xin vào xem trang mạng conference.lds.org. Rồi chọn ra một ngôn ngữ. Băng ghi âm thường có sẵn tại các trung tâm phân phối trong vòng hai tháng sau đại hội.

CÁC SỬ ĐIỆP CHO VIỆC GIẢNG DẠY TẠI GIA VÀ THĂM VIẾNG GIẢNG DẠY

Xin chọn bài thuyết giảng nào đáp ứng hữu hiệu nhất cho nhu cầu của những người mà các anh chị em thăm viếng để làm sứ điệp cho việc giảng dạy tại gia và thăm viếng giảng dạy.

NGOÀI BÌA

Trước: Hình do John Luke chụp. Sau: Hình do Les Nilsson chụp.

HÌNH ẢNH ĐẠI HỘI

Quang cảnh đại hội trung ương ở Salt Lake City do Craig Dimond, Welden C. Andersen, John Luke, Christina Smith, Cody Bell, Les Nilsson, Weston Colton, Sarah Jensen, Derek Israelsen, Danny La, Scott Davis, Kristy Jordan, và Cara Call chụp; ở Brazil do Barbara Alves, David McNamee, và Sandra Rozados chụp; ở Canada do Laurent Lucuix chụp; ở El Salvador do Josué Peña chụp; ở Anh do Simon Jones chụp; ở Nhật Bản do Jun Aono chụp; ở Mexico do Monica Mora chụp; ở Philippine do Wilmor LaTorre và Ann Rosas chụp; ở Nam Phi do Rob Milne chụp; ở Thụy Điển do Anna Peterson chụp; và ở Uruguay do Manuel Peña chụp.



**THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 2011 QUYỂN 13 SỐ 4
LIAHONA 09691 435**

Tạp chí quốc tế chính thức của Giáo Hội Các Thánh Hữu
Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô

Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn: Thomas S. Monson,
Henry B. Eyring, Dieter F. Uchtdorf

Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ: Boyd K. Packer,
L. Tom Perry, Russell M. Nelson, Dallin H. Oaks, M. Russell
Ballard, Richard G. Scott, Robert D. Hales, Jeffrey R.
Holland, David A. Bednar, Quentin L. Cook, D. Todd
Christofferson, Neil L. Andersen

Chủ Bút: Paul B. Pieper

Cố Vấn: Keith R. Edwards, Christoffel Golden Jr.,
Per G. Malm

Giám Đốc Điều Hành: David L. Frischknecht

Giám Đốc Biên Tập: Vincent A. Vaughn

Giám Đốc Hình Ảnh: Allan R. Loyborg

Chủ Bút Điều Hành: R. Val Johnson

Phụ Tá Chủ Bút Điều Hành: Jenifer L. Greenwood,
Adam C. Olson

Phó Chủ Bút: Susan Barrett, Ryan Carr

Ban Biên Tập: Brittany Beattie, David A. Edwards,
Matthew D. Flitton, LaRene Porter Gaunt, Carrie Kasten,
Jennifer Maddy, Lia McClanahan, Melissa Merrill,
Michael R. Morris, Sally J. Odekir, Joshua J. Perkey,
Chad E. Phares, Jan Pinborough, Paul VanDenBerghe,
Marissa A. Widdison, Melissa Zenteno

Giám Đốc Điều Hành Nghệ Thuật: J. Scott Knudsen

Giám Đốc Nghệ Thuật: Scott Van Kampen

Quản Lý Sản Xuất: Jane Ann Peters

Các Thiết Kế Viên Trưởng: C. Kimball Bott, Thomas S. Child,
Colleen Hinckley, Eric P. Johnsen, Scott M. Mooy

Ban Thiết Kế và Sản Xuất: Collette Nebeker Aune,
Howard G. Brown, Julie Burdett, Reginald J. Christensen,
Kim Fenstermaker, Bryan W. Gygi, Kathleen Howard,
Denise Kirby, Ginny J. Nilson

Phụ Trách Bản In: Jeff L. Martin

Giám Đốc Ấn Loát: Craig K. Sedgwick

Giám Đốc Phân Phối: Evan Larsen

Công việc phiên dịch: Bolinda Sok

Về việc mua báo dài hạn và giá biểu ngoài Hoa Kỳ và
Canada, xin liên lạc Trung Tâm Phát Hành của Giáo Hội
tại địa phương của các anh chị em. Xin gửi mua báo dài
hạn ở Hoa Kỳ và Canada tại Distribution Center, Church
Magazines, PO Box 26368, Salt Lake City, UT 84126-0368.
Số điện thoại đặt mua báo dài hạn là: 1-800-537-5971.

**Xin nộp bản thảo và mọi thắc mắc trực tuyến tại liahona.
lds.org; băng thư tin đến Liahona, Rm. 2420, 50 E.
North Temple St., Salt Lake City, UT 84150-0024, USA;
hoặc e-mail: liahona@ldschurch.org.**

Liahona (một từ ngữ trong Sách Mặc Môn có nghĩa
là "la bàn" hay "vật chỉ hướng") được xuất bản bằng
tiếng Albania, Armenia, Bislama, Bulgaria, Campuchia,
Cebuano, Trung Quốc, Croatia, Séc, Đan Mạch, Hà Lan,
Anh, Estonia, Fiji, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary,
Iceland, Indonesia, Ý, Nhật Bản, Kiribati, Hàn Quốc, Latvia,
Lithuania, Malagasy, Marshall, Mông Cổ, Na Uy, Ba Lan, Bồ
Đào Nha, Romania, Nga, Samoa, Slovenia, Tây Ban Nha,
Thụy Điển, Tagalog, Tahiti, Thái Lan, Tonga, Ukraine, Urdu
và Việt Nam. (Ký xuất bản tùy thuộc vào từng ngôn ngữ.)

© 2011 by Intellectual Reserve, Inc. Giữ bản quyền.
In tại Hoa Kỳ.

Bài vở và tài liệu đọc trong *tạp chí Liahona* có thể được
sao lại để dùng tại nhà thờ hay tại gia mà không có tính
cách thương mại. Tài liệu đọc có thể không được phép
sao lại nếu có những điều luật hạn chế được ghi rõ trong
hàng chữ ghi chú nơi hình ảnh. Xin gửi các thắc mắc về
bản quyền đến Intellectual Property Office, 50 East North
Temple Street, Salt Lake City, UT 84150, USA; e-mail:
cor-intellectualproperty@ldschurch.org.

For Readers in the United States and Canada:

November 2011 Vol. 13 No. 4. LIAHONA (USPS 311-480)
Vietnamese (ISSN 1096-5181) is published four times a year
(April, May, October, and November) by The Church of Jesus
Christ of Latter-day Saints, 50 East North Temple, Salt Lake
City, UT 84150. USA subscription price is \$4.00 per year;
Canada \$4.80 plus applicable taxes. Periodicals Postage
Paid at Salt Lake City, Utah. Sixty days notice required for
change of address. Include address label from a recent
issue; old and new address *must* be included. Send USA
and Canadian subscriptions to Salt Lake Distribution Center
at address below. Subscription help line: 1-800-537-5971.
Credit card orders (Visa, MasterCard, American Express) may
be taken by phone. (Canada Poste Information: Publication
Agreement #40017431)

POSTMASTER: Send address changes to Salt Lake
Distribution Center, Church Magazines, PO Box 26368,
Salt Lake City, UT 84126-0368.



**NHỮNG NGƯỜI NÓI CHUYỆN
ĐƯỢC LIỆT KÊ THEO VĂN THƯ TỬ
CHỮ CÁI**

Allred, Silvia H., 114

Alonso, José L., 14

Andersen, Neil L., 28

Ardern, Ian S., 31

Ballard, M. Russell, 79

Beck, Julie B., 109

Bednar, David A., 24

Bennett, Randall K., 98

Callister, Tad R., 74

Christofferson, D. Todd, 38

Clayton, L. Whitney, 11

Cook, Carl B., 33

Cook, Quentin L., 104

Cornish, J. Devn, 101

Curtis, LeGrand R., Jr., 35

Dalton, Elaine S., 77

Eyring, Henry B., 23, 56, 68

Hales, Robert D., 71

Holland, Jeffrey R., 44

McMullin, Keith B., 47

Monson, Thomas S., 4, 60,
82, 108

Nelson, Russell M., 86

Oaks, Dallin H., 90

Packer, Boyd K., 16

Perry, L. Tom, 41

Richardson, Matthew O., 94

Scott, Richard G., 6

Thompson, Barbara, 9, 117

Uchtdorf, Dieter F., 19, 53,
120

Waddell, W. Christopher, 50

Yamashita, Kazuhiko, 96

BẢN LIỆT KÊ CÁC ĐỀ TÀI

An sinh, 53

Bổn phận, 47, 56

Cặp vợ chồng truyền giáo, 44

Cha Thiên Thượng, 108

Chúa Giê Su Ky Tô, 35, 41,
74, 79, 90, 101

Chức tư tế, 24, 47, 56, 60,
86, 109

Chức Tư Tế A Rôn, 47

Chứng ngôn, 9, 60, 68, 74, 82

Con cái, 28

Công nghệ, 24, 31

Công việc truyền giáo, 11,
41, 44, 50, 79, 96

Danh xưng của Giáo Hội, 79

Đại hội trung ương, 4, 23, 108

Đạo đức, 16

Đền thờ và công việc đền
thờ, 4, 24, 41, 109, 117

Đức Thánh Linh, 6, 9, 16, 33,
47, 82, 94

Đức tin, 28, 33, 71, 101, 104

Gia đình, 28, 77

Giảng dạy, 94

Giao ước, các, 86, 117

Giá trị bản thân, 19, 120

Giá trị cá nhân, 19, 120

Giới trẻ, 16, 24, 44, 47, 50, 77

Học hỏi, 94

Hội Phụ Nữ, 109, 114

Hội Thiếu Nữ, 77

Hôn nhân, 28

Hy Vọng, 19, 71

Kinh Thánh, 74, 90

Lịch sử gia đình, 24

Lòng bác ái, 68, 109, 114

Lòng can đảm, 33, 60

Lòng kiên nhẫn, 71

Lời tiên tri, 11

Nghịch cảnh, 71, 104

Người cha, 77

Niềm vui, 38, 120

Quản lý thời gian, 31

Quyền tự quyết, 98

Sách Mặc Môn, 6, 50, 68, 74

Sự cải đạo, 68, 96

Sự cầu nguyện, 82, 101

Sức chịu đựng, 68, 71

Sự chuẩn bị, 50, 56, 96

Sự Chuộc Tội, 33, 35, 38, 90

Sức tăng trưởng của Giáo
Hội, 11, 41

Sự Cứu Chuộc, 35

Sự giúp đỡ để trở nên tích
cực, 14, 35, 50

Sự hối cải, 16, 35, 38, 44

Sự hy sinh, 50, 120

Sự mặc khải, 6, 9, 16, 82

Sự Phục Hồi, 11

Sự phục vụ, 14, 47, 50, 53,
56, 68

Sự tự túc, 53

Sự vàng lời, 33, 38, 86, 90

Tấm gương, 41, 60, 77,
90, 96

Thánh thư, 6, 74

Thăm viếng giảng dạy, 109,
114

Thiên tính, 19

Tiêu chuẩn đạo đức, 44,
60, 77, 82

Tình yêu thương, 53, 77,
96, 120

Trách nhiệm giải trình, 98

Ưu tiên, 28, 31

Vai trò làm cha mẹ, 28, 77

Vai trò môn đồ, 109



Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Khi Chúng Ta Gặp Lại Nhau Lần Nữa

Tôi xin cầu nguyện rằng chúng ta có thể được tràn đầy Thánh Linh của Chúa khi lắng nghe các sứ điệp trong ngày hôm nay và ngày mai, cũng như học hỏi những điều Chúa muốn chúng ta biết.

Thưa các anh chị em, thật là hân hạnh được chào mừng các anh chị em đến dự Đại Hội Trung Ương Bán Niên Kỳ thứ 181 của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô.

Đại hội này đánh dấu 48 năm—hãy nghĩ đến 48 năm—kể từ khi tôi được Chủ Tịch David O. McKay kêu gọi vào Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ. Đó là vào tháng Mười năm 1963. Kể từ lúc đó, dường như không thể có rất nhiều năm đã đến và đi như thế.

Khi chúng ta bận rộn, thì thời gian dường như trôi qua rất nhanh và sáu tháng qua cũng chẳng phải là ngoại lệ đối với tôi. Một trong những điểm nổi bật trong thời gian đó là cơ hội của tôi để làm lễ tái cung hiến Đền Thờ Atlanta Georgia vào ngày 1 tháng Năm. Tôi đã cùng đi với Anh Cả và Chị M. Russell Ballard, Anh Cả và Chị Walter F. González, cùng Anh Cả và Chị William R. Walker.

Chúng tôi đã xem 2.700 thanh niên thiếu nữ từ khắp khu vực đền thờ

trình diễn trong buổi văn nghệ có tên là “Nguồn Ánh Sáng Miền Nam,” được tổ chức vào buổi tối trước lễ tái cung hiến. Đó là một trong số các chương trình nổi bật nhất tôi đã xem và cử



tọa đã nhiều lần đứng dậy vỗ tay tán thưởng.

Ngày hôm sau, đền thờ được làm lễ tái cung hiến trong hai phiên lễ. Ở đó, Thánh Linh của Chúa hiện diện thật mạnh mẽ cùng chúng tôi.

Cuối tháng Tám, Chủ Tịch Henry B. Eyring làm lễ cung hiến Đền Thờ San Salvador El Salvador. Ông đi cùng với Chị Eyring và Anh Cả và Chị D. Todd Christofferson, Anh Cả và Chị William R. Walker, cùng Chị Silvia Allred thuộc chủ tịch đoàn trung ương Hội Phụ Nữ và chồng của chị là Jeffrey. Chủ Tịch Eyring báo cáo rằng đó là một sự kiện thuộc linh đáng kể nhất.

Cuối năm nay, Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf và Chị Uchtdorf sẽ đi với Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương khác đến Quetzaltenango, Guatemala, ông sẽ làm lễ cung hiến đền thờ của chúng ta ở đó.

Thưa các anh chị em, các ngôi đền thờ tiếp tục được xây lên, không bị gián đoạn. Hôm nay, tôi có đặc ân





để loan báo về một số ngôi đền thờ mới.

Trước hết, tôi xin nói rằng không có cơ sở nào do Giáo Hội xây cất lại quan trọng hơn một đền thờ. Đền thờ là nơi những mối quan hệ gia đình được làm lễ gắn bó với nhau để tồn tại cho đến suốt thời vĩnh cửu. Chúng ta biết ơn về tất cả các đền thờ trên khắp thế giới và về phước lành đền thờ mang đến cho cuộc sống của các tín hữu chúng ta.

Vào cuối năm ngoái, Đại Thánh Đường Provo ở Quận Hạt Utah, thuộc tiểu bang Utah bị thiệt hại nặng vì một cuộc hỏa hoạn khủng khiếp. Tòa nhà kỳ diệu này đã được nhiều thế hệ Thánh Hữu Ngày Sau yêu mến, nay chỉ còn lại các bức tường bên ngoài. Sau khi nghiên cứu kỹ, chúng tôi đã quyết định tái thiết tòa nhà này nhằm bảo tồn và phục hồi hoàn toàn bên ngoài tòa nhà để trở thành ngôi đền thờ thứ hai của Giáo Hội ở thành phố Provo. Đền Thờ Provo hiện nay là một trong số các đền thờ bận rộn nhất trong

Giáo Hội, và một ngôi đền thờ thứ hai ở thành phố đó sẽ chứa được số các tín hữu Giáo Hội trung tín ngày càng gia tăng hiện đang tham dự đền thờ từ Provo và các cộng đồng phụ cận.

Tôi cũng hân hạnh loan báo các đền thờ mới ở những địa điểm sau đây: Barranquilla, Colombia; Durban, Nam Phi; Kinshasa trong Dân Chủ Cộng Hòa Congo; và Star Valley, Wyoming. Ngoài ra, chúng tôi cũng đang xúc tiến kế hoạch để xây cất một đền thờ ở Paris, Pháp.

Chi tiết về các đền thờ này sẽ được cho biết trong tương lai trong khi Giáo Hội đang tìm kiếm khu đất cũng như những điều kiện cần thiết khác được chấp thuận.

Tôi đã đề cập trong các đại hội trước về tiến bộ của chúng ta trong việc mang đền thờ đến gần các tín hữu hơn. Mặc dù các đền thờ này đã có sẵn cho nhiều tín hữu trong Giáo Hội, nhưng vẫn còn có những khu vực trên thế giới là nơi đền thờ còn ở rất xa các tín hữu của chúng ta

đến mức họ không có khả năng cần thiết để đi đến đền thờ. Như vậy, các tín hữu này không thể dự phần vào các phước lành thiêng liêng và vĩnh cửu do đền thờ mang lại. Để giúp đỡ trong phương diện này, chúng ta có Quỹ Trung Ương Phụ Giúp Người Đi Đền Thờ. Quỹ này trang trải chi phí chỉ cho một chuyến đi đền thờ cho những người không thể đi đền thờ bằng bất cứ cách nào khác, và họ đang ước mong rất nhiều để có được cơ hội đó. Bất cứ ai có thể mong muốn đóng góp vào quỹ này chỉ cần viết chi tiết lên trên mẫu đóng góp thường lệ và đưa cho vị giám trợ mỗi tháng.

Thưa các anh chị em, giờ đây tôi xin cầu nguyện rằng chúng ta có thể được tràn đầy Thánh Linh của Chúa khi lắng nghe các sứ điệp trong ngày hôm nay và ngày mai, cũng như học hỏi những điều Chúa muốn chúng ta biết. Tôi cầu nguyện như vậy trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Richard G. Scott

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Quyền Năng của Thánh Thư

Thánh thư cũng giống như những tia sáng nhỏ soi rọi tâm trí và chuẩn bị chúng ta để được hưởng dân và cảm ứng từ trên cao.

Những người trong chúng tôi đến bực giảng này trong lúc đại hội đều cảm thấy quyền năng của những lời cầu nguyện của các anh chị em. Chúng tôi cần những lời cầu nguyện đó và chúng tôi cảm ơn các anh chị em đã cầu nguyện cho chúng tôi.

Cha Thiên Thượng hiểu rằng nếu chúng ta muốn được tiến bộ trong cuộc sống trần thế của mình, thì chúng ta sẽ cần phải đối phó với những thử thách khó khăn. Một số thử thách này sẽ gần như không cưỡng lại được. Ngài đã ban cho công cụ để giúp chúng ta được thành công trong cuộc sống trần thế của mình. Một bộ công cụ đó là thánh thư.

Suốt các thời đại, Cha Thiên Thượng đã cảm ứng những người đàn ông và người phụ nữ chọn lọc để tìm ra giải pháp cho những vấn đề phức tạp nhất, qua sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Ngài đã cảm ứng các tôi tớ được phép đó nhằm ghi lại những giải pháp để tạo thành một loại sách hướng dẫn cho con cái của Ngài là những người có đức tin nơi kế hoạch hạnh phúc của Ngài và nơi Con Trai Yêu Dấu của Ngài, Chúa Giê Su Ky

Tô. Chúng ta có thể sử dụng quyển sách hướng dẫn này qua kho tàng mà chúng ta gọi là các tác phẩm tiêu chuẩn—đó là Các Kinh Cựu Ước và Tân Ước, Sách Mặc Môn, Giáo Lý và Giao Ước, và Trần Châu Vô Giá.

Thánh thư là lẽ thật thuần khiết, vì được tạo ra từ sự giao tiếp đầy soi dẫn qua Đức Thánh Linh. Chúng ta không cần phải lo lắng về tính hợp lệ của những khái niệm chứa đựng trong các tác phẩm tiêu chuẩn vì Đức Thánh Linh là công cụ thúc đẩy và cảm ứng những người chép lại thánh thư.

Thánh thư cũng giống như những tia sáng nhỏ soi rọi tâm trí và chuẩn bị chúng ta để được hưởng dân và cảm ứng từ trên cao. Ánh sáng này có thể trở thành chìa khóa để khai mở hệ thống giao tiếp với Cha Thiên Thượng và Con Trai Yêu Quý của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô.

Khi được trích dẫn chính xác, thánh thư mang đến thẩm quyền cho lời nói của chúng ta. Thánh thư có thể trở thành những người bạn trung thành là những người chúng ta có thể tìm đến bất cứ nơi nào và bất cứ lúc nào. Thánh thư luôn luôn có sẵn khi cần đến. Việc sử dụng thánh thư cung ứng

một nền tảng lẽ thật có thể được Đức Thánh Linh tác động. Việc học hỏi, suy ngẫm, tra cứu, và ghi nhớ thánh thư cũng giống như lưu giữ vào tủ hồ sơ đựng bạn bè, giá trị, và lẽ thật mà có thể tìm đến bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu trên thế giới.

Quyền năng lớn lao có thể đến từ việc ghi nhớ thánh thư. Ghi nhớ một câu thánh thư tức là tạo ra một tình bạn mới. Điều đó giống như khám phá ra một người bạn mới là người có thể giúp đỡ trong lúc mình cần, để soi dẫn, an ủi, và là một nguồn động lực khi cần thay đổi. Ví dụ, đối với tôi, việc cam kết ghi nhớ câu thánh thư này là một nguồn quyền năng và hiểu biết:

“Đất và muôn vật trên đất, Thế gian và những kẻ ở trong đó, đều thuộc về Đức Giê Hô Va.

“Vì Ngài đã lập đất trên các biển, Và đặt nó vững trên các nước lớn.

“Ai sẽ được lên núi Đức Giê Hô Va? Ai sẽ được đứng nổi trong nơi thánh của Ngài?

“Ấy là người có tay trong sạch và lòng thanh khiết, Chẳng hướng linh hồn mình về sự hư không, Cũng chẳng thề nguyện giả dối.

“Người ấy sẽ được phước từ nơi Đức Giê Hô Va, Và sự công bình từ nơi Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi người” (Thi Thiên 24:1-5).

Việc suy ngẫm một đoạn thánh thư như thế mang đến sự hướng dẫn quan trọng cho cuộc sống. Thánh thư có thể tạo thành một nền tảng hỗ trợ. Thánh thư có thể là một nguồn vô tận những bạn bè sẵn lòng và có thể giúp đỡ chúng ta. Một câu thánh thư được ghi nhớ trở thành một người bạn lâu năm mà không hề suy yếu với thời gian.

Việc suy ngẫm một đoạn thánh thư có thể là một chìa khóa để khai mở sự mặc khải, hướng dẫn, và cảm ứng của Đức Thánh Linh. Thánh thư có thể trấn an một tâm hồn hoang hốt, mang đến bình an, hy vọng, và phục hồi sự tin tưởng vào khả năng của một người để khắc phục những thử thách trong cuộc sống. Thánh thư có quyền năng mạnh mẽ để chữa lành những thử thách về mặt tình cảm khi có đức tin nơi Đấng Cứu Rỗi. Thánh thư có thể nhanh chóng chữa lành thể xác.



Thánh thư có thể truyền đạt nhiều ý nghĩa khác nhau vào những lúc khác nhau trong cuộc sống tùy theo nhu cầu của chúng ta. Một câu thánh thư mà chúng ta có thể đã đọc nhiều lần cũng có thể chứa đựng những ý nghĩa mới mẻ và sâu sắc khi chúng ta đối phó với một thử thách mới trong cuộc sống.

Bản thân các anh chị em sử dụng thánh thư như thế nào? Các anh chị em có đánh dấu quyển thánh thư của mình không? Các anh chị em có ghi chú ở ngoài lề trang để ghi nhớ về một giây phút được Thánh Linh hướng dẫn hoặc một kinh nghiệm đã dạy cho mình một bài học thâm thúy không? Các anh chị em có sử dụng tất cả các tác phẩm tiêu chuẩn, kể cả Kinh Cựu Ước không? Trong các trang Kinh Cựu Ước, tôi đã tìm thấy những lẽ thật quý báu chính là phần tử quan trọng cho nền tảng của lẽ thật dùng để hướng dẫn cuộc sống của tôi và cũng là tài liệu khi tôi cố gắng chia sẻ một sứ điệp của phúc âm với những người khác. Vì lý do đó, tôi yêu thích Kinh Cựu Ước. Tôi tìm thấy lẽ thật quý báu vô giá ở khắp nơi trong các trang của quyển Kinh Thánh này. Ví dụ:

“Sa Mu Ên nói: Đức Giê Hô Va há đẹp lòng của lễ thiêu và của lễ thù ân bằng sự vâng theo lời phán của Ngài ư? Vả, sự vâng lời tốt hơn của tế lễ; sự nghe theo tốt hơn mỡ chiên đực” (1 Sa Mu Ên 15:22).

“Hãy hết lòng tin cậy Đức Giê Hô Va, Chớ nương cậy nơi sự thông sáng của con.

“Phàm trong các việc làm của con, khá nhận biết Ngài, Thì Ngài sẽ chỉ dẫn các nẻo của con.

“Chớ khôn ngoan theo mắt mình; Hãy kính sợ Đức Giê Hô Va, và lìa khỏi sự ác. . . .

“Hỡi con, chớ khinh điều sửa phạt của Đức Giê Hô Va, Chớ khiêm lòng khi Ngài quở trách;

“Vì Đức Giê Hô Va yêu thương ai thì trách phạt nấy. Như một người cha đối cùng con trai yêu dấu mình.

“Người nào tìmặng sự khôn ngoan, Và được sự thông sáng, có phước thay!” (Châm Ngôn 3:5-7, 11-13).

Kinh Tân Ước cũng là một nguồn lẽ thật quý báu:

“Đức Chúa Giê Su đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà

yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người.

“Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết.

“Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình.

“Hết thấy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra.” (Ma Thi Ơ 22:37-40).

“Hỡi Si Môn, Si Môn, nầy quỷ Sa Tan đã đòi sàng sảy người như lúa mì.

“Song ta đã cầu nguyện cho người, hầu cho đức tin người không thiếu thốn. Vậy, đến khi người đã hồi cải, hãy làm cho vững chí anh em mình.

“Phi E Rơ thưa rằng: Thưa Chúa, tôi sẵn lòng đi theo Chúa, đồng tù đồng chết.

“Đức Chúa Giê Su đáp rằng: Hỡi Phi E Rơ, ta nói cùng người, hôm nay khi gà chưa gáy, người sẽ ba lần chối không biết ta. . . .

“Một con đòi kia thấy Phi E Rơ ngồi gần lửa, thì ngó chăm chỉ, mà nói rằng: Người nầy vốn cũng ở với người ấy.

“Song Phi E Rơ chối Đức Chúa Giê Su, nói rằng: Hỡi đàn bà kia, ta không biết người đó.

“Một lát, có người khác thấy Phi E Rơ, nói rằng: Người cũng thuộc về bọn đó! Phi E Rơ đáp rằng: Hỡi người, ta không phải thuộc về bọn đó đâu.

“Độ cách một giờ, có kẻ khác đề quyết như vậy mà rằng: Thật người nầy cũng ở với Chúa Giê Su, vì người là dân Ga Li Lê.

“Nhưng Phi E Rơ cãi rằng: Hỡi người, ta không biết người nói chi! Đang lúc Phi E Rơ còn nói, thì gà liền gáy;

“Chúa xây mặt lại ngó Phi E Rơ. Phi E Rơ nhớ lại lời Chúa đã phán cùng mình rằng: Hôm nay trước khi gà chưa gáy, người sẽ chối ta ba lần;

“Rồi đi ra ngoài, khóc lóc thảm thiết.” (Lu Ca 22:31-34, 56-62).

Lòng tôi đau đớn biết bao về điều đã xảy ra cho Phi E Rơ vào dịp đó.

Câu thánh thư này từ sách Giáo Lý và Giao Ước đã ban phước cho tôi rất dồi dào: “Chớ tìm cách rao truyền lời của ta, mà trước hết hãy tìm kiếm để thu nhận lời của ta, và rồi lưỡi người sẽ được thông thả; rồi nếu người ước

muốn, người sẽ có được Thánh Linh của ta và lời của, phải, quyền năng của Thượng Đế để thuyết phục loài người” (GLGU 11:21).

Theo ý kiến tôi, Sách Mặc Môn giảng dạy lẽ thật một cách rõ ràng và với quyền năng độc đáo. Ví dụ:

“Và giờ đây, tôi mong rằng đồng bào hãy khiêm nhường, biết phục tùng và hiền lành; dễ dạy; lòng đầy kiên nhẫn và nhịn nhục; ôn hòa trong mọi việc; chuyên tâm tuân giữ những lệnh truyền của Thượng Đế bất cứ lúc nào; chuyên tâm bất cứ những gì mình cần, về vật chất lẫn tinh thần; luôn luôn biết dâng lời tạ ơn Thượng Đế về bất cứ những gì mình nhận được.

“Và hãy lưu ý rằng mình có đức tin, hy vọng, và lòng bác ái, và rồi đồng bào sẽ luôn luôn làm nhiều việc tốt lành.” (An Ma 7:23–24).

Và một câu khác nữa:

“Và lòng bác ái có thể nhịn nhục lâu dài, và là nhân từ, không gan tỵ, không cao ngạo, không tìm lợi lộc cho cá nhân mình, không dễ khiêu khích, không nghĩ đến điều xấu xa, và không vui trong sự bất chính, mà chỉ vui trong lẽ thật, chịu đựng mọi sự, tin tưởng mọi sự, hy vọng mọi sự và nhẫn nại mọi sự.

“Vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, nếu không có lòng bác ái, thì các người chẳng ra gì cả, vì lòng bác ái không bao giờ hư mất. Vậy nên, hãy gắn bó với lòng bác ái, nó là một điều vĩ đại nhất trong mọi điều, vì tất cả mọi điều sẽ tàn lụi—

“Nhưng lòng bác ái là tình thương yêu thanh khiết của Đấng Ky Tô, và nó bền bỉ mãi mãi; và vào ngày sau cùng ai được tìm thấy rằng có được nó thì sẽ được mọi điều tốt lành.

“Vậy nên, hỡi các đồng bào yêu mến của tôi, các người hãy cầu nguyện lên Đức Chúa Cha với tất cả mãnh lực của lòng mình, để các người được tràn đầy tình thương này, là tình thương mà Ngài đã ban cho tất cả những tín đồ chân chính của Vị Nam Tử của Ngài, tức là Chúa Giê Su Ky Tô; ngõ hầu các người có thể trở thành con cái của Thượng Đế; để khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ được giống như Ngài, vì chúng ta sẽ trông thấy Ngài như Ngài vốn thật là vậy; để chúng ta



có hy vọng ấy; ngõ hầu chúng ta được thanh khiết giống như Ngài thanh khiết vậy.” (Mô Rô Ni 7:45–48).

Jeanene, người vợ yêu quý của tôi, yêu thích Sách Mặc Môn. Khi còn trẻ, ở tuổi niên thiếu, sách này đã trở thành nền tảng của cuộc sống bà. Sách này là nguồn chứng ngôn và giảng dạy trong thời gian bà phục vụ truyền giáo toàn thời gian ở miền tây bắc Hoa kỳ. Khi chúng tôi phục vụ truyền giáo ở Cordoba, Argentina, bà đã hết lòng khuyến khích việc sử dụng Sách Mặc Môn trong các nỗ lực giảng đạo của chúng tôi. Từ lúc còn thơ ấu, Jeanene đã khẳng định rằng những ai thường xuyên đọc Sách Mặc Môn đều được ban phước với nhiều Thánh Linh của Chúa hơn, một quyết tâm lớn hơn để tuân theo các lệnh truyền của Ngài, và một chứng ngôn vững mạnh hơn về thiên tính của Vị Nam Tử của Thượng Đế.¹ Mỗi năm, trong nhiều năm như vậy, tôi không biết là trong bao nhiêu năm, trong khi gần đến cuối năm, tôi thường thấy bà ngồi lặng lẽ, đọc hết quyển Sách Mặc Môn thêm một lần nữa trước khi năm đó chấm dứt.

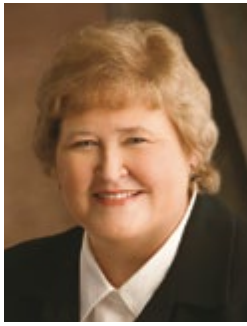
Vào năm 1991, tôi muốn tặng một món quà Giáng Sinh đặc biệt cho gia đình của mình. Tôi đã ghi lại trong nhật ký của mình cách tôi thực hiện ước muốn đó: “Bây giờ là 12 giờ 38 phút trưa, thứ Tư ngày 18 tháng Mười

Hai năm 1991. Tôi mới vừa thu thanh xong quyển Sách Mặc Môn cho gia đình tôi. Đây là một kinh nghiệm đã làm gia tăng chứng ngôn của tôi về công việc thiêng liêng này và cũng có ước muốn để được quen thuộc hơn với những trang sách đó, để học được từ những thánh thư này các lẽ thật được sử dụng trong việc phục vụ Chúa. Tôi yêu thích quyển sách này. Tôi hết lòng làm chứng rằng sách này là chân chính, sách này đã được chuẩn bị vì phước lành của Gia Tộc Y Sơ Ra Ên, và tất cả những người thuộc gia tộc này đang phân tán trên khắp thế gian. Tất cả những người nào chịu nghiên cứu sử điệp của sách này một cách khiêm nhường, trong đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô, thì sẽ biết được lẽ trung thực của sách cũng như sẽ tìm thấy một kho tàng dẫn họ đến hạnh phúc, bình an và thành tựu lớn lao hơn trong cuộc sống này. Tôi làm chứng theo một cách thiêng liêng nhất rằng sách này là chân chính.”

Cầu xin cho mỗi người chúng ta nhận được các phước lành dồi dào do việc học thánh thư. Tôi cầu nguyện rong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Gordon B. Hinckley, “A Testimony Vibrant and True,” *Liahona*, tháng Tám năm 2005, 6.



Bài của Barbara Thompson

Đệ Nhị Cố Vấn trong Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Phụ Nữ

Sự Mặc Khải và Chứng Ngôn Cá Nhân

*Nếu chúng ta chuyên tâm tuân giữ các lệnh truyền và cầu
vấn với đức tin, thì những sự đáp ứng sẽ đến theo cách thức
riêng và kỳ diệu của Chúa.*

Cách đây nhiều năm, khi còn là sinh viên đại học, tôi đã lắng nghe đại hội trung ương trên máy phát thanh vì chúng tôi không có máy truyền hình trong căn hộ nhỏ của mình. Những người nói chuyện trong đại hội đều thật tuyệt vời, và tôi nhận hưởng những cảm giác mạnh mẽ của Đức Thánh Linh.

Tôi nhớ rất rõ khi một Vị Thẩm Quyền Trung Ương nói về Đấng Cứu Rỗi và giáo vụ của Ngài rồi chia sẻ một chứng ngôn nhiệt thành. Đức Thánh Linh làm chứng với tâm hồn tôi rằng vị ấy đã nói sự thật. Vào giây phút đó, tôi đã không hề nghi ngờ rằng Đấng Cứu Rỗi hằng sống. Tôi cũng không hề nghi ngờ rằng mình đang kinh nghiệm sự mặc khải cá nhân mà đã được xác nhận với tôi “rằng Chúa Giê Su Kỵ Tô là Vị Nam Tử của Thượng Đế.”¹

Khi tám tuổi, tôi chịu phép báp têm và được làm lễ xác nhận cùng tiếp nhận ân tứ Đức Thánh Linh. Đó là một phước lành tuyệt vời lúc bấy giờ,

nhưng khi tôi lớn lên điều đó càng ngày càng trở nên quan trọng và tôi cảm nhận được ân tứ Đức Thánh Linh theo nhiều cách kể từ lúc ấy.

Thường thường khi lớn lên từ thời thơ ấu đến tuổi vị thành niên và rồi đến tuổi trưởng thành, chúng ta có những thử thách và kinh nghiệm trong suốt cuộc sống làm cho chúng ta biết rằng mình cần sự giúp đỡ thiêng liêng từ Đức Thánh Linh. Khi khó khăn xảy đến, chúng ta có thể tự hỏi: “Giải đáp cho vấn đề của tôi là gì?” và “Bằng cách nào tôi có thể biết phải làm gì?”

Tôi thường nhớ đến câu chuyện trong Sách Mặc Môn về việc Lê Hi giảng dạy phúc âm cho gia đình ông. Ông đã chia sẻ với họ nhiều điều mặc khải và giảng dạy về những điều sẽ xảy ra trong những ngày sau. Nê Phi đã tìm kiếm sự hướng dẫn của Chúa để hiểu được trọn vẹn hơn những điều giảng dạy của cha ông. Ông được nâng lên, ban phước và cảm ứng để biết rằng những điều giảng dạy của cha ông là chân chính. Điều đó

làm cho Nê Phi có thể tuân theo kỹ các lệnh truyền của Chúa và sống một cuộc sống ngay chính. Ông đã nhận được sự mặc khải cá nhân để hướng dẫn bản thân mình.

Mặt khác, hai người anh của ông tranh luận với nhau vì họ không hiểu được những điều giảng dạy của cha họ. Rồi Nê Phi đưa ra một câu hỏi rất quan trọng: “Vậy các anh đã cầu vấn Chúa chưa?”²

Câu trả lời của họ rất yếu ớt: “Các anh không có cầu vấn, vì Chúa không tiết lộ cho các anh biết những điều như vậy.”³

Nê Phi lấy cơ hội đó để dạy cho hai anh mình cách nhận được sự mặc khải cá nhân. Ông nói: “Các anh không nhớ những điều Chúa đã phán bảo hay sao?—Nếu người không chai đá trong lòng, và biết cầu vấn ta với đức tin, và tin tưởng rằng người sẽ nhận được, cũng như biết chuyên tâm tuân giữ các lệnh truyền của ta, thì chắc chắn những điều này sẽ được tiết lộ cho người biết.”⁴

Cách thức để nhận được sự mặc khải cá nhân thì thật sự là khá rõ ràng. Chúng ta cần có ước muốn để nhận được sự mặc khải, chúng ta không nên chai đá trong lòng, và rồi cần phải cầu vấn với đức tin, thật sự tin rằng mình sẽ nhận được sự đáp ứng, và rồi chuyên tâm tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế.

Việc tuân theo mẫu mực này không có nghĩa rằng mỗi lần chúng ta cầu vấn Thượng Đế, thì câu trả lời sẽ lập tức đến với mọi chi tiết về điều phải làm. Tuy nhiên, điều này quả thật có nghĩa rằng nếu chúng ta chuyên tâm tuân giữ các lệnh truyền và cầu vấn với đức tin, thì những sự đáp ứng sẽ đến theo cách thức riêng và kỳ diệu của Chúa.

Khi còn bé, tôi đã nghĩ rằng sự mặc khải cá nhân hoặc sự đáp ứng cho những lời cầu nguyện sẽ đến bằng một tiếng nói có thể nghe được. Quả thật, một điều mặc khải nào đó có đến bằng cách nghe được một tiếng nói thật sự. Tuy nhiên, tôi đã học biết được rằng Thánh Linh nói trong nhiều cách thức.

Sách Giáo Lý và Giao Ước, tiết 6, giải thích một số cách thức chúng ta có thể nhận được sự mặc khải:

“Người đã cầu vắn ta, và này, đã bao lần người cầu vắn, người đều nhận được sự chỉ dẫn từ Thánh Linh của ta.”⁵

“Ta đã soi sáng tâm trí người.”⁶

“Ta chẳng đã phán bình an cho tâm trí người về vấn đề này rồi hay sao?”⁷

Chúng ta cũng học thêm trong các câu thánh thư khác về việc nhận được sự mặc khải:

“Ta sẽ nói trong trí của người và trong tâm của người bởi Đức Thánh Linh, là Đấng sẽ đến với người và sẽ ngự trong tâm người. Giờ đây, này, đây là tinh thần mặc khải.”⁸

“Ta sẽ làm cho tâm can người hừng hực trong người, như vậy người sẽ cảm thấy rằng điều đó là đúng.”⁹

“Ta sẽ truyền cho người Thánh Linh của ta, là Đấng sẽ soi sáng tâm trí người, là Đấng sẽ làm cho tâm hồn người tràn đầy niềm vui.”¹⁰

Sự mặc khải cá nhân thường sẽ đến khi chúng ta học tập thánh thư, lắng nghe và tuân theo lời khuyên dạy của các vị tiên tri cũng như các vị lãnh đạo khác trong Giáo Hội, cùng tìm cách sống một cuộc sống trung tín, ngay chính. Đôi khi, sự soi dẫn sẽ đến chỉ từ một câu thánh thư hoặc một dòng chữ từ một bài nói chuyện trong đại hội. Có lẽ sự đáp ứng của các anh chị em sẽ đến khi các em Hội Thiếu Nhi hát một bài ca tuyệt vời. Đây là tất cả những hình thức của sự mặc khải.

Trong những thời kỳ ban đầu của Sự Phục Hồi, nhiều tín hữu chuyên tâm tìm kiếm sự mặc khải cũng như được ban phước và soi dẫn để biết phải làm gì.

Chị Eliza R. Snow được tiên tri Brigham Young giao cho nhiệm vụ phải giúp nâng đỡ và giảng dạy các chị em phụ nữ trong Giáo Hội. Chị “đã dạy rằng mỗi phụ nữ đều có thể được cảm ứng để hướng dẫn mình trong cuộc sống cá nhân, gia đình, và các trách nhiệm trong Giáo Hội. Chị nói: ‘Hãy bảo các chị em phụ nữ làm tròn bổn phận của họ, trong sự khiêm nhường và trung tín, thì Thánh Linh của Thượng Đế sẽ ngự trên họ và họ sẽ được ban phước trong công việc của mình. Hãy để cho họ tìm kiếm điều khôn ngoan thay vì quyền năng, và họ sẽ có tất cả quyền năng để có



điều khôn ngoan mà sử dụng.”¹¹

Chị Snow dạy các chị em phụ nữ phải tìm kiếm sự hướng dẫn từ Đức Thánh Linh. “Chị nói rằng Đức Thánh Linh ‘thỏa mãn và đáp ứng mọi khát khao của tâm lòng con người, và lấp đầy mọi khoảng trống. Khi tôi được tràn đầy Thánh Linh đó . . . thì tâm hồn tôi được mãn nguyện.”¹²

Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf dạy rằng “sự mặc khải và chứng ngôn không phải lúc nào cũng đến với một sức mạnh áp đảo. Đối với nhiều người, một chứng ngôn đến từ từ—mỗi lần một chút.” Rồi ông nói thêm: “Chúng ta hãy sốt sắng tìm kiếm ánh sáng của sự soi dẫn cá nhân. Chúng ta hãy khẩn nài Chúa ban cho tâm trí mình bước khởi đầu của đức tin là điều sẽ làm cho chúng ta có thể tiếp nhận được và nhận ra sự phục sự thiêng liêng của Đức Thánh Linh.”¹³

Chứng ngôn của chúng ta củng cố và thêm sức cho chúng ta khi đối phó với những thử thách trong cuộc sống hằng ngày của mình. Một số người chống chọi với các vấn đề sức khỏe gay go; một số người khác trải qua những vấn đề tài chính; những người khác có những thử thách trong hôn nhân hoặc với con cái của mình; một số người chịu cảnh cô đơn hoặc những hy vọng và mơ ước không thành tựu. Chính là chứng ngôn của chúng ta, kết hợp với đức tin nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô và sự hiểu biết về kế

hoạch cứu rỗi, đã giúp cho chúng ta vượt qua được những lúc thử thách và khó khăn này.

Chúng ta đọc trong sách *Daughters in My Kingdom (Các Con Gái trong Vương Quốc của Ta)* về Chị Hedwig Biereichel, một phụ nữ ở Đức đã chịu nhiều buồn phiền và thiếu thốn trong Đệ Nhị Thế Chiến. Nhờ vào tình yêu thương và bản tính bác ái của chị, và ngay cả trong tình cảnh túng thiếu cùng cực của mình, chị cũng sẵn lòng chia sẻ thức ăn với các tù binh chiến tranh đang đói khát. Về sau, khi được hỏi làm thế nào chị đã có thể “giữ vững một chứng ngôn trong suốt những nỗi gian nan [đó],” chị đáp: “Thật ra, tôi không giữ vững chứng ngôn trong những thời kỳ đó—mà chứng ngôn đã giữ vững tôi.”¹⁴

Vì chúng ta có được một chứng ngôn mạnh mẽ, thì không có nghĩa là chứng ngôn đó sẽ vẫn luôn luôn như vậy. Chúng ta cần phải nuôi dưỡng và củng cố chứng ngôn đó để nó sẽ có đủ quyền năng giữ vững chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta “thường nhóm họp”—để có thể dự phần Tiệc Thánh, tái lập các giao ước của mình, và được “nuôi dưỡng bằng lời nói tốt lành của Thượng Đế.” Chính là lời nói tốt lành của Thượng Đế đã giữ chúng ta “luôn luôn chú tâm cầu nguyện, và chỉ trông cậy vào công nghiệp của Đấng Kỵ Tô, là Đấng tạo nên và hoàn tất đức tin của [chúng ta].”¹⁵

Anh Cả David A. Bednar đã dạy chúng ta: “Khi các anh chị em tìm kiếm và áp dụng tinh thần mặc khải một cách thích hợp, thì tôi hứa rằng các anh chị em sẽ ‘bước đi trong sự sáng của Chúa’ (Ê Sai 2:5; 2 Nê Phi 12:5). Đôi khi tinh thần mặc khải sẽ hoạt động ngay lập tức và thật mạnh mẽ, những lần khác thì tinh tế và dần dần hơn, và thường tinh vi đến nỗi các anh chị em không thể ý thức để nhận ra được. Nhưng dù phước lành này được tiếp nhận theo mẫu mực nào đi nữa, thì ánh sáng tỏa ra từ mẫu mực này sẽ chiếu rọi và mở rộng tâm hồn của các anh chị em, soi sáng sự hiểu biết của các anh chị em (xin xem An Ma 5:7; An Ma 32:28), và hướng dẫn cùng bảo vệ các anh chị em và gia đình mình.”¹⁶

Chúa muốn ban phước cho chúng ta với sự hướng dẫn, khôn ngoan, và chỉ dẫn trong cuộc sống của chúng ta. Ngài muốn trút Thánh Linh của Ngài lên chúng ta. Một lần nữa, để có được sự mặc khải cá nhân thì chúng ta cần phải mong muốn nhận được sự mặc khải, chúng ta đừng nên chai đá trong lòng, và rồi cần phải cầu vấn với đức tin, thật sự tin tưởng rằng mình sẽ được đáp ứng, và rồi chuyên tâm tuân giữ các giáo lệnh của Thượng Đế. Rồi khi chúng ta tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi của mình, Ngài sẽ ban phước cho chúng ta với Thánh Linh của Ngài. Tôi làm chứng về điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Giáo Lý và Giao Ước 46:13.
2. 1 Nê Phi 15:8.
3. 1 Nê Phi 15:9.
4. 1 Nê Phi 15:11; xin xem thêm câu 10.
5. Giáo Lý và Giao Ước 6:14.
6. Giáo Lý và Giao Ước 6:15.
7. Giáo Lý và Giao Ước 6:23.
8. Giáo Lý và Giao Ước 8:2-3.
9. Giáo Lý và Giao Ước 9:8.
10. Giáo Lý và Giao Ước 11:13.
11. *Daughters in My Kingdom: The History and Work of Relief Society* (2011), 45.
12. *Daughters in My Kingdom*, 46.
13. Dieter F. Uchtdorf, “Tiềm Năng của Các Anh Em, Đặc Ân của Các Anh Em,” *Liahona*, tháng Năm năm 2011, 60.
14. Xin xem *Daughters in My Kingdom*, 79.
15. Mô Rô Ni 6:4-6.
16. David A. Bednar, “Tinh Thần Mặc Khải,” *Liahona*, tháng Năm năm 2011, 90.



Bài của Anh Cả L. Whitney Clayton

Thuộc Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi

Sẽ Đến Lúc

Với các anh chị em, tôi cảm thấy kính sợ trước công việc đang tiến hành một cách mẫu nhiệm, kỳ diệu và không thể ngăn chặn được này.

Tôi đã phục vụ với tư cách là một người truyền giáo trẻ tuổi trong vài tháng ở các khu vực trung tâm của Lima, Peru. Do đó, nhiều lần tôi đi ngang qua quảng trường Plaza de Armas ở Lima. Dinh Chính Phủ tức là nơi cư ngụ và văn phòng chính thức của tổng thống Peru, đối diện với quảng trường đó. Những người bạn đồng hành của tôi và tôi mời nhiều người ở quảng trường đó nghe về phúc âm phục hồi. Lúc đó, tôi thường tự hỏi nếu tôi được đi thăm dinh thự đó thì sẽ như thế nào, nhưng ý nghĩ được làm điều đó dường như là hoang tưởng.

Năm ngoái, Anh Cả D. Todd Christofferson thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai, một vài người khác, và tôi đã họp với Alan García, tổng thống Peru lúc bấy giờ, trong Dinh Chính Phủ. Chúng tôi được đưa đi xem những căn phòng đẹp đẽ của tòa nhà đó và đã được Tổng Thống García thân mật tiếp đón. Những thắc mắc của tôi lúc còn là người truyền giáo trẻ tuổi về dinh thự đó đã được giải đáp theo một cách mà tôi không bao giờ mơ ước là có thể thực hiện được vào năm 1970.

Nhiều điều đã thay đổi ở Peru kể từ khi tôi là người truyền giáo, nhất là đối với Giáo Hội. Có khoảng 11.000 tín

hữu của Giáo Hội ở đó lúc bấy giờ và chỉ có một giáo khu. Ngày nay, có hơn 500.000 tín hữu và gần 100 giáo khu. Trong các thị trấn nơi khi xưa chỉ có các nhóm ít tín hữu nhóm họp trong những căn nhà thuê, thì bây giờ các giáo khu hoạt động mạnh mẽ và các nhà hội đẹp đẽ tô điểm cho xứ sở đó. Điều đó cũng đã xảy ra trong nhiều quốc gia khác trên khắp thế giới.

Hiện tượng phát triển đáng kể này của Giáo Hội đáng để có được lời giải thích. Chúng ta sẽ bắt đầu với một lời tiên tri từ Kinh Cựu Ước.

Đa Ni Ên là một người nô lệ Hê Bơ Rơ ở Ba Bi Lôn. Ông nhận được cơ hội để thông giải một giấc mơ mà Vua Nê Bu Cát Nết Sa đã trải qua. Đa Ni Ên cầu xin Thượng Đế mặc khải cho ông biết về giấc mơ và cách thông giải nó, và lời cầu nguyện của ông đã được đáp ứng. Ông nói với Nê Bu Cát Nết Sa: “Có một Đức Chúa Trời ở trên trời tỏ ra những điều kín nhiệm; và đã cho vua Nê Bu Cát Nết Sa biết điều sẽ tới trong những ngày sau rốt. . . . Vậy, chiêm bao của vua và các sự hiện thấy của đầu vua đã thấy trên giường mình là như vậy.” Đa Ni Ên nói rằng nhà vua đã thấy một pho tượng đáng sợ với đầu, thân mình, cánh tay, chân và bàn chân. Một hòn đá chẳng phải bằng tay đục ra từ núi và lăn cho đến

khi dần dần phát triển kích thước của nó. Hòn đá va vào pho tượng, làm nó tan nát ra từng mảnh, “nhưng hòn đá đập vào pho tượng thì hóa ra một hòn núi lớn và đầy khắp đất.”

Đa Ni Ên giải thích rằng pho tượng này tượng trưng cho các vương quốc chính trị tương lai và rằng “trong đời các vua [tương lai] này, Chúa trên trời sẽ dựng nên một nước không bao giờ bị hủy diệt, . . . song nó sẽ đánh tan và hủy diệt hết các nước trước kia. “Mà mình thì đứng đời đời.”¹

Giờ đây, chúng ta nói đến một câu thánh thư trong thời gần đây hơn. Thiên sứ Mô Rô Ni hiện ra lần đầu tiên cùng Joseph Smith vào năm 1823 và nói với ông “rằng Thượng Đế có một công việc giao cho [ông] thực hiện; và rằng tên [ông] sẽ được mọi quốc gia, sắc tộc, và sắc ngữ nhắc nhở tới như điều thiện và điều ác.”² Sự điệp của Mô Rô Ni chắc hẳn phải làm kinh ngạc Joseph, lúc ấy ông chỉ mới 17 tuổi.

Vào năm 1831, Chúa phán bảo Joseph rằng các chìa khóa của vương quốc của Thượng Đế một lần nữa đã được “được giao phó cho loài người trên trái đất.” Ngài phán rằng “phúc âm sẽ trải ra tới các nơi tận cùng của trái đất, chẳng khác chi hòn đá bị đុះ ra từ núi mà không có bàn tay giữ lại . . . , cho đến khi nào nó lăn cùng khắp thế gian,”³ cũng giống như Đa Ni Ên đã nói với Nê Bu Cát Nết Sa.

Vào năm 1898, Chủ Tịch Wilford Woodruff kể lại một kinh nghiệm của ông khi còn là một tín hữu mới vào năm 1834 tại buổi họp chức tư tế ở Kirtland. Ông thuật lại: “Vị Tiên Tri kêu gọi tất cả những người nắm giữ Chức Tư Tế phải quy tụ lại trong một ngôi trường nhỏ bằng gỗ mà họ có ở đó. Đó là một ngôi nhà nhỏ, có lẽ rộng khoảng 14 phút [4 mét 3] vuông. . . . Khi chúng tôi nhóm lại, Vị Tiên Tri kêu gọi Các Anh Cả của Y Sơ Ra Ên . . . chia sẻ chứng ngôn về công việc này. . . . Khi họ đã làm xong, Vị Tiên Tri nói: “Thưa các anh em, tôi đã được gây dựng và chỉ dạy rất nhiều trong chứng ngôn của các anh em ở nơi đây buổi tối hôm nay, nhưng tôi muốn nói với các anh em trước mặt Chúa rằng sự hiểu biết của các anh em về vận



mệnh của Giáo Hội và vương quốc này không hơn gì sự hiểu biết của một đứa bé đang ngồi trong lòng mẹ vậy. Các anh em không thấu hiểu điều đó. . . . Các anh em thấy chỉ có một số ít các anh em Chức Tư Tế ở nơi đây buổi tối hôm nay, nhưng Giáo Hội này sẽ lan tràn đến miền Bắc và Miền Nam Châu Mỹ—Giáo Hội này sẽ lan tràn khắp thế giới.”⁴

Những lời tiên tri này là:

- vương quốc của Thượng Đế giống như một hòn đá không do bàn tay đុះ ra từ một ngọn núi sẽ lan tràn khắp thế gian;
- tên của Joseph Smith sẽ được biết đến trên khắp thế giới; và
- Giáo Hội sẽ lan tràn khắp Châu Mỹ và khắp thế giới

Montevideo, Uruguay



có thể dường như rất vô lý cách đây 170 năm. Một nhóm nhỏ những người tin chỉ làm đủ tiền để sống ở biên giới nước Mỹ và thường di chuyển để trốn thoát cảnh ngược đãi, thì không trông giống như là nền tảng của một tín ngưỡng mà sẽ vượt qua biên giới quốc tế và thâm nhập vào tâm hồn của những người đàn ông và phụ nữ ở khắp mọi nơi.

Nhưng điều đó lại xảy ra như thế. Tôi xin đưa ra một ví dụ.

Vào ngày Giáng Sinh năm 1925, ở Buenos Aires, Anh Cả Melvin J. Ballard làm lễ cung hiến toàn thể lục địa Nam Mỹ cho việc thuyết giảng phúc âm. Đến tháng Tám năm 1926, một ít người cải đạo đã chịu phép báp têm. Họ là các tín hữu đầu tiên của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô chịu phép báp têm ở khắp Nam Mỹ. Việc đó xảy ra cách đây 85 năm, trong vòng khoảng thời gian sống của nhiều người đang lắng nghe đại hội ngày hôm nay.

Có 23 giáo khu của Si Ôn ở Buenos Aires ngày nay, với vài chục giáo khu và hàng trăm ngàn tín hữu Giáo Hội trong các thành phố và thị trấn trên khắp Argentina. Giờ đây có hơn 600 giáo khu và vài triệu tín hữu Giáo Hội trên khắp Nam Mỹ, Trong khi chúng ta quan sát, thì vương quốc của Thượng Đế đang lan tràn lục địa, và tên của Joseph Smith đang được chúng ta lẫn những người gièm pha

ông công bố trong những quốc gia mà có thể ông còn chưa bao giờ nghe nói tới trong cuộc đời của ông.

Ngày nay, có gần 3.000 giáo khu trong Giáo Hội trên toàn cầu, từ Boston đến Bangkok và từ Mexico City đến Moscow. Chúng ta đang sắp có 29.000 tiểu giáo khu và chi nhánh. Trong nhiều quốc gia, Giáo Hội có các giáo khu lâu đời, với các tín hữu có các ông bà cố của mình là người cải đạo. Ở những nơi khác, có những nhóm nhỏ các tín hữu nhóm họp với tính cách là các chi nhánh nhỏ của Giáo Hội trong những ngôi nhà thuê. Mỗi năm Giáo Hội lan rộng khắp địa cầu.

Những lời tiên tri này về việc Giáo Hội lan tràn và được biết đến khắp nơi trên thế giới: vậy có phi lý không? Có lẽ. Chắc không? Không còn nghi ngờ gì nữa. Không thể xảy ra được? Chắc chắn là không. Điều đó đang xảy ra trước mắt chúng ta.

Chủ Tịch Gordon B. Hinckley nhận xét:

“Có lần có người nói rằng mặt trời không bao giờ lặn ở Đế Quốc Anh. Đế quốc đó hiện giờ đang nhỏ dần. Nhưng sự thật là mặt trời không bao giờ lặn đối với công việc này của Chúa khi nó ban phước cho cuộc sống của những người dân ở khắp nơi trên thế gian.

“Và đây chỉ mới là sự khởi đầu. Chúng ta chỉ vừa mới làm qua loa thôi. . . Công việc của chúng ta không có biên giới. . . Các quốc gia đó giờ đây đang đóng cửa đối với chúng ta, một ngày nào đó, sẽ mở ra.”⁵

Ngày nay, chúng ta có thể thấy rằng sự ứng nghiệm của lời tiên tri trong Sách Mặc Môn đã gần kề:

“Và . . . chuyện rằng, các vua sẽ ngậm miệng; vì họ sẽ được thấy những điều chưa ai nói cho họ hay; và họ sẽ suy ngẫm những điều họ chưa từng được nghe.

“Vì đến ngày ấy, vì ta Đức Chúa Cha sẽ làm một công việc; một công việc vĩ đại và kỳ diệu ở giữa họ.”⁶

Công việc này của Chúa quả thật vĩ đại và kỳ diệu, nhưng nó tiến bước mà không hề được để ý đến bởi gần như tất cả những người lãnh đạo



Salvador, Brazil

chính trị, văn hóa, và học thuật của tất cả nhân loại. Nó chiếm được mỗi lần một tấm lòng và một gia đình, một cách lặng lẽ và âm thầm, sứ điệp thiêng liêng và mục đích của nó là nhằm ban phước cho những người dân ở khắp mọi nơi.

Một câu thánh thư trong Sách Mặc Môn mang lại bí quyết cho sự phát triển kỳ diệu của Giáo Hội ngày nay: “Và ngoài ra, ta nói cho người hay rằng, sẽ đến lúc sự hiểu biết về Đấng Cứu Rỗi sẽ lan tràn đến mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc.”⁷

Sứ điệp quan trọng nhất của chúng ta, sứ điệp mà chúng ta được Chúa cho phép lan truyền lệnh phải mang đi khắp nơi trên thế gian, là có một Đấng Cứu Rỗi. Ngài đã sống trong thời trung thế. Ngài đã chuộc tội lỗi chúng ta, bị đóng đinh, và đã phục sinh. Sứ điệp độc nhất vô nhị đó mà chúng ta rao giảng với thẩm quyền từ Thượng Đế là lý do thật sự Giáo Hội này phát triển như vậy.

Tôi làm chứng rằng Ngài với Cha Ngài hiện đến cùng Joseph Smith. Dưới sự hướng dẫn của Đức Chúa Cha, Ngài đã thiết lập phúc âm của Ngài một lần nữa trên thế gian. Ngài đã gửi các sứ đồ, các vị tiên tri và các chìa khóa chức tư tế đến thế gian một lần nữa. Ngài hướng dẫn Giáo Hội của Ngài qua một vị tiên tri tại thế, Chủ Tịch Thomas S. Monson. Công

việc của Ngài là hòn đá đó không do bàn tay đục ra từ núi mà lăn đi khắp địa cầu.

Chúng ta biết ơn Joseph Smith, và chúng ta quan sát với lòng kinh ngạc trong khi tên của ông được biết đến, tôn kính, và vâng, còn cả bị chửi rủa trên khắp thế gian. Nhưng chúng ta nhận biết trọn vẹn rằng công việc vĩ đại ngày sau này không phải là về ông. Đây là công việc của Thượng Đế Toàn Năng và Vị Nam Tử của Ngài, Hoàng Tử Bình An. Tôi làm chứng rằng Chúa Giê Su Ky Tô là Đấng Cứu Rỗi, và với các anh chị em, tôi cảm thấy kính sợ trước công việc đang tiến hành một cách mầu nhiệm, kỳ diệu và không thể ngăn chặn được này. Quả thật, “[đã] đến lúc sự hiểu biết . . . lan tràn đến mọi quốc gia, sắc tộc, sắc ngữ, và dân tộc.” Tôi làm chứng về Ngài, Đấng Cứu Rỗi của toàn thể nhân loại, và về công việc này trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Đa Ni Ên 2:28, 35, 44; xin xem thêm các câu 1–45.
2. Joseph Smith—History 1:33.
3. Giáo Lý và Giao Ước 65:2.
4. *Teachings of Presidents of the Church: Wilford Woodruff* (2004), 25–26.
5. Gordon B. Hinckley, “Tình Trạng của Giáo Hội,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2003, 7.
6. 3 Nê Phi 21:8–9.
7. Mô Si A 3:20.



Bài của Anh Cả José L. Alonso
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Làm Điều Đúng vào Đúng Lúc, mà Không Trì Hoãn

Đấng Cứu Rỗi . . . đã ban cho chúng ta một tấm gương cao quý về việc không chờ đợi khi cứu giúp những người đã mất đi cảm giác hạnh phúc và niềm vui.

Vào thời nay, có nhiều người đang sống trong cảnh buồn thảm và đầy hoang mang. Những người này không tìm được lời giải đáp cho những thắc mắc và không thể đáp ứng nhu cầu của họ. Một số người đã mất đi cảm giác hạnh phúc và niềm vui. Các vị tiên tri đã nói rằng hạnh phúc đích thực được tìm thấy trong việc noi theo tấm gương và những điều giảng dạy của Đấng Kỳ Tô. Ngài là Đấng Cứu Rỗi, Đức Thầy của chúng ta, và Ngài là tấm gương hoàn hảo.

Cuộc sống của Ngài là một cuộc sống phục vụ. Khi chúng ta phục vụ người lân cận của mình tức là đang giúp đỡ những người hoạn nạn. Trong tiến trình này, chúng ta có thể tìm ra giải pháp cho các vấn đề khó khăn của mình. Khi noi theo gương của Đấng Cứu Rỗi, chúng ta cho thấy tình yêu mến đối với Cha Thiên Thượng và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, và trở nên giống như hai Ngài hơn.

Vua Bên Gia Min đã nói về giá trị của sự phục vụ rằng khi chúng ta “phục vụ đồng bào mình, thì tức là mình phục vụ Thượng Đế của mình vậy.”¹ Mọi người đều có cơ hội để phục vụ và cho thấy tình yêu thương.

Chủ Tịch Thomas S. Monson đã yêu cầu chúng ta hãy “đến cứu giúp” và phục vụ những người khác. Ông nói: “Chúng ta sẽ thấy rằng những người mình phục vụ, những người đã cảm nhận được ảnh hưởng của Đức Thầy qua việc làm của chúng ta, sẽ không biết làm sao có thể giải thích được sự thay đổi đang xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ có một ước muốn để phục vụ trung tín, để sống khiêm nhường, và để sống giống như Đấng Cứu Rỗi. Khi đã nhận được sự hiểu biết thuộc linh và thấy được những lời hứa về cuộc sống vĩnh cửu, họ lặp lại lời của người đàn ông mù đã được Chúa Giê Su chữa cho thấy lại, như sau: ‘Chỉ biết một điều, là tôi đã mù mà bây giờ lại sáng.’”²

Mỗi ngày chúng ta đều có cơ hội

để giúp đỡ và phục vụ—làm điều đúng vào đúng lúc, không trì hoãn. Hãy nghĩ tới nhiều người đang gặp khó khăn trong việc có được một công ăn việc làm hoặc đang đau ốm, cảm thấy cô đơn, và còn nghĩ rằng họ đã mất tất cả. Các anh chị em có thể làm gì để giúp họ? Hãy tưởng tượng rằng có một người lảng giềng gọi các anh chị em để xin phụ giúp vì chiếc xe bị hư ở giữa cơn mưa. Điều gì là đúng để làm cho người ấy? Lúc nào là đúng lúc để làm?

Tôi nhớ lại một dịp nọ khi gia đình chúng tôi cùng đến trung tâm thành phố Mexico City để mua quần áo cho hai đứa con. Chúng còn rất nhỏ. Đứa con trai đầu lòng mới vừa hai tuổi, còn đứa con trai thứ hai thì mới một tuổi. Đường phố đông đúc người. Trong khi đang mua sắm, tay dắt con cái đi, chúng tôi ngừng lại vài phút để nhìn một thứ gì đó, và không hề nhận biết mình đã lạc mất đứa con trai đầu lòng! Chúng tôi không biết chuyện đó xảy ra như thế nào, nhưng con trai chúng tôi không còn ở bên mình nữa. Không một phút chậm trễ, chúng tôi chạy đi tìm nó. Chúng tôi tìm kiếm và kêu tên nó, cảm thấy đau khổ vô ngần, vì nghĩ rằng mình có thể mất nó vĩnh viễn. Trong tâm trí, chúng tôi khẩn nài Cha Thiên Thượng giúp tìm ra đứa con trai của mình.

Một lát sau, chúng tôi tìm thấy nó. Nó đứng đó, ngây thơ nhìn qua cửa kính tiệm đồ chơi. Vợ chồng tôi ôm hôn nó, và cam kết sẽ trông nom con cái mình cẩn thận để không để lạc con một lần nữa. Chúng tôi biết được rằng để đi tìm lại con trai của mình, chúng tôi không cần phải hoạch định những buổi họp. Chúng tôi chỉ cần hành động, đi ra tìm kiếm đứa con bị thất lạc. Chúng tôi cũng biết rằng con trai của chúng tôi không hề biết là nó đã bị lạc.

Thưa các anh chị em, vì một lý do nào đó, có thể có nhiều người đã lạc mất khỏi tầm mắt của chúng ta mà không biết là họ đã bị lạc. Nếu trì hoãn, chúng ta có thể mất họ vĩnh viễn.

Đối với nhiều người cần chúng ta giúp đỡ, thì không cần phải lập ra



những chương trình mới hoặc hành động một cách phức tạp và tốn kém. Họ chỉ cần quyết tâm của chúng ta để phục vụ mà thôi—làm điều đúng vào đúng lúc, mà không trì hoãn.

Khi Đấng Cứu Rỗi hiện đến cùng những người dân trong Sách Mặc Môn, Ngài đã ban cho chúng ta một tấm gương cao quý về việc không chờ đợi khi cứu giúp những người đã mất đi cảm giác hạnh phúc và niềm vui. Khi giảng dạy cho dân chúng, Ngài đã thấy rằng họ không thể hiểu tất cả những lời của Ngài. Ngài mời họ đi về nhà và suy ngẫm những điều mà Ngài đã phán cùng họ. Ngài mời họ cầu nguyện lên Đức Chúa Cha và tự chuẩn bị để trở lại vào ngày hôm sau, khi Ngài sẽ trở lại để giảng dạy cho họ.³

Khi kết thúc, Ngài nhìn vào đám đông và thấy rằng họ đang khóc, vì họ mong muốn Ngài ở lại với họ.

“Và Ngài phán cùng họ rằng: Này, lòng ta đầy sự thương hại đối với các người.

“Trong các người có ai đau ốm không? Hãy đem họ lại đây. Trong các người có ai què, đui, câm, điếc, cụt tay chân, bị phong hủi, hay bại xuội, hoặc bị đau đớn vì nguyên do nào khác không? Hãy đem họ lại đây, ta sẽ chữa lành cho họ, vì ta hết sức thương hại các người, lòng ta tràn đầy niềm thương xót.”⁴

Và họ mang người bệnh đến với Ngài, và Ngài chữa lành những người bệnh. Đám đông đều cúi sấp mình dưới chân Ngài mà tôn thờ Ngài và hôn chân Ngài, “khiến chân Ngài ướt đầm như tắm với nước mắt của họ.” Rồi Ngài truyền lệnh cho họ phải mang các trẻ nhỏ đến, và Ngài ban phước cho chúng, từng đứa trẻ một.⁵ Đó là mẫu mực mà Đấng Cứu Rỗi đã ban cho chúng ta. Tình yêu thương của Ngài là dành cho tất cả chúng ta, nhưng Ngài đã không bỏ quên một người nào cả.

Tôi biết rằng Cha Thiên Thượng thật nhân từ, thông cảm và kiên nhẫn. Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, cũng yêu thương chúng ta. Hai Ngài giúp đỡ chúng ta qua các vị tiên tri của hai Ngài. Tôi đã biết được rằng khi tuân theo các vị tiên tri, chúng ta sẽ cảm thấy an toàn chắc chắn. “Cuộc giải cứu” vẫn còn đang tiếp diễn. Chủ Tịch Monson nói: “Chúa kỳ vọng vào suy nghĩ của chúng ta. Ngài kỳ vọng vào hành động của chúng ta. Ngài kỳ vọng vào sự lao nhọc của chúng ta. Ngài kỳ vọng vào chứng ngôn của chúng ta. Ngài kỳ vọng vào lòng tận tụy của chúng ta.”⁶

Chúng ta có trách nhiệm và cơ hội lớn lao. Có nhiều người cần trải qua một lần nữa hương vị tuyệt vời của hạnh phúc và niềm vui qua sinh hoạt tích cực trong Giáo Hội. Hạnh phúc

đó đến từ việc nhận được các giáo lễ, lập và tuân giữ các giao ước thiêng liêng. Chúa cần chúng ta để giúp đỡ. Chúng ta hãy làm điều đúng vào đúng lúc, mà không trì hoãn.

Tôi làm chứng rằng Thượng Đế hằng sống và là Cha của chúng ta. Chúa Giê Su Ky Tô hằng sống và đã phó mạng sống của Ngài để chúng ta có thể trở lại nơi hiện diện của Cha Thiên Thượng. Tôi biết rằng Ngài là Đấng Cứu Rỗi của chúng ta. Tôi biết rằng lòng nhân từ vô biên của hai Ngài đang được biểu hiện liên tục. Tôi làm chứng rằng Chủ Tịch Thomas S. Monson là vị tiên tri của hai Ngài và đây là Giáo Hội chân chính duy nhất trên mặt đất này. Tôi biết rằng Tiên Tri Joseph Smith là vị tiên tri của Sự Phục Hồi. Tôi làm chứng rằng Sách Mặc Môn là lời của Thượng Đế. Sách này hướng dẫn và mang đến cho chúng ta mẫu mực để tuân theo rồi trở nên giống như Thượng Đế và Con Trai Yêu Dấu của Ngài hơn. Tôi nói như vậy trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Mô Si A 2:17.
2. Thomas S. Monson, “Đến Cứu Giúp,” *Liahona*, tháng Bảy năm 2001, 57, 58.
3. Xin xem 3 Nê Phi 17:1–3.
4. 3 Nê Phi 17:6–7; xin xem thêm câu 5.
5. Xin xem 3 Nê Phi 17:9–12, 21.
6. Thomas S. Monson, *Liahona*, tháng Bảy năm 2001, 58.



Bài của Chủ Tịch Boyd K. Packer
 Chủ Tịch Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Lời Khuyên cho Giới Trẻ

Bất chấp cảnh chống đối, thử thách và căm dỗ, các em không cần phải bị thất bại hay sợ hãi.

Tôi ngỏ lời với giới trẻ một cách riêng tư hơn là tôi thường làm, bằng cách so sánh tuổi trẻ của tôi với tuổi trẻ của các em.

Các em vô cùng quý giá. Tôi đã thấy các em trong hàng chục quốc gia và trên mỗi lục địa. Các em tốt hơn là chúng tôi khi chúng tôi còn trẻ. Các em biết nhiều về phúc âm hơn. Các em chín chắn và trung thành hơn.

Tôi giờ đã 87 tuổi. Các em có thể tự hỏi tuổi già của tôi thì có thể giúp gì được cho cuộc sống của các em. Tôi đã từng trải qua điều các em đang trải qua và biết các em sẽ đi đến nơi nào. Nhưng các em chưa đến nơi tôi đang trải qua đâu. Tôi trích dẫn một vài dòng của bài thơ cổ điển:

*Con qua già đang trở nên chậm chạp.
 Con qua trẻ thì không như vậy.
 Điều con qua trẻ không biết
 Thì con qua già biết rất nhiều.*

*Vì biết nhiều, nên con qua già
 Vẫn là thầy của con qua trẻ.
 Có điều gì con qua già chậm chạp
 không biết?
 —Cách đi nhanh hơn.*

*Con qua trẻ bay cao, bay thấp,
 Và bay lòng vòng quanh con qua già
 chậm chạp.
 Có điều gì con qua trẻ nhanh nhẹn
 không biết?
 —Đi nơi nào.¹*

Bài thơ này không do Wordsworth sáng tác, nhưng vẫn là một bài thơ bất hủ!

Với tất cả những điều đang xảy ra trên thế giới, với các tiêu chuẩn đạo đức bị hạ thấp, các em là những người trẻ tuổi đang lớn lên trong lãnh thổ của kẻ thù.

Từ thánh thư, chúng ta biết rằng có một trận chiến trên thiên thượng và rằng Lu Xi Phe phản nghịch, và cùng với những người theo nó, “đã bị quăng xuống đất.”² Nó quyết tâm phá vỡ kế hoạch của Cha Thiên Thượng cùng tìm cách kiểm soát tâm trí và hành động của tất cả mọi người. Đây là ảnh hưởng thuộc linh, và “đang lan tràn khắp nơi.”³

Nhưng bất chấp cảnh chống đối, thử thách và căm dỗ, các em không cần phải bị thất bại hay sợ hãi.

Khi tôi 17 tuổi, sắp tốt nghiệp trung học với điểm học loại trung bình và một số nhược điểm, đó là như tôi

ngồi, hoàn cảnh sống của chúng tôi thay đổi đột ngột vào một sáng Chủ Nhật. Ngày kế tiếp, chúng tôi được gọi đến hội trường của trường trung học. Trên sân khấu có một cái ghế với một cái máy phát thanh nhỏ. Vị hiệu trưởng bật máy phát thanh lên. Rồi chúng tôi nghe tiếng nói của Tổng Thống Franklin Delano Roosevelt khi ông loan báo rằng Trân Châu Cảng đã bị dội bom. Hoa Kỳ đang lâm chiến với Nhật Bản.

Về sau, cảnh đó được lặp lại. Một lần nữa là tiếng nói của Tổng Thống Roosevelt, lần này loan báo rằng quốc gia chúng ta đang lâm chiến với nước Đức. Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ khắp thế giới.

Tương lai của chúng tôi bỗng nhiên trở nên bấp bênh. Chúng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra. Chúng tôi sẽ sống để kết hôn và có gia đình chăng?

Ngày nay, có “chiến tranh và tiếng đồn về chiến tranh, và toàn thể thế gian sẽ ở trong sự xáo động.”⁴ Các em, giới trẻ của chúng tôi, có thể cảm thấy bấp bênh và không an toàn trong cuộc sống của mình. Tôi muốn khuyên nhủ và giảng dạy các em, đưa ra cho các em một lời cảnh báo về một số điều phải làm và một số điều không được làm.

Kế hoạch phúc âm là “kế hoạch hạnh phúc vĩ đại.”⁵ Gia đình là trọng tâm của kế hoạch đó. Gia đình tùy thuộc vào việc sử dụng xứng đáng các khả năng sinh sản trong cơ thể các em.

Trong “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” một tài liệu đầy soi dẫn do Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ công bố, chúng ta biết được rằng trong cuộc sống tiền dương thế “tất cả nhân loại—nam lẫn nữ—[đã] được sáng tạo theo hình ảnh của Thượng Đế. Mỗi người là một đứa con trai hay con gái linh hồn yêu dấu của cha mẹ thiên thượng, và, vì lẽ đó, mỗi người có một thiên tính và một số mệnh thiêng liêng. Phái tính là một đặc điểm cơ bản [và được thiết lập trong cuộc sống tiền dương thế đó]. . . .

“ . . . Chúng tôi tuyên bố thêm rằng Thượng Đế đã truyền lệnh rằng



những khả năng thiêng liêng về sự sinh sản chỉ có thể được sử dụng giữa người nam và người nữ đã cưới hỏi hợp pháp là chồng và vợ mà thôi.”⁶

Hình phạt mà Lu Xi Phe và những người đi theo nó đã gánh chịu là chúng không thể có một thể xác.

Nhiều cám dỗ mà các em gặp chắc chắn là những cám dỗ mạnh mẽ nhất, liên quan đến thể xác của các em. Các em không những có khả năng để tạo ra thể xác cho một thể hệ mới mà các em còn có quyền tự quyết nữa.

Tiên Tri Joseph Smith dạy: “Tất cả những người có thể xác đều có quyền năng đối với những người không có thể xác.”⁷ Vậy nên, mọi người có thể xác sống trên trần thế cuối cùng đều có quyền năng đối với kẻ nghịch thù. Các em chịu cám dỗ vì thể chất của mình, nhưng các em cũng có quyền năng đối với kẻ nghịch thù và các quỷ sứ của nó.

Đến khi chúng tôi tốt nghiệp trung học, nhiều bạn học của chúng tôi đã ra trận, một số người không bao giờ trở lại. Chẳng bao lâu, số người còn lại cũng nhập ngũ. Chúng tôi không biết tương lai của mình ra sao. Chúng tôi sẽ sống qua chiến tranh không? Thể giới của chúng tôi sẽ không thay đổi khi chúng tôi trở lại không?

Vì biết chắc rằng mình sẽ bị gọi nhập ngũ, nên tôi gia nhập không quân. Chẳng bao lâu thì tôi đã ở Santa

Ana, California, để được huấn luyện trước khi bay.

Lúc bấy giờ, tôi không có một chứng ngôn vững mạnh rằng phúc âm là chân chính, nhưng tôi biết rằng các giảng viên lớp giáo lý của mình, là Abel S. Rich và John P. Lillywhite, đều biết phúc âm là chân chính. Tôi đã nghe họ làm chứng và tôi tin họ. Tôi tự nghĩ: “Tôi sẽ dựa vào chứng ngôn của họ cho đến khi tôi nhận được một chứng ngôn riêng của mình.” Và tôi đã làm đúng như vậy.

Tôi đã nghe về các phước lành tộc trưởng nhưng chưa nhận được phước lành đó. Trong mỗi giáo khu, có một vị tộc trưởng là người có tinh thần tiên tri và mặc khải. Vị ấy được phép ban các phước lành riêng tư và cá nhân cho những người có giấy giới thiệu từ giám trợ của họ. Tôi viết cho vị giám trợ của tôi để xin một giấy giới thiệu.

J. Roland Sandstrom là một vị tộc trưởng được sắc phong đang sống ở giáo khu Santa Ana. Ông không biết gì về tôi cả và trước đó chưa bao giờ gặp tôi, nhưng ông đã ban cho tôi một phước lành. Trong phước lành đó, tôi tìm thấy những câu trả lời và hướng dẫn.

Mặc dù các phước lành tộc trưởng đều rất riêng tư, nhưng tôi sẽ chia sẻ một đoạn trích ngắn từ phước lành của tôi: “Anh sẽ được hướng dẫn qua những sự thúc giục của Đức Thánh

Linh và sẽ được báo trước về những điều nguy hiểm. Nếu anh lưu tâm đến những lời cảnh cáo đó, Cha Thiên Thượng sẽ ban phước cho anh để anh có thể một lần nữa đoàn tụ với những người thân của mình.”⁸

Mặc dù từ *nếu* đó được viết tương đối nhỏ nhưng dường như lại hiện ra lớn bằng cả trang giấy. Tôi sẽ được ban phước để trở về từ chiến trận *nếu* tôi tuân giữ các giáo lệnh và *nếu* tôi lưu tâm đến sự thúc giục của Đức Thánh Linh. Mặc dù ân tứ đó đã được truyền giao cho tôi tại lễ báp têm, nhưng tôi vẫn không biết Đức Thánh Linh là gì hoặc sự thúc giục là như thế nào.

Tôi tìm ra điều tôi cần phải biết về sự thúc giục trong Sách Mặc Môn. Tôi đọc rằng “các thiên thần nói bằng quyền năng của Đức Thánh Linh; vậy nên, các vị ấy nói lên những lời của Đấng Ky Tô. Vậy nên, . . . các người hãy nuôi dưỡng những lời nói của Đấng Ky Tô; vì này, những lời nói của Đấng Ky Tô sẽ cho các người biết tất cả những gì các người phải làm.”⁹

Có lẽ điều vĩ đại nhất tôi học được từ việc đọc Sách Mặc Môn là tiếng nói của Thánh Linh đến như là một *cảm nghĩ* thay vì một âm thanh. Các em sẽ học được, như tôi đã học được, cách “lắng nghe” tiếng nói đó để *cảm nhận* thay vì *nghe* được.

Nê Phi trách hai anh của mình khi ông nói: “Các anh đã thấy một thiên sứ, và vị ấy đã ngỏ lời cùng các anh; phải, đôi khi các anh có nghe tiếng nói của vị ấy; và vị ấy đã nói với các anh bằng một tiếng nói nhỏ nhẹ êm ái; nhưng vì các anh đã mất hết *cảm giác*, đến đôi khi các anh không còn *cảm thấy* lời nói của vị ấy nữa.”¹⁰

Một số người chỉ trích đã nói rằng những câu này là sai vì ta *nghe* lời nói, chứ không *cảm thấy* lời nói. Nhưng nếu các em biết bất cứ điều gì về sự truyền đạt thuộc linh, thì các em biết rằng *cảm thấy* là từ hay nhất để mô tả điều xảy ra.

Nếu các em ưng thuận, thì ân tứ Đức Thánh Linh sẽ hướng dẫn và bảo vệ các em thậm chí còn sửa đổi hành động của các em. Đó là tiếng nói của Thánh Linh đến với tâm trí như là một ý nghĩ hay một cảm nghĩ đặt vào tâm



vô luân và những thực hành làm giảm giá trị của cá nhân mình. Hãy kiểm soát cuộc sống của mình và tự ra lệnh cho mình phải dừng cảm. Vì chúng tôi trông cậy vào các em rất nhiều, nên các em sẽ được ban phước một cách đáng kể. Cha Thiên Thượng nhân từ luôn luôn trông nom các em.

Sức mạnh của chứng ngôn của tôi đã thay đổi kể từ lúc tôi cảm thấy cần phải dựa vào chứng ngôn của các giảng viên lớp giáo lý của mình. Ngày nay, tôi dựa vào những người khác khi tôi bước đi vì lý do tuổi tác và vì bị bệnh bại liệt lúc còn nhỏ, nhưng không phải từ những nỗi nghi ngờ về các vấn đề thuộc linh. Tôi đã dần dần tin tưởng, và hiểu biết các lễ thật quý báu của phúc âm và của Đấng Cứu Rỗi Giê Su Kỵ Tô.

Với tư cách là một nhân chứng đặc biệt của Ngài, tôi làm chứng rằng kết quả của trận chiến này bắt đầu trong cuộc sống tiền dương thế là chắc chắn rồi. Lu Xi Phe sẽ thua.

Hồi này chúng ta nói về các con quạ. Các em là các con quạ trẻ không cần phải bay lượn lơ không mục đích, không biết chắc về con đường trước mặt. Có những người biết rõ con đường đó. “Cũng vậy, Đức Chúa Trời chẳng có làm một việc gì mà Ngài chưa tỏ sự kín nhiệm của Ngài ra trước cho tôi tớ của Ngài, là các tiên tri.”¹⁴ Chúa đã tổ chức Giáo Hội của Ngài theo nguyên tắc của các chìa khóa và hội đồng.

Có 15 người được tán trợ với tư cách là các vị tiên tri, tiên kiến và mặc khải đang lãnh đạo Giáo Hội. Mỗi vị trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ nắm giữ tất cả các chìa khóa chức tư tế cần thiết để hướng dẫn Giáo Hội. Vị Sứ Đồ trưởng là Vị Tiên Tri Chủ Tịch Thomas S. Monson, là người duy nhất được phép sử dụng tất cả các chìa khóa đó.

Thánh thư đòi hỏi rằng Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ làm việc trong các hội đồng và rằng quyết định của các hội đồng đó sẽ là đồng lòng nhất trí. Và đó là phải như vậy. Chúng ta tin cậy rằng Chúa hướng dẫn con đường và chỉ tìm cách làm theo ý Ngài mà

hôn các em. Tiên tri Ê Nót nói: “Tiếng nói của Chúa lại đến với tâm trí tôi.”¹¹

Và Chúa phán bảo Oliver Cowdery: “Này, ta sẽ nói trong trí của ngươi và trong tâm của ngươi bởi Đức Thánh Linh, là Đấng sẽ đến với ngươi.”¹²

Người ta không kỳ vọng là các em sẽ sống suốt cả đời mà không làm điều gì lầm lỗi, nhưng các em sẽ không phạm phải một lỗi nặng mà không được những thúc giục của Đức Thánh Linh cảnh cáo trước. Lời hứa này áp dụng cho tất cả các tín hữu của Giáo Hội.

Một số em sẽ phạm phải những lỗi lầm nghiêm trọng, vi phạm các luật pháp của phúc âm. Đây là lúc để nhắc nhở các em về Sự Chuộc Tội, sự hối cải, và sự tha thứ trọn vẹn đến mức các em có thể trở nên trong sạch trở lại. Chúa phán: “Này, kẻ nào biết hối cải những tội lỗi của mình, thì kẻ đó sẽ được tha thứ, và ta, là Chúa, sẽ không còn nhớ tới những tội lỗi đó nữa.”¹³

Nếu kẻ nghịch thù bắt giữ các em làm tù nhân vì tội lỗi, thì tôi nhắc các em nhớ rằng các em nắm giữ chìa khóa để mở cánh cửa ngục tù từ bên trong. Các em có thể được thanh tẩy qua sự hy sinh chuộc tội của Đấng Cứu Rỗi Giê Su Kỵ Tô.

Trong lúc khổ sở, các em có thể nghĩ rằng mình không đáng để được cứu rỗi vì đã phạm phải những lỗi lầm, lớn hay nhỏ, và nghĩ rằng bây giờ mình đã lạc lối. Điều đó *không bao giờ* đúng! Chỉ có sự hối cải mới có thể chữa lành điều làm tổn thương. Nhưng sự hối cải *có thể* chữa lành

điều làm tổn thương, dù điều đó là gì đi nữa.

Nếu các em dính dáng đến những điều mình không nên dính dáng, hoặc kết giao với những người đang lôi kéo các em đi vào hướng sai, thì đó là lúc để trở nên độc lập, sử dụng quyền tự quyết của các em. Hãy lắng nghe tiếng nói của Thánh Linh và các em sẽ không bị dẫn đi lạc lối.

Một lần nữa tôi nói rằng giới trẻ ngày nay lớn lên trong lãnh thổ của kẻ thù với tiêu chuẩn đạo đức suy đồi. Nhưng với tư cách là một tôi tớ của Chúa, tôi hứa rằng các em sẽ được bảo vệ và che chở khỏi những cuộc tấn công của kẻ nghịch thù *nếu* các em chịu lưu tâm đến những thúc giục đến từ Đức Thánh Linh.

Hãy ăn mặc trang nhã kín đáo; nói chuyện nghiêm túc; nghe nhạc nâng cao tinh thần. Tránh tất cả những điều

Leicester, Anh



thời. Chúng tôi biết rằng Ngài đã tin cậy nhiều vào chúng ta, cá nhân lẫn tập thể.

Các em cần phải học “hết lòng tin cậy Đức Giê Hô Va, chớ nương cậy nơi sự thông sáng của con.”¹⁵ Các em cần phải trở nên đáng tin cậy và chơi với bạn bè cũng có cùng ước muốn giống như mình.

Đôi khi các em có thể bị cám dỗ để suy nghĩ giống như tôi đã thỉnh thoảng suy nghĩ khi còn trẻ: “Vì thế giới đang tiến triển theo cách hiện nay, thì tận thế sắp đến nơi rồi. Tận thế sẽ đến trước khi tôi làm xong điều tôi cần hoàn thành.” Không phải vậy đâu! Các em có thể mong đợi làm điều đúng—kết hôn, có gia đình, sống để thấy được con cháu của mình, có lẽ còn cả chất của mình nữa.

Nếu chịu tuân theo các nguyên tắc này, các em sẽ được trông nom và bảo vệ, rồi chính các em sẽ biết mình phải đi con đường nào nhờ sự thúc giục của Đức Thánh Linh, vì “bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, các [em] sẽ có thể biết được lẽ thật của tất cả mọi điều.”¹⁶ Tôi hứa rằng điều này sẽ xảy ra như vậy và cầu khẩn một phước lành cho các em, giới trẻ quý báu của chúng tôi, trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. John Ciardi, “Fast and Slow,” *Fast and Slow: Poems for Advanced Children and Beginning Parents* (1975), 1. © 1975 do John L. Ciardi sáng tác. Sử dụng với sự cho phép của Houghton Mifflin Harcourt Publishing Company. Giữ mọi bản quyền.
2. Khải Huyền 12:9; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 76:25–26.
3. Giáo Lý và Giao Ước 52:14.
4. Giáo Lý và Giao Ước 45:26.
5. An Ma 42:8.
6. “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
7. *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* (2007), 104.
8. Phước lành tộc trưởng của Boyd K. Packer, do J. Roland Sandstrom ban cho, ngày 15 tháng Giêng năm 1944.
9. 2 Nê Phi 32:3.
10. 1 Nê Phi 17:45; sự nhấn mạnh được thêm vào.
11. Ê Nốt 1:10.
12. Giáo Lý và Giao Ước 8:2.
13. Giáo Lý và Giao Ước 58:42.
14. A Một 3:7.
15. Châm Ngôn 3:5.
16. Mô Rô Ni 10:5.



Bài của Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf

Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Các Anh Chị Em Là Quan Trọng đối với Ngài

Chúa sử dụng cái cân một cách rất khác biệt với cái cân của thế gian để cân giá trị của một người.

Môi Se, một vị tiên tri trong số các vị tiên tri vĩ đại nhất thế gian từng biết đến, được con gái của Vua Pha Ra Ôn nuôi dưỡng và đã sống 40 năm đầu tiên của cuộc đời trong cung điện nhà vua ở Ai Cập. Ông đã trực tiếp biết được vinh quang và vẻ huy hoàng của vương quốc xa xưa đó.

Nhiều năm sau, ở trên đỉnh núi xa xôi, xa khỏi cảnh lộng lẫy và tráng lệ của nước Ai Cập hùng mạnh, Môi Se đã đứng nơi hiện diện của Thượng Đế và nói chuyện với Ngài mặt đối mặt như một người nói chuyện với bạn mình.¹ Trong lúc chuyện trò, Thượng Đế đã cho Môi Se thấy tác phẩm tinh xảo của bàn tay Ngài, cho ông thoáng thấy công việc và vinh quang của Ngài. Khi khải tượng chấm dứt, Môi Se ngã xuống đất và nằm ở đó trong nhiều giờ. Sau khi có lại sức rồi, ông nhận ra có một điều gì đó chưa bao giờ xảy ra với ông suốt thời gian ở trong cung điện của Vua Pha Ra Ôn.

Ông nói: “Tôi biết rằng con người chẳng có nghĩa gì hết.”²

Chúng Ta Kém Hơn Chúng Ta Nghĩ

Chúng ta càng học thêm về vũ trụ thì càng hiểu nhiều hơn—ít nhất là một phần nhỏ—về điều Môi Se biết. Vũ trụ to lớn, bí ẩn, và vinh quang đến mức trí óc con người không thể hiểu nổi. Thượng Đế phán cùng Môi Se: “Ta đã sáng tạo vô số thế giới.”³ Những điều kỳ diệu của bầu trời ban đêm là một chứng ngôn tuyệt vời về lẽ thật đó.

Khi bay trong đêm tối ngang qua các đại dương và lục địa cùng nhìn ra ngoài cửa sổ buồng lái của mình để thấy vẻ vinh quang vô hạn của hàng triệu vì sao, có một vài điều đã làm cho lòng tôi đầy xúc động và kinh ngạc.

Các nhà thiên văn đã cố gắng đếm số lượng các vì sao trong vũ trụ. Một nhóm các nhà khoa học ước tính rằng số lượng các vì sao nằm trong phạm vi kính viễn vọng của chúng ta là 10 lần lớn hơn tất cả các hạt cát trên bãi biển và sa mạc của thế gian.⁴

Kết luận này rất giống với lời nói của tiên tri Hê Nóc thời xưa: “Và nếu loài người có thể đếm được hết những

phần nhỏ của trái đất, phải, hàng triệu trái đất giống như trái đất này, thì điều đó cũng chưa có thể gọi là bước đầu cho con số của những vật sáng tạo của Ngài.”⁵

Khi nhìn thấy sự vĩ đại của các tạo vật của Thượng Đế, thì không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy Vua Bên Gia Min cao trọng đã khuyên dạy dân ông phải “luôn luôn ghi nhớ về sự vĩ đại của Thượng Đế, và sự vô nghĩa của chính bản thân mình.”⁶

Chúng Ta Vĩ Đại Hơn Chúng Ta Nghĩ

Cho dù con người chẳng có nghĩa gì hết cả, nhưng lòng tôi vẫn kinh ngạc và sợ hãi khi nghĩ rằng “dưới mắt của Thượng Đế thì giá trị của con người rất lớn lao.”⁷

Và trong khi chúng ta có thể nhìn vào không gian mênh mông của vũ trụ và nói: “Con người là gì khi so sánh với vinh quang của sự sáng tạo?” Chính Thượng Đế đã phán rằng chúng ta là lý do để Ngài sáng tạo vũ trụ! Công việc và vinh quang của Ngài—mục đích dành cho vũ trụ vĩ đại này—là nhằm cứu rỗi và tôn cao loài người.⁸ Nói cách khác, khoảng mênh mông của vịnh cửu, vinh quang cùng những điều huyền nhiệm của không gian và thời gian vô hạn đều được xây lên vì lợi ích của những người trần thế tầm thường như các anh chị em và tôi. Cha Thiên Thượng sáng tạo vũ trụ để chúng ta có thể vươn tới tiềm năng của mình với tư cách là các con trai và con gái của Ngài.

Đây là nghịch lý của con người: khi so sánh với Thượng Đế, con người không có nghĩa gì cả; vậy mà chúng ta là quan trọng bậc nhất đối với Thượng Đế. Khi so sánh với sự sáng tạo vô hạn, chúng ta có thể dường như không có nghĩa gì cả, nhưng lại có một tia lửa vĩnh cửu hừng hực cháy bên trong mình. Chúng ta có được lời hứa về sự tôn cao mà bản thân mình không thể hiểu nổi—những thế giới vô tận—trong tầm tay của mình. Và đó là ước muốn tha thiết của Thượng Đế để giúp chúng ta với tới điều đó.

Sự Rò Rạc của Tinh Kiêu Ngạo

Kể lừa gạt quỷ quyết biết rằng một trong số các công cụ hữu hiệu nhất

của nó để dẫn dắt con cái của Thượng Đế đi lạc lối là lợi dụng hai thái cực trong nghịch lý của con người. Đối với một số người, nó lợi dụng các khuynh hướng kiêu ngạo của họ, tăng bốc họ lên và khuyến khích họ tin vào ảo tưởng về tính lên mặt ta đây và vô địch của họ. Nó nói với họ rằng họ hơn hẳn người bình thường và nhờ vào khả năng, quyền thừa kế, hay địa vị xã hội, họ cao quý hơn tính chất tầm thường của mọi người xung quanh. Nó đưa họ đến kết luận rằng do đó họ không bị chi phối bởi luật lệ của bất cứ người nào khác cũng như không bị phiền hà vì vấn đề của bất cứ người nào khác.

Người ta nói rằng Abraham Lincoln yêu thích bài thơ sau đây:

*Ôi tại sao tinh thần của người trần
thế cần phải kiêu ngạo?
Giống như một ngôi sao băng nhanh,
một đám mây bay nhanh,
Một tia chớp lóe sáng, lớp sóng òa vỡ,
Con người từ cuộc sống đến nơi an
nghỉ trong mộ phần.⁹*

Các môn đồ của Chúa Giê Su Ky Tô hiểu rằng so với vịnh cửu, thì cuộc sống trần thế này của chúng ta chỉ tồn tại “một thời gian ngắn” trong không gian và thời gian mà thôi.¹⁰ Họ biết rằng giá trị thực sự của một người không liên quan gì tới điều mà thế gian xem trọng. Họ biết rằng các anh chị em có thể chôn cất tiền bạc tích lũy của cả thế gian, nhưng số tiền đó cũng không thể mua nổi một ổ bánh mì trong nền kinh tế thiên thượng.

Những người sẽ “thừa hưởng vương quốc của Thượng Đế”¹¹ là những người trở thành “như trẻ nhỏ, phục tùng, nhu mì, khiêm nhường, kiên nhẫn, đầy sự yêu thương.”¹² “Vi ai tự nhắc mình lên sẽ phải hạ xuống, ai tự hạ mình xuống sẽ được nhắc lên.”¹³ Các môn đồ như vậy cũng hiểu rằng “khi mình phục vụ đồng bào mình, thì tức là mình phục vụ Thượng Đế của mình vậy.”¹⁴

Chúng Ta Không Bị Bỏ Quên

Một cách lừa gạt của Sa Tan là qua nỗi thất vọng. Nó cố gắng tập trung tầm nhìn của chúng ta vào ý nghĩ rằng

mình là vô nghĩa cho đến khi chúng ta bắt đầu nghi ngờ rằng mình có giá trị nhiều. Nó nói rằng chúng ta quá nhỏ bé để bất cứ ai chú ý đến, rằng chúng ta đã bị lãng quên—nhất là bị Thượng Đế lãng quên.

Tôi xin chia sẻ với các anh chị em một kinh nghiệm cá nhân mà có thể giúp đỡ phần nào đối với những người cảm thấy vô nghĩa, bị lãng quên, hoặc cô đơn.

Cách đây nhiều năm, tôi tham dự một khóa huấn luyện phi công trong Không Lực Hoa Kỳ. Tôi ở xa nhà, là một người lính Tây Đức trẻ, sinh ở nước Séc, lớn lên ở Đông Đức, và nói tiếng Anh rất khó. Tôi còn nhớ rõ chuyến đi đến căn cứ huấn luyện của chúng tôi ở Texas. Tôi đang ở trên máy bay, ngồi cạnh một người hành khách nói giọng miền Nam rất nặng. Tôi khó có thể hiểu được lời người ấy nói. Tôi thật sự tự hỏi không biết mình đã được dạy một ngôn ngữ nào khác từ trước đến nay chẳng. Tôi hoảng sợ vì ý nghĩ rằng mình phải tranh đua ngôi vị cao mà ai cũng thèm muốn trong khóa huấn luyện phi công với các sinh viên địa phương nói tiếng Anh.

Khi đến căn cứ không quân trong một thị trấn nhỏ ở Big Spring, Texas, tôi tìm kiếm và tìm ra chi nhánh Thánh Hữu Ngày Sau. Chi nhánh đó gồm có một số ít tín hữu tuyệt diệu nhóm họp trong những căn phòng cho thuê trong căn cứ không quân. Các tín hữu đang xây cất một nhà hội nhỏ sẽ dùng để làm một nơi nhóm họp cố định của Giáo Hội. Vào thời đó, các tín hữu hầu hết ra sức lao động để xây cất các tòa nhà mới.

Ngày này qua ngày khác, tôi tham gia khóa huấn luyện phi công và dốc lòng học tập siêng năng rồi dành ra hầu hết thời giờ nhàn rỗi của mình cho việc xây cất ngôi nhà hội mới. Ở đó tôi đã học được rằng ở Hoa Kỳ khi người ta nói kích thước của một miếng gỗ vuông dày hai in sơ rộng bốn in sơ thì đó không phải là một bước khiêu vũ. Tôi cũng học được kỹ năng sống sót quan trọng nếu bị thiếu ngón tay cái khi phải đóng một cây đinh.

Tôi dành quá nhiều thời giờ cho việc xây cất ngôi nhà hội đến nỗi vị chủ tịch chi nhánh—tình cờ cũng là



một trong số các thầy dạy lái máy bay của chúng tôi—bày tỏ mối quan tâm rằng có lẽ tôi nên dành thời giờ để học nhiều hơn.

Những người bạn và các sinh viên phi công đồng bạn của tôi cũng tham gia vào các sinh hoạt khi rảnh rỗi, mặc dù tôi nghĩ là an toàn để nói rằng một số sinh hoạt đó không phù hợp với quyển sách nhỏ *Cho Sức Mạnh của Giới Trẻ* ngày nay. Về phần mình, tôi thích là một phần tử tích cực của chi nhánh ở phía tây Texas này, thực tập kỹ năng thợ mộc mình mới học được, cùng trau dồi vốn tiếng Anh của mình trong khi làm tròn sự kêu gọi để giảng dạy trong nhóm túc số các anh cả và Trường Chủ Nhật.

Vào lúc ấy, Big Spring, mặc dù có nghĩa là Con Suối Lớn, chỉ là một chỗ nhỏ bé, vô nghĩa, và xa lạ. Và tôi thường cảm thấy bản thân mình cũng giống như vậy—vô nghĩa, vô danh và khá cô đơn. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ tự hỏi là Chúa có quên tôi hay

Ngài không bao giờ có thể tìm ra tôi ở đó không. Tôi biết là việc tôi ở đâu, tôi đứng hạng mấy so với những người khác trong lớp huấn luyện phi công của mình, hay sự kêu gọi của tôi trong Giáo Hội là gì đều không quan trọng đối với Cha Thiên Thượng. Điều quan trọng đối với Ngài là tôi đang cố gắng hết sức mình, rằng tôi yêu mến Ngài, và sẵn lòng giúp đỡ những người xung quanh. Tôi biết nếu tôi làm hết sức mình, thì mọi việc đều sẽ tốt đẹp.

Và tất cả mọi việc đều tốt đẹp cả.¹⁵

Những Kẻ Sau Cùng Sẽ Trở Thành Những Kẻ Đầu Tiên

Chúa không hề quan tâm nếu chúng ta dành ra thời gian của mình để làm việc trong hội trường bằng đá cẩm thạch hay trong chuồng ngựa. Ngài biết chúng ta ở đâu, bất kể hoàn cảnh của chúng ta có khiêm tốn đến đâu đi nữa. —Theo cách của Ngài và vì mục đích thiêng liêng của Ngài,— Ngài sẽ sử dụng những người yêu mến Ngài.

Thượng Đế biết rằng một số tâm hồn cao quý nhất đã từng sống là những người sẽ không bao giờ có tên mình được ghi vào lịch sử. Họ là những người được phước, khiêm nhường noi theo gương của Đấng Cứu Rỗi và dành ra thời gian trong cuộc sống của họ để làm điều thiện.¹⁶

Một cặp vợ chồng giống như vậy là cha mẹ của một người bạn của tôi, họ nêu gương tốt về nguyên tắc này cho tôi. Người chồng làm việc tại một nhà máy thép ở Utah. Vào giờ ăn trưa, ông ta thường đọc quyển thánh thư của mình hoặc một tạp chí Giáo Hội. Khi những người công nhân khác thấy điều này, họ chế nhạo ông và thách thức niềm tin của ông. Bất cứ khi nào họ làm như vậy, ông nói chuyện với họ bằng lòng nhân từ và sự tin tưởng. Ông không để cho sự vô lễ của họ làm cho mình tức giận hay bối rối.

Nhiều năm sau, một trong số những người chế nhạo ông bị bệnh rất nặng. Trước khi chết, người ấy đã yêu cầu người đàn ông khiêm nhường này nói chuyện tại tang lễ của mình—và người đàn ông này đã làm theo yêu cầu đó.

Người tín hữu trung thành này của Giáo Hội chưa bao giờ có được địa vị cao trong xã hội hoặc giàu có, nhưng đã có ảnh hưởng sâu xa đối với tất cả những người biết ông. Ông qua đời trong một tai nạn lao động trong khi ngừng lại để giúp đỡ một người công nhân khác đang mắc kẹt trong tuyết.

Trong vòng một năm, người vợ góa của ông phải trải qua cuộc giải phẫu não khiến bà không thể đi được. Nhưng người ta thích đến nói chuyện với bà vì bà lắng nghe. Bà ghi nhớ. Bà quan tâm. Vì không thể viết được, bà đã thuộc lòng số điện thoại của con cháu mình. Bà âu yếm nhớ đến ngày sinh và lễ kỷ niệm thành hôn của chúng.

Những người đến thăm bà ra về luôn cảm thấy vui hơn về cuộc sống và bản thân họ. Họ cảm nhận được tình yêu thương của bà. Họ biết bà quan tâm đến họ. Bà không bao giờ than vãn mà dành thời giờ của mình để ban phước cho cuộc sống của những người khác. Một người bạn của bà nói rằng người phụ nữ này là một



trong số rất ít người mình biết đã thật sự nêu gương về tình yêu thương và cuộc sống của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Cặp vợ chồng này chắc hẳn là những người đầu tiên nói rằng họ không quan trọng gì trên thế gian này. Nhưng Chúa sử dụng cái cân một cách rất khác biệt với cái cân của thế gian để cân giá trị của một người. Ngài biết cặp vợ chồng trung tín này; Ngài yêu thương họ. Hành động của họ là một bằng chứng sống về đức tin vững mạnh của họ nơi Ngài.

Các Anh Chị Em Là Quan Trọng đối với Ngài

Thưa các anh chị em, có lẽ đúng là con người vô nghĩa so với vũ trụ vĩ đại. Đôi khi, chúng ta còn có thể cảm thấy không quan trọng, không ai để ý đến, cô đơn, hoặc bị lãng quên. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng—các anh chị em quan trọng đối với Ngài! Nếu các anh chị em có nghi ngờ điều đó, thì hãy suy nghĩ về bốn nguyên tắc thiêng liêng này:

Thứ nhất, Thượng Đế yêu thương người khiêm nhường và nhu mì, vì họ “sẽ là lớn hơn hết trong nước thiên đàng.”¹⁷

Thứ hai, Chúa giao phó “phúc âm trọn vẹn của [Ngài để] có thể được những kẻ yếu kém và những kẻ tầm thường rao truyền đến các nơi tận cùng của thế giới.”¹⁸ Ngài đã chọn

“Những sự yếu kém của thế gian [để] đi ra và đánh đổ những gì uy thế và mạnh mẽ”¹⁹ và “làm hổ thẹn những sự mạnh.”²⁰

Thứ ba, cho dù các anh chị em đang sống ở đâu, cho dù hoàn cảnh của các anh chị em có khiêm tốn, công việc có nhỏ nhặt, khả năng có bị hạn chế, diện mạo có tầm thường, hay sự kêu gọi trong Giáo Hội có dường như nhỏ bé như thế nào đi nữa, thì Cha Thiên Thượng vẫn thấy rõ các anh chị em. Ngài yêu thương các anh chị em. Ngài biết tấm lòng khiêm nhường cũng như hành động yêu thương và nhân từ của các anh chị em. Những điều này hợp lại làm thành một chứng ngôn bền bỉ về lòng trung thành và đức tin của các anh chị em.

Điều thứ tư và cuối cùng, xin hãy hiểu rằng những gì các anh chị em thấy và trải qua bây giờ không phải là sẽ như vậy vĩnh viễn. Các anh chị em sẽ không vĩnh viễn cảm thấy cô đơn, buồn phiền, đau đớn hay thất vọng. Chúng ta có được lời hứa trung thực của Thượng Đế rằng Ngài sẽ không quên hay bỏ rơi những người yêu mến Ngài.²¹ Hãy có hy vọng và đức tin ở lời hứa đó. Hãy học cách yêu mến Cha Thiên Thượng và trở thành môn đồ của Ngài trong lời nói và việc làm.

Hãy chắc chắn rằng nếu chịu kiên trì, tin nơi Ngài, và luôn luôn trung tín tuân giữ các lệnh truyền, thì một

ngày nào đó, các anh chị em sẽ tự mình cảm nhận được những lời hứa đã được mặc khải cho Sứ Đồ Phao Lô: “Ấy là sự mắt chưa thấy, tai chưa nghe, Và lòng người chưa nghĩ đến, Nhưng Đức Chúa Trời đã sắm sẵn điều ấy cho những người yêu mến Ngài.”²²

Thưa các anh chị em, Đấng có nhiều quyền năng nhất trong vũ trụ là Cha linh hồn của các anh chị em. Ngài biết các anh em. Ngài yêu thương các anh chị em với tình yêu thương trọn vẹn.

Thượng Đế xem các anh chị em không phải chỉ là một người trần thế trên một hành tinh nhỏ bé đang sống trong một thời kỳ ngắn ngủi—Ngài còn xem các anh chị em là con cái của Ngài. Ngài xem các anh chị em như là một người mà các anh chị em có khả năng và dự định sẽ trở thành. Ngài muốn các anh chị em biết rằng các anh chị em rất quan trọng đối với Ngài.

Cầu xin cho chúng ta mãi mãi tin tưởng, tin cậy, và sống sao cho chúng ta sẽ hiểu được giá trị vĩnh cửu và tiềm năng đích thực của mình. Cầu xin cho chúng ta được xứng đáng với các phước lành quý báu mà Cha Thiên Thượng đang dành cho chúng ta là lời cầu nguyện của tôi trong tôn danh của Vị Nam Tử của Ngài, chính là Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Môi Se 1:2.
2. Môi Se 1:10.
3. Môi Se 1:33.
4. Xin xem Andrew Craig, “Astronomers Count the Stars,” BBC News, ngày 22 tháng Bảy năm 2003, <http://news.bbc.co.uk/2/hi/science/nature/3085885.stm>.
5. Môi Se 7:30.
6. Mô Si A 4:11.
7. Giáo Lý và Giao Ước 18:10.
8. Xin xem Môi Se 1:38–39.
9. William Knox, “Mortality,” trong James Dalton Morrison, xuất bản, *Masterpieces of Religious Verse* (1948), 397.
10. Giáo Lý và Giao Ước 121:7.
11. 3 Nê Phi 11:38.
12. Mô Si A 3:19.
13. Lu Ca 18:14; xin xem thêm các câu 9–13.
14. Mô Si A 2:17.
15. Dieter F. Uchtdorf tốt nghiệp thủ khoa trong lớp học của ông.
16. Xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 10:38.
17. Ma Thi Ơ 18:4; xin xem các câu 1–3.
18. Giáo Lý và Giao Ước 1:23.
19. Giáo Lý và Giao Ước 1:19.
20. 1 Cô Rinh Tô 1:27.
21. Xin xem Hê Bơ Rơ 13:5.
22. 1 Cô Rinh Tô 2:9.



Do Chủ Tịch Henry B. Eyring Trình Bày
Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Phần Tán Trợ Các Chức Sắc của Giáo Hội

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Thomas Spencer Monson là vị tiên tri, tiên kiến, và mặc khải và là Chủ Tịch của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô; Henry Bennion Eyring là Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn; và Dieter Friedrich Uchtdorf là Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn.

Những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Những ai phản đối, cũng xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Boyd Kenneth Packer là Chủ Tịch của Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ và sau đây là các thành viên của nhóm túc số đó: Boyd K. Packer, L. Tom Perry, Russell M. Nelson, Dallin H. Oaks, M. Russell Ballard, Richard G. Scott, Robert D. Hales, Jeffrey R. Holland, David A. Bednar, Quentin L. Cook, D. Todd Christofferson và Neil L. Andersen.

Những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Có ai phản đối không, xin cho biết.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ các cố vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Mười Hai Vị Sứ Đồ là các vị tiên tri, tiên kiến và mặc khải.

Tất cả những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Ngược lại, nếu có, cũng xin giơ tay lên.

Anh Cả Claudio R. M. Costa đã được giải nhiệm với tư cách là thành viên của Chủ Tịch Đoàn Các Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi.

Những ai có thể cùng chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn, xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Anh Cả Tad R. Callister với tư cách là thành viên của Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi.

Tất cả những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Có ai phản đối không?

Xin đề nghị rằng chúng ta giải

nhệm Các Anh Cả Gary J. Coleman, Richard G. Hinckley, Yoshihiko Kikuchi, Carl B. Pratt, và Cecil O. Samuelson với tư cách là các thành viên của Đệ Nhất Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi và chỉ định họ làm Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương danh dự.

Cũng xin đề nghị rằng chúng ta giải nhiệm Các Anh Cả Won Yong Ko, Lowell M. Snow, và Paul K. Sybrowsky với tư cách là các thành viên của Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi.

Những ai muốn cùng chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đối với các anh em này về sự phục vụ xuất sắc của họ, xin giơ tay lên.

Các Anh Cả Ralph W. Hardy Jr., Jon M. Huntsman Sr., Aleksandr N. Manzhos, và J. Willard Marriott Jr. đã được giải nhiệm với tư cách là Các Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng.

Xin đề nghị chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với các anh em này về sự phục vụ xuất sắc của họ.

Tất cả những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Xin đề nghị rằng chúng ta tán trợ Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương, Các Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng khác và các chủ tịch đoàn tổ chức hỗ trợ trung ương hiện đang được cấu thành.

Những ai tán trợ, xin giơ tay lên.

Nếu có ai phản đối cũng xin giơ tay lên.

Thưa Chủ Tịch Monson, tới mức mà tôi có thể quan sát được, thì phần biểu quyết trong Trung Tâm Đại Hội đã được nhất trí.

Xin cảm ơn các anh chị em về sự biểu quyết tán trợ, đức tin, lòng tận tụy và những lời cầu nguyện của các anh chị em. ■





Bài của Anh Cả David A. Bednar
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Lòng Con Cái Sẽ Trở Lại

Tôi xin mời gọi những người trẻ tuổi của Giáo Hội học hỏi và cảm nhận Tinh Thần của Ê Li.

Khi chúng ta nghiên cứu, học hỏi và sống theo phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô, trình tự của những sự việc thường là để chỉ dạy. Ví dụ, hãy suy xét các bài học chúng ta học về những ưu tiên thuộc linh từ thứ tự của những sự kiện trọng đại đã xảy ra khi phúc âm trọn vẹn của Đấng Cứu Rỗi được phục hồi trong những ngày sau này.

Trong Khu Rừng Thiêng Liêng, Joseph Smith đã trông thấy và nói chuyện với Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu và Chúa Giê Su Kỵ Tô. Trong số những sự việc khác, Joseph đã học hỏi về thiên tính thật sự của Thiên Chủ Đoàn và về sự mặc khải liên tục. Khải tượng huy hoàng này khai mở “kỳ mãn” (Ê Phê Sô 1:10) và là một trong những sự kiện nổi bật trong lịch sử của thế gian.

Khoảng ba năm sau, để đáp ứng lời cầu nguyện tha thiết vào buổi tối ngày 21 tháng Chín năm 1823, căn phòng ngủ của Joseph chan hòa ánh sáng cho đến khi nó “sáng rực hơn ánh nắng ban trưa” (Joseph Smith—Lịch Sử 1:30). Một nhân vật xuất hiện bên giường ông, gọi tên người thiếu niên và nói rằng “ông là sứ giả từ chốn hiện diện của Thượng Đế . . . và tên

ông là Mô Rô Ni” (câu 33). Ông cho Joseph biết về sự ra đời của Sách Mặc Môn. Và rồi Mô Rô Ni trích dẫn từ sách Ma La Chi trong Kinh Cựu Ước, được thay đổi chút ít từ lời lẽ được sử dụng trong Phiên Bản King James:

“Này, nhờ tay tiên tri Ê Li, ta sẽ tiết lộ cho các người Chức Tư Tế trước khi đến ngày trọng đại và khủng khiếp của Chúa.

“ . . . Và người sẽ gieo vào lòng các con cái những lời đã hứa với ông cha chúng, và lòng các con cái trở lại cùng ông cha chúng. Nếu không được như vậy thì cả trái đất này sẽ hoàn toàn bị hoang tàn khi Ngài đến” (các câu 38, 39).

Những chỉ dẫn của Mô Rô Ni cho vị tiên tri trẻ tuổi chủ yếu gồm hai đề tài chính: (1) Sách Mặc Môn và (2) lời của Ma La Chi báo trước vai trò của Ê Li trong Sự Phục Hồi “muôn vật . . . mà Đức Chúa Trời thuở xưa đã phán trước bởi miệng các thánh tiên tri” (Công Vụ Các Sứ Đồ 3:21). Do đó, những sự kiện mở đầu của Sự Phục Hồi đã tiết lộ một sự hiểu biết chính xác về Thiên Chủ Đoàn, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Sách Mặc Môn, cũng như báo trước công việc cứu rỗi và tôn cao cho người sống lẫn người chết. Trình

tự đầy cảm ứng này là để chỉ dạy về những vấn đề thuộc linh ưu tiên cao nhất đối với Thượng Đế.

Sứ điệp của tôi tập trung vào giáo vụ và Tinh Thần của Ê Li đã được Mô Rô Ni báo trước trong những chỉ dẫn ban đầu của ông cho Joseph Smith. Tôi thiết tha cầu nguyện có được sự phụ giúp của Đức Thánh Linh.

Giáo Vụ của Ê Li

Ê Li là một vị tiên tri thời Cựu Ước mà những phép lạ huyền diệu đã được thực hiện qua ông. Ông đã đóng kín các tầng trời và không có mưa ở Y Sơ Ra Ên thời xưa trong 3 năm rưỡi. Ông đã làm tăng lên số bánh và dầu cho người đàn bà góa. Ông đã làm cho một đứa bé trai sống lại từ cõi chết, và ông đã gọi lửa xuống từ thiên thượng trong một cuộc thách thức với các tiên tri của Ba Anh. (Xin xem 1 Các Vua 17–18.) Vào lúc kết thúc giáo vụ trên trần thế của mình, Ê Li “lên trời trong một cơn gió lốc” (2 Các Vua 2:11) và được cất lên.

“Chúng ta học biết được từ điều mặc khải ngày sau rằng Ê Li nắm giữ quyền năng gắn bó của Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc và là vị tiên tri cuối cùng đã làm như vậy trước thời kỳ của Chúa Giê Su Kỵ Tô” (Sách Hướng Dẫn Thánh Thư, “Ê Li”). Tiên Tri Joseph Smith giải thích: “Tinh thần, quyền năng và sự kêu gọi của Ê Li là người có được quyền năng để nắm giữ chìa khóa của . . . *Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc trọn vẹn* . . . ; và để . . . đạt được . . . tất cả các giáo lễ thuộc vào vương quốc của Thượng Đế” (*Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Giáo Hội: Joseph Smith* [2007], 311; sự nhấn mạnh được thêm vào). Thảm quyền gắn bó thiêng liêng này là thiết yếu để các giáo lễ của chức tư tế được hợp lệ và ràng buộc dưới thế gian lẫn trên trời.

Ê Li hiện đến với Môi Se trên Núi Biển Hình (xin xem Ma Thi Ơ 17:3) và truyền giao thảm quyền này cho Phi E Rơ, Gia Cơ và Giảng. Ê Li hiện đến một lần nữa với Môi Se và những vị khác vào ngày 3 tháng Tư năm 1836, trong Đền Thờ Kirtland và cũng truyền giao các chìa khóa đó cho Joseph Smith và Oliver Cowdery.



Thánh thư chép rằng tiên tri Ê Li đứng trước mặt Joseph và Oliver và nói:

“Này, thời gian ấy đã đến, đó là thời gian do miệng Ma La Chi nói ra—ông làm chứng rằng ông [Ê Li] sẽ được sai xuống trước ngày trọng đại và khủng khiếp của Chúa xảy đến—

“Để làm cho lòng cha trở lại cùng con cái, lòng con cái trở lại cùng cha, bằng không thì cả thế gian này sẽ bị đánh bằng sự rửa sả—

“Vậy nên, các chìa khóa của gian kỳ này được trao tận tay các ngươi; và nhờ đó, các ngươi có thể biết được rằng ngày trọng đại và khủng khiếp của Chúa đã gần kề, ngay cả ở trước cửa rồi” (GLGU 110:14–16).

Sự phục hồi thẩm quyền gắn bó do Ê Li thực hiện vào năm 1836 là cần thiết để chuẩn bị thế gian cho Ngày Tái Lâm của Đấng Cứu Rỗi và khởi

dầu một mối quan tâm gia tăng nhanh chóng và trên toàn thế giới trong việc sưu tầm lịch sử gia đình.

Tinh Thần và Công Việc của Ê Li

Tiên Tri Joseph Smith nói: “Trách nhiệm nặng nề nhất trên thế gian này mà Thượng Đế đã giao phó cho chúng ta là tìm kiếm những người thân đã qua đời của mình. . . . Vì điều cần thiết là để cho quyền năng gắn bó được nằm trong tay chúng ta để làm lễ gắn bó con cái của mình và những người thân đã qua đời của mình cho gian kỳ của thời kỳ trọn vẹn—một gian kỳ để làm tròn những lời hứa do Chúa Giê Su Ky Tô lập ra trước khi sáng thế vì sự cứu rỗi của loài người. . . . Do đó, Thượng Đế đã phán: “Ta sẽ sai đấng tiên tri Ê Li đến cùng các ngươi” (Teachings: Joseph Smith, 475).

Joseph giải thích thêm:

“Nhưng mục đích của [việc Ê Li hiện đến] là gì? hoặc là mục đích đó được làm tròn như thế nào? Các chìa khóa phải được truyền giao, tinh thần của Ê Li phải đến, Phúc Âm phải được thiết lập, Các Thánh Hữu của Thượng Đế được quy tụ, Si Ôn được xây cất lên, và Các Thánh Hữu phải lên trên Núi Si Ôn với tư cách là các vị cứu tinh [xin xem Áp Địa 1:21].

“Nhưng họ trở thành các vị cứu tinh trên Núi Si Ôn bằng cách nào? Bằng cách xây cất đền thờ của họ . . . và đi tiếp nhận tất cả các giáo lễ . . . thay cho tất cả các tổ tiên đã qua đời của họ . . . ; và đây là sợi dây ràng buộc lòng cha cùng với con cái, và con cái cùng với cha, là điều làm ứng nghiệm sứ mệnh của Ê Li” (Teachings: Joseph Smith, 472–73).

Ảnh Cả Russell M. Nelson đã dạy rằng Tinh Thần của Ê Li là “sự biểu hiện của Đức Thánh Linh làm chứng về đặc tính thiêng liêng của gia đình” (“A New Harvest Time,” *Ensign*, tháng Năm năm 1998, 34). Ảnh hưởng đặc biệt này của Đức Thánh Linh khuyến khích người ta nhận ra, tìm kiếm dữ kiện và quý trọng các tổ tiên cùng những người trong gia đình của họ—những người sống từ thời trước lần thời nay.

Tinh Thần của Ê Li ảnh hưởng đến những người là tín hữu của Giáo Hội lẫn những người ngoại đạo. Tuy nhiên, với tư cách là các tín hữu của Giáo Hội phục hồi của Đấng Ky Tô, chúng ta đã lập giao ước và có trách nhiệm sưu tầm các tổ tiên của mình và cung ứng cho họ các giáo lễ cứu rỗi của phúc âm. “Ngoại chúng ta ra họ không đạt đến sự trọn vẹn được” (Hê Bơ Rơ 11:40; xin xem thêm *Teachings: Joseph Smith*, 475). Và “chúng ta cũng không thể đạt đến sự trọn vẹn được nếu không có những người chết của chúng ta” (GLGU 128:15).

Vì những lý do này nên chúng ta sưu tầm lịch sử gia đình, xây cất đền thờ, và thực hiện các giáo lễ thay cho người chết. Vì những lý do này nên Ê Li được gửi đến để phục hồi thẩm quyền gắn bó ràng buộc trên thế gian lẫn trên trời. Chúng ta là những người đại diện của Chúa trong công việc cứu rỗi và tôn cao mà sẽ ngăn chặn “cả thế



gian này . . . bị đánh bằng sự rửa sã” (GLGU 110:15) khi Ngài tái lâm. Đây là bốn phận và phước lành lớn lao của chúng ta.

Lời Mời Gọi cho Thế Hệ đang Vươn Lên

Giờ đây tôi có lời mời gọi sự chú ý của các thanh niên thiếu nữ và trẻ em của thế hệ đang vươn lên trong khi tôi nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Tinh Thần Ê Li trong cuộc sống của các em ngày nay. Sứ điệp của tôi nhắm vào toàn thể Giáo Hội nói chung—nhưng đặc biệt là dành cho các em.

Nhiều em có thể nghĩ rằng công việc lịch sử gia đình chủ yếu do những người lớn tuổi hơn thực hiện. Nhưng tôi biết rằng không có giới hạn tuổi tác nào đã được mô tả trong thánh thư hay trong các chỉ dẫn do các vị lãnh đạo Giáo Hội loan báo lại giới hạn sự phục vụ quan trọng này chỉ dành cho những người thành niên lớn tuổi hơn cả. Các em là các con trai và con gái của Thượng Đế, con cái của giao ước, và là những người xây đắp vương quốc. Các em đừng chờ cho đến khi đến một cái tuổi nào đó để làm tròn trách nhiệm của mình

nhằm phụ giúp trong công việc cứu rỗi gia đình nhân loại.

Chúa đã làm cho các nguồn phương tiện được có sẵn trong thời kỳ chúng ta để các em có thể học hỏi và ưa thích công việc này là công việc đã được khuyến khích bởi Tinh Thần của Ê Li. Ví dụ, FamilySearch là một hệ thống sưu tầm các hồ sơ, tài liệu và dịch vụ để truy cập với máy vi tính cá nhân và nhiều loại thiết bị cầm tay, nhằm giúp mọi người khám phá và lưu giữ lịch sử gia đình của họ. Các nguồn tài liệu này cũng có sẵn trong các trung tâm lịch sử gia đình nằm trong nhiều tòa nhà Giáo Hội của chúng ta trên khắp thế giới.

Không phải ngẫu nhiên mà FamilySearch và các công cụ khác đều ra đời vào lúc những người trẻ tuổi rất quen thuộc với một loạt công nghệ thông tin và truyền thông. Các em đã biết cách gửi lời nhắn trên điện thoại di động cũng như máy vi tính của mình để làm tăng nhanh và nâng cao công việc của Chúa—chứ không phải chỉ để liên lạc nhanh chóng với bạn bè. Kỹ năng và năng khiếu của nhiều người trẻ tuổi ngày nay là một sự chuẩn bị để góp phần vào công việc cứu rỗi.

Tôi xin mời gọi những người trẻ tuổi của Giáo Hội học hỏi và cảm nhận Tinh Thần của Ê Li. Tôi khuyến khích các em hãy nghiên cứu, tìm kiếm các tổ tiên của mình, và tự chuẩn bị để thực hiện các phép báp têm trong nhà của Chúa thay cho những người thân và tổ tiên đã qua đời *của mình* (xin xem GLGU 124:28–36). Và tôi khuyến khích các em hãy giúp những người khác nhận ra lịch sử gia đình của họ.

Khi các em đáp ứng trong đức tin lời mời gọi này, lòng của các em sẽ trở lại cùng tổ phụ của mình. Những lời hứa lập với Áp Ra ham, Y Sác và Gia Cốp sẽ được gieo vào lòng của các em. Phước lành tộc trưởng của các em, với phần cho biết về dòng dõi, sẽ liên kết các em với các tổ phụ này và có ý nghĩa nhiều hơn đối với các em. Tình yêu thương và lòng biết ơn đối với các tổ tiên của các em sẽ gia tăng. Chứng ngôn của các em về Đấng Cứu Rỗi cũng như sự cải đạo đến với Ngài sẽ trở nên sâu sắc và tồn tại mãi mãi. Và tôi hứa rằng các em sẽ được bảo vệ chống lại ảnh hưởng dữ dội của kẻ nghịch thù. Khi tham gia và yêu thích công việc thiêng liêng này, các em sẽ được giữ gìn trong tuổi trẻ và trong suốt cuộc sống của mình.

Thưa các bậc cha mẹ và các vị lãnh đạo giới trẻ, xin hãy giúp cho



con cái và giới trẻ của các anh chị em học hỏi và cảm nhận Tinh Thần của Ê Li. Nhưng xin đừng làm cho nỗ lực này trở nên quá cứng nhắc hoặc mang lại quá nhiều chi tiết hoặc huấn luyện. Hãy mời những người trẻ tuổi khám phá, thử nghiệm, và tự học hỏi (xin xem Joseph Smith—Lịch Sử 1:20). Bất cứ người trẻ tuổi nào cũng có thể làm điều tôi đang đề nghị bằng cách sử dụng những sinh hoạt học hỏi có sẵn tại [lds.org/familysearch](https://www.lds.org/familysearch) .org/ldsyoung. Các chủ tịch đoàn nhóm túc số Chúc Tư Tế A Rôn và lớp Hội Thiếu Nữ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp tất cả giới trẻ trở nên quen thuộc với những nguồn tài liệu cơ bản này. Những người trẻ tuổi càng ngày càng cần phải là những người học cách hành động và do đó nhận được thêm ánh sáng cùng sự hiểu biết qua quyền năng của Đức Thánh Linh—mà không phải chỉ là những học viên thụ động và bị tác động (xin xem 2 Nê Phi 2:26).

Thưa các bậc cha mẹ và các vị lãnh đạo giới trẻ, các anh chị em sẽ sống sót trước việc con cái của mình và giới trẻ của Giáo Hội trở nên vô cùng khéo léo và nhanh chóng như thế nào với những phương tiện này. Thật vậy, các anh chị em sẽ học được những bài học quý báu từ những người trẻ tuổi này về việc sử dụng hữu hiệu những nguồn phương tiện đó. Giới trẻ có thể giúp đỡ rất nhiều cho những người lớn tuổi hơn, là những người lo lắng hoặc sợ hãi đối với công nghệ mới hay xa lạ với FamilySearch. Các anh chị em cũng sẽ đếm nhiều phước lành của mình khi những người trẻ tuổi dành ra nhiều thời giờ hơn cho công việc lịch sử gia đình và sự phục vụ trong đền thờ cũng như dành ra ít thời giờ hơn cho những trò chơi video, tìm kiếm trên mạng Internet và sử dụng Facebook.

Troy Jackson, Jaren Hope, và Andrew Allan là những người mang Chúc Tư Tế A Rôn được một vị giám trợ đầy cảm ứng kêu gọi để cùng nhau giảng dạy một lớp lịch sử gia đình trong tiểu giáo khu của họ. Các thiếu niên này tượng trưng cho rất nhiều người trong các em đã sốt sắng



học hỏi và mong muốn phục vụ.

Troy nói: “Em thường đến nhà thờ và chỉ ngồi đó không làm gì cả, nhưng bây giờ em nhận thấy rằng em cần phải về nhà và làm một điều gì đó. Chúng ta đều có thể làm công việc lịch sử gia đình.”

Jaren báo cáo rằng khi em học hỏi nhiều hơn về lịch sử gia đình thì em nhận thấy rằng “đây không phải chỉ là cái tên mà là con người thật sự. Em trở nên càng ngày càng phấn khởi hơn về việc mang những cái tên đó vào đền thờ.”

Và Andrew nói: “Em đã trở nên thích thú với lịch sử gia đình với một tình yêu thương và hăng hái mà em đã không biết là em có thể có được. Mỗi tuần khi chuẩn bị giảng dạy, em thường được Đức Thánh Linh thúc giục để hành động và thử một số phương pháp giảng dạy trong bài học. Trước đây, lịch sử gia đình là một điều dễ sợ. Nhưng khi được Thánh Linh

giúp đỡ, em đã có thể làm tròn sự kêu gọi của mình và giúp đỡ nhiều người trong tiểu giáo khu của em.”

Các em thanh niên và thiếu nữ, lịch sử gia đình không phải chỉ là một chương trình hay sinh hoạt thích thú do Giáo Hội bảo trợ; thay vì thế, đó là một phần thiết yếu của công việc cứu rỗi và tôn cao. Các em đã được chuẩn bị để sống trong thời điểm này và xây đắp vương quốc của Thượng Đế. Các em hiện có mặt trên thế gian để phụ giúp trong công việc vinh quang này.

Tôi làm chứng rằng Ê Li đã trở lại thế gian và phục hồi thẩm quyền gắn bó thiêng liêng. Tôi làm chứng rằng điều gì ràng buộc trên thế gian thì có thể ràng buộc trên thiên thượng. Và tôi biết giới trẻ của thế hệ đang vươn lên đều có một vai trò quan trọng trong nỗ lực lớn lao này. Tôi làm chứng như vậy trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Neil L. Andersen
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Con Cái

Tôi làm chứng về phước lành lớn lao đối với con cái và hạnh phúc mà chúng sẽ mang đến cho chúng ta trong cuộc sống này và trong thời vĩnh cửu.

Khi nhìn vào mắt của một đứa trẻ, chúng ta thấy đó cũng là một đứa con trai hay con gái của Thượng Đế, là người cùng sống với chúng ta trong cuộc sống tiền dương thế.

Thật là một đặc ân tốt bậc đối với một cặp vợ chồng để có thể sinh con cái nhằm cung ứng thể xác hữu diệt cho các con cái linh hồn này của Thượng Đế. Chúng ta tin vào gia đình và tin vào con cái.

Khi một đứa con được một cặp vợ chồng sinh ra, thì họ đã làm tròn phần vụ trong kế hoạch của Cha Thiên Thượng để mang con cái đến thế gian. Chúa phán: “Đây là công việc của ta và sự vinh quang của ta—là để mang lại sự bất diệt và cuộc sống vĩnh cửu cho loài người.”¹ Trước khi có sự bất diệt, phải có sự hữu diệt.

Gia đình là do Thượng Đế quy định. Gia đình là trọng tâm kế hoạch của Cha Thiên Thượng ở nơi thế gian này và suốt thời vĩnh cửu. Sau khi kết hợp A Đam và Ê Va trong hôn nhân, thánh thư ghi rằng: “Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán rằng: Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất.”² Trong thời kỳ của chúng ta, các vị tiên tri và sứ đồ đã nói: “Lệnh truyền đầu tiên mà Thượng Đế ban cho A Đam và Ê Va liên quan

đến tiềm năng làm cha mẹ của họ với tư cách là vợ chồng. Chúng tôi tuyên bố rằng lệnh truyền của Thượng Đế cho con cái của Ngài là phải sinh sôi nảy nở và làm cho đầy dẫy trái đất, thì vẫn còn hiệu lực.”³

Lệnh truyền này đã không bị bỏ quên hay bỏ qua trong Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô.⁴ Chúng tôi vô cùng biết ơn về đức tin sâu đậm đã được những cặp vợ chồng cho thấy (nhất là những người vợ của chúng ta) vì đã sẵn lòng sinh con cái. Việc khi nào có con và có bao nhiêu đứa con là những quyết định riêng giữa người chồng, người vợ và Chúa. Đây là những quyết định thiêng liêng—những quyết định mà cần phải được chọn với lời cầu nguyện chân thành và làm theo với đức tin lớn lao.

Cách đây nhiều năm, Anh Cả James O. Mason thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười đã chia sẻ với tôi câu chuyện này: “Sự ra đời của đứa con thứ sáu của chúng tôi là một kinh nghiệm khó quên. Khi nhìn vào đứa con gái xinh đẹp nằm trong phòng dành cho trẻ sơ sinh ngay sau khi sinh ra, tôi đã nghe rõ ràng một tiếng nói: ‘Sẽ có một đứa nữa và sẽ là con trai.’ Tôi đại dột chạy ngay đến bên giường của người vợ vô cùng mệt mỏi

của mình và nói cho vợ tôi nghe tin mới đó. Quả thật tôi đã chọn không đứng lúc.”⁵ Năm này qua năm khác, gia đình Mason trông chờ sự ra đời của đứa con thứ bảy của họ. Ba, bốn, năm, sáu, rồi bảy năm trôi qua. Cuối cùng, tám năm sau, đứa con thứ bảy được sinh ra—một đứa con trai.

Tháng Tư vừa qua, Chủ Tịch Thomas S. Monson đã nói:

“Có lúc, các tiêu chuẩn đạo đức của Giáo Hội và các tiêu chuẩn đạo đức của xã hội gần như tương hợp, nhưng giờ đây đã có một khoảng cách lớn và khoảng cách này sẽ càng ngày càng lớn hơn. . . .

“Đấng Cứu Rỗi của nhân loại tự mô tả Ngài là sống trong thế gian nhưng không thuộc thế gian. Chúng ta cũng có thể sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian khi chúng ta bác bỏ những quan niệm và điều giảng dạy sai lầm, và luôn luôn trung tín với điều Thượng Đế đã truyền lệnh.”⁶

Trên thế giới ngày nay có nhiều tiếng nói xem thường tầm quan trọng của việc có con cái hoặc đề nghị trì hoãn hay giới hạn số con trong một gia đình. Mới đây, các con gái của tôi nói cho tôi biết về một blog trên mạng của một người mẹ Ky Tô hữu (không thuộc tín ngưỡng của chúng ta) có năm con. Bà mẹ này viết rằng: “[Vĩ lớn lên] trong văn hóa này nên rất khó để có được một viễn cảnh như Kinh Thánh dạy về vai trò làm mẹ. . . . Việc có con cái bị sắp hạng dưới cả học vấn. Chắc chắn là dưới cả việc đi du lịch khắp thế giới. Dưới cả việc đi chơi ban đêm lúc rảnh rỗi. Dưới cả việc tập thể dục thẩm mỹ cho thân thể tại phòng tập thể thao. Dưới cả bất cứ công ăn việc làm hy vọng là ứng ý nữa.” Rồi người mẹ ấy viết thêm: “Vai trò làm mẹ không phải là một thú tiêu khiển, mà là một sự kêu gọi. Ta không sưu tầm con cái vì ta thấy chúng xinh xắn hơn tem thư. Đó không phải là một điều gì đấy để làm nếu ta có thể nhét việc đó vào trong lịch trình bận rộn của mình. Việc có con cái là điều Thượng Đế ban cho ta thời giờ để làm.”⁷

Việc có con còn nhỏ không phải là điều dễ dàng. Nhiều lúc thật là khó khăn. Một người mẹ trẻ đi lên xe buýt với bảy đứa con. Người lái xe buýt

hỏi: “Đây là con của cô hết à? Hay là cô đang tổ chức dẫn con nít đi chơi picnic vậy?”

Người ấy đáp: “Chúng đều là con của tôi đây, và chắc chắn không phải là đi chơi picnic đâu!”⁸

Trong khi trên thế giới càng ngày càng có nhiều người hỏi: “Đây là con của cô hết à?” thì chúng tôi xin cảm ơn các anh chị em đã tạo ra trong Giáo Hội một nơi trú ẩn dành cho gia đình, là nơi chúng ta kính trọng và giúp đỡ những người mẹ có con cái.

Đối với một người cha ngay chính, thì không có đủ lời nào để bày tỏ lòng biết ơn và tình yêu thương người ấy cảm nhận được đối với ân tử không kể xiết của vợ mình về việc sinh nở và chăm sóc con cái.

Anh Cả Mason cũng có một kinh nghiệm khác chỉ vài tuần sau khi kết hôn mà đã giúp ông dành ưu tiên cho các trách nhiệm của mình đối với gia đình. Ông nói:

“Marie và tôi đã thỏa thuận với nhau rằng bà phải tiếp tục đi làm để cho tôi học xong trường y khoa. Mặc dù đây không phải là điều chúng tôi [muốn] làm, nhưng việc có con cái phải hoãn lại sau. [Trong khi xem một quyển tạp chí Giáo Hội ở nhà của cha mẹ tôi], tôi thấy một bài viết của Anh Cả Spencer W. Kimball, lúc bấy giờ thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai, [nhấn mạnh] đến các trách nhiệm liên quan đến hôn nhân. Theo Anh Cả Kimball thì một trách nhiệm thiêng liêng là sinh sản thêm nhiều, làm cho đầy đầy đất. Nhà của cha mẹ tôi [ở gần] Tòa Hành Chính của Giáo Hội. Tôi lập tức đi đến tòa nhà đó và 30 phút sau khi đọc bài viết của ông, thì tôi đã ngồi tại bàn làm việc của Anh Cả Spencer W. Kimball.” (Điều này không phải để làm vào ngày nay đâu.)

“Tôi giải thích rằng tôi muốn trở thành bác sĩ. Vì thế không còn cách nào khác là phải hoãn lại việc có con. Anh Cả Kimball kiên nhẫn lắng nghe và rồi với một giọng nói nhỏ nhẹ, ông đáp: ‘Anh Mason này, Chúa có muốn anh vi phạm một trong các lệnh truyền quan trọng của Ngài để anh trở thành bác sĩ không? Với sự giúp đỡ của Chúa, anh có thể có con mà vẫn trở thành bác sĩ. Đức tin của anh đâu rồi?’”



Anh Cả Mason nói tiếp: “Đứa con đầu lòng của chúng tôi ra đời chưa tới một năm sau đó. Marie và tôi làm việc siêng năng và Chúa đã mở cửa sổ thiên thượng xuống cho chúng tôi.” Gia đình Mason được ban phước với hai đứa con nữa trước khi ông tốt nghiệp trường y khoa bốn năm sau đó.⁹

Trên khắp thế giới, đây là thời kỳ bất ổn về kinh tế và tài chính. Trong đại hội trung ương tháng Tư, Chủ Tịch Thomas S. Monson đã nói: “Nếu các anh chị em lo lắng về việc chu cấp cho một người vợ và gia đình về mặt tài chính, thì tôi xin cam đoan với các anh chị em rằng việc một cặp vợ chồng phải sống tằn tiện không có gì là đáng xấu hổ cả. Nói chung, chính trong những lúc khó khăn này, các em sẽ gần gũi nhau hơn khi học cách hy sinh và lựa chọn những quyết định khó khăn.”¹⁰

Câu hỏi sâu sắc của Anh Cả Kimball “Đức tin của anh đâu rồi?” khiến chúng tôi tìm đến thánh thư.

A Đam và Ê Va có đứa con đầu lòng không phải trong Vườn Ê Đen. Khi rời khu vườn đó, “A Đam [và Ê Va] bắt đầu cuộc xới đất đai. . . . A Đam ăn ở với vợ mình; và người sinh . . . các con trai và con gái; và [khi hành động theo đức tin] họ bắt đầu sinh sản thêm nhiều và làm cho đầy đầy đất.”¹¹

Không phải là trong ngôi nhà ở Giê Ru Sa Lem của họ, với vàng bạc và châu báu, mà Lê Hi và Sa Ra đã sinh ra hai người con trai là Gia Cốp và Giô Sép, vì hành động theo đức tin.

Mà là trong vùng hoang dã. Lê Hi nói về đứa con trai tên Gia Cốp của mình là “đứa con đầu sinh của cha ra đời vào những ngày gian truân của cha trong vùng hoang dã.”¹² Lê Hi nói về Giô Sép: “Con đã sinh ra trong vùng hoang dã đầy đau khổ của [chúng ta]; phải, mẹ con đã mang thai con trong những ngày sầu khổ nhất của [chúng ta].”¹³

Trong sách Xuất Ê Díp Tô Ký, một người nam và người nữ đã kết hôn và khi hành động trong đức tin, đã sinh ra một đứa bé trai. Không có tấm bảng chào mừng ở trước cửa để loan báo sự ra đời của đứa bé đó. Họ mang giấu đứa bé đó vì Vua Pha Ra Ôn đã đưa ra chỉ thị rằng mỗi đứa con trai sơ sinh Y Sơ Ra Ên phải bị “liệt xuống sông.”¹⁴ Các anh chị em đã biết phần còn lại của câu chuyện: đứa bé được đặt nằm trong một cái rương nhỏ làm bằng mây, đem thả trên sông, được chị của nó đứng trông chừng, được con gái của Vua Pha Ra Ôn bắt gặp, và được mẹ ruột của nó chăm sóc với tư cách là người vú nuôi. Đứa con trai đó được mang trở lại cho con gái của Vua Pha Ra Ôn, là người xem nó như con trai mình và đặt tên cho nó là Môi Se.

Trong câu chuyện được mọi người yêu mến nhất về sự ra đời của một hài đồng, thì không có phòng dành cho em bé được trang trí hay cái nôi được thiết kế kiểu cọ—chỉ một cái máng ăn dành cho Đấng Cứu Rỗi của Thế Gian.

Trong “những lúc tốt đẹp nhất [và] . . . trong những lúc tệ hại nhất,”¹⁵ khi hành động trong đức tin, Các Thánh



Davao, Philippine

Hữu chân chính của Thượng Đế đã không bao giờ quên, gạt bỏ hay xao lãng “lệnh truyền của Thượng Đế . . . là phải sinh sôi nảy nở và làm cho đầy đầy trái đất” cả.¹⁶ Chúng ta tiến bước trong đức tin—và biết rằng quyết định có bao nhiêu con và khi nào có con là giữa người chồng, người vợ và Chúa. Chúng ta không nên phê phán nhau về vấn đề này.

Việc có con cái là một đề tài tế nhị mà có thể rất đau đớn đối với những phụ nữ ngay chính đã không có cơ hội kết hôn và có con. Đối với các chị em phụ nữ cao quý, Cha Thiên Thượng biết những lời cầu nguyện và ước muốn của các chị em. Chúng tôi biết ơn biết bao đối với ảnh hưởng đáng kể của các chị em, kể cả việc dang rộng vòng tay yêu thương đến các trẻ em là những người cần đức tin và sức mạnh của các chị em.

Việc có con cũng có thể là một đề tài làm đau lòng các cặp vợ chồng ngay chính đã kết hôn và thấy rằng mình không thể có con như họ hằng nôn nóng mong đợi, hoặc những cặp vợ chồng dự định sẽ có một gia đình

đồng con nhưng được ban phước với một gia đình ít con hơn.

Chúng ta không thể luôn luôn giải thích được những khó khăn trong cuộc sống trần thế của mình. Đôi khi, cuộc đời dường như rất bất công—nhất là khi ước muốn lớn nhất của chúng ta là làm đúng theo điều Chúa đã truyền lệnh. Với tư cách là tôi tớ của Chúa, tôi cam đoan với các anh chị em rằng lời hứa này là chắc chắn: “Các tín hữu trung thành nào có hoàn cảnh không cho phép họ nhận được các phước lành của hôn nhân vĩnh cửu và vai trò làm cha mẹ trong cuộc sống này, thì sẽ nhận được tất cả các phước lành đã được hứa trong thời vĩnh cửu, [khi] họ tuân giữ các giao ước đã lập với Thượng Đế.”¹⁷

Chủ Tịch J. Scott Dorius thuộc Phái Bộ Truyền Giáo Peru Lima West đã kể cho tôi nghe câu chuyện của họ. Ông nói:

“Becky và tôi kết hôn 25 năm mà không thể có con [hay có con nuôi]. Chúng tôi đã dọn nhà vài lần. Thật là ngượng ngùng và đôi khi rất đau lòng khi phải tự giới thiệu trong mỗi nơi ở

mới. Các tín hữu tiểu giáo khu tự hỏi tại sao chúng tôi [không có] con cái. Chúng tôi cũng tự hỏi điều đó.

“Khi tôi được kêu gọi với tư cách là giám trợ, các tín hữu trong tiểu giáo khu [bày tỏ] mối quan tâm rằng tôi không có kinh nghiệm nào với trẻ em và thanh thiếu niên. Tôi cảm ơn các tín hữu trong tiểu giáo khu về sự biểu quyết tán trợ của họ và yêu cầu họ cho phép tôi thực hành kỹ năng nuôi dạy con cái của mình với con cái của họ. Họ đã vui lòng cho phép tôi.

“Chúng tôi chờ đợi, đạt được viễn cảnh, và học được tính kiên nhẫn. Sau 25 năm kết hôn, một đứa bé nhiệm mầu bước vào cuộc đời chúng tôi. Chúng tôi nhận Nicole hai tuổi làm con nuôi và rồi sau đó là bé sơ sinh Nikolai. Giờ đây, những người không quen biết khen chúng tôi có hai đứa cháu xinh đẹp. Chúng tôi cười và nói: ‘Chúng là con của chúng tôi đó. Chúng tôi đã sống cuộc sống muộn màng.’”¹⁸

Thưa các anh chị em, chúng ta đừng nên phê phán nhau trong trách nhiệm thiêng liêng và riêng tư này.

“Đoan, [Chúa Giê Su] bắt một đứa trẻ . . . rồi ẵm nó trong tay, mà phán rằng . . .

“Hễ ai vì danh ta tiếp một đứa trong những đứa trẻ này, tức là tiếp ta; còn ai tiếp ta, . . . là tiếp Đấng đã sai ta vậy.”¹⁹

Thật là một phước lành kỳ diệu chúng ta có được để tiếp nhận các con trai và con gái của Thượng Đế vào nhà mình.

Chúng ta hãy khiêm nhường và thành tâm tìm kiếm để hiểu cùng chấp nhận các lệnh truyền của Thượng Đế, tôn kính lắng nghe tiếng nói của Đức Thánh Linh Ngài.

Gia đình là trọng tâm trong kế hoạch vĩnh cửu của Thượng Đế. Tôi làm chứng về phước lành lớn lao đối với con cái và hạnh phúc mà chúng sẽ mang đến cho chúng ta trong cuộc sống này và trong thời vĩnh cửu, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Môi Se 1:39.
2. Sáng Thế Ký 1:28.
3. “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
4. Theo Cơ Quan Khảo Sát Cộng Đồng Mỹ hàng năm, do Cục Điều Tra Dân Số Mỹ công bố, thì “Utah vẫn còn có các gia đình đông con nhất trong toàn quốc, tỷ lệ sinh đẻ cao nhất, tuổi trung bình thấp nhất, tuổi trẻ nhất khi kết hôn và hầu hết là những người mẹ ở nhà không đi làm” (“Who Are Utahns? Survey Shows We’re Highest, Lowest, Youngest,” *Salt Lake Tribune*, ngày 22 tháng Chín năm 2011, A1, A8).
5. E-mail nhận được từ Anh Cả James O. Mason, ngày 25 tháng Sáu năm 2011.
6. Thomas S. Monson, “Quyền Năng Chức Tư Tế,” *Liahona*, tháng Năm năm 2011, 66, 67.
7. Rachel Jankovic, “Motherhood Is a Calling (and Where Your Children Rank),” ngày 14 tháng Bảy năm 2011, desiringgod.org.
8. Xin xem “Jokes and Funny Stories about Children,” thejokes.co.uk/jokes-about-children.php.
9. E-mail nhận được từ Anh Cả James O. Mason, ngày 29 tháng Sáu năm 2011.
10. Thomas S. Monson, *Liahona*, tháng Năm năm 2011, 67.
11. Môi Se 5:1, 2.
12. 2 Nê Phi 2:1.
13. 2 Nê Phi 3:1.
14. Xuất Ê Díp Tô Ký 1:22.
15. Charles Dickens, *A Tale of Two Cities* (Signet Classic, 1997), 13.
16. *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
17. *Handbook 2: Administering the Church* (2010), 1.3.3.
18. E-mail nhận được từ Chủ Tịch J. Scott Dorius, ngày 28 tháng Tám năm 2011.
19. Mác 9:36–37.



Bài của Anh Cả Ian S. Arden

Thuộc Nhóm Túc Sở Thầy Bảy Mươi

Thời Gian Chuẩn Bị

Chúng ta cần phải dành hết thời giờ của mình cho những điều quan trọng nhất.

Chương tám của sách *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta* tập trung sự chú ý của chúng ta vào việc sử dụng thời giờ một cách khôn ngoan. Trong chương này, Anh Cả M. Russell Ballard nhắc chúng ta nhớ rằng chúng ta cần phải đặt ra các mục tiêu và học cách thông thạo những kỹ thuật để đạt được các mục tiêu này (xin xem *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta: Sách Hướng Dẫn cho Công Việc Phục Vụ Truyền Giáo* [2004], 146). Việc thông thạo các kỹ thuật cần thiết để đạt được các mục tiêu của chúng ta gồm có việc trở nên lão luyện để quản lý thời giờ của mình.

Tôi biết ơn tấm gương của Chủ Tịch Thomas S. Monson. Với tất cả những gì ông làm với tư cách là vị tiên tri của Thượng Đế, ông đã chắc chắn rằng mình vẫn còn đủ thời giờ để đi thăm người đau ốm (xin xem Lu Ca 17:12–14), nâng đỡ người nản lòng, và làm tôi tớ cho tất cả mọi người, như Đấng Cứu Rỗi đã làm. Tôi cũng biết ơn tấm gương của nhiều người khác đã ban phát thời giờ để phục vụ đồng bào của họ. Tôi làm chứng rằng việc ban phát thời giờ của chúng ta để phục vụ những người khác sẽ làm hài lòng Thượng Đế và việc làm này sẽ mang chúng ta đến gần Ngài hơn. Đấng Cứu Rỗi của chúng ta sẽ giữ đúng lời của Ngài để

“kẻ nào trung thành và khôn ngoan trong thời tại thế thì được xem là xứng đáng thừa hưởng những gian nhà mà Cha ta đã sửa soạn cho kẻ ấy” (GLGU 72:4).

Thời giờ không bao giờ dùng để bán; cho dù các anh chị em có cố gắng đến mấy đi nữa, thì thời giờ vẫn là một mặt hàng không thể mua được ở bất cứ cửa tiệm nào bằng bất cứ giá nào. Tuy nhiên, nếu được sử dụng một cách khôn ngoan, thì giá trị của thời giờ là vô hạn. Vào bất cứ ngày nào, chúng ta đều được cho cùng một số giờ số phút để sử dụng mà không phải trả tiền, và chẳng bao lâu chúng ta biết được rằng, như bài thánh ca quen thuộc đã dạy rất rõ: “Thời giờ trôi qua rất nhanh và một khi đã trôi qua rồi thì sẽ không bao giờ trở lại nữa” (“Improve the Shining Moments,” *Hymns*, số 226). Chúng ta cần phải sử dụng khôn ngoan bất cứ số thời giờ nào mình có được. Chủ Tịch Brigham Young nói: “Chúng ta đều mắc nợ Thượng Đế về khả năng sử dụng thời giờ sao cho có lợi ích, và Ngài sẽ đòi hỏi chúng ta một bản kê khai chính xác về việc sử dụng số thời giờ đó.” (*Teachings of Presidents of the Church: Brigham Young* [1997], 286).

Với những đòi hỏi đối với bản thân, chúng ta cần phải học cách

đặt ưu tiên để lựa chọn những điều phù hợp với các mục tiêu của mình hoặc là dành thời giờ cho quá nhiều sinh hoạt lãng phí thời gian. Chúng ta đã được Đức Thầy giảng dạy kỹ về những điều ưu tiên khi Ngài phán trong Bài Giảng trên Núi: “Vậy nên, chớ có tìm kiếm những điều của thế gian mà trước hết, hãy tìm kiếm để xây đắp vương quốc của Thượng Đế, và thiết lập sự ngay chính của Ngài” (Ma Thi Ơ 6:33, cước chú a; từ Bản Dịch của Joseph Smith, Ma Thi Ơ 6:38). (Xin xem thêm Dallin H. Oaks, “Sự Chú Tâm và Những Điều Ưu Tiên,” *Liahona*, tháng Bảy năm 2001, 99–102.)

An Ma đã nói về những điều ưu tiên khi ông dạy rằng “cuộc đời này trở thành một trạng thái thử thách; một thời gian chuẩn bị để gặp Thượng Đế” (An Ma 12:24). Cách hữu hiệu nhất để sử dụng thời gian quý báu nhằm chuẩn bị gặp Thượng Đế có thể đòi hỏi một sự hướng dẫn nào đó, nhưng chắc chắn là chúng ta sẽ đặt ưu tiên cao nhất cho Chúa và gia đình mình. Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf nhắc chúng ta nhớ rằng “trong mỗi quan hệ gia đình, *tình yêu thương* thật sự được biểu lộ trong *thời gian dành cho nhau*” (“Về Những Điều Quan Trọng Hơn Hết,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 22). Tôi làm chứng rằng khi chúng ta thành tâm và chân thành tìm kiếm giúp đỡ, thì Cha Thiên Thượng sẽ giúp chúng ta xem trọng điều gì đáng để dành thời gian ra hơn là cho một điều nào khác.

Việc sử dụng thời giờ một cách đại dốt liên quan đến tính lười biếng. Khi tuân theo lệnh truyền phải thôi biếng nhác (GLGU 88:124), chúng ta cần phải chắc chắn rằng việc bận rộn của mình phải dành cho điều hữu ích. Ví dụ, thật là tuyệt vời khi ta có thể truyền tải thông tin cho nhau ngay lập tức mà chỉ cần sử dụng mấy ngón tay, nhưng chúng ta cũng phải chắc chắn rằng mình không quá đam mê phương tiện truyền thông nhanh nhạy này. Tôi cảm thấy rằng một số người đã bị sa vào kiểu nghiện ngập mới mẻ tốn nhiều thời giờ—một kiểu nghiện ngập bắt chúng ta phải liên tục xem

và gửi đi những lời nhắn với bạn bè và người quen biết, do đó đã gây ra cảm tưởng sai lầm là mình đang bận rộn với điều hữu ích.

Có rất nhiều điều lợi ích khi chúng ta tiếp cận với các phương tiện truyền thông và thông tin. Tôi đã thấy rằng việc truy cập những bài nghiên cứu, bài nói chuyện trong đại hội, các hồ sơ sưu tầm tổ tiên, và nhận được e-mail, những điều nhắc nhở trên Facebook, cập nhật trên Tweets, và lời nhắn trên điện thoại đều rất hữu ích. Cho dù những điều này có tốt đến mấy đi nữa, chúng ta cũng không thể để cho chúng thay thế những điều quan trọng nhất. Thật đáng buồn nếu điện thoại và máy vi tính với tất cả sự tinh vi của chúng lại thay thế sự đơn giản của lời cầu nguyện chân thành lên Cha Thiên Thượng nhân từ. Chúng ta hãy luôn luôn nhanh chóng quỳ xuống cầu nguyện như chúng ta gỡ lời nhắn trên điện thoại.

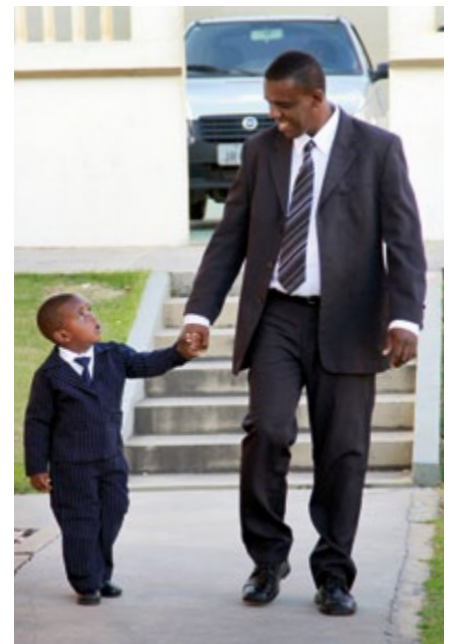
Những trò chơi điện tử và việc kết bạn, quen biết trực tuyến không thể thay thế lâu dài cho bạn bè thực sự là những người có thể cho chúng ta một cái ôm khuyến khích, có thể cầu nguyện và tìm kiếm điều gì mang lại lợi ích tốt nhất cho chúng ta. Tôi biết ơn biết bao khi thấy các thành viên trong nhóm túc số, lớp học, và Hội Phụ Nữ đoàn kết để hỗ trợ lẫn nhau. Trong những dịp như vậy, tôi đã hiểu rõ hơn ý nghĩa của câu nói sau đây của Sứ Đồ Phao Lô: “Đường ấy anh em chẳng phải là người ngoại, cũng chẳng phải là kẻ ở trọ nữa, nhưng là người đồng quốc với các thánh đồ” (Ê Phê Sô 2:19).

Tôi biết chúng ta có được hạnh phúc nhiều nhất khi tập trung sự chú ý của mình vào Chúa (xin xem An Ma 37:37) cũng như những điều mang lại phần thưởng lâu dài hơn là việc đại dốt dành ra vô số giờ để sử dụng phương tiện liên lạc trực tuyến và chơi các trò chơi điện tử. Tôi khuyến khích mỗi người chúng ta nên loại bỏ những điều đang đánh cắp thời giờ quý báu của mình và quyết tâm phải làm chủ chúng thay vì để cho chúng làm chủ chúng ta qua tính chất gây nghiện của chúng.

Để được bình an như Đấng Cứu Rỗi đã đề cập đến (xin xem Giảng 14:27), chúng ta cần phải dành hết thời giờ của mình cho những điều quan trọng nhất, và những sự việc quan trọng nhất của Thượng Đế. Khi giao tiếp với Thượng Đế bằng lời cầu nguyện chân thành, đọc và học thánh thư mỗi ngày, suy ngẫm về điều mình đã đọc và cảm thấy, rồi áp dụng và sống theo các bài học đã học được, thì chúng ta đến gần Ngài hơn. Lời hứa của Thượng Đế là nếu chúng ta chuyên tâm tìm kiếm từ những quyển sách hay nhất thì “[Ngài] sẽ ban cho [chúng ta] sự hiểu biết bằng Đức Thánh Linh của Ngài” (GLGU 121:26; xin xem thêm GLGU 109:14–15).

Sa Tan sẽ cám dỗ để chúng ta lạm dụng thời gian của mình bằng những điều xao lãng trá hình. Mặc dù sẽ có những cám dỗ, nhưng Anh Cả Quentin L. Cook đã dạy rằng “Các Thánh Hữu nào đáp ứng theo sự điệp của Đấng Cứu Rỗi thì sẽ không bị dẫn đi lạc lối bởi những mưu cầu đầy xao lãng và phá hoại” (“Are You a Saint?” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2003, 96). Hiram Page, một trong Tám Nhân Chứng của Sách Mặc Môn đã dạy chúng ta một bài học quý báu về những điều xao

Salvador, Brazil



lãng. Ông có được một viên đá nào đó và khi nhìn vào viên đá đó ông đã ghi chép điều ông cho là những điều mặc khải cho Giáo Hội (xin xem GLGU 28). Sau khi ông bị khiển trách, có người thuật lại rằng viên đá đó bị lấy đi và đập nát ra như bột để nó sẽ không bao giờ còn là một điều xao lãng nữa. ¹ Tôi xin mời chúng ta hãy nhận ra những điều xao lãng làm tổn thời giờ trong cuộc sống của mình, mà theo nghĩa bóng có thể phải bị đập nát ra thành tro. Chúng ta sẽ cần phải có óc xét đoán khôn ngoan để chắc chắn rằng cách mình sử dụng thời giờ phải được cân bằng một cách chính xác dành cho Chúa, gia đình, việc làm, và những sinh hoạt giải trí lành mạnh. Như nhiều người đã khám phá ra, cuộc sống sẽ được hạnh phúc hơn khi chúng ta sử dụng thời giờ của mình để tìm kiếm những điều “đạo đức, đáng yêu chuộng, hay có tiếng tốt hay đáng khen” (Những Tín Điều 1:13).

Thời gian trôi qua rất nhanh. Trong khi thời gian của cuộc sống trần thế của chúng ta trôi qua, ngày hôm nay sẽ là một ngày tốt để xem lại điều chúng ta đang làm để chuẩn bị gặp Thượng Đế. Tôi làm chứng rằng có những phần thưởng lớn lao cho những người dành ra thời giờ trong cuộc sống trần thế để chuẩn bị cho cuộc sống bất diệt và vĩnh cửu. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem biên bản chung của Giáo Khu Provo Utah Central, ngày 6 tháng Tư năm 1856, tập 10 (năm 1855–60), Thư Viện Lịch Sử Giáo Hội, Salt Lake City, 273 (cách đánh vần, phép chấm câu và viết chữ hoa đã được hiện đại hóa): “Tổ Phụ [Emer] Harris nói rằng Các Sứ Đồ bảo chúng ta phải chống lại sự thống trị của vua và thế lực ở những nơi cao. Anh Hiram Page đào ra từ lòng đất một hòn đá màu đen [và] bỏ vào túi mình. Khi về nhà, ông nhìn vào hòn đá ấy. Nó chứa đựng vừa đủ một câu văn trên một tờ giấy. Ngay khi ông viết một câu, thì có một câu khác hiện lên trên hòn đá, cho đến khi ông viết được 16 trang. Người ta kể cho Anh Joseph nghe về sự kiện đó. Có một người đã hỏi Joseph là điều đó có đúng không. Ông nói rằng ông không biết, nhưng ông cầu nguyện và nhận được mặc khải rằng viên đá đó thuộc về quý dữ. Rồi viên đá đó bị đập nát ra như bột và những điều viết ra bị đốt cháy. Đó là việc làm của quyền năng bóng tối. A Men.”



Bài của Anh Cả Carl B. Cook
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Nên Nhìn Lên Là Tốt Hơn

Nếu sử dụng đức tin của mình và trông cậy vào Thượng Đế để được giúp đỡ, giống như Chủ Tịch Monson, thì chúng ta sẽ không bị tràn ngập với các gánh nặng của cuộc sống.

Vào cuối một ngày vô cùng mệt mỏi sau gần cả tuần lễ đầu tiên với tư cách là một Vị Thẩm Quyền Trung Ương, cái cặp của tôi trĩu nặng và tâm trí của tôi lo lắng với câu hỏi “Bằng cách nào tôi có thể làm được điều này?” Tôi rời văn phòng của Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười và đi vào thang máy của Tòa Nhà Hành Chính của Giáo Hội. Trong khi thang máy đang xuống, tôi cúi đầu và ngửa ra nhìn sàn nhà.

Cửa thang máy mở ra và một người nào đó bước vào, nhưng tôi không nhìn lên. Khi cửa đóng lại, tôi nghe người nào đó hỏi: “Anh đang nhìn cái gì dưới đó vậy?” Tôi nhận ra tiếng nói ấy—đó là Chủ Tịch Thomas S. Monson.

Tôi nhanh chóng nhìn lên và đáp: “Dạ không có gì cả ạ.” (Tôi chắc rằng câu trả lời thông minh đó cho tôi cảm thấy sự tin tưởng nơi khả năng của mình!)

Nhưng ông đã nhìn thấy diện mạo lo âu và cái cặp nặng nề của tôi. Ông mỉm cười và ân cần đề nghị đồng thời chỉ lên trời: “Nên nhìn lên thì tốt hơn đấy!” Khi chúng tôi đi xuống thêm

một tầng nữa, ông vui vẻ giải thích rằng ông đang trên đường đi đến đền thờ. Khi ông chia tay tôi, cái nhìn của ông dường như nói với tôi một lần nữa: “Này, hãy nhớ nhé, nên nhìn lên thì tốt hơn đấy.”

Sau khi chúng tôi chia tay nhau, những lời của một câu thánh thư hiện lên trong tâm trí tôi: “Hãy tin nơi Thượng Đế; hãy tin là Ngài hằng hữu . . . ; hãy tin rằng Ngài có mọi sự thông sáng, mọi quyền năng, cả trên trời lẫn dưới đất.”¹ Trong khi tôi nghĩ tới quyền năng của Cha Thiên Thượng và Chúa Giê Su Kỵ Tô, lòng tôi tìm được niềm an ủi mà tôi đã tìm kiếm một cách vô ích dưới cái sàn thang máy đang xuống đó.

Kể từ lúc đó, tôi đã suy ngẫm về kinh nghiệm này và vai trò của các vị tiên tri. Tôi đã cảm thấy gánh nặng và đầu tôi cúi xuống. Khi vị tiên tri nói, tôi nhìn vào ông. Ông đã chuyển điểm nhìn của tôi lên Thượng Đế, là nơi tôi có thể được chữa lành và củng cố nhờ vào Sự Chuộc Tội của Đấng Kỵ Tô. Đó là điều mà các vị tiên tri làm cho chúng ta. Họ dẫn chúng ta đến Thượng Đế.²

Tôi làm chứng rằng Chủ Tịch Monson không những là một vị tiên tri, tiên kiến và mặc khải mà ông còn là một tấm gương tuyệt diệu về việc sống theo nguyên tắc nhìn lên. Ông có thể cảm thấy trách nhiệm của mình là nặng nề so với trách nhiệm của tất cả mọi người khác. Thay vì thế, ông đã sử dụng đức tin lớn lao và tràn đầy lạc quan, sự thông sáng, và tình yêu thương dành cho những người khác. Thái độ của ông làm cho ông trở nên lạc quan và cam kết. Ông tin cậy Chúa cùng trông cậy vào Ngài để có được sức mạnh và Chúa ban phước cho ông.

Kinh nghiệm đã dạy cho tôi biết rằng nếu sử dụng đức tin của mình và trông cậy vào Thượng Đế để được giúp đỡ, giống như Chủ Tịch Monson, thì chúng ta sẽ không bị tràn ngập với các gánh nặng của cuộc sống. Chúng ta sẽ không cảm thấy thiếu khả năng để làm điều mình được kêu gọi để làm hoặc cần phải làm. Chúng ta sẽ được củng cố, cuộc sống của chúng ta sẽ tràn đầy bình an và niềm vui.³ Chúng ta sẽ tiến đến việc biết rằng hầu hết những điều chúng ta lo lắng thì không có ý nghĩa vĩnh cửu nào cả—và nếu có đi chăng nữa, thì Chúa cũng sẽ giúp đỡ chúng ta. Nhưng chúng ta cần phải có đức tin để nhìn lên và can đảm để tuân theo sự hướng dẫn của Ngài.

Tại sao việc thường xuyên nhìn lên trong cuộc sống của chúng ta là một thử thách? Có lẽ chúng ta thiếu đức tin rằng một hành động đơn giản như vậy có thể giải quyết các vấn đề của mình. Ví dụ, khi con cái của Y Sơ Ra Ên bị rắn độc cắn, Môi Se đã được truyền lệnh phải treo con rắn bằng đồng lên trên cây sào. Con rắn bằng đồng tượng trưng cho Đấng Ky Tô. Những người nhìn lên con rắn đó, như đã được vị tiên tri khuyên bảo, đều được chữa lành.⁴ Nhưng nhiều người khác không nhìn lên, và họ đã chết.⁵

An Ma đồng ý rằng lý do dân Y Sơ Ra Ên không nhìn đến con rắn là vì họ đã không tin là việc làm điều đó sẽ chữa lành cho họ. Những lời của An Ma rất thích hợp với chúng ta ngày nay:

“Hỡi đồng bào, nếu các người chỉ có việc đưa mắt lên nhìn là sẽ được chữa lành, thì các người có nên mau



lẹ nhìn lên không, hay các người vẫn chai đá trong lòng vì sự vô tín ngưỡng và biếng nhác . . . ?

“Nếu quả thật như vậy, thì sự bất hạnh sẽ đến với các người; còn nếu không, thì các người hãy ngược mắt lên nhìn và bắt đầu tin nơi Vị Nam Tử của Thượng Đế, rằng Ngài sẽ đến để cứu chuộc dân Ngài, và Ngài sẽ chịu thống khổ và chết để chuộc tội cho [chúng ta]; và rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết.”⁶

Lời Chủ Tịch Monson khuyến khích tôi nên nhìn lên là một ẩn dụ để tưởng nhớ tới Đấng Ky Tô. Khi tưởng nhớ tới Ngài và tin cậy vào quyền năng của Ngài, chúng ta nhận được sức mạnh nhờ vào Sự Chuộc Tội của Ngài. Đó là phương tiện nhằm giúp chúng ta có thể bớt được lo âu, gánh nặng và nỗi khổ sở của mình. Đó là phương tiện nhằm giúp chúng ta có thể được tha thứ và chữa lành khỏi nỗi đau đớn vì tội lỗi của mình. Đó là phương tiện nhằm giúp chúng ta có thể nhận được đức tin cùng sức mạnh để chịu đựng mọi điều.⁷

Mới đây, Chị Cook và tôi tham dự một đại hội phụ nữ ở Nam Phi. Sau khi lắng nghe một số sử điệp đầy soi dẫn về việc áp dụng Sự Chuộc Tội vào cuộc sống của chúng ta, chủ tịch Hội Phụ Nữ giáo khu mời mọi người đi ra ngoài. Mỗi người chúng tôi được đưa cho một cái bong bóng. Chị ấy giải thích rằng cái bong bóng của chúng tôi tượng trưng cho bất cứ gánh nặng, thử thách hay gian nan nào đang giữ chúng ta lại trong cuộc sống của mình. Khi đếm đến ba, thì chúng tôi thả cái bong bóng hoặc “gánh nặng” của mình ra. Khi chúng tôi nhìn lên và

nhìn theo gánh nặng của mình lơ lửng bay lên cao, thì nghe được một tiếng “Ahhhh.” Hành động giản dị đó để thả cái bong bóng ra đã là một điều nhắc nhở tuyệt diệu về niềm vui không tả xiết có được từ việc nhìn lên và nghĩ tới Đấng Ky Tô.

Không giống như việc thả một cái bong bóng, việc nhìn lên trong phương diện thuộc linh không phải là một kinh nghiệm chỉ xảy đến một lần. Chúng ta biết được từ lời cầu nguyện Tiệc Thánh rằng chúng ta phải luôn luôn tưởng nhớ tới Ngài và tuân giữ các giáo lệnh của Ngài, rằng chúng ta có thể có được Thánh Linh ở cùng với mình mỗi ngày để hướng dẫn chúng ta.⁸

Khi con cái Y Sơ Ra Ên lang thang trong vùng hoang dã, Chúa đã hướng dẫn cuộc hành trình của họ mỗi ngày khi họ trông cậy Ngài để được hướng dẫn. Chúng ta đọc trong sách Xuất Ê Díp Tô Ký: “Đức Giê Hô Va đi trước dân sự, ban ngày ở trong một trụ mây, để dẫn đường đi; ban đêm trong một trụ lửa, để soi sáng cho chúng.”⁹ Sự dẫn đường của Ngài là liên tục, và tôi xin khiêm nhường làm chứng rằng Chúa có thể làm như vậy đối với chúng ta.

Vậy thì Ngài sẽ hướng dẫn chúng ta như thế nào trong ngày nay? Qua các vị tiên tri, sứ đồ và các vị lãnh đạo chức tư tế và qua những cảm nghĩ đến với chúng ta sau khi bày tỏ ước muốn sâu xa nhất của mình lên Cha Thiên Thượng trong lời cầu nguyện. Ngài hướng dẫn chúng ta khi chúng ta từ bỏ những sự việc của thế gian, hối cải và thay đổi. Ngài hướng dẫn chúng ta khi chúng ta tuân giữ các giáo lệnh của Ngài và cố gắng giống như Ngài

hơn. Và Ngài hướng dẫn chúng ta qua Đức Thánh Linh.¹⁰

Để được hướng dẫn trong cuộc hành trình của cuộc sống và có được sự đồng hành thường xuyên của Đức Thánh Linh, chúng ta cần phải có “tai để nghe” và “mắt để thấy,” cả hai đều hướng lên trên.¹¹ Chúng ta cần phải hành động theo sự hướng dẫn mình nhận được. Chúng ta cần phải nhìn lên và tiến bước. Và khi làm như vậy, tôi biết rằng chúng ta sẽ vui mừng, vì Thượng Đế muốn chúng ta được hạnh phúc.

Chúng ta là con cái của Cha Thiên Thượng. Ngài muốn dự phần vào cuộc sống của chúng ta, ban phước và giúp đỡ chúng ta. Ngài sẽ chữa lành những vết thương, lau khô nước mắt của chúng ta, và giúp chúng ta dọc theo con đường của mình để trở lại nơi hiện diện của Ngài. Khi chúng ta trông cậy vào Ngài, Ngài sẽ hướng dẫn chúng ta.

*Giê Su là sự sáng. Ta há sợ chi nữa?
Mỗi phút ngày hay đêm có Chúa gần
bên hoài. . . .*

*Là nguồn vui sướng, là bài ca
Mọi lúc đêm hay ngày Giê Su đưa dắt
điều bước tôi.¹²*

Tôi làm chứng rằng các tội lỗi đã được tha thứ và các gánh nặng được làm nhẹ đi khi chúng ta trông cậy Đấng Ky Tô. “Chúng ta hãy nhớ đến Ngài, . . . và đừng cúi gằm mặt xuống,”¹³ bởi vì, như Chủ Tịch Monson nói: “Nên nhìn lên thì tốt hơn.”

Tôi làm chứng rằng Chúa Giê Su là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Mô Si A 4:9.
2. Xin xem 2 Nê Phi 25:23, 26.
3. Xin xem Mô Si A 24:15.
4. Xin xem Dân Số Ký 21:8-9.
5. Xin xem 1 Nê Phi 17:41.
6. An Ma 33:21-22; xin xem thêm các câu 19-20.
7. Xin xem An Ma 36:3, 17-21; 3 Nê Phi 9:13.
8. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 20:77.
9. Xuất Ê Díp Tô Ký 13:21.
10. Xin xem 2 Nê Phi 9:52; 31:13; Giáo Lý và Giao Ước 121:46.
11. Châm Ngôn 20:12.
12. “Chúa Là Sự Sáng của Tôi,” *Thánh Ca*, số 103.
13. 2 Nê Phi 10:20.



Bài của Anh Cả LeGrand R. Curtis Jr.
Thuộc Nhóm Túc Sở Thầy Bảy Mười

Sự Cứu Chuộc

Qua Đấng Ky Tô, con người có thể và quả thật thay đổi cuộc sống của họ và nhận được sự cứu chuộc.

Có nhiều danh xưng khác nhau được dùng để nói tới Chúa Giê Su Ky Tô. Các danh xưng này mang đến cho chúng ta sự hiểu biết về những khía cạnh khác nhau của sứ mệnh chuộc tội của Chúa. Hãy lấy ví dụ danh xưng “Đấng Cứu Rỗi.” Chúng ta đều ý thức về ý nghĩa của việc được cứu rỗi vì mỗi người chúng ta đều đã được giải cứu khỏi một điều gì đó vào một lúc nào đó. Lúc còn nhỏ, khi tôi và chị tôi đang chơi trong một cái thuyền nhỏ trên sông, thì chúng tôi đã dại dột rời bỏ khu vực đang chơi an toàn và tự thấy mình bị dòng nước cuốn trôi đến vùng hạ lưu xa lạ đầy nguy hiểm. Đáp lời kêu cứu, cha chúng tôi chạy đến giải cứu chúng tôi ra khỏi mối hiểm nguy của dòng sông. Khi nghĩ đến sự giải cứu, tôi nghĩ tới kinh nghiệm đó.

Danh xưng “Đấng Cứu Chuộc” mang đến những hiểu biết tương tự. “Cứu chuộc” có nghĩa là mua hay mua lại. Như trong vấn đề pháp lý, tài sản được chuộc bằng cách trả hết tiền thế chấp hay các món nợ thế chấp khác về tài sản đó. Trong thời Cựu Ước, luật Môi Se cung ứng những cách khác nhau để các tội tở và tài sản có thể được giải phóng, hay được chuộc, bằng việc trả tiền (xin xem Lê Vi Ký 25:29-32, 48-55).

Từ *cứu chuộc* được sử dụng trong

kinh thánh một cách nổi bật liên quan đến việc giải phóng các con cái Y Sơ Ra Ên ra khỏi vòng nô lệ ở Ai Cập. Sau cuộc giải phóng đó, Môi Se nói với họ: “Vì Đức Giê Hô Va thương yêu các người, . . . nên [Ngài] nhờ tay mạnh rút các người ra, chuộc khỏi nhà nô lệ, và cứu khỏi tay Pha Ra Ôn, vua xứ Ê Díp Tô” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 7:8).

Đề tài về Đức Giê Hô Va cứu chuộc dân Y Sơ Ra Ên khỏi cảnh nô lệ được lặp lại nhiều lần trong thánh thư. Điều này nhằm nhắc nhở về lòng nhân từ của Chúa trong việc giải thoát con cái Y Sơ Ra Ên khỏi dân Ai Cập. Nhưng điều này cũng nhằm giảng dạy họ rằng sẽ có một sự cứu chuộc khác quan trọng hơn, dành cho dân Y Sơ Ra Ên. Lê Hi dạy: “Rồi Đấng Mê Si sẽ đến trong thời kỳ trọn vẹn để Ngài có thể cứu chuộc con cái loài người khỏi sự sa ngã” (2 Nê Phi 2:26).

Tác giả Thi Thiên viết: “Nhưng Đức Chúa Trời sẽ chuộc linh hồn tôi khỏi quyền âm phủ” (Thi Thiên 49:15).

Chúa đã phán qua Ê Sai: “Ta đã xóa sự phạm tội người như mây đậm, và tội lỗi người như đám mây. Hãy trở lại cùng ta, vì ta đã chuộc người” (Ê Sai 44:22).

Dĩ nhiên, sự cứu chuộc được nói đến trong ba câu thánh thư này chính là Sự Chuộc Tội của Chúa Giê



Su Ky Tô. Đây là “sự cứu chuộc dồi dào” do Thượng Đế nhân từ ban cho (Thi Thiên 130:7). Sự cứu chuộc này không giống như những sự cứu chuộc dưới luật pháp Môi Se hay trong sự thỏa thuận pháp lý hiện đại, cũng không “bởi vật hay hư nát như bạc hoặc vàng” (1 Phi E Rơ 1:18). “Ấy là trong [Đấng Ky Tô], chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha tội, theo sự dư dật của ân điển Ngài” (Ê Phê Sô 1:7). Chủ Tịch John Taylor dạy rằng nhờ vào sự hy sinh của Đấng Cứu Chuộc, “món nợ đã được trả, sự cứu chuộc đã được thực hiện, giao ước đã được làm tròn, công lý đã được thỏa mãn, ý muốn của Thượng Đế đã được hoàn thành, và tất cả quyền năng được . . . ban vào tay của Vị Nam Tử của Thượng Đế” (*Teachings of Presidents of the Church: John Taylor* [2001], 44).

Tác dụng của sự cứu chuộc này bao gồm việc khắc phục cái chết thể xác cho tất cả con cái của Thượng Đế. Đó là, cái chết thể xác được khắc phục và tất cả mọi người đều sẽ được phục sinh. Một khía cạnh khác về sự cứu chuộc này của Đấng Ky Tô là chiến thắng cái chết thuộc linh. Qua nỗi đau đớn và cái chết của Ngài, Đấng Ky Tô đã chuộc trả các tội lỗi

của tất cả nhân loại với điều kiện là phải có sự hối cải của cá nhân.

Như vậy, nếu hối cải, chúng ta có thể được tha thứ các tội lỗi của mình, cái giá đó đã được Đấng Cứu Chuộc trả rồi. Đây là một tin lành cho tất cả chúng ta: “vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Rô Ma 3:23). Những người nào đã lạc xa khỏi những lối đi ngay chính đều rất cần sự cứu chuộc này, và nếu họ hối cải hoàn toàn, thì họ được quyền thỉnh cầu sự cứu chuộc này. Nhưng những người đã cố gắng nhiều để sống một cuộc sống tốt lành đều cũng rất cần sự cứu chuộc này, vì không một ai có thể tới được nơi hiện diện của Đức Chúa Cha mà không cần sự giúp đỡ của Đấng Ky Tô. Do đó, sự cứu chuộc đầy nhân từ này cho phép luật công lý và thương xót được thỏa mãn trong cuộc sống của tất cả những người hối cải và noi theo Đấng Ky Tô.

*Thật vĩ đại, thật quá hiển vinh thay,
Kế hoạch cứu chuộc thể gian!
Cứu Chúa xót thương ban cho công lý,
Hợp hòa chung với tình thương!
 (“Tình Yêu và Sự Khôn Ngoan Lớn
Lao,” *Thánh Ca và Các Bài Ca Thiếu
Nhi*, trang 19)*

Chủ Tịch Boyd K. Packer dạy: “Có một Đấng Cứu Chuộc, là Đấng Trung Gian, sẵn sàng cũng như có thể thỏa mãn những đòi hỏi của công lý và mở rộng lòng thương xót cho những người biết hối cải” (“The Mediator,” *Ensign*, tháng Năm năm 1977, 56).

Các thánh thư, văn học và kinh nghiệm của cuộc sống đều chứa đầy những câu chuyện cứu chuộc. Qua Đấng Ky Tô, con người có thể và quả thật thay đổi cuộc sống của họ và nhận được sự cứu chuộc. Tôi yêu thích những câu chuyện về sự cứu chuộc.

Tôi có một người bạn không tuân theo những lời giảng dạy của Giáo Hội trong thời niên thiếu. Khi trưởng thành, anh ấy đã nhận ra điều mình thiếu sót vì đã không sống theo phúc âm. Anh ấy hối cải, thay đổi lối sống của mình, và tận tụy sống một cuộc sống ngay chính. Một ngày nọ, nhiều năm sau thời gian làm bạn với nhau khi còn trẻ, tôi gặp anh ấy trong đền thờ. Ánh sáng phúc âm rực chiếu trong đôi mắt anh, và tôi cảm thấy rằng anh là một tín hữu tận tâm của Giáo Hội đang cố gắng sống hoàn toàn theo phúc âm. Câu chuyện của anh là một câu chuyện về sự cứu chuộc.

Có lần tôi phỏng vấn một phụ nữ để chịu phép báp têm. Chị ấy đã phạm một tội rất nặng. Trong lúc phỏng vấn, tôi hỏi chị ấy có hiểu rằng mình không bao giờ có thể lập lại tội đó nữa không. Với nỗi xúc động lớn trong đôi mắt và giọng nói, chị ấy nói: “Thưa Chủ Tịch, tôi không thể nào phạm tội đó được nữa. Đó là lý do tôi muốn chịu phép báp têm—để thanh tẩy mình khỏi những hậu quả của tội lỗi khủng khiếp đó.” Câu chuyện của chị ấy là một câu chuyện về sự cứu chuộc.

Trong những năm gần đây, khi đi thăm các đại hội giáo khu và các buổi họp khác, tôi đã ghi nhớ lời khuyên dạy của Chủ Tịch Thomas S. Monson để giải cứu các tín hữu kém tích cực của Giáo Hội. Tại một đại hội giáo khu, tôi đã kể câu chuyện về một tín hữu kém tích cực đã trở lại sinh hoạt tích cực sau khi vị giám trợ của người ấy cùng các vị lãnh đạo khác đến thăm ở nhà người ấy, họ nói rằng

họ cần người ấy, và kêu gọi người ấy phục vụ trong tiểu giáo khu. Người trong câu chuyện đó không những chấp nhận sự kêu gọi ấy mà còn thay đổi cuộc sống cũng như thói quen của mình và trở nên hoàn toàn tích cực trong Giáo Hội.

Một người bạn của tôi đang ngồi trong giáo đoàn nơi tôi kể câu chuyện đó. Diện mạo của anh ấy thay đổi rõ rệt khi câu chuyện được kể ra. Ngày hôm sau, anh gửi cho tôi một e-mail nói về lý do tại sao anh có phản ứng xúc động đối với câu chuyện đó là vì câu chuyện về người cha vợ của anh trở lại hoạt động tích cực trong Giáo Hội cũng rất giống với câu chuyện tôi đã kể. Anh ấy cho tôi biết rằng nhờ vào cuộc viếng thăm tương tự của một vị giám trợ và lời mời phục vụ trong Giáo Hội, nên người cha vợ của anh đã đánh giá lại cuộc sống và chứng ngôn của mình, thay đổi một số điều đáng kể trong cuộc sống của ông và chấp nhận sự kêu gọi đó. Người đàn ông ấy đã được giúp trở lại hoạt động tích cực hiện có 88 con cháu là các tín hữu tích cực của Giáo Hội.

Vài ngày sau, tại một buổi họp, tôi kể cả hai câu chuyện đó. Ngày hôm sau, tôi nhận được một e-mail khác bắt đầu với câu “Đó cũng là câu chuyện về cha tôi.” Cái e-mail đó từ một chủ tịch giáo khu, cho biết cha ông đã được mời phục vụ trong Giáo Hội như thế nào, mặc dù ông đã không tích cực và có một số thói quen cần phải thay đổi. Ông đã chấp nhận lời mời đó, và đã hối cải, rồi cuối cùng phục vụ với tư cách là chủ tịch giáo khu, sau đó là chủ tịch phái bộ truyền giáo, và đặt nền tảng cho con cháu của ông là các tín hữu trung thành của Giáo Hội.

Một vài tuần sau, tôi kể cả ba câu chuyện đó trong một đại hội giáo khu khác. Sau buổi họp, một người đến nói cho tôi biết rằng đó *không phải* là câu chuyện về cha của ông. Mà đó là câu chuyện về *ông*. Ông cho tôi biết về những sự kiện đã dẫn ông đến sự hối cải và trở lại tích cực hoàn toàn trong Giáo Hội. Và cứ như thế. Khi mang theo sự kêu gọi giải cứu những người kém tích cực, thì tôi nghe hết câu chuyện này đến câu



chuyện khác về những người đã đáp ứng lời mời trở lại và thay đổi cuộc sống của họ. Tôi đã nghe hết câu chuyện này đến câu chuyện khác về sự cứu chuộc.

Mặc dù chúng ta không thể nào đền trả lại Đấng Cứu Chuộc những gì Ngài đã trả thay cho chúng ta, nhưng kế hoạch cứu chuộc kêu gọi các nỗ lực tốt nhất của chúng ta để hối cải hoàn toàn và làm theo ý muốn của Thượng Đế. Sứ Đồ Orson F. Whitney viết:

*Đấng Cứu Rồi, Đấng Cứu Chuộc của
linh hồn tôi,
Bàn tay mạnh mẽ của Ngài đã chữa
lành tôi,
Quyền năng kỳ diệu của Ngài đã
nâng tôi lên
Và làm chén đắng của tôi tràn đầy
ngọt ngào!
Làm sao tôi có thể nói lên lòng biết ơn
của mình,
Ôi Thượng Đế đầy ân điển của Y Sơ
Ra Ên.*

*Chúa ơi, con không bao giờ có thể đền
trả lại Ngài,
Nhưng con có thể yêu mến Ngài. Lời
thanh khiết của Ngài,
Đã chẳng phải là một niềm vui thích
của con,
Niềm vui của con ban ngày, giấc mơ
của con ban đêm sao?
Rồi đôi môi con vẫn còn rao truyền
lời Ngài,
Và tất cả cuộc sống của con phản ánh
ý muốn của Ngài.
("Savior, Redeemer of My Soul,"
Hymns, số 112)*

Tôi làm chứng về quyền năng của Sự Chuộc Tội của Đấng Ky Tô. Khi hối cải và đến cùng Ngài, chúng ta có thể nhận được tất cả các phước lành của cuộc sống vĩnh cửu. Cầu xin cho chúng ta có thể làm như vậy, nhận được câu chuyện của riêng mình về sự cứu chuộc, là lời cầu nguyện của tôi trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả D. Todd Christofferson
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Ân Tứ Thiêng Liêng về Sự Hối Cải

Chỉ qua sự hối cải, chúng ta mới nhận được ân điển chuộc tội của Chúa Giê Su Ky Tô.

Sách Mặc Môn ghi chép câu chuyện về một người tên là Nê Hô. Rất dễ để hiểu lý do tại sao khi tóm lược các biên sử một ngàn năm về dân Nê Phi, Mặc Môn đã nghĩ rằng việc viết về người này và ảnh hưởng lâu dài của học thuyết đầy sức phá hoại của hắn là điều quan trọng. Mặc Môn cố gắng cảnh cáo chúng ta khi biết rằng triết lý này sẽ được giảng dạy một lần nữa trong thời kỳ chúng ta.

Lần đầu tiên Nê Hô được đề cập đến là vào khoảng 90 năm trước khi Đấng Ky Tô giáng sinh. Hắn dạy “rằng tất cả nhân loại sẽ được cứu vào ngày sau cùng, . . . vì Chúa đã sáng tạo ra tất cả mọi người và cũng đã cứu chuộc tất cả mọi người; và cuối cùng là tất cả mọi người sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu” (An Ma 1:4).

Khoảng 15 năm sau, Cô Ri Ho đến rao giảng và đẩy mạnh học thuyết của Nê Hô ở giữa dân Nê Phi. Sách Mặc Môn chép rằng hắn là “người chống báng Đấng Ky Tô, vì hắn bắt đầu thuyết giảng cho dân chúng những lời chống báng lại các điều tiên tri mà các vị tiên tri đã nói về sự hiện đến của Đấng Ky Tô” (An Ma 30:6). Lời rao giảng của Cô Ri Ho là “sẽ không

có sự chuộc tội lỗi nào cho loại người cả, trái lại, mọi người đều trải qua cuộc đời này tùy theo cách cư xử của con người; vậy nên, mọi người thịnh vượng tùy theo thiên tài của mình, và mọi người chinh phục tùy theo sức lực của mình; và bất cứ điều gì loài người làm đều không phải là tội ác” (An Ma 30:17). Các tiên tri giả này và những người đi theo họ “không tin vào sự hối cải các tội lỗi của mình” (An Ma 15:15).

Giống như trong thời kỳ của Nê Hô và Cô Ri Ho, chúng ta sống trong một thời kỳ không xa lắm trước khi Chúa Giê Su Ky Tô đến—trong trường hợp chúng ta, là thời kỳ chuẩn bị cho Ngày Tái Lâm của Ngài. Và tương tự như thế, sứ điệp về sự hối cải thường không được người ta ưa thích. Một số người cho rằng nếu có Thượng Đế, thì Ngài cũng không thật sự đòi hỏi gì nơi chúng ta (xin xem An Ma 18:5). Những người khác cho rằng một Thượng Đế nhân từ tha thứ tất cả tội lỗi nếu chỉ thú tội một cách đơn giản, hoặc nếu thật sự có một hình phạt vì tội lỗi, thì “Thượng Đế cũng chỉ đánh chúng ta ít roi, rồi sau cùng chúng ta vẫn được cứu rỗi vào vương quốc của Thượng Đế” (2 Nê Phi 28:8). Những

người khác, cùng với Cô Ri Ho, chối bỏ sự hiện hữu của Đấng Ky Tô cũng như sự hiện hữu của tội lỗi. Học thuyết của họ là các giá trị, tiêu chuẩn và ngay cả lẽ thật đều chỉ là tương đối. Do đó, bất cứ điều gì một người cảm thấy là đúng đối với mình thì không thể bị những người khác phê phán là sai lầm hay có tội.

Thoạt tiên, những triết lý như vậy dường như đầy hấp dẫn vì chúng cho phép chúng ta chiều theo ham muốn hoặc dục vọng mà không cần quan tâm đến hậu quả. Bằng cách sử dụng những điều giảng dạy của Nê Hô và Cô Ri Ho, chúng ta có thể hợp lý hóa và biện minh cho bất cứ điều gì. Khi các vị tiên tri đến rao giảng sự hối cải, thì điều đó sẽ “tạt gáo nước lạnh vào mặt họ.” Nhưng thực tế thì sự kêu gọi của vị tiên tri cần phải được tiếp nhận với niềm vui. Nếu không có sự hối cải, thì sẽ không có tiến triển hay cải tiến thật sự trong cuộc sống. Việc giả vờ nghĩ rằng không có tội lỗi không làm giảm gánh nặng và nỗi đau đớn vì tội lỗi. Nỗi đau khổ vì tội lỗi tự nó không thay đổi bất cứ điều gì để được tốt hơn. Chỉ có sự hối cải mới dẫn đến một cuộc sống tốt hơn. Và, dĩ nhiên, chỉ qua sự hối cải, chúng ta mới nhận được ân điển chuộc tội của Chúa Giê Su Ky Tô và sự cứu rỗi. Sự hối cải là một ân tứ thiêng liêng và cần phải tươi cười khi nói về ân tứ đó. Ân tứ này hướng chúng ta đến tự do, sự tự tin và bình an. Ân tứ về sự hối cải là nguyên nhân để vui mừng thật sự, chứ không làm gián đoạn niềm vui.

Sự hối cải chỉ có thể có được nhờ vào Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Ky Tô mà thôi. Chính là sự hy sinh vô hạn của Ngài “đem lại cho loài người một phương tiện để họ có được đức tin đưa đến sự hối cải” (An Ma 34:15). Sự hối cải là điều kiện cần thiết và ân điển của Đấng Ky Tô là quyền năng để nhờ đó “lòng thương xót có thể thỏa mãn được sự đòi hỏi của công lý” (An Ma 34:16). Chứng ngôn của chúng ta là như sau:

“Chúng tôi cũng biết rằng sự biện minh [hay sự tha thứ các tội lỗi] nhờ ân điển của Chúa và Đấng Cứu Rỗi Giê Su Ky Tô của chúng ta, là công bình và chân thật;

“Và chúng tôi cũng biết rằng việc thánh hóa [hay làm sạch khỏi kết quả của tội lỗi] nhờ ân điển của Chúa và Đấng Cứu Rỗi Giê Su Kỵ Tô của chúng ta, là công bình và chân thật, đối với những ai biết yêu thương và phục vụ Thượng Đế với tất cả năng lực, tâm trí và sức mạnh của mình” (GLGU 20:30–31).

Sự hối cải là một đề tài rộng lớn, nhưng hôm nay, tôi chỉ muốn đề cập đến năm khía cạnh của nguyên tắc phúc âm cơ bản này mà tôi hy vọng là sẽ hữu ích.

Thứ nhất, lời mời để hối cải là một cách biểu lộ tình yêu thương. Khi Đấng Cứu Rỗi “khởi giảng dạy rằng: Các người hãy ăn năn, vì nước thiên đàng đã đến gần” (Ma Thi Ơ 4:17), thì đó là một sứ điệp về tình yêu thương, mời gọi tất cả mọi người được hội đủ điều kiện để cùng với Ngài “hưởng những lời về cuộc sống vĩnh cửu trong thế gian này và cuộc sống vĩnh cửu trong thế giới mai sau” (Môi Se 6:59). Nếu chúng ta không mời những người khác thay đổi hoặc không tự đòi hỏi mình phải hối cải, thì chúng ta không làm tròn bổn phận cơ bản đối với nhau và đối với bản thân mình. Một người cha hay mẹ để cho con cái mình phạm tội, một người bạn quá khoan dung đối với lỗi lầm của bạn mình, một vị lãnh đạo Giáo Hội thường sợ sệt đều thật sự quan tâm đến bản thân họ hơn là sự an lạc và hạnh phúc của những người mình có thể giúp đỡ. Vâng, đôi khi sự kêu gọi hối cải được xem như là cổ chấp hay xúc phạm, và thậm chí căm ghét, nhưng trên thực tế đó là một hành động quan tâm thật lòng (xin xem GLGU 121:43–44).

Thứ hai, sự hối cải có nghĩa là cố gắng thay đổi. Thật là điều nhạo báng nếu chúng ta trông mong rằng nỗi thống khổ của Đấng Cứu Rỗi trong Vườn Ghết Sê Ma Nê và trên cây thập tự cho chúng ta sẽ biến đổi chúng ta thành những người thánh thiện mà không có nỗ lực thật sự nào của mình cả. Thay vì thế, chúng ta tìm kiếm ân điển của Ngài để hoàn thành và tưởng thưởng cho các nỗ lực chuyên cần nhất của mình (xin xem 2 Nê Phi



25:23). Có lẽ chúng ta cần phải cầu nguyện nhiều để có được thời giờ và cơ hội để làm việc, cố gắng và khắc phục tội lỗi cũng như để có được lòng thương xót. Chắc chắn Chúa sẽ hài lòng với một người mong muốn được xứng đáng để đến nơi phán xét, mỗi ngày quyết tâm cố gắng thay thế khuyết điểm bằng ưu điểm. Sự hối cải và thay đổi thật sự có thể đòi hỏi những cố gắng liên tục, nhưng có một điều gì đó tinh luyện và thánh thiện trong cố gắng đó. Sự tha thứ và chữa lành thiêng liêng đến một cách khá tự nhiên với một tâm hồn như vậy, vì quả thật “đức hạnh thương yêu đức hạnh, ánh sáng gắn bó với ánh sáng; lòng thương xót động lòng trước lòng xót thương và đòi hỏi những gì của nó” (GLGU 88:40).

Với sự hối cải, chúng ta có thể tiến triển đều đặn trong khả năng của mình để sống theo luật thiên thượng, vì chúng ta nhận biết rằng “kẻ nào không tuân theo luật pháp của vương quốc thượng thiên thì không thể đương nổi vinh quang thượng thiên được” (GLGU 88:22).

Thứ ba, sự hối cải có nghĩa là không những từ bỏ tội lỗi mà còn cam kết để vâng lời nữa. Bible Dictionary (Tự Điển Kinh Thánh) dạy rằng: “Sự hối cải có nghĩa là hướng lòng và ý nghĩ mình đến Thượng Đế, [cũng như] từ bỏ tội lỗi mà bản tính chúng ta thường phạm phải.”¹ Một trong vài

ví dụ về lời giảng dạy này từ Sách Mặc Môn được tìm thấy trong những lời của An Ma cho một trong số các con trai của ông:

“Vì lòng kính sợ Thượng Đế, cha truyền lệnh cho con, hỡi con trai của cha, con hãy dần lại những điều bất chính của mình;

“Đề quay về với Chúa với tất cả tâm trí, năng lực, và sức mạnh của mình” (An Ma 39:12–13; xin xem thêm Mô Si A 7:33; 3 Nê Phi 20:26; Mặc Môn 9:6).

Muốn việc quay về với Chúa được trọn vẹn, thì cần phải không có điều gì ngoại trừ một giao ước để vâng lời Ngài. Chúng ta thường nói tới giao ước này là giao ước báp têm vì giao ước này cho thấy việc báp têm trong nước (xin xem Mô Si A 18:10). Phép báp têm của Đấng Cứu Rỗi nêu ra tấm gương cho chúng ta cần phải noi theo, xác nhận giao ước vâng lời của Ngài với Đức Chúa Cha. “Dù thánh thiện, Ngài vẫn chứng tỏ cho con cái loài người biết rằng, theo thể cách xác thật Ngài cũng phải hạ mình trước mặt Đức Chúa Cha, và chứng tỏ cho Đức Chúa Cha thấy rằng, Ngài vâng lời và tuân giữ những lệnh truyền của Đức Chúa Cha” (2 Nê Phi 31:7). Nếu không có giao ước này, sự hối cải vẫn không đầy đủ và sự xá miễn các tội lỗi không thể nhận được.² Giáo Sư Noel Reynolds đưa ra lời phát biểu đáng ghi nhớ: “Chọn để hối cải là chọn cắt hết mọi con đường [quyết tâm] để vĩnh viễn chỉ đi theo *một* con đường, *một* con đường dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu.”³

Thứ tư, sự hối cải đòi hỏi con người phải có ý định nghiêm chỉnh và sẵn lòng kiên trì, thậm chí phải đau khổ. Đối với một số người, việc cố gắng lập ra một bản liệt kê những bước cụ thể để hối cải cũng có thể hữu ích, nhưng việc này cũng có thể đưa đến một phương pháp máy móc không cần suy nghĩ hay thay đổi thực sự, vì đó chỉ là một bản liệt kê những bước để làm theo mà thôi. Chân thành hối cải không phải là việc làm hời hợt. Chúa đưa ra cho chúng ta hai đòi hỏi bao quát: “Qua cách thức này, các người có thể biết được một người có hối cải tội lỗi của mình không—này, kẻ đó sẽ thú tội và từ bỏ những tội lỗi đó” (GLGU 58:43).



Hai khái niệm thú tội và từ bỏ đều có tác động mạnh mẽ. Hai khái niệm thú tội và từ bỏ này phức tạp nhiều hơn là chỉ đơn giản nói “Tôi nhận lỗi; tôi xin lỗi.” Thú tội là thừa nhận sâu xa, đôi khi đầy thống khổ về lỗi lầm và sự xúc phạm đến Thượng Đế và con người. Nỗi buồn phiền, hối tiếc và những giọt lệ đau đớn thường đi kèm theo với lời thú tội của một người, nhất là khi những hành động của người này gây ra đau đớn cho một người khác, hay tệ hơn nữa, đã dẫn dắt người khác đến việc phạm tội. Chính là nỗi đau đớn cùng cực này, quan điểm này về những điều đúng với sự thật hiện hữu, đã khiến một người như An Ma phải kêu lên: “Hỡi Chúa Giê Su, là Vị Nam Tử của Thượng Đế, xin Ngài hãy thương xót con là kẻ ở trong mật đắng và đang bị bao vây bởi xiềng xích vĩnh viễn của cõi chết” (An Ma 36:18).

Với đức tin nơi Đấng Cứu Chuộc đầy lòng thương xót và nơi quyền năng của Ngài, nỗi thất vọng sẽ biến thành hy vọng. Chính tấm lòng và ước muốn của một người sẽ thay đổi, và tội lỗi mà có lúc trông hấp dẫn bây giờ trở nên càng ngày càng ghê tởm. Giờ đây trong tấm lòng mới mẻ đó nảy sinh quyết tâm từ bỏ tội lỗi và sửa chữa, đền bù điều thiệt hại do người ấy gây ra một cách càng trọn vẹn càng

tốt. Chẳng bao lâu, quyết tâm này phát triển thành một giao ước để vâng lời Thượng Đế. Sau khi đã lập giao ước đó, Đức Thánh Linh, sứ giả của ân điển thiêng liêng, sẽ mang đến sự trợ giúp và tha thứ. Người này sẽ được soi dẫn để một lần nữa để nói với An Ma: “Và ô kìa, sự vui mừng biết bao, và cha đã được trông thấy một ánh sáng kỳ diệu làm sao; phải, tâm hồn cha tràn đầy nỗi vui mừng quá lớn lao chẳng khác chi sự đau đớn mà cha đã trải qua vậy!” (An Ma 36:20).

Bất cứ nỗi đau đớn nào xảy đến trong khi hối cải đều luôn luôn ít hơn nỗi đau khổ cần để thỏa mãn công lý đối với sự phạm giới chưa được giải quyết. Tuy Đấng Cứu Rỗi không phán nhiều về điều Ngài đã chịu đựng để thỏa mãn được đòi hỏi của công lý và chuộc tội lỗi chúng ta, nhưng Ngài đã tiết lộ như sau:

“Vì này, ta, Thượng Đế, đã chịu những nỗi đau khổ ấy cho mọi người, để họ khỏi đau khổ nếu họ chịu hối cải;

“Nhưng nếu họ không chịu hối cải thì họ sẽ phải đau khổ như ta đã chịu vậy;

“Nỗi đau khổ ấy đã khiến cho ta dù là Thượng Đế, Đấng Vị Đại hơn hết, cũng phải run lên vì đau đớn, và phải rớm máu từng lỗ chân lông, và phải chịu sự đau khổ cả thể xác

lẫn linh hồn—và ta mong muốn khỏi phải uống chén đắng cay ấy” (GLGU 19:16–18).

Thứ năm, dù sự hối cải gây ra đau đớn đến đâu đi nữa, thì nỗi đau đớn đó cũng được đền bù với niềm vui được tha thứ. Trong một bài nói chuyện tại đại hội trung ương có tựa đề “Buổi Sáng Rực Rỡ của Sự Tha Thứ,” Chủ Tịch Boyd K. Packer đã đưa ra phép so sánh tương đồng này:

“Vào tháng Tư năm 1847, Brigham Young đã dẫn nhóm người tiên phong đầu tiên ra khỏi Khu Tạm Trú Mùa Đông. Cũng vào lúc ấy, cách đó 2.575 kilômét ở phía tây, những người sống sót đáng thương của Đoàn Donner đang lang thang đi xuống sườn núi Sierra Nevada Mountains để vào Thung Lũng Sacramento.

“Họ đã trải qua mùa đông khắc nghiệt, bị các mảng tuyết lớn cuốn đi dưới đỉnh núi. Gần như không thể tưởng tượng nổi có một ai có thể sống sót qua những ngày tháng đói khát và thống khổ không thể diễn tả được.

“Một trong số những người sống sót này là John Breen, một thiếu niên mười lăm tuổi. Vào đêm 24 tháng Tư, cậu ta đi vào Nông Trại của Johnson. Nhiều năm sau, John viết:

“Khi trời hừng sáng, thì chúng tôi đã tới Nông Trại của Johnson, vì thế đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nông trại đó vào buổi sáng sớm. Thời tiết tốt, mặt đất bao phủ với thảm cỏ xanh, chim chóc ca hát từ các ngọn cây và cuộc hành trình đã kết thúc. Tôi khó có thể tin rằng mình còn sống.

“Cảnh tượng tôi nhìn thấy buổi sáng hôm đó dường như in sâu vào tâm trí tôi. Hầu hết những biến cố đều đã xóa tan khỏi ký ức, nhưng tôi vẫn luôn luôn có thể thấy được chỗ cắm trại gần Nông Trại của Johnson.”

Chủ Tịch Packer nói: “Thoạt đầu, tôi không hiểu câu nói của cậu ta rằng ‘hầu hết những biến cố đều đã xóa tan khỏi ký ức.’ Làm thế nào những tháng dài đau khổ và u buồn khủng khiếp lại có thể được xóa tan khỏi tâm trí của cậu ta được? Làm thế nào mùa đông khắc nghiệt tăm tối đó lại có thể được thay thế với một buổi sáng rực rỡ được?

“Sau khi suy nghĩ thêm về điều này, thì tôi thấy là không có gì là khó hiểu cả. Tôi đã thấy một điều tương tự xảy ra đối với những người tôi quen biết. Tôi đã thấy một người đã bước vào buổi sáng của sự tha thứ, sau một mùa đông dài với tội lỗi và thiếu vắng phần thuộc linh. Khi buổi sáng đó đến, họ đã biết được điều này:

“Này, kẻ nào biết hối cải những tội lỗi của mình, thì kẻ đó sẽ được tha thứ, và ta, là Chúa sẽ không nhớ tới những tội lỗi đó nữa’ [GLGU 58:42].”⁴

Tôi cảm tạ với lòng biết ơn và làm chứng rằng nỗi đau khổ không thể hiểu nổi, cái chết và Sự Phục Sinh của Chúa chúng ta “đem đến một điều kiện hối cải” (Hê La Man 14:18). Ân tứ thiêng liêng về sự hối cải là chìa khóa dẫn đến hạnh phúc trong cuộc sống này và cuộc sống mai sau. Bằng những lời phán của Đấng Cứu Rỗi và lòng khiêm nhường cùng tình yêu thương sâu đậm, tôi xin mời tất cả mọi người “hãy ăn năn, vì nước thiên đàng đã đến gần” (Ma Thi Ơ 4:17). Tôi biết rằng khi chấp nhận lời mời này, các anh chị em sẽ tìm ra niềm vui cả bây giờ lẫn vĩnh viễn. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Bible Dictionary, “Sự Hối Cải.”
2. Sách Mặc Môn nhắc đi nhắc lại về việc “được báp têm để hối cải” (xin xem Mô Si A 26:22; An Ma 5:62; 6:2; 7:14; 8:10; 9:27; 48:19; 49:30; Hê La Man 3:24; 5:17, 19; 3 Nê Phi 1:23; 7:24–26; Mô Rô Ni 8:11). Giảng Báp Tít cũng dùng những lời giống như thế (xin xem Ma Thi Ơ 3:11), và Phao Lô nói về “phép báp têm về sự ăn năn” (Công Vụ Các Sứ Đồ 19:4). Cụm từ đó cũng xuất hiện trong Giáo Lý và Giao Ước (xin xem GLGU 35:5; 107:20). “Được báp têm để hối cải” chỉ đơn thuần ám chỉ sự thật là phép báp têm với giao ước vàng lời chính là chìa khóa của sự hối cải. Với sự hối cải hoàn toàn, kể cả phép báp têm, một người sẽ hội đủ điều kiện để nhận được phép đặt tay để có được ân tứ Đức Thánh Linh (xin xem Giảng 3:5) và được xá miễn các tội lỗi: “Vi công mà các người phải đi vào tức là sự hối cải và phép báp têm bằng nước vậy; và tiếp đó là sự xá miễn các tội lỗi của các người bằng lửa và Đức Thánh Linh” (2 Nê Phi 31:17).
3. Noel B. Reynolds, “The True Points of My Doctrine,” *Journal of Book of Mormon Studies*, tập 5, số 2 (1996): 35; sự nhấn mạnh được thêm vào.
4. Boyd K. Packer, trong Conference Report, tháng Mười năm 1995, 21; xin xem thêm “The Brilliant Morning of Forgiveness,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1995, 18.



Bài của Anh Cả L. Tom Perry

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Sự Yêu Thương Trọn Vẹn Thì Cắt Bỏ Sự Sợ Hãi.

Nếu các anh chị em chịu đáp ứng lời mời chia sẻ niềm tin và cảm nghĩ của mình về phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Kỵ Tô, thì một tinh thần yêu thương và can đảm sẽ luôn luôn đồng hành với các anh chị em.

Thưa Chủ Tịch Monson, chúng tôi đều phấn khởi trước tin vui về một số đền thờ sắp được xây cất. Thật là phấn khởi đặc biệt đối với rất nhiều bà con thân thuộc của tôi ở tiểu bang Wyoming.

Đó là một truyền thống khá phổ biến ở Hoa Kỳ và Canada, mỗi khi một ngôi đền thờ mới được xây lên ở khắp nơi trên thế giới,—Giáo Hội đều mở cửa đền thờ cho công chúng đến tham quan tự do. Trong những tuần trước lễ cung hiến ngôi đền thờ mới, chúng ta mở rộng cửa và mời chính quyền địa phương cùng các vị lãnh đạo tôn giáo, các tín hữu địa phương của Giáo Hội, cũng như những người thuộc tín ngưỡng khác đến tham quan ngôi đền thờ mới xây cất.

Những sự kiện tuyệt diệu này giúp những người xa lạ với Giáo Hội của chúng ta học hỏi thêm một chút về Giáo Hội. Hầu như mọi người đến thăm một ngôi đền thờ mới đều kinh ngạc trước vẻ đẹp ở bên ngoài lẫn bên

trong đền thờ. Họ cảm kích trước tay nghề khéo léo và sự chú ý tỉ mỉ một cách chi tiết trong mỗi đặc điểm của đền thờ. Ngoài ra, nhiều khách tham quan cảm thấy được một điều gì độc đáo và đặc biệt khi họ được hướng dẫn đi khắp nơi trong ngôi đền thờ chưa được làm lễ cung hiến. Đây là tất cả những phản ứng thông thường của khách đến tham quan nhưng không phải là đặc biệt nhất. Điều gây ấn tượng nhất cho khách tham quan hơn bất cứ điều gì khác là các tín hữu của Giáo Hội họ gặp trong đền thờ. Khách tham quan ra về với ấn tượng vĩnh viễn đối với Các Thánh Hữu Ngày Sau đã đón tiếp họ ở đền thờ.

Giáo Hội đang gây được nhiều chú ý trên khắp thế giới hơn bao giờ hết. Mỗi ngày, giới truyền thông đều viết hay nói về Giáo Hội, báo cáo về nhiều sinh hoạt của Giáo Hội. Nhiều đài phát thanh cung cấp tin tức nổi bật nhất ở Hoa Kỳ thường thảo luận về Giáo Hội hay các tín hữu Giáo Hội.



Những cuộc thảo luận này cũng đang diễn ra trên toàn thế giới.

Giáo Hội cũng thu hút được nhiều chú ý trên Internet, mà như các anh chị em biết, đã có thay đổi đáng kể cách người ta chia sẻ thông tin. Bất cứ lúc nào trên khắp thế giới, Giáo Hội và những điều giảng dạy của Giáo Hội đều được thảo luận trên Internet, trên blog và các trang mạng hệ thống xã hội do những người chưa từng viết bài đăng báo hay tạp chí. Họ làm bằng video và chia sẻ trực tuyến các video đó. Đây là những người bình thường—các tín hữu của tín ngưỡng chúng ta lẫn tín ngưỡng khác—đang nói về Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô.

Những thay đổi trong cách chúng ta truyền đạt giải thích một phần lý do tại sao “Người Mặc Môn” chúng ta được chú ý đến hơn bao giờ hết. Nhưng Giáo Hội cũng đang tăng trưởng và tiến bước. Dường như càng ngày càng có nhiều người có hàng xóm và bạn bè là tín hữu của Giáo Hội hơn, và có các tín hữu của Giáo Hội nổi tiếng trong chính quyền, trên thương trường, văn nghệ giải trí, giáo dục, và ở khắp nơi khác. Ngay cả những người không phải là tín hữu của Giáo Hội cũng đã nhận thấy điều này, và họ tự hỏi điều gì đang xảy ra. Thật là tuyệt diệu khi có rất nhiều người giờ đây đang nhận biết Giáo Hội và Các Thánh Hữu Ngày Sau.

Mặc dù Giáo Hội đang bắt đầu càng ngày càng được nhiều người biết

đến hơn, nhưng vẫn còn có nhiều người khác không hiểu về Giáo Hội. Một số người được dạy phải nghi ngờ Giáo Hội và tin vào những định kiến tiêu cực về Giáo Hội mà không hề thắc mắc về nguồn gốc cũng như tính hợp lệ của như những định kiến đó. Cũng có nhiều thông tin sai lạc và nhầm lẫn về Giáo Hội cùng những điều Giáo Hội bênh vực. Điều này đã từng xảy ra từ thời của Tiên Tri Joseph Smith.

Joseph Smith viết lịch sử của mình một phần “để đánh tan sự ngộ nhận của quần chúng, và để cho tất cả những ai muốn tìm hiểu lẽ thật có thể nắm được những sự kiện” (Joseph Smith—Lịch Sử 1:1). Đúng là sẽ luôn luôn có những người bóp méo lẽ thật và cố tình xuyên tạc những điều giảng dạy của Giáo Hội. Nhưng đa số những người thắc mắc về Giáo Hội chỉ muốn hiểu thôi. Những người không thành kiến này thật sự tò mò về chúng ta.

Việc Giáo Hội càng ngày càng được mọi người thấy rõ và biết đến mang lại cho chúng ta, là các tín hữu của Giáo Hội, một cơ hội đáng kể. Chúng ta có thể giúp “đánh tan sự ngộ nhận của quần chúng,” và sửa lại thông tin sai lạc khi chúng ta bị mô tả sai. Tuy nhiên quan trọng hơn nữa, chúng ta có thể chia sẻ thông tin cho mọi người biết chúng ta là ai.

Có một số điều chúng ta có thể làm—các anh chị em có thể làm—để tăng cường sự hiểu biết về Giáo Hội. Nếu chúng ta làm điều đó với cùng

một thái độ và cách cư xử giống như khi đăng cai tổ chức cuộc tham quan đền thờ, thì bạn bè và những người láng giềng sẽ dần dần thông cảm với chúng ta hơn. Nỗi nghi ngờ của họ sẽ bị xua tan, những định kiến tiêu cực sẽ biến mất, và họ sẽ bắt đầu hiểu Giáo Hội thật sự là như thế nào.

Tôi xin đề nghị một vài ý nghĩ về điều chúng ta có thể làm.

Thứ nhất, chúng ta cần phải dừng cảm khi nói về Chúa Giê Su Ky Tô. Chúng ta muốn những người khác biết rằng chúng ta tin Ngài là trung tâm điểm trong tất cả lịch sử nhân loại. Cuộc sống và những điều giảng dạy của Ngài là sứ điệp chính yếu của Kinh Thánh và các sách khác mà chúng ta xem là thánh thư. Kinh Cựu Ước chuẩn bị cho chúng ta để học hỏi về giáo vụ trần thế của Đấng Ky Tô. Kinh Tân Ước mô tả giáo vụ trần thế của Ngài. Sách Mặc Môn mang đến cho chúng ta chứng thư thứ hai về giáo vụ trần thế của Ngài. Ngài đến thế gian để tuyên phán rằng phúc âm của Ngài là một nền tảng cho toàn thể nhân loại để cho tất cả con cái của Thượng Đế có thể học hỏi về Ngài và những điều giảng dạy của Ngài. Rồi Ngài phó mạng sống của Ngài để làm Đấng Cứu Rỗi và Cứu Chuộc của chúng ta. Chỉ qua Chúa Giê Su Ky Tô sự cứu rỗi mới có thể thực hiện được mà thôi. Đây là lý do tại sao chúng ta tin Ngài là trung tâm điểm trong toàn thể lịch sử nhân loại. Vận mệnh vĩnh cửu của chúng ta luôn luôn ở trong tay Ngài. Thật là một điều vinh quang để tin nơi Ngài và chấp nhận Ngài làm Đấng Cứu Rỗi, Chúa và Đức Thầy của chúng ta.

Chúng ta cũng tin rằng chỉ qua Đấng Ky Tô chúng ta mới có thể được mãn nguyện, tìm thấy niềm hy vọng và hạnh phúc tốt bậc—trong cuộc sống này lẫn trong thời vĩnh cửu. Giáo lý của chúng ta, như đã được giảng dạy trong Sách Mặc Môn, nhấn mạnh rằng: “Vậy nên, các người phải tiến tới với một sự tri chí trong Đấng Ky Tô, với một niềm hy vọng hết sức xán lạn, và với tình yêu thương Thượng Đế và mọi người. Vậy nên, nếu các người tiến tới, nuôi dưỡng lời của Đấng Ky Tô, và kiên trì đến cùng, này, Đức

Chúa Cha có phán rằng: Các người sẽ có được cuộc sống vĩnh cửu” (2 Nê Phi 31:20).

Chúng ta tuyên xưng niềm tin của mình nơi Chúa Giê Su Ky Tô và chấp nhận Ngài làm Đấng Cứu Rỗi của chúng ta. Ngài sẽ ban phước và hướng dẫn chúng ta trong tất cả các nỗ lực của mình. Trong khi chúng ta lao nhọc nơi trần thế này, Ngài sẽ củng cố và mang bình an đến cho chúng ta trong lúc thử thách. Các tín hữu của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô sống cuộc sống của mình bằng đức tin nơi Ngài. Giáo Hội này thuộc về Ngài.

Thứ hai, hãy nêu gương ngay chính cho những người khác. Sau khi tuyên xưng về niềm tin của mình, chúng ta cần phải tuân theo lời khuyên dạy dành cho chúng ta trong 1 Ti Mô Thê 4:12: “Nhưng phải lấy lời nói, nét làm, sự yêu thương, đức tin và sự tinh sạch mà làm gương cho các tín đồ.”

Đấng Cứu Rỗi giảng dạy về tầm quan trọng của việc nêu gương về đức tin của mình khi phán rằng: “Sự sáng các người hãy soi trước mặt người ta như vậy, đặng họ thấy những việc lành của các người, và ngợi khen Cha các người ở trên trời” (Ma Thi Ơ 5:16).

Cuộc sống của chúng ta cần phải là tấm gương nhân từ và đức hạnh, khi chúng ta cố gắng noi theo gương của Ngài đối với thế gian. Những công việc thiện của mỗi người chúng ta có thể làm vẻ vang thêm cho Đấng Cứu Rỗi lẫn Giáo Hội của Ngài. Là những người nam và người nữ đáng kính và ngay chính, khi các anh chị em thiết tha nhiệt thành làm điều thiện thì Ánh Sáng của Đấng Ky Tô sẽ được phản ảnh nhờ cuộc sống của các anh chị em.

Kể đến, hãy lên tiếng để bênh vực Giáo Hội. Trong cuộc sống thường ngày của mình, chúng ta được ban phước với nhiều cơ hội để chia sẻ niềm tin của mình với những người khác. Khi những người quen biết riêng và bạn đồng nghiệp hỏi về niềm tin tôn giáo của chúng ta, thì họ đang mời chúng ta chia sẻ về việc chúng ta là ai và tin vào điều gì. Họ có thể quan tâm hoặc không quan tâm đến Giáo Hội, nhưng họ thích thú muốn biết về chúng ta nhiều hơn.



Tôi đề nghị các anh chị em nên chấp nhận lời mời của họ. Những người bạn đồng nghiệp không mời các anh chị em giảng dạy, thuyết giảng, giải nghĩa hay khuyên nhủ. Hãy để cho họ tham dự vào cuộc nói chuyện hai chiều—chia sẻ một điều gì đó về niềm tin tôn giáo của các anh chị em nhưng cũng hỏi họ về niềm tin của họ. Đánh giá mức độ quan tâm của họ qua những câu hỏi họ đặt ra. Nếu họ đặt ra nhiều câu hỏi, thì hãy tập trung cuộc nói chuyện vào việc trả lời những câu hỏi đó. Hãy luôn luôn nhớ rằng để họ hỏi thì tốt hơn là các anh chị em nói.

Một số tín hữu dường như muốn giữ kín vai trò tín hữu của mình trong Giáo Hội. Họ có lý do của họ. Ví dụ, họ có thể tin rằng đó không phải là chỗ để chia sẻ niềm tin của họ. Có lẽ họ sợ rằng họ có thể làm điều lầm lỗi hay bị hỏi một câu hỏi không thể trả lời được. Nếu các anh chị em có ý nghĩ như vậy, thì tôi có một lời khuyên cho các anh chị em. Chỉ cần nhớ đến những lời của Giảng: “Quyết chẳng có điều sợ hãi trong sự yêu thương, nhưng sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi” (1 Giảng 4:18). Nếu chỉ cần yêu mến Thượng Đế và yêu thương những người lân cận của mình, thì chúng ta được hứa rằng chúng ta sẽ khắc phục được nỗi sợ hãi của mình.

Nếu gần đây các anh chị em có vào

Mormon.org, tức là trang mạng của Giáo Hội dành cho những người thích học hỏi về Giáo Hội, thì các anh chị em thấy các tín hữu đã tải lên thông tin về họ. Họ đã tạo ra tiểu sử trực tuyến để giải thích họ là ai và tại sao niềm tin tôn giáo của họ là quan trọng đối với họ. Họ đang nói về đức tin của họ.

Chúng ta cần phải biết ơn và sử dụng những cuộc chuyện trò như vậy với tình yêu thương giống như Đấng Ky Tô. Giọng của chúng ta, cho dù đó là tiếng nói hay bài viết, cần phải lễ độ và lịch sự, bất kể phản ứng của những người khác. Chúng ta nên trung thực và cởi mở cùng cố gắng nói rõ ràng. Chúng ta cần tránh tranh luận hay thủ thế bằng bất cứ cách nào.

Sứ Đồ Phi E Rơ giải thích: “Nhưng, như Đấng gọi anh em là thánh, thì anh em cũng phải thánh trong mọi cách ăn ở mình” (1 Phi E Rơ 1:15).

Ngày nay, “mọi cách ăn ở, trò chuyện của mình” dường như càng ngày càng dính dáng đến Internet. Chúng tôi khuyến khích các tín hữu, trẻ tuổi lẫn lớn tuổi, nên sử dụng Internet và phương tiện truyền thông xã hội để tìm đến và chia sẻ niềm tin tôn giáo của mình.

Khi sử dụng Internet, các anh chị em có thể bắt gặp những cuộc trò chuyện đang diễn ra về Giáo Hội. Khi được Thánh Linh hướng dẫn, đừng ngần ngại để góp thêm tiếng nói của mình vào những cuộc trò chuyện này.

Sứ điệp về phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô không giống với bất cứ điều nào khác mà các anh chị em sẽ chia sẻ với những người khác. Trong thời đại tin học, đó là thông tin quý giá nhất trong số các thông tin trên thế giới. Chắc chắn là không có gì nghi ngờ về giá trị của nó. Nó chính là trân châu vô giá (xin xem Ma Thi Ơ 13:46).

Khi nói về Giáo Hội, chúng ta đừng cố gắng làm cho Giáo Hội tốt hơn thực trạng của nó. Chúng ta không cần phải quảng cáo sứ điệp của mình. Chúng ta cần truyền đạt sứ điệp một cách trung thực và thẳng thắn. Nếu chúng ta chịu khai mở đường dây liên lạc, thì sứ điệp của phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Ky Tô sẽ tự chứng tỏ với những người đã được chuẩn bị tiếp nhận sứ điệp đó.

Đôi khi có một sự khác biệt lớn trong—việc hiểu biết—giữa cách chúng ta cảm nhận về Giáo Hội với tư cách là tín hữu bên trong Giáo Hội và cách những người khác thấy từ bên ngoài Giáo Hội. Đây là lý do chính yếu chúng ta tổ chức cuộc tham quan đền thờ trước khi mỗi đền thờ mới được làm lễ cung hiến. Các tín hữu tình nguyện trong thời gian đền thờ mở cửa cho công chúng tham quan chỉ cố gắng giúp những người khác thấy Giáo Hội theo như họ thấy Giáo Hội từ bên trong. Họ thừa nhận rằng Giáo Hội là một công việc lạ lùng và còn là một điều kỳ diệu nữa, và họ muốn những người khác cũng biết như vậy. Tôi yêu cầu mỗi anh chị em hãy làm như thế.

Tôi hứa rằng nếu các anh chị em chịu đáp ứng lời mời chia sẻ niềm tin và cảm nghĩ của mình về phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Ky Tô, một tinh thần yêu thương và can đảm sẽ đồng hành liên tục với các anh chị em, vì “sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi” (1 Giăng 4:18).

Đây là lúc mở rộng cơ hội chia sẻ phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô với những người khác. Cầu xin cho chúng ta tự chuẩn bị để tận dụng các cơ hội được dành cho mỗi người chúng ta để chia sẻ niềm tin của mình, tôi khiêm nhường cầu nguyện trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Anh Cả Jeffrey R. Holland
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Tất Cả Chúng Ta Đều Tham Gia

Tôi yêu cầu mỗi người nam, trẻ tuổi lẫn lớn tuổi, đang mang chức tư tế hãy cất lên tiếng nói mạnh mẽ và tận tâm hơn, . . . một tiếng nói tốt lành, một tiếng nói cho phúc âm, một tiếng nói cho Thượng Đế.

Thưa các anh em, trong tinh thần của bài thánh ca đầy xúc động đó và với lời cầu nguyện mở đầu tha thiết của Anh Cả Richard G. Hinckley trong lòng, tôi muốn nói chuyện một cách thẳng thắn, và cũng muốn thẳng thắn đối với các thiếu niên trong Chức Tư Tế A Rôn.

Khi nói về tính chất vĩ đại của Khải Tượng Thứ Nhất của Joseph Smith, đôi khi chúng ta chỉ nói qua loa về cuộc chạm trán đầy hăm dọa xảy đến ngay trước khi Khải Tượng đó, một cuộc chạm trán nhằm hủy diệt thiếu niên ấy nếu có thể được, còn nếu không thể được, thì nhằm ngăn chặn sự mặc khải sắp được ban cho thiếu niên ấy. Chúng ta không nói đến kẻ nghịch thù nếu không cần phải làm thế, và tôi không thích nói về nó chút nào cả, nhưng kinh nghiệm này của thiếu niên Joseph nhắc chúng ta nhớ về điều mà mọi người nam, kể cả mỗi thiếu niên, trong cử tọa này cần phải nhớ.

Thứ nhất, Sa Tan hay Lu Xi Phe hay là cha đẻ của mọi sự dối trá—hoặc

các anh em muốn gọi nó là gì cũng được—là có thật, chính là hiện thân của điều tà ác. Động cơ của nó luôn luôn hiểm độc, nó làm đảo lộn ánh sáng cứu chuộc và ngay cả ý nghĩ về lẽ thật. Thứ hai, nó luôn luôn chống đối tình yêu thương của Thượng Đế, Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Ky Tô, cũng như công việc về sự bình an và cứu rỗi. Nếu có thể, nó sẽ chống lại những điều này bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Nó biết rằng cuối cùng nó sẽ bị đánh bại và bị đuổi ra, nhưng quyết tâm mang theo càng nhiều người khác càng tốt.

Vậy thì, một số thủ đoạn của quỷ dữ trong trận chiến này khi cuộc sống vĩnh cửu bị lâm nguy là gì? Một lần nữa, kinh nghiệm trong Khu Rừng Thiêng Liêng dạy cho chúng ta biết một số thủ đoạn của quỷ dữ. Joseph ghi lại rằng, trong một nỗ lực để chống lại tất cả những sự kiện tương lai, Lu Xi Phe sử dụng “một ảnh hưởng thật lạ lùng trên tôi đến nỗi tôi như buộc lại, khiến tôi không thể nói được.”¹

Như Chủ Tịch Boyd K. Packer đã dạy buổi sáng hôm nay rằng Sa Tan không thể trực tiếp giết một người nào đó. Đó là một trong nhiều điều nó không thể làm được. Nhưng hiển nhiên nỗ lực của nó để ngăn chặn công việc này sẽ được thành công phần nào nếu nó có thể ngăn chặn không cho người trung tín nói. Thưa các anh em, nếu đúng là như thế, thì buổi tối hôm nay, tôi đang tìm kiếm những người nam, trẻ tuổi lẫn lớn tuổi, đủ quan tâm đến trận chiến này giữa điều tốt với điều xấu để tham gia và lên tiếng. Chúng ta đang lâm trận, và trong một vài phút tới, tôi muốn tuyển mộ người để đánh trận.

Tôi có cần ngăn nga một vài giai điệu của bài “Chúng Ta Đang Tham Gia” không? Các anh em biết mà, câu “Chúng ta hiện đang chờ các chiến sĩ; ai sẽ tình nguyện?”² Dĩ nhiên, điều tuyệt diệu về lời kêu gọi tình nguyện đi đánh trận này là chúng ta sẽ *không* yêu cầu những người tình nguyện bắn súng hay ném lựu đạn. Không, chúng ta muốn những tiểu đoàn mang vũ khí của họ là “từng lời nói phán ra từ miệng của Thượng Đế.”³ Vậy nên, buổi tối hôm nay, tôi đang tìm kiếm những người truyền giáo mà sẽ không tự nguyện ngậm miệng lại mà, với Thánh Linh của Chúa và quyền năng chức tư tế của họ, sẽ mở miệng ra và nói về những phép lạ. Lời nói như vậy có lần đã được các anh em sống vào lúc bắt đầu gian kỳ này nói sẽ là phương tiện để “công việc của đức tin phi thường nhất đã và sẽ được thực hiện.”⁴

Tôi đặc biệt yêu cầu các thiếu niên của Chức Tư Tế A Rôn hãy ngồi thẳng lên và chú ý. Đối với các em, tôi sẽ đưa ra một sự so sánh với thể thao. Các em thiếu niên thân mến, đây là một cuộc chiến quan trọng chúng ta đều tham gia vậy nên tôi sẽ đứng rất gần các em, mặt đối mặt, với giọng nói đầy phấn khởi và khích lệ—theo cách các huấn luyện viên làm khi trận đấu gần kề và chiến thắng là quan trọng bậc nhất. Và vì kết quả của trận đấu tùy thuộc vào các em, nên điều mà người huấn luyện viên này đang nói cho các em biết là một vài em phải trong sạch về mặt đạo đức hơn



bây giờ để có thể chơi trong trận đấu này. Trong trận chiến này giữa điều tốt và điều xấu, các em không thể nào thi đấu cho đội của kẻ thù mỗi lần gặp cám dỗ, và rồi trông mong được làm theo Đấng Cứu Rỗi ở đền thờ và lúc đi truyền giáo như không có điều gì đã xảy ra cả. Các bạn trẻ của tôi, các em không thể làm thế. Thượng Đế sẽ không chịu bị nhạo báng.

Vậy nên, buổi tối hôm nay, các em và tôi đều ở trong tình thế đầy thử thách. Hàng ngàn thiếu niên thuộc lứa tuổi Chức Tư Tế A Rôn đã có tên trong hồ sơ của Giáo Hội này là những người truyền giáo tương lai đầy tiềm năng. Nhưng thử thách là để có những thầy trợ tế, thầy giảng, và thầy tư tế vẫn tích cực và xứng đáng đủ để được sắc phong làm anh cả và phục vụ với tư cách là người truyền giáo. Vậy nên chúng tôi cần các thiếu niên đã ở trong đội rồi hãy *ở lại* với đội và ngừng mắc phải lỗi lầm nghiêm trọng, nhất là khi chúng tôi cần các em tham dự trận đấu và thi đấu với hết sức mình! Trong hầu hết các cuộc thi đấu thể thao mà tôi biết, thì lần ranh được vạch ra để mỗi người tham gia cần phải ở trong lần ranh đó thì mới có thể thi đấu. Vậy thì, Chúa đã vạch ra lần ranh về sự xứng đáng cho những người được kêu gọi lao nhọc với Ngài trong công việc này. Không một người truyền giáo nào kỳ vọng những người khác hỏi cải sự phạm giới về mặt tình dục, hoặc dùng lời lẽ thô tục hay xem hình ảnh sách báo khiêu dâm nếu chính người truyền giáo đó đã không hỏi cải những tội lỗi đó! Các em không thể làm điều đó. Thánh Linh sẽ không ở với các em và những lời nói sẽ nghẹn lại trong cổ họng các em khi

nói những lời đó. Các em không thể đi vào cái mà Lê Hi gọi là “những lối cấm”⁵ và kỳ vọng hướng dẫn những người khác đi đến một “con đường chật và hẹp”⁶—điều này không thể như vậy được.

Nhưng có một cách để các em khắc phục tội lỗi của mình, cũng giống như một cách để người tâm đạo mà các em sẽ giảng dạy khắc phục được tội lỗi của họ. Cho dù các em là ai và đã làm điều gì đi nữa, thì cũng có thể được tha thứ. Mỗi một em thiếu niên có thể từ bỏ bất cứ sự phạm giới nào mà mình có thể đang chống chọi. Đó là phép lạ của sự tha thứ; đó là phép lạ của Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Nhưng các em không thể làm điều đó nếu không tích cực cam kết với phúc âm, và nếu không hỏi cải khi cần. Tôi đang yêu cầu các em thiếu niên nên tích cực và trong sạch. Nếu cần, thì tôi nói với các em là hãy *trở nên* tích cực và *trở nên* trong sạch.

Các em thân mến, chúng tôi mạnh dạn nói với các em vì nếu nói một cách tế nhị hơn thì dường như ít có hiệu quả đối với các em hơn. Chúng tôi mạnh dạn nói vì Sa Tan là một thực thể muốn hủy diệt các em và các em đối đầu với ảnh hưởng của nó vào cái tuổi càng ngày càng nhỏ hơn. Vậy nên, chúng tôi túm lấy các em và hét lớn vì chúng tôi biết cách:

*Hãy nghe đây! âm thanh của trận chiến vang lên rất lớn và rõ ràng; Hãy đến gia nhập hàng ngũ! Hãy đến gia nhập hàng ngũ!*⁷

Các bạn trẻ thân mến, chúng ta cần thêm hàng chục ngàn người truyền giáo trong những năm tháng sắp tới.

Những người này phải đến từ số đông những người nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn là những người sẽ được sắc phong, tích cực, trong sạch, và xứng đáng để phục vụ.

Đối với các em đã hoặc hiện đang phục vụ truyền giáo, thì chúng tôi cảm ơn các em về sự tận tâm, điều tốt lành các em đã làm, và về những người các em đã ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Xin Chúa ban phước các em! Chúng tôi cũng công nhận rằng có một số người đã hy vọng suốt cuộc đời họ được đi phục vụ truyền giáo, nhưng vì các lý do sức khỏe hoặc những trở ngại khác ngoài tầm kiểm soát của họ nên đã không thể làm điều đó được! Chúng tôi công khai và hãnh diện chào mừng mọi nhóm người này. Chúng tôi biết ước muốn của các anh em, và chúng tôi hoan nghênh lòng tận tụy của các anh em. Chúng tôi yêu thương và khâm phục các anh em. Các anh em sẽ luôn luôn và “vẫn thuộc vào nhóm chúng tôi”, và sẽ luôn luôn như vậy mặc dù các anh em được vinh dự miễn không phải phục vụ toàn thời gian. Nhưng chúng tôi cần các anh em còn lại khác!

Giờ đây, các anh em là những người thuộc Nhóm Túc Số Mên Chi Xê Đéc, đừng mỉm cười và ngồi thoải mái trên cái ghế đầy tiện nghi của mình. Tôi chưa nói hết đâu. Chúng ta cần thêm hàng ngàn cặp vợ chồng phục vụ trong các phái bộ truyền giáo của Giáo Hội. Mỗi vị chủ tịch phái bộ truyền giáo đều muốn có họ. Họ phục vụ ở khắp nơi, những cặp vợ chồng đó của chúng ta giúp làm cho công việc được chín chắn hơn mà không có người nào 19 tuổi cho dù có giỏi cách mấy cũng không thể làm được.

Để khuyến khích thêm các cặp vợ chồng phục vụ, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn và Nhóm Túc Số Mười Hai đã làm một trong những điều dũng cảm và rộng lượng nhất được thấy trong công việc truyền giáo suốt 50 năm qua. Vào tháng Năm năm nay, các vị lãnh đạo chức tư tế ở nơi phục vụ truyền giáo đã nhận được một thông báo nói rằng chi phí về chỗ ở dành cho các cặp vợ chồng (và chúng tôi nói là *chỉ* chi phí về chỗ ở không mà thôi) sẽ được quỹ truyền giáo của



Giáo Hội phụ trả nếu tổn phí vượt quá con số đã quy định cho mỗi tháng. Đó thật là một phước lành! Đây là cách giúp đỡ đầy soi dẫn được sử dụng cho một phí tổn lớn nhất mà các cặp vợ chồng của chúng ta phải trang trải trong khi đi truyền giáo. Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương cũng quyết định rằng công việc truyền giáo của các cặp vợ chồng có thể là 6 hoặc 12 tháng, cũng như theo lệ thường là 18 hay 23 tháng. Trong một cử chỉ tuyệt vời khác, các cặp vợ chồng được cho phép tự túc về nhà trong một thời gian ngắn vì hoàn cảnh khẩn cấp trong gia đình. Và hãy đừng lo lắng rằng các anh chị em sẽ phải đi gõ cửa hoặc có lịch trình giống như những thanh niên 19 tuổi! Chúng tôi không yêu cầu các anh chị em làm điều đó, nhưng các anh chị em sẽ có rất nhiều việc khác để có thể làm, và tự do quyết định cách làm những việc đó như thế nào.

Thưa các anh em, chúng tôi biết rằng có một vài *anh em* có lẽ không thể đi truyền giáo ngay bây giờ, và có lẽ không bao giờ, vì lý do sức khỏe, gia đình, và kinh tế. Nhưng nếu hoạch định thêm một chút thì nhiều anh em có thể đi truyền giáo được.

Thưa các vị giám trợ và chủ tịch giáo khu, hãy thảo luận nhu cầu này trong các hội đồng và đại hội của

mình. Hãy ngồi trên bục chủ tọa trong các buổi họp của mình và thành tâm nhìn vào giáo đoàn để có được ấn tượng về những người cần phải được kêu gọi đi truyền giáo. Rồi bàn thảo với họ và giúp họ định ra một ngày để đi phục vụ. Thưa các anh em, khi điều đó xảy ra, hãy nói cho vợ mình biết rằng nếu các anh em có thể rời chiếc ghế bành và thiết bị điều khiển máy truyền hình từ xa trong một vài tháng ngắn ngủi, thì vợ của mình cũng có thể rời các cháu của mình được. Mấy đứa trẻ dễ yêu đó sẽ được ổn thỏa, và tôi hứa rằng các anh em sẽ làm những điều cho chúng trong công việc phục vụ Chúa vì trong những thế giới vô tận, các anh em không bao giờ có thể làm nếu các anh em ở nhà để ấp ủ chúng. Các ông bà nội ngoại không thể nào tặng cho con cháu của mình món quà quý báu nào hơn là nói bằng hành động cũng như bằng lời nói: “Trong gia đình này, chúng ta đều phục vụ truyền giáo!”

Công việc truyền giáo không phải là điều duy nhất chúng ta cần làm trong Giáo Hội kỳ diệu vĩ đại này. Nhưng trong hầu hết mọi điều khác chúng ta cần phải làm đều tùy thuộc vào những người lần đầu tiên nghe về phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô và gia nhập Giáo Hội. Chắc chắn đó là lý do tại sao lệnh truyền cuối cùng của

Montreal, Quebec, Canada



Chúa Giê Su ban cho Mười Hai Vị Sứ Đồ cũng cơ bản như thế—“hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp têm cho họ.”⁸ Chỉ sau khi điều đó xảy ra thì các phước lành còn lại khác của phúc âm mới đến—gia đình đoàn kết, các chương trình của thanh thiếu niên, những lời hứa của chức tư tế, và các giáo lễ tuần tràn đến đến thờ. Nhưng như Nê Phi đã làm chứng, không có một điều nào như thế có thể xảy ra cho đến khi một người “đi vào cổng.”⁹ Vì mọi điều cần phải được thực hiện dọc theo con đường dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu, chúng ta cần thêm nhiều người truyền giáo để mở cánh cổng và giúp những người khác bước qua cổng đó.

Tôi yêu cầu một tiếng nói mạnh mẽ và tận tâm hơn từ mỗi người nam, trẻ tuổi lẫn lớn tuổi, đang mang chức tư tế, một tiếng nói không những chống lại sự xấu xa và kẻ hiện thân của điều xấu xa, mà là một tiếng nói tốt lành, một tiếng nói cho phúc âm, một tiếng nói cho Thượng Đế. Thưa các anh em thuộc mọi lứa tuổi, hãy thả lỏng lưỡi mình và nhìn xem lời nói của mình mang đến phép lạ vào cuộc sống của những người “bị ngăn cản khỏi lễ thật vì họ không biết tìm thấy lễ thật đâu cả.”¹⁰

*Hãy tham dự gấp trận chiến, hãy nhanh chóng ra trận;
Lễ thật là mũ sắt, bảo vệ và che chở
chúng ta.
Đừng cạnh ngọn cờ của chúng ta; các
ngọn cờ bay ngạo nghễ!
Chúng ta vui mừng, vui mừng bước
về nhà.¹¹*

Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, Đức Thầy của chúng ta, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Joseph Smith—Lịch Sử 1:15.
2. “We Are All Enlisted,” *Hymns*, số 250.
3. Giáo Lý và Giao Ước 84:44; xin xem thêm Phục Truyền Luật Lệ Ký 8:3; Ma Thi Ơ 4:4.
4. *Lectures on Faith* (1985), 73.
5. 1 Nê Phi 8:28.
6. 2 Nê Phi 31:18.
7. *Hymns*, số 250.
8. Ma Thi Ơ 28:19.
9. 2 Nê Phi 33:9.
10. Giáo Lý và Giao Ước 123:12.
11. *Hymns*, số 250.



Bài của Giám Trợ Keith B. McMullin
Đệ Nhị Cố Vấn trong Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa

Quyền Năng của Chức Tư Tế A Rôn

Các em và chức phẩm Chức Tư Tế A Rôn các em nắm giữ là thiết yếu đối với công việc của Cha Thiên Thượng với con cái của Ngài và sự chuẩn bị của thế gian này cho Ngày Tái Lâm.

Trong một phiên họp huấn luyện mới đây dành cho Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương, Chủ Tịch Thomas S. Monson đã một lần nữa nhấn mạnh đến các bổn phận và cơ hội dành cho những người mang Chức Tư Tế A Rôn.¹ Với cùng một tinh thần về lời chỉ dạy đó, tôi xin ngỏ lời cùng các em.

Nếu được thực hiện một cách đúng đắn, bổn phận sẽ quyết định vận số của các dân tộc và quốc gia. Nguyên tắc về bổn phận cơ bản đến mức những người mang chức tư tế được khuyên dạy: “Vậy nên, giờ đây mọi người phải học hỏi bổn phận của mình, và để siêng năng thi hành nhiệm vụ mình đã được chỉ định.”²

Chủ Tịch Monson giải thích: “Sự kêu gọi của bổn phận đến một cách lặng lẽ khi chúng ta là những người nắm giữ chức tư tế đáp ứng với chỉ định mình nhận được.”³ Chủ Tịch Monson trích dẫn lời của George Albert Smith: “Bổn phận trước hết của các em là học hỏi điều Chúa muốn, rồi bằng quyền năng và sức mạnh của Chức Tư Tế thánh của Ngài, làm vinh hiển sự kêu gọi của mình trước mặt đồng bào mình sao cho người khác

sẽ hài lòng để đi theo các em.”⁴

Chúa đã phán về bổn phận của Ngài: “Ta chẳng tìm ý muốn của ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai ta.”⁵ “Ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý ta, nhưng làm theo ý Đấng đã sai ta đến.”⁶ Vì Chúa Giê Su Ky Tô đã thi hành bổn phận của Ngài, nên “tất cả nhân loại có thể được cứu rỗi, bằng cách tuân theo các luật pháp và các giáo lễ của Phúc Âm.”⁷ Thưa các em, đây là tiêu chuẩn chúng ta cần phải noi theo.

Kinh nghiệm đã cho tôi thấy rằng các em phục vụ với tư cách là thầy trợ tế, thầy giảng, và thầy tư tế đều sẵn lòng, đáng tin cậy và có khả năng để làm bổn phận của mình theo như chúng tôi cho phép các em để được như vậy. Chúng tôi khâm phục các em. Sức sống của các em làm cho chúng tôi cũng cảm thấy đầy sức sống, khả năng của các em làm cho chúng tôi kinh ngạc, việc quen biết với các em củng cố chúng tôi thêm. Các em và chức phẩm Chức Tư Tế A Rôn các em nắm giữ là thiết yếu đối với công việc của Cha Thiên Thượng với con cái của Ngài và sự chuẩn bị của thế gian này cho Ngày Tái Lâm của Vị Nam



Tử thánh của Ngài. Khi nhìn các em, chúng tôi không chỉ thấy tuổi tác của các em mà còn thấy một người mang thánh chức tư tế được ban phước với quyền năng và các bổn phận thiêng liêng. Phao Lô đã nói về các em như sau: “Chớ để người ta khinh con vì trẻ tuổi; nhưng phải lấy lời nói, nét làm, sự yêu thương, đức tin và sự tinh sạch mà làm gương cho các tín đồ.”⁸

*Cuối cùng đến với những người
thời xưa*

*Chức tư tế được đặt theo tên của
A Rôn.*

*Qua các thầy Lê Vi, thầy tư tế, cũng
như các vị tiên tri,*

*Chức tư tế A Rôn nhằm ban phước
cho con cái của Thượng Đế.*

*Rồi Đấng Cứu Rỗi của thế gian đến
Và tìm kiếm một người tên là Giảng,
Để chịu phép báp têm bởi cùng quyền
năng này*

Và bắt đầu công việc cứu rỗi.

*Trong những ngày sau, quyền
năng này*

*Một lần nữa được phục hồi trên
thế gian,*

Để tất cả các lễ thật phúc âm

Có thể mọc rễ trong lòng chúng ta.

Chức Tư Tế A Rôn, lễ thật kỳ diệu,

Đến với sự chuẩn bị—

Để con người có thể được cứu chuộc

*Qua Con Trai Yêu Dấu của
Thượng Đế!*

*Và với người sử dụng các quyền
năng này—*

*Không một thiếu niên nào có thể làm
được như vậy.*

*Với quyền năng của chức tư tế
được ban cho người ấy*

*Chúng ta nói: “Kìa là người
đàn ông!”⁹*

“Quyền năng và thẩm quyền của . . . Chức Tư Tế A Rôn, là nắm giữ các chìa khóa phù trợ của các thiên sứ, cùng điều hành các giáo lễ bề ngoài, từ ngữ của phúc âm, phép báp têm về sự hối cải để được xá miễn tội lỗi, phù hợp với các giao ước và các giáo lệnh.”¹⁰ Chủ Tịch Boyd K. Packer nhận xét: “Chúng ta đã rất xuất sắc trong việc phân phát *thẩm quyền* của chức tư tế. Chúng ta có thẩm quyền chức tư tế được thiết lập hầu như ở khắp nơi. . . . Nhưng tôi nghĩ việc phân phát *thẩm quyền* của chức tư tế đã vượt quá việc phân phát *quyền năng* của chức tư tế.”¹¹ Vì sự an lạc trường cửu của các con cái của Thượng Đế, vấn đề này cần phải được sửa chỉnh.

Vị tiên tri của chúng ta đã cho chúng ta biết điều này có thể được thực hiện như thế nào. Khi trích dẫn lời của George Q. Cannon, Chủ Tịch Monson nói: “Tôi muốn thấy quyền năng của Chức Tư Tế được củng cố. . . . Tôi muốn thấy sức mạnh và quyền năng này lan tràn ở giữa tất cả những người nắm giữ chức tư tế, từ vị lãnh đạo cao nhất xuống tới thầy trợ tế thấp nhất và khiêm nhường nhất trong Giáo Hội. Mỗi người đàn ông cần phải tìm kiếm và vui hưởng những điều mặc khải của Thượng Đế, ánh sáng của thiên thượng chiếu rọi trong tâm hồn và giúp người ấy hiểu về các bổn phận của mình, về phần công việc đã được giao phó cho mình trong Chức Tư Tế.”¹²

Một thầy trợ tế, thầy giảng hay thầy tư tế có thể làm gì để nhận được tinh thần mặc khải và làm vinh hiển chức vụ của mình? Người ấy có thể sống sao cho mình được vui hưởng quyền năng thanh tẩy, thánh hóa và soi dẫn của Đức Thánh Linh.

Tầm quan trọng của điều này được tìm thấy trong những lời sau của An Ma: “Giờ đây tôi nói cho các người hay rằng, đây là thánh chức mà tôi được kêu gọi, . . . để thuyết giảng cho . . . thế hệ đang lên nữa . . . để kêu gọi họ phải hối cải và được *tái sinh*.”¹³ Khi một người được tái sinh thì tâm lòng của người ấy thay đổi. Người ấy không còn ham muốn những điều xấu xa hay ô uế nữa. Người ấy cảm nhận một tình yêu thương sâu đậm và lâu dài đối với Thượng Đế. Người ấy muốn là người tốt, phục vụ những người khác, và tuân giữ các giáo lệnh.¹⁴

Chủ Tịch Joseph F. Smith mô tả kinh nghiệm của ông với sự thay đổi này: “Cảm giác đến với tôi là sự bình an thanh khiết, tình yêu thương và ánh sáng. Tôi suy nghĩ rằng nếu tôi đã phạm tội . . . thì tôi đã được tha thứ; quả thật, tôi đã được thanh tẩy khỏi tội lỗi; tôi cảm động, và cảm thấy rằng tôi sẽ không muốn làm hại ngay cả các con côn trùng nhỏ nhất dưới chân mình. Tôi cảm thấy như mình muốn làm điều thiện ở khắp mọi nơi cho tất cả mọi người và mọi điều. Tôi cảm thấy một cuộc đời mới, một ước muốn mới mẻ để làm điều đúng. Trong tâm hồn của tôi không còn lại một ước muốn mảy may nào để làm điều xấu. Tôi chỉ là một đứa bé, đúng thế, . . . nhưng đây là ảnh hưởng đến với tôi, và tôi biết rằng đó là từ Thượng Đế mà ra, cũng như đã và vẫn luôn luôn là một bằng chứng sống động đối với tôi về việc tôi chấp nhận Chúa.”¹⁵

Vậy nên, chúng tôi kêu gọi các em trẻ tuổi tuyệt diệu hãy siêng năng cố gắng “được sinh lại,”¹⁶ Hãy cầu nguyện để nhận được sự thay đổi mạnh mẽ này trong cuộc sống của mình. Hãy nghiên cứu thánh thư. Hãy mong muốn để biết Thượng Đế và trở thành giống như Vị Nam Tử thánh của Ngài hơn tất cả mọi điều khác. Hãy vui hưởng tuổi trẻ của các em

nhưng hãy “bỏ những điều thuộc về con trẻ”.¹⁷

Tránh lời lẽ báng bổ và nói chuyện nhằm nhí.

Tránh xa tất cả điều xấu.

Tránh tranh cãi.

Hồi cải khi nào cần.¹⁸

Điều này sẽ giúp các em lớn lên trở thành một người đàn ông chín chắn và đáng kính. Những đức tính về lòng can đảm, sự đáng tin cậy, tính khiêm nhường, đức tin, và lòng nhân từ sẽ thuộc về các em. Bạn bè sẽ ngưỡng mộ các em, cha mẹ sẽ khen ngợi các em, các anh em trong chức tư tế sẽ trông cậy vào các em, và các thiếu nữ sẽ quý mến các em cũng như càng trở nên tốt lành hơn nhờ vào các em. Thượng Đế sẽ tôn vinh các em và ban phước cho sự phục vụ của chức tư tế của các em với *quyền năng từ trên cao*.

Những người còn lại của chúng ta sẽ làm phần vụ của mình. Là cha mẹ và ông bà, chúng tôi sẽ chuẩn bị các em phục vụ dũng cảm hơn trong vương quốc của Thượng Đế. Là anh em của các em, chúng tôi sẽ nêu gương để cho các em noi theo. Chúng tôi sẽ gia tăng sức mạnh của các nhóm túc số của các em. Chúng tôi sẽ tán trợ các chủ tịch đoàn nhóm túc số của các em khi họ sử dụng các chìa khóa chủ tọa của mình. Chúng tôi sẽ mang đến cơ hội cho các em để thực hiện trọn vẹn các bốn phận của Chức Tư Tế A Rôn và làm vinh hiển sự kêu gọi của các em trong đó.

Qua giáo vụ của các em, những phước lành lớn sẽ đến với Giáo Hội. “Các thiên thần nói bằng quyền năng của Đức Thánh Linh.”¹⁹ Các em cũng có thể làm như vậy. Khi các em nói bằng quyền năng của Đức Thánh Linh và thực hiện các biểu tượng thiêng liêng của Tiệc Thánh, những người nam và nữ, các em trai và em gái, sẽ cố gắng hồi cải, gia tăng đức tin của họ nơi Đấng Ky Tô và luôn có được Đức Thánh Linh cùng với mình.

Khi các em nhin ăn và thu góp của lễ nhin ăn, thì các tín hữu sẽ được thúc đẩy để làm công việc của họ theo như Đấng Cứu Rỗi. Chúa chăm sóc người nghèo và người bị áp bức, và Ngài phán: “Hãy đến mà theo ta.”²⁰



Sự phục vụ của các em trong việc chăm sóc cho những người kém may mắn làm cho chúng tôi đều tham gia trong công việc thiêng liêng của Ngài và gìn giữ sự xá miễn các tội lỗi trước đây của mình.²¹

Khi các em “đi thăm viếng tư gia của mỗi tín hữu,”²² thì đừng sợ hãi hay rụt rè. Chính lúc đó Đức Thánh Linh sẽ ban cho các em những lời để nói, chứng ngôn để chia sẻ, và công việc để phục vụ.

Các nỗ lực chuyên cần của các em để “luôn luôn trông coi giáo hội”²³ sẽ thành công. Thái độ khiêm tốn và chân thành của các em sẽ làm mềm lòng ngay cả những người không tin gì cả và nối lỏng vòng kim kẹp của kẻ nghịch thù. Việc các em mời những người khác đến nhà thờ với mình, dự phần Tiệc Thánh và phục vụ với mình sẽ trở thành một phước lành đối với những người bị đi lạc trong bóng tối là nơi ánh sáng phúc âm rất lu mờ.

Các em trẻ tuổi yêu dấu của tôi ơi, “đừng bỏ quên ơn ban trong lòng,”²⁴ mà các em đã nhận được khi Chức Tư Tế A Rôn được truyền giao và khi các em được sắc phong.

“Vi Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần nhút nhát, bèn là tâm thần mạnh mẽ, có tình thương yêu và dè giữ.

“Vậy con chớ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa chúng ta. . . Nhưng hãy cậy quyền phép Đức Chúa Trời mà chịu khổ với Tin Lành.

“Ấy chính Chúa . . . đã gọi chúng ta bởi sự kêu gọi thánh, . . . theo ân điển đã ban cho chúng ta trong Đức Chúa Giê Su Ky Tô từ trước muôn đời vô cùng.”²⁵

Vị tiên tri yêu dấu của chúng ta đã “kêu gọi các em phục vụ.”²⁶ Chúng tôi khen ngợi các em, cầu nguyện cho các em, hân hoan phục vụ với các em, và cảm tạ Thượng Đế về quyền năng của giáo vụ cứu rỗi của các em.

Tôi làm chứng rằng Thượng Đế là Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu của chúng ta và Ngài ngự trên thiên thượng xa kia. Chúa Giê Su Ky Tô là Vị Nam Tử thánh của Thượng Đế, Đấng Cứu Chuộc của thế gian, và các em là những người trung tín mang Chức Tư Tế A Rôn là các sứ thần của Ngài trên thế gian, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Thomas S. Monson, buổi họp huấn luyện Thẩm Quyền Trung Ương, tháng Tư năm 2010.
2. Giáo Lý và Giao Ước 107:99.
3. Thomas S. Monson, “Sự Kêu Gọi Phục Vụ Thiêng Liêng,” *Liahona*, tháng Năm năm 2005, 54.
4. George Albert Smith, trong Conference Report, tháng Tư năm 1942, 14; xin xem thêm Thomas S. Monson, *Liahona*, tháng Năm năm 2005, 54.
5. Giảng 5:30.
6. Giảng 6:38.
7. Những Tín Điều 1:3.
8. 1 Ti Mô Thê 4:12.
9. Thơ của Keith B. McMullin; xin xem Keith B. McMullin, “Behold the Man,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1997, 42.
10. Giáo Lý và Giao Ước 107:20.
11. Boyd K. Packer, “Quyền Năng của Chức Tư Tế,” *Liahona*, tháng Năm năm 2010, 7.
12. George Q. Cannon, *Deseret Weekly*, ngày 2 tháng Mười Một năm 1889, 593; do Thomas S. Monson trích dẫn trong buổi họp huấn luyện Thẩm Quyền Trung Ương, tháng Tư năm 2010.
13. An Ma 5:49; sự nhấn mạnh được thêm vào.
14. Xin xem Marion G. Romney, “According to the Covenants,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1975, 71–73.
15. Joseph F. Smith, trong Conference Report, tháng Tư năm 1898, 66.
16. Xin xem Giảng 3:3–7; An Ma 5:14–21, 49.
17. 1 Cô Rinh Tô 13:11.
18. Xin xem 2 Ti Mô Thê 2:16, 22–26.
19. 2 Nê Phi 32:3.
20. Lu Ca 18:22; xin xem thêm Giảng 14:12–14.
21. Xin xem Mô Si 4:26.
22. Giáo Lý và Giao Ước 20:47.
23. Giáo Lý và Giao Ước 20:53.
24. 1 Ti Mô Thê 4:14.
25. 2 Ti Mô Thê 1:7–9.
26. Thomas S. Monson, buổi họp huấn luyện Thẩm Quyền Trung Ương, tháng Tư năm 2010.



Bài của Anh Cả W. Christopher Waddell
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Cơ Hội Hiếm Có

Bằng cách phục vụ tận tâm và sẵn lòng hy sinh, công việc truyền giáo của các em sẽ trở thành một kinh nghiệm thiêng liêng đối với bản thân mình.

Sự kiện quan trọng trong cuộc đời của một người truyền giáo là cuộc phỏng vấn cuối cùng với vị chủ tịch phái bộ truyền giáo, hay còn gọi là cuộc phỏng vấn “ra về”. Trọng tâm cuộc phỏng vấn là một cuộc thảo luận về điều dưỡng như là cả một cuộc đời với những kinh nghiệm đáng nhớ và các bài học quan trọng đạt được trong vòng chỉ 18 đến 24 tháng.

Mặc dù nhiều kinh nghiệm và bài học này có thể là phổ biến đối với công việc phục vụ truyền giáo, nhưng mỗi phái bộ truyền giáo là độc nhất vô nhị, với những thử thách và cơ hội nhằm giúp chúng ta phát triển cũng như trải nghiệm chúng ta tùy theo nhu cầu và cá tính của mình.

Từ lâu trước khi rời mái ấm gia đình trần thế để đi phục vụ truyền giáo toàn thời gian, chúng ta đã rời cha mẹ thiên thượng để làm tròn công việc truyền giáo của mình trên trần thế. Chúng ta có Cha Thiên Thượng là Đấng biết rõ chúng ta—các ưu điểm, khuyết điểm, khả năng, và tiềm năng của chúng ta. Ngài biết chúng ta cần vị chủ tịch phái bộ truyền giáo và những người bạn đồng hành nào, các tín hữu cũng như những người tầm đạo nào để trở thành người truyền giáo, người chồng, người cha, và người nắm giữ chức tư tế mà mình có thể trở thành.

Các vị tiên tri, tiên kiến, và mặc khải chỉ định những người truyền giáo theo sự hướng dẫn và ảnh hưởng của Đức Thánh Linh. Các vị chủ tịch phái bộ truyền giáo đầy cảm ứng hướng dẫn những cuộc chuyển chuyển mỗi sáu tuần và nhanh chóng học biết được rằng Chúa biết chính xác nơi nào Ngài muốn mỗi người truyền giáo phải phục vụ.

Cách đây vài năm, Anh Cả Javier Misiego, từ Madrid, Tây Ban Nha, đi phục vụ truyền giáo toàn thời gian ở Arizona. Vào lúc đó, sự kêu gọi truyền giáo của anh ấy đến Hoa Kỳ có vẻ như hơi khác thường, vì hầu hết các thanh niên từ Tây Ban Nha đều được kêu gọi phục vụ ở quê hương của họ.

Vào lúc kết thúc buổi họp đặc biệt fireside của một giáo khu, mà anh và người bạn đồng hành của mình được mời tham dự, một tín hữu kém tích cực của Giáo Hội được bạn dẫn đến, tiến đến gần Anh Cả Misiego. Đây là lần đầu tiên trong nhiều năm, người đàn ông này đến một giáo đường. Ông ta hỏi Anh Cả Misiego là có biết một người tên là Jose Misiego ở Madrid không. Khi Anh Cả Misiego đáp rằng tên của cha anh là José Misiego, thì ông ta phần khởi hỏi thêm một vài câu hỏi nữa để xác nhận rằng đúng là *José Misiego*, người mình

đang tìm. Khi rõ ràng là họ đang cùng nói về một người, thì người tín hữu kém tích cực này bắt đầu khóc. Ông ta giải thích và mô tả công việc truyền giáo của mình, theo như ông nghĩ, đã thất bại như thế nào: “Cha của Anh Cả là người duy nhất tôi làm phép báp tem cho trong suốt thời gian truyền giáo của tôi.” Ông đã cho là những năm kém tích cực của mình là do một số cảm nghĩ không thích đáng và lo âu, vì tin rằng ông đã làm cho Chúa thất vọng vì lý do nào đó.

Rồi Anh Cả Misiego đã mô tả điều bị cho là thất bại này của một người truyền giáo lại có ý nghĩa như thế nào đối với gia đình của anh. Anh nói cho ông ta biết rằng cha của anh chịu phép báp tem lúc còn là một thanh niên độc thân, đã kết hôn trong đền thờ, rằng Anh Cả Misiego là đứa con thứ tư trong số sáu đứa con, và ba người anh trai cùng một người chị gái đã phục vụ truyền giáo toàn thời gian, rằng tất cả đều tích cực trong Giáo Hội, và tất cả những người kết hôn đều đã được làm lễ gắn bó trong đền thờ.

Người đàn ông đó cũng là người truyền giáo đã được giải nhiệm rồi trở nên kém tích cực, bắt đầu khóc nức nở. Qua các nỗ lực của mình, ông mới được biết nhiều cuộc sống đã được phước, và Chúa đã gửi một Anh Cả từ Madrid, Tây Ban Nha xa xôi đến tận một buổi họp đặc biệt fireside ở Arizona để cho ông ta biết rằng ông đã không thất bại. Chúa biết Ngài muốn mỗi người truyền giáo phải phục vụ ở nơi nào.

Trong bất cứ cách thức nào, Chúa cũng đều có thể chọn ban phước cho chúng ta trong lúc truyền giáo. Các phước lành của sự phục vụ truyền giáo không chấm dứt khi chúng ta được chủ tịch giáo khu của mình giải nhiệm. Công việc truyền giáo của các em là một thời gian huấn luyện cho cuộc sống còn lại. Những kinh nghiệm, bài học, chứng ngôn nhận được qua việc phục vụ trung tín là nhằm thiết lập một nền tảng dựa trên phúc âm mà sẽ kéo dài trong suốt cuộc sống trần thế cho đến thời vĩnh cửu. Tuy nhiên, vì các phước lành phải tiếp tục sau khi phục vụ truyền

giáo, nên có những điều kiện cần phải được đáp ứng. Chúng ta đọc trong sách Giáo Lý và Giao Ước: “Vì tất cả những ai muốn nhận được phước lành từ tay ta đều phải tôn trọng luật pháp mà đã được lập ra cho phước lành đó, và những điều kiện của nó” (GLGU 132:5). Nguyên tắc này được giảng dạy trong câu chuyện của sách Xuất Ê Díp Tô Ký.

Sau khi nhận được phận sự của mình từ Chúa, Môi Se đã trở lại Ai Cập để dẫn con cái của Y Sơ Ra Ên ra khỏi cảnh tù đày. Vì hết tai họa này đến tai họa khác cũng đều không bảo đảm cho họ được tự do, nên dẫn đến tai họa thứ 10 và cuối cùng: “Đêm đó ta sẽ đi qua xứ Ê Díp Tô, hành hại mọi con đầu lòng xứ Ê Díp Tô” (Xuất Ê Díp Tô Ký 12:12).

Để bảo vệ khỏi “kẻ tiêu diệt” (câu 23), Chúa đã chỉ dạy cho dân Ngài phải dâng lên của lễ hy sinh, một con chiên con “chẳng tì vết” (câu 5), và lấy huyết từ của lễ hy sinh. Rồi họ “lấy huyết” và đem bôi trên cửa mỗi nhà—“trên hai cây cột và mành cửa của nhà” (câu 7)—với lời hứa này: “khi ta . . . thấy huyết đó, thì sẽ vượt qua, chẳng có tai nạn hủy diệt các người.” (câu 13).

“Dân Y Sơ Ra Ên bèn cúi đầu lạy, rồi đi, làm theo như lời Đức Giê Hô Va đã phán dặn” (câu 28). Họ dâng lên của lễ hy sinh, lấy huyết và bôi lên nhà họ. “Vả, khi giữa đêm, Đức Giê Hô Va hành hại mọi con đầu lòng tại xứ Ê Díp Tô” (câu 29). Môi Se và dân của ông được bảo vệ theo như lời hứa của Chúa.

Huyết là một sản vật của của lễ hy sinh mà đã được dân Y Sơ Ra Ên sử dụng và dâng lên, tượng trưng cho Sự Chuộc Tội trong tương lai của Đấng Cứu Rỗi. Mặc dù, chỉ của lễ hy sinh và huyết không thôi đã không đủ để nhận được phước lành được hứa. *Nếu không bôi huyết lên trên trụ cửa, thì của lễ hy sinh cũng thành vô ích.*

Chủ Tịch Thomas S. Monson đã dạy: “Công việc truyền giáo rất khó. Công việc này đòi hỏi sức lực, tận dụng khả năng, đòi hỏi nỗ lực tốt nhất của một người. . . Không có công việc lao nhọc nào đòi hỏi phải làm nhiều giờ hơn, hoặc phải tận tụy hơn



hay phải hy sinh và cầu nguyện khẩn thiết như vậy” (“That All May Hear,” *Ensign*, tháng Năm năm 1995, 49).

Nhờ kết quả của sự hy sinh đó, mà chúng ta trở về từ công việc truyền giáo với các ân tứ của riêng mình: Ân tứ về đức tin. Ân tứ về chứng ngôn. Ân tứ về sự hiểu biết vai trò của Thánh Linh. Ân tứ về việc học tập phúc âm hằng ngày. Ân tứ về việc đã phục vụ Đấng Cứu Rỗi của chúng ta. Các ân tứ này đã được gói ghém kỹ lưỡng trong các quyển thánh thư đã sồn mồn, những quyển *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta*, rách tả tơi, các quyển sổ nhật ký của người truyền giáo, và tấm lòng biết ơn. Tuy nhiên, giống như con cái Y Sơ Ra Ên, các phước lành liên tục có liên quan tới sự phục vụ truyền giáo đòi hỏi phải áp dụng sau khi hy sinh.

Cách đây một vài năm, trong khi Chị Waddell và tôi chủ tọa Phái Bộ Truyền Giáo Spain Barcelona, tôi đã đưa ra một chỉ định cuối cùng cho mỗi người truyền giáo trong cuộc phỏng vấn cuối cùng của họ. Khi trở về nhà, họ được yêu cầu phải lập tức dành thời giờ ra để xem lại các bài học và các ân tứ đã được Cha Thiên

Thượng rộng lượng ban cho họ. Họ được yêu cầu phải thành tâm liệt kê và xem xét cách tốt nhất để áp dụng các bài học đó vào cuộc sống sau khi đi truyền giáo về—các bài học mà sẽ ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong cuộc sống của họ: học vấn và chọn lựa nghề nghiệp, hôn nhân và con cái, sự phục vụ tương lai trong Giáo Hội, và quan trọng hơn hết, con người mà họ sẽ tiếp tục trở thành và việc họ tiếp tục phát triển với tư cách là các môn đồ của Chúa Giê Su Ky Tô.

Không bao giờ là quá trễ đối với bất cứ người truyền giáo đã được giải nhiệm để xem xét các bài học nhận được qua sự phục vụ trung tín và áp dụng các bài học này một cách chuyên cần hơn. Khi làm như vậy, chúng ta sẽ cảm nhận trọn vẹn hơn ảnh hưởng của Thánh Linh trong cuộc sống của mình, gia đình chúng ta sẽ được củng cố, và chúng ta sẽ trở nên gần gũi với Đấng Cứu Rỗi và Cha Thiên Thượng hơn. Trong một đại hội trung ương trước đây, Anh Cả L. Tom Perry đã đưa ra lời mời này: “Tôi kêu gọi các anh chị em là những người truyền giáo đã được giải nhiệm trở về hãy tái dâng hiến mình, để một

lần nữa có ước muốn và tinh thần phục vụ của người truyền giáo. Tôi kêu gọi các anh chị em hãy sống và làm phần vụ giống như một tôi tớ của Cha Thiên Thượng. . . . Tôi muốn hứa rằng các phước lành lớn lao đang chờ đợi các anh chị em nếu các anh chị em tiếp tục tiến lên với nhiệt tâm mà mình đã từng có trước đây với tư cách là người truyền giáo toàn thời gian” (“Người Truyền Giáo được Giải Nhiệm Trở Về,” *Liahona*, tháng Giêng năm 2002, 88, 89; *Ensign*, tháng Mười Một năm 2001, 77).

Giờ đây, cùng với các thanh niên chưa phục vụ truyền giáo toàn thời gian, tôi chia sẻ lời dạy của Chủ Tịch Monson từ tháng Mười năm ngoái: “Tôi xin lặp lại điều mà các vị tiên tri đã dạy từ lâu—mỗi thanh niên xứng đáng, có khả năng cần phải chuẩn bị đi phục vụ truyền giáo. Công việc truyền giáo là một bổn phận của chức tư tế—một nghĩa vụ mà Chúa kỳ vọng nơi chúng ta là những người đã được ban cho rất nhiều” (“Cho Đến Khi Chúng Ta Gặp Lại Nhau,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 5–6).

Cũng giống như những người truyền giáo thời xưa lẫn thời nay, Chúa biết các em và chuẩn bị sẵn một kinh nghiệm truyền giáo cho các em. Ngài biết vị chủ tịch phái bộ truyền giáo của các em và người bạn đời tuyệt vời của ông, sẽ yêu thương các em như con ruột của họ, và sẽ tìm kiếm sự cảm ứng và hướng dẫn thay cho các em. Ngài biết mỗi một người đồng hành của các em và điều các em sẽ học được từ họ. Ngài biết mỗi khu vực nơi các em sẽ làm việc, các tín hữu các em sẽ gặp gỡ, những người các em sẽ giảng dạy, và những cuộc sống mà các em sẽ ảnh hưởng cho đến vĩnh cửu.

Qua sự phục vụ tận tâm và sẵn lòng hy sinh, công việc truyền giáo của các em sẽ trở thành một kinh nghiệm thiêng liêng đối với bản thân mình. Các em sẽ chứng kiến phép lạ của sự cải đạo trong khi Thánh Linh tác động qua các em để cảm động tâm lòng của những người mình giảng dạy.

Trong khi các em chuẩn bị phục vụ thì có nhiều việc để làm. Việc trở thành một tôi tớ hữu hiệu của Chúa sẽ

đòi hỏi nhiều hơn là việc được phong nhiệm, đeo lên tấm thẻ tên, hoặc đi vào trung tâm huấn luyện truyền giáo. Đó là một tiến trình bắt đầu từ lâu trước khi các em được gọi là “Anh Cả.”

Hãy đến nơi các em phục vụ truyền giáo với chứng ngôn riêng của mình về Sách Mặc Môn, có được qua việc học tập và cầu nguyện. “Sách Mặc Môn là bằng chứng mạnh mẽ về thiên tính của Đấng Ky Tô. Sách đó cũng là bằng chứng về Sự Phục Hồi qua Tiên Tri Joseph Smith. . . . Là người truyền giáo, trước hết các em cần phải có một chứng ngôn riêng rằng Sách Mặc Môn là chân chính. . . . Sự làm chứng này của Đức Thánh Linh [sẽ trở thành] một trọng tâm điểm của việc giảng dạy của các em” (*Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta: Sách Hướng Dẫn cho Công Việc Truyền Giáo* [2004], 103).

Hãy đến nơi các em phục vụ truyền giáo một cách xứng đáng để có được sự đồng hành của Đức Thánh Linh. Chủ Tịch Ezra Taft Benson nói: “Thánh Linh là yếu tố duy nhất và quan trọng nhất trong công việc này. Với việc Thánh Linh làm vinh hiển sự kêu gọi của mình, các em có thể làm các phép lạ thay cho Chúa ở nơi phục vụ truyền giáo. Nếu không có Thánh Linh, các em sẽ không bao giờ thành công *bất chấp* tài năng và khả năng của mình” (trong *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta*, 176).

Hãy đến nơi các em phục vụ truyền giáo và sẵn sàng làm việc. “Thành công của các em với tư cách là người truyền giáo [sẽ được] đo lường chủ yếu nhờ lòng cam kết của các em để tìm kiếm, giảng dạy, làm phép báp têm, và lễ xác nhận.” Các em sẽ được kỳ vọng “làm việc hữu hiệu mỗi ngày, làm hết sức mình để mang những người khác đến cùng Đấng Ky Tô” (*Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta*, 10, 11).

Tôi xin lặp lại lời mời của Anh Cả M. Russell Ballard, được đưa ra cho một nhóm thanh niên trước đây đang chuẩn bị để phục vụ: “Chúng tôi trông cậy vào các em, các em thiếu niên của tôi trong Chức Tư Tế A Rôn. Chúng tôi cần đến các em. Giống như 2.000 chiến sĩ trẻ của Hê La Man, các em cũng là các con trai linh hồn của Thượng Đế, và các em cũng có

thể được ban cho quyền năng để xây đắp và bảo vệ vương quốc của Ngài. Chúng tôi cần các em lập các giao ước thiêng liêng, cũng như những người ấy đã làm. Chúng tôi cần các em hoàn toàn vâng lời và trung tín, cũng giống như những người ấy” (“The Greatest Generation of Missionaries,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2002, 47).

Khi chấp nhận lời mời này, các em sẽ học được một bài học quan trọng, giống như Anh Cả Misiego và tất cả những người đã trung tín phục vụ, trở về và áp dụng bài học đó. Các em sẽ học được rằng những lời của vị tiên tri của chúng ta, Chủ Tịch Thomas S. Monson là chân chính: “Cơ hội truyền giáo hiếm có thuộc về các em. Các phước lành của thời vĩnh cửu đang chờ đợi các em. Các em có đặc ân để làm người tham dự chứ không phải làm người đứng ngoài quan sát sự phục vụ của chức tư tế” (*Ensign*, tháng Năm năm 1995, 49). Tôi làm chứng rằng điều này là chân chính trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■





Bài của Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Lo Liệu theo Cách của Chúa

Các nguyên tắc an sinh của Giáo Hội không phải chỉ là những ý kiến hay mà là các lẽ thật đã được Thượng Đế mặc khải—các lẽ thật này là cách Ngài giúp đỡ người nghèo túng.

Cách đây sáu mươi lăm năm, ngay sau Đệ Nhị Thế Chiến, tôi đã có được kinh nghiệm trực tiếp về các phước lành của chương trình an sinh của Giáo Hội. Mặc dù còn rất bé, nhưng tôi vẫn nhớ hương vị ngọt ngào của các quả đào đóng hộp với cháo lúa mì và mùi thơm đặc biệt của quần áo được các tín hữu Giáo Hội có lòng quan tâm ở Hoa Kỳ gửi tặng Các Thánh Hữu Đức thời hậu chiến. Tôi sẽ mãi mãi trân quý những hành động yêu thương và nhân từ này đối với những người chúng tôi đang trong cảnh hoạn nạn túng thiếu.

Kinh nghiệm cá nhân này và dịp kỷ niệm 75 năm chương trình an sinh đầy soi dẫn này cho tôi lý do để suy ngẫm một lần nữa về các nguyên tắc cơ bản của việc chăm sóc cho người nghèo khó và túng thiếu, trở nên tự túc, và phục vụ đồng bào mình.

Tại Gốc Rễ của Đức Tin Chúng Ta

Đôi khi chúng ta xem vấn đề an sinh chỉ là một đề tài phúc âm khác mà thôi—một trong số nhiều nhánh trên cây phúc âm. Nhưng tôi tin rằng trong kế hoạch của Chúa, sự cam kết của chúng ta với các nguyên tắc an

sinh cần phải ở tại ngay gốc rễ của đức tin và ở lòng tận tụy của chúng ta đối với Ngài.

Kể từ lúc ban đầu, Cha Thiên Thượng của chúng ta đã phán rất rõ ràng về đề tài này: từ lời khấn nài dịu dàng: “Nếu các ngươi yêu mến ta thì . . . các ngươi hãy nhớ đến những người nghèo, và hãy dâng hiến những tài sản của mình để cấp dưỡng cho họ”;¹ đến lệnh truyền thẳng: “Trong mọi điều phải nhớ tới những kẻ nghèo khó và những kẻ túng thiếu, những người bệnh tật và những người đau buồn, vì kẻ nào không làm những điều này thì không phải là môn đồ của ta”;² đến lời cảnh cáo mạnh mẽ: “Nếu có kẻ nào lấy quá nhiều những vật ta đã làm ra, mà không chia bớt phần của mình theo luật pháp của phúc âm ta cho người nghèo khổ và túng thiếu, thì kẻ đó sẽ phải cùng với kẻ tà ác đưa mắt nhìn lên trong ngục giới, trong khi đang bị đau đớn.”³

Những Điều Vật Chất và Thuộc Linh Ràng Buộc với Nhau

Hai giáo lệnh lớn—yêu mến Thượng Đế và người lân cận của chúng ta—là kết hợp của điều vật chất

và thuộc linh. Thật quan trọng để thấy rằng hai giáo lệnh này được gọi là “lớn” vì mỗi một giáo lệnh khác đều dựa vào hai giáo lệnh này.⁴ Nói cách khác, những ưu tiên của cá nhân, gia đình, và Giáo Hội cần phải bắt đầu từ đây. Tất cả những mục tiêu và hành động khác cần phải từ hai giáo lệnh lớn này mà ra—từ tình yêu mến của chúng ta đối với Thượng Đế và người lân cận của mình.

Giống như hai mặt của đồng tiền, phần vật chất và thuộc linh không thể tách rời được.

Đấng Ban Cho mọi sự sống đã phán: “Đối với ta mọi sự việc đều thuộc phần linh cả; và ta chưa bao giờ ban cho các ngươi một luật pháp nào thuộc về thể tục.”⁵ Đối với tôi, điều này có nghĩa rằng “cuộc sống thuộc linh trước hết là một cuộc sống. Đó không phải là điều chỉ cần biết và học mà còn phải sống theo nữa.”⁶

Rủi thay, có những người bỏ qua điều vật chất vì họ cho rằng điều đó ít quan trọng hơn. Họ quý trọng điều thuộc linh trong khi đánh giá thấp điều vật chất. Mặc dù việc suy nghĩ về những điều thuộc linh là quan trọng, nhưng chúng ta thiếu sót điều cốt yếu của tôn giáo nếu đôi tay của chúng ta không hướng về đồng bào của mình để phục vụ.

Ví dụ, Hê Nóc xây dựng một xã hội Si Ôn qua tiến trình thuộc linh để lập lên một dân tộc có cùng một lòng và một ý và công việc vật chất để bảo đảm rằng sẽ “không có người nghèo khó ở giữa họ.”⁷

Như mọi khi, chúng ta có thể hướng đến Đấng gương mẫu hoàn hảo đối với chúng ta để noi theo, tức là Chúa Giê Su Kỵ Tô. Như Chủ Tịch J. Reuben Clark Jr. đã dạy: “Khi Đấng Cứu Rỗi đến thế gian, Ngài đã có hai sứ mệnh lớn; một là làm tròn vai trò của Đấng Mê Si, chuộc tội cho sự sa ngã và làm tròn luật pháp; hai là công việc Ngài đã làm ở giữa các anh chị em của Ngài trên trần thế bằng cách làm giảm bớt những nỗi đau khổ của họ.”⁸

Trong một cách tương tự, sự tiến triển phần thuộc linh của chúng ta ràng buộc chặt chẽ với sự phục vụ vật chất cho những người khác.

Điều này bổ sung cho điều kia. Nếu có điều này mà không có điều kia thì kế hoạch hạnh phúc của Thượng Đế sẽ là giả tạo.

Cách Thức của Chúa

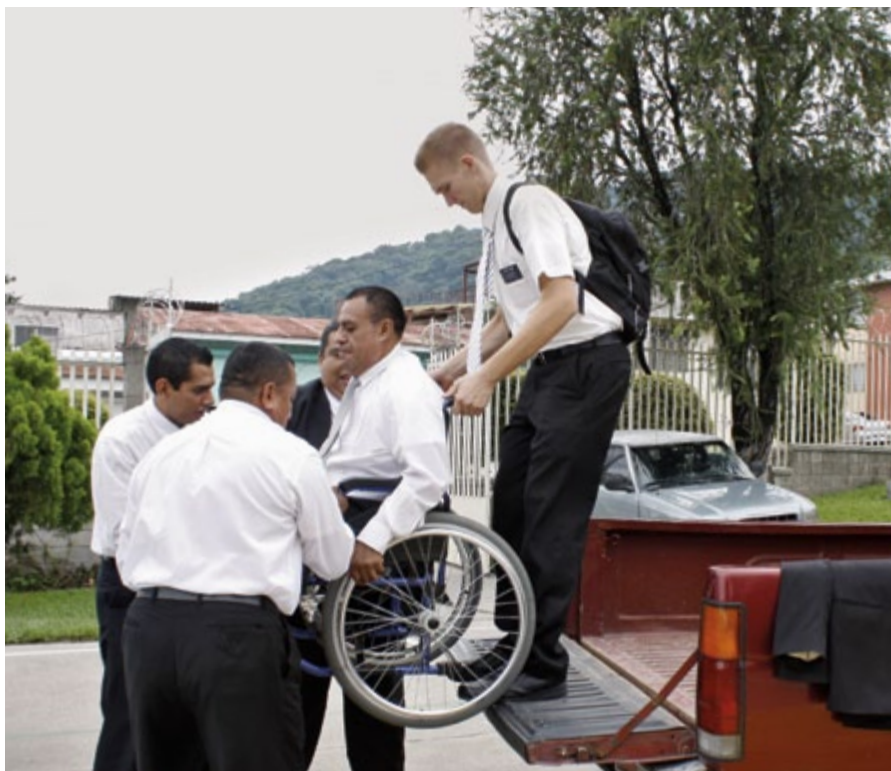
Có nhiều người và nhiều tổ chức tốt trên thế giới cố gắng đáp ứng những nhu cầu cấp bách của người nghèo khổ và túng thiếu ở khắp mọi nơi. Chúng ta biết ơn về điều này, nhưng cách của Chúa để chăm sóc cho người túng thiếu thì khác với cách của thế gian. Chúa đã phán: “Việc đó cần phải được thực hiện theo cách thức riêng của ta.”⁹ Ngài không những quan tâm đến các nhu cầu cấp bách của chúng ta mà Ngài còn quan tâm đến sự tiến bộ vĩnh cửu của chúng ta nữa. Vì lý do này, cách của Chúa luôn luôn gồm có sự tự túc và phục vụ người lân cận của mình ngoài việc chăm sóc cho người nghèo khổ.

Vào năm 1941, con Sông Gila tràn lên và làm ngập lụt Thung Lũng Duncan ở Arizona. Một vị chủ tịch giáo khu trẻ tuổi, Spencer W. Kimball, họp với các cố vấn của mình để đánh giá thiệt hại và gửi một bức điện tín đến Salt Lake City xin một số tiền lớn.

Thay vì gửi tiền, Chủ Tịch Heber J. Grant gửi đến ba người: Henry D. Moyle, Marion G. Romney, và Harold B. Lee. Họ đến gặp Chủ Tịch Kimball và dạy ông một bài học quan trọng. Họ nói: “Đây không phải là một chương trình ‘xin cho tôi.’” “Đây là chương trình ‘tự giúp mình.’”

Nhiều năm về sau, Chủ Tịch Kimball nói: “Tôi nghĩ thật là dễ dàng để Các Anh Em Thẩm Quyền Trung Ương gửi [tiền] cho chúng tôi và sẽ không khó khăn gì để ngồi phân phát tiền trong văn phòng của tôi; nhưng có rất nhiều điều tốt lành đến với chúng tôi khi có hàng trăm [tín hữu] đi đến Duncan và dựng lên các hàng rào, xúc cỏ khô và san bằng mặt đất cùng làm tất cả những điều cần phải làm. Như thế là tự giúp mình.”¹⁰

Bằng cách tuân theo cách của Chúa, các tín hữu trong giáo khu của Chủ Tịch Kimball không những đáp ứng được cho nhu cầu cấp bách của mình mà họ còn phát triển khả năng tự túc, giảm bớt nỗi đau khổ, cùng



San Salvador, El Salvador

tăng trưởng trong tình yêu thương và đoàn kết khi phục vụ lẫn nhau.

Tất Cả Chúng Ta Đều Tham Gia

Ngay trong giờ phút này đây, cũng có nhiều tín hữu của Giáo Hội đang đau khổ. Họ đang đói, vất vả với vấn đề tài chính, cũng như vật lộn với nỗi đau khổ về thể xác, tình cảm, và thuộc linh. Họ đang cầu nguyện với tất cả mãnh lực của lòng mình để được giúp đỡ và trợ giúp.

Thưa các anh em, xin đừng nghĩ rằng đây là trách nhiệm của một người nào đó. Đó là trách nhiệm của tôi và trách nhiệm của các anh em. Tất cả chúng ta đều tham gia. “Tất cả” có nghĩa là *tất cả*—mỗi người nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn và Mên Chi Xê Đéc, người giàu và nghèo, trong mọi quốc gia. Trong kế hoạch của Chúa, mọi người đều có thể đóng góp một điều gì đó.¹¹

Bài học chúng ta học được từ thể hệ này qua thể hệ khác là những người giàu và những người nghèo *đều* có bổn phận giúp đỡ người lân cận của mình. Bài học này sẽ mang tất cả chúng ta cùng làm việc chung với nhau để áp dụng một cách thành

công các nguyên tắc an sinh và tự túc.

Chúng ta thường thấy nhu cầu xung quanh mình với hy vọng rằng sẽ có một người từ xa xuất hiện một cách nhiệm mầu để đáp ứng những nhu cầu đó. Có lẽ chúng ta chờ cho các chuyên viên hiểu biết về chuyên môn đến giải quyết các vấn đề cụ thể. Khi làm như vậy, chúng ta bỏ lỡ cơ hội phục vụ người lân cận của mình, và chúng ta cũng bỏ lỡ cơ hội phục vụ. Mặc dù việc các chuyên viên đến giúp không có gì là sai trái, nhưng hãy thực tế: sẽ không có đủ chuyên viên để giải quyết tất cả các vấn đề. Thay vì thế, Chúa đã ban cho chúng ta chức tư tế và tổ chức của chức tư tế ở khắp nơi trên thế giới nơi nào Giáo Hội đã được thành lập. Và Ngài cũng đã đặt Hội Phụ Nữ bên cạnh chức tư tế. Như chúng ta là những người nắm giữ chức tư tế đều biết, không có nỗ lực an sinh nào thành công nếu không sử dụng các ân tứ và tài năng phi thường của các chị em phụ nữ trong Giáo Hội.

Cách của Chúa không phải là ngồi bên con suối và chờ cho dòng nước chảy qua trước khi chúng ta vượt qua con suối. Chúng ta phải cùng nhau đến, xắn tay áo lên, đi làm việc, và xây

một cây cầu hay đóng một chiếc tàu để vượt qua dòng nước thử thách. Các anh em là những người đàn ông của Si Ôn, những người nắm giữ chức tư tế, là những người có thể dẫn đường và trợ giúp Các Thánh Hữu bằng cách áp dụng các nguyên tắc đầy cảm ứng của chương trình an sinh! Đó là sứ mệnh của các anh em để mở mắt ra, sử dụng chức tư tế của mình, và đi làm việc theo cách của Chúa.

Tổ Chức Vĩ Đại Nhất trên Thế Gian

Trong Thời Kỳ Kinh Tế Trì Trệ, Harold B. Lee, lúc bấy giờ đang phục vụ với tư cách là chủ tịch giáo khu, đã được Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương yêu cầu tìm ra một giải pháp cho cảnh nghèo khổ áp bức, buồn khổ, và đói khát đang lan rộng trên thế giới vào lúc đó. Ông vất vả tìm ra một giải pháp và mang vấn đề đó lên hỏi Chúa: “Chúng con sẽ có loại tổ chức nào . . . để làm điều này?”

Và “thế như Chúa đã phán [cùng ông]: ‘Này con. Con không cần bất cứ tổ chức nào khác. Ta đã ban cho con tổ chức vĩ đại nhất ở trên mặt đất. Không có tổ chức nào vĩ đại hơn tổ chức của chức tư tế. Điều con chỉ cần làm là sử dụng chức tư tế để làm việc. Chỉ thế thôi.’”¹²

Đó cũng là điểm bắt đầu trong thời kỳ của chúng ta. Chúng ta đã có tổ chức của Chúa tại chỗ rồi. Thử thách của chúng ta là quyết định cách sử dụng tổ chức đó.

Trước hết chúng ta phải làm quen với điều Chúa đã mặc khải. Chúng ta không nên cho rằng mình đã biết rồi. Chúng ta cần phải tiếp cận với vấn đề bằng cách khiêm tốn như một đứa trẻ. Mọi thế hệ cần phải học lại các giáo lý là nền tảng của cách Chúa chăm sóc người nghèo túng. Như nhiều vị tiên tri đã chỉ dạy cho chúng ta trong những năm qua, các nguyên tắc an sinh của Giáo Hội không phải chỉ là những ý kiến hay mà là các lẽ thật đã được Thượng Đế mặc khải—các lẽ thật này là cách Ngài giúp đỡ người nghèo túng.

Thưa các anh em, trước hết hãy nghiên cứu các nguyên tắc và giáo lý đã được mặc khải. Đọc các sách chỉ nam về chương trình an sinh của



Leicester, Anh

Giáo Hội;¹³ hãy tận dụng trang mạng Internet providentliving.org; đọc lại bài viết về kế hoạch an sinh của Giáo Hội đăng trong số báo *Liahona* tháng Sáu năm 2011. Tìm hiểu về cách Chúa lo liệu cho Các Thánh Hữu của Ngài. Tìm hiểu về các nguyên tắc chăm sóc cho người túng thiếu, phục vụ người lân cận, và sự tự túc bổ sung cho nhau như thế nào. Cách tự túc của Chúa có nhiều khía cạnh của cuộc sống, kể cả học vấn, y tế, việc làm, tài chính gia đình và sức mạnh thuộc linh được cân bằng. Hãy làm quen với chương trình an sinh hiện đại của Giáo Hội.¹⁴

Một khi các anh em đã nghiên cứu các giáo lý và nguyên tắc an sinh trong Giáo Hội rồi, thì hãy tìm cách áp dụng điều mình học được vào nhu cầu của những người các anh em có trách nhiệm để phục vụ. Điều này có nghĩa là nói chung, các anh em sẽ phải tự mình tìm hiểu. Mỗi gia đình, mỗi giáo đoàn, mỗi khu vực trên thế giới đều khác nhau. Không có lời giải đáp chung trong chương trình an sinh của Giáo Hội. Đây là một chương trình tự giúp đỡ mà những cá

nhân có trách nhiệm phải tự túc. Các phương tiện của chúng ta gồm có lời cầu nguyện cá nhân, những khả năng và tài năng thiên phú của chúng ta, của cải có sẵn cho chúng ta nhờ vào gia đình và thân quyến, nhiều nguồn tài nguyên khác nhau của cộng đồng, và dĩ nhiên là sự hỗ trợ chăm lo của các nhóm tức số chức tư tế và Hội Phụ Nữ. Điều này sẽ dẫn chúng ta qua mầu mực tự túc đã được soi dẫn.

Các anh em sẽ phải có một kế hoạch phù hợp với giáo lý của Chúa và thích hợp với hoàn cảnh của khu vực địa lý của mình. Để thực hiện các nguyên tắc an sinh của Chúa, các anh em không cần phải luôn luôn hướng tới Salt Lake City. Thay vì thế, các anh em cần nhìn vào trong sách chỉ dẫn, vào trong lòng mình, và nhìn lên thiên thượng. Hãy tin cậy sự soi dẫn của Chúa và tuân theo đường lối của Ngài.

Cuối cùng, trong lãnh vực của mình, các anh em phải làm điều các môn đồ của Đấng Ky Tô đã làm trong mọi gian kỳ: bàn thảo với nhau, sử dụng tất cả những phương tiện có sẵn, tìm kiếm sự soi dẫn của Đức Thánh Linh, cầu vấn Chúa để xin Ngài xác nhận, rồi xắn tay áo lên và đi làm việc.

Tôi hứa với các anh em rằng: nếu các anh em chịu tuân theo khuôn mẫu này, thì các anh em sẽ nhận được sự hướng dẫn cụ thể về những chi tiết để lo liệu cho *người nào, điều gì, khi nào, và ở nơi đâu* theo cách của Chúa.

Các Phước Lành của Việc Lo Liệu theo Cách của Chúa

Các lời hứa và phước lành của vị tiên tri về chương trình an sinh của Giáo Hội, về việc lo liệu theo cách của Chúa, là một số lời hứa cũng như phước lành tuyệt diệu và cao quý nhất đã được Chúa ban cho con cái của Ngài. Ngài phán: “Nếu người mở lòng cho kẻ đói, và làm no kẻ khổ, thì sự sáng người sẽ sáng ra trong tối tăm, và sự tối tăm người sẽ như ban trưa. Đức Giê Hô Va sẽ cứ dắt đưa người.”¹⁵

Dù giàu hay nghèo, dù sống ở đâu trên địa cầu này, thì chúng ta cũng đều cần nhau, vì chính trong việc hy sinh thời giờ, tài năng, và phương tiện của mình mà tinh thần của chúng ta

trưởng thành và trở nên tinh luyện.

Công việc lo liệu theo cách của Chúa này hoàn toàn không phải là một mục khác trong bản liệt kê các chương trình của Giáo Hội. Công việc này không thể bỏ qua hay gạt sang một bên. Đó là trọng tâm của giáo lý chúng ta; đó là điều cốt yếu của tôn giáo chúng ta. Thưa các anh em, đây là đặc ân lớn lao và đặc biệt của chúng ta với tư cách là những người nắm giữ chức tư tế sử dụng chức đó để làm việc. Chúng ta phải chú tâm đến việc trở nên tự túc hơn, chăm sóc nhiều hơn cho người túng thiếu và phục vụ với lòng trắc ẩn.

Điều vật chất gắn bó chặt chẽ với điều thuộc linh. Thượng Đế đã ban cho chúng ta kinh nghiệm hữu diệt này và những thử thách trần thế đi kèm theo kinh nghiệm này giống như một phòng thí nghiệm, ở đó chúng ta có thể tăng trưởng thành những người mà Cha Thiên Thượng muốn chúng ta trở thành. Cầu xin cho chúng ta hiểu được bổn phận cùng phước lành lớn lao đến từ việc tuân theo và lo liệu theo cách của Chúa là lời cầu nguyện của tôi trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Giáo Lý và Giao Ước 42:29, 30.
2. Giáo Lý và Giao Ước 52:40.
3. Giáo Lý và Giao Ước 104:18.
4. Xin xem Ma Thi Ơ 22:36-40.
5. Giáo Lý và Giao Ước 29:34.
6. Thomas Merton, *Thoughts in Solitude* (1956), 46.
7. Môi Se 7:18.
8. J. Reuben Clark Jr., trong Conference Report, tháng Tư năm 1937, 22.
9. Giáo Lý và Giao Ước 104:16; xin xem thêm câu 15.
10. Spencer W. Kimball, trong Conference Report, tháng Tư năm 1974, 183, 184.
11. Xin xem Mô Si A 4:26; 18:27.
12. Harold B. Lee, biên bản cuộc họp về phúc lợi nông nghiệp, ngày 3 tháng Mười năm 1970, 20.
13. Xin xem *Handbook 1: Stake Presidents and Bishops* (2010), chương 5, "Administering Church Welfare"; *Handbook 2: Administering the Church* (2010), chương 6, "Welfare Principles and Leadership"; *Providing in the Lord's Way: Summary of a Leader's Guide to Welfare* (cuốn sách nhỏ, 2009).
14. Sách của Anh Cả Glen L. Rudd *Pure Religion: The Story of Church Welfare since 1930* (1995), có sẵn từ Dịch Vụ Phân Phối của Giáo Hội, là nơi tuyệt vời để nghiên cứu các giáo lý và lịch sử của chương trình an sinh của Chúa.
15. Ê Sai 58:10-11; xin xem thêm các câu 7-9.



Bài của Chủ Tịch Henry B. Eyring

Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Sự Chuẩn Bị trong Chức Tư Tế: "Tôi Cần Sự Giúp Đỡ của Anh"

Đừng lo lắng về việc các anh em thiếu kinh nghiệm hoặc nghĩ là mình thiếu kinh nghiệm, mà hãy nghĩ về con người các anh em có thể trở thành với sự giúp đỡ của Chúa.

Các anh em thân mến, tôi rất vui mừng được có mặt với các anh em trong buổi họp toàn cầu này của chức tư tế của Thượng Đế. Buổi tối hôm nay, tôi sẽ nói về sự chuẩn bị của chức tư tế, sự chuẩn bị của chúng ta lẫn việc chúng ta giúp những người khác chuẩn bị.

Đôi khi hầu hết chúng ta đều tự hỏi: "Tôi có được chuẩn bị cho chỉ định này trong chức tư tế không?" Câu trả lời của tôi là: "Có, anh em đã được chuẩn bị rồi." Mục đích của tôi hôm nay là giúp các anh em nhận ra và có được can đảm từ sự chuẩn bị đó.

Như các anh em biết, Chức Tư Tế A Rôn được chỉ định là một chức tư tế dự bị. Đa số những người nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn là các thầy trợ tế, thầy giảng và thầy tư tế trẻ từ 12 đến 19 tuổi.

Chúng ta có thể nghĩ rằng sự chuẩn bị chức tư tế xảy ra trong những năm nắm giữ Chức Tư Tế A Rôn. Nhưng Cha Thiên Thượng đã chuẩn bị cho chúng ta từ khi chúng ta được giảng

dạy nơi hiện diện của Ngài trong vương quốc của Ngài trước khi chúng ta sinh ra. Ngài đang chuẩn bị cho chúng ta buổi tối hôm nay. Và Ngài sẽ tiếp tục chuẩn bị cho chúng ta miễn là chúng ta còn chịu để cho Ngài làm như vậy.

Mục đích của tất cả sự chuẩn bị cho chức tư tế, trong tiền dương thế cũng như trong cuộc sống này, là chuẩn bị chúng ta và những người mình phục vụ thay Ngài cho cuộc sống vĩnh cửu. Một số bài học đầu tiên trong tiền dương thế chắc chắn là gồm có kế hoạch cứu rỗi, với Chúa Giê Su Kỵ Tô và Sự Chuộc Tội của Ngài là trọng tâm của kế hoạch đó. Chúng ta không những được giảng dạy về kế hoạch đó mà còn ở trong các hội đồng là nơi chúng ta chọn kế hoạch ấy.

Bởi vì khi sinh ra, tâm trí của chúng ta được bao bọc bởi một bức màn che để làm cho quên tất cả những điều đó, nên chúng ta đã phải tìm cách để học lại trong cuộc sống này những gì mình đã từng biết và bảo vệ. Phần

chuẩn bị của chúng ta trong cuộc sống này là tìm ra lẽ thật quý báu đó để rồi có thể tái cam kết với lẽ thật đó bằng giao ước. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có đức tin, lòng khiêm nhường, và can đảm cũng như sự giúp đỡ từ những người đã tìm ra lẽ thật rồi chia sẻ với chúng ta lẽ thật đó.

Những người đó có thể là cha mẹ, người truyền giáo hay bạn bè. Nhưng sự giúp đỡ đó là một phần chuẩn bị của chúng ta. Sự chuẩn bị của chức tư tế luôn luôn gồm có những người đã được chuẩn bị trước để mang đến cho chúng ta cơ hội chấp nhận phúc âm và rồi chọn để hành động bằng cách tuân giữ các giao ước nhằm tiếp thu những điều đó vào lòng mình. Để hội đủ điều kiện cho cuộc sống vĩnh cửu, thì trong cuộc sống này chúng ta cần phải phục vụ với tất cả tấm lòng, năng lực, tâm trí và sức mạnh của mình để chuẩn bị cho những người khác cùng với mình trở lại với Thượng Đế.

Vậy nên, phần chuẩn bị của chức tư tế chúng ta sẽ có trong cuộc sống này sẽ là các cơ hội để phục vụ và giảng dạy những người khác. Phần chuẩn bị này có thể gồm có việc làm các giảng viên trong Giáo Hội, những người cha sáng suốt và nhân từ, các thành viên của một nhóm túc số, và những người truyền giáo cho Chúa Giê Su Kỵ Tô. Chúa sẽ tạo ra các cơ hội, nhưng việc chúng ta có chuẩn bị hay không sẽ tùy thuộc vào chúng ta. Ý định của tôi trong buổi tối hôm nay là nêu lên một số điều lựa chọn thiết yếu để sự chuẩn bị của chức tư tế được thành công.

Cả người huấn luyện lẫn người được huấn luyện có những chọn lựa tốt đều tùy thuộc vào một sự hiểu biết nào đó về cách Chúa chuẩn bị cho các tông đồ của Ngài trong chức tư tế.

Trước hết, Ngài kêu gọi những người trẻ tuổi lẫn lớn tuổi dường như yếu kém và tầm thường dưới con mắt của thế gian và thậm chí đối với chính bản thân họ nữa. Chúa có thể thay đổi những điều thiếu sót rõ rệt đó thành ưu điểm. Điều đó sẽ thay đổi việc vị lãnh đạo khôn ngoan chọn ai để huấn luyện và cách để huấn luyện. Và điều đó có thể thay đổi cách người nắm giữ chức tư tế đáp ứng với những cơ hội



phát triển mình nhận được.

Hãy xem xét một số ví dụ. Tôi là một thầy tư tế thiếu kinh nghiệm trong một tiểu giáo khu rộng lớn. Giám trợ của tôi gọi điện thoại cho tôi vào một buổi trưa Chủ Nhật. Khi tôi trả lời, ông nói: “Em có thời giờ đi với tôi không? Tôi cần em giúp đỡ.” Ông chỉ giải thích rằng ông muốn tôi làm bạn đồng hành của ông để đi thăm một người phụ nữ tôi không quen biết, nhưng chị ấy không có thức ăn và cần học cách quản lý tài chính của mình một cách hữu hiệu hơn.

Bấy giờ, tôi biết rằng ông đã có hai cổ vấn dày dặn kinh nghiệm trong giám trợ đoàn của ông. Cả hai đều là những người đàn ông chín chắn đầy kinh nghiệm. Một cổ vấn là chủ nhân một cơ sở thương mại lớn về sau trở thành chủ tịch phái bộ truyền giáo và Vị Thẩm Quyền Trung Ương. Người cổ vấn kia là một thẩm phán nổi tiếng trong thành phố.

Tôi mới vừa được kêu gọi làm người phụ tá đầu tiên của vị giám trợ trong nhóm túc số thầy tư tế. Ông biết rằng tôi không hiểu nhiều về các nguyên tắc an sinh. Tôi còn biết ít hơn về cách quản lý tài chính. Tôi chưa hề ký một chi phiếu; tôi không có tài khoản ngân hàng; tôi còn chưa từng thấy một ngân sách cá nhân nữa. Vậy mà, dù thiếu kinh nghiệm, nhưng tôi

đã cảm thấy rằng ông đã rất nghiêm chỉnh khi nói: “Tôi cần em giúp đỡ.”

Tôi đã dần dần hiểu được ý nghĩa của điều vị giám trợ đầy cảm ứng đó có ý nói. Ông thấy trong tôi một cơ hội quý báu để chuẩn bị cho một người nắm giữ chức tư tế. Tôi chắc chắn là ông đã không nhìn thấy trước rằng cậu bé thiếu kinh nghiệm đó lại trở thành một thành viên tương lai trong Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa. Nhưng vào ngày đó ông đã cư xử với tôi và trong suốt thời gian tôi biết ông, như thể đó là một dự án chuẩn bị đầy hứa hẹn.

Dường như ông thích thú điều đó, nhưng đó là việc làm đối với ông. Ông đậu xe lại khi trở về nhà tôi sau khi chúng tôi đi thăm người góa phụ đang trong cảnh hoạn nạn đó. Ông mở quyển thánh thư sồn mòn vì thường xuyên được sử dụng và đánh dấu rất nhiều. Ông nhẹ nhàng dạy bảo tôi. Ông nói rằng tôi cần phải nghiên cứu thánh thư và học hỏi thêm. Nhưng chắc hẳn ông đã thấy rằng tôi đủ yếu kém và tầm thường để có thể dạy bảo được. Đến ngày hôm nay, tôi vẫn còn nhớ điều ông đã dạy vào buổi trưa đó. Nhưng tôi còn nhớ ông đã tin tưởng biết bao rằng tôi có thể học hỏi và trở nên tốt hơn—và tôi sẽ trở nên tốt hơn.

Ông có cái nhìn vượt qua con người thực sự của tôi đến khả năng

trong tương lai của một người cảm thấy yếu kém và tầm thường đủ để muốn có được sự giúp đỡ của Chúa rồi tin rằng điều đó sẽ đến.

Các vị giám trợ, chủ tịch phái bộ truyền giáo và các bậc làm cha có thể chọn hành động theo các khả năng có thể xảy ra đó. Tôi đã thấy điều đó xảy ra mới gần đây trong chứng ngôn của một chủ tịch nhóm tức số thầy trợ tế tại một buổi họp nhận ăn. Em ấy sắp trở thành thầy giảng và bỏ lại đằng sau các thành viên trong nhóm tức số của mình.

Em ấy đã làm chứng với giọng nói vô cùng xúc động về sự tăng trưởng tốt lành và đầy quyền năng trong các thành viên của nhóm tức số của mình. Tôi chưa bao giờ nghe một người nào khen ngợi một tổ chức một cách tuyệt diệu như em ấy đã khen ngợi. Em ấy khen ngợi sự phục vụ của họ. Và rồi em ấy nói rằng em ấy biết là mình đã có thể giúp đỡ các thầy trợ tế mới khi họ cảm thấy thiếu khả năng vì em ấy cũng cảm thấy thiếu khả năng khi mới vào nhóm tức số chức tư tế.

Những cảm nghĩ của em ấy về sự yếu kém đã làm cho em ấy kiên nhẫn, thông cảm hơn, do đó có thể củng cố và phục vụ những người khác hữu hiệu hơn. Trong hai năm đó, dường như đối với tôi, em ấy đã có kinh nghiệm và trở nên sáng suốt. Em biết rằng em được giúp đỡ với tư cách là chủ tịch nhóm tức số với một trí nhớ rõ ràng và sinh động đối với những nhu cầu riêng của mình hai năm trước. Thử thách trong tương lai của em ấy và của chúng ta trong khả năng lãnh đạo sẽ đến khi những ký ức đó phai nhòa cũng như mờ dần với thời gian và thành công của mình.

Phao Lô chắc hẳn đã nhìn thấy mỗi nguy hiểm đó khi khuyên nhủ người bạn đồng hành trẻ hơn của ông trong chức tư tế, Ti Mô Thê. Ông đã khuyến khích và chỉ dẫn cho Ti Mô Thê trong sự chuẩn bị chức tư tế và trong việc giúp Chúa chuẩn bị cho những người khác.

Hãy nghe lời Phao Lô đã nói với Ti Mô Thê, người bạn đồng hành trẻ tuổi hơn của ông:

“Chớ để người ta khinh con vì trẻ tuổi; nhưng phải lấy lời nói, nét làm,

sự yêu thương, đức tin và sự tinh sạch mà làm gương cho các tín đồ.

“Hãy chăm chỉ đọc sách, khuyên bảo, dạy dỗ, cho đến chừng ta đến.

“Đừng bỏ quên ơn ban trong lòng con, là ơn bởi lời tiên tri nhân hội trưởng lão đặt tay mà đã ban cho con vậy. . . .

“Hãy giữ chính mình con và sự dạy dỗ của con;¹ phải bền đỗ trong mọi sự đó, vì làm như vậy thì con và kẻ nghe con sẽ được cứu.”²

Phao Lô đưa ra lời khuyên dạy hay cho tất cả chúng ta. Đừng lo lắng về việc các anh em thiếu kinh nghiệm hoặc nghĩ là mình thiếu kinh nghiệm, mà hãy nghĩ về con người các anh em có thể trở thành với sự giúp đỡ của Chúa.

Giáo lý mà Phao Lô khuyến khích chúng ta phải nuôi dưỡng trong sự chuẩn bị cho chức tư tế của mình là lời của Đấng Ky Tô và vì thế để hội đủ điều kiện nhận được Đức Thánh Linh. Rồi chúng ta có thể biết điều Chúa muốn chúng ta làm trong sự phục vụ của mình và có can đảm để làm điều này, bất kể hoàn cảnh nào chúng ta sẽ gặp phải trong tương lai.

Chúng ta được chuẩn bị cho sự phục vụ của chức tư tế mà sẽ càng ngày càng trở nên khó khăn hơn với thời gian. Chẳng hạn, cơ bắp và thể xác của chúng ta sẽ trở nên già nua khi chúng ta lớn tuổi. Khả năng của chúng ta để học hỏi và ghi nhớ điều mình đã đọc sẽ giảm bớt. Mỗi ngày trong cuộc sống, việc phục vụ của chức tư tế mà Chúa kỳ vọng vào chúng ta sẽ càng ngày càng cần nhiều kỷ luật tự giác hơn. Chúng ta có thể được chuẩn bị cho trách nhiệm đó bằng cách xây đắp đức tin qua sự phục vụ mỗi ngày.

Chúa đã ban cho chúng ta cơ hội để chuẩn bị bằng một điều mà Ngài đã gọi là “lời thề và giao ước [thuộc về] chức tư tế.”³

Đó là giao ước chúng ta lập với Thượng Đế để tuân giữ tất cả các lệnh truyền của Ngài và phục vụ như Ngài sẽ phục vụ nếu Ngài đích thân hiện diện ở đó. Việc cố gắng hết sức sống theo tiêu chuẩn đó có thể xây đắp sức mạnh chúng ta cần để kiên trì đến cùng.

Những người huấn luyện chức tư tế hữu hiệu đã cho tôi thấy cách xây đắp sức mạnh đó: đó là việc tạo thành một thói quen để khắc phục cảm giác mệt mỏi và sợ hãi có thể khiến các anh em nghĩ đến việc bỏ cuộc. Các bậc thầy đại tài của Chúa đã cho tôi thấy rằng quyền năng thuộc linh tiếp tục ở cùng với chúng ta có được từ sự làm việc quá mức, khiến những người khác chắc hẳn phải nghĩ ngợi.

Các anh em là các vị lãnh đạo chức tư tế tài giỏi là những người xây đắp sức mạnh thuộc linh đó trong thời niên thiếu nhưng vẫn có được sức mạnh đó khi sức khỏe thể chất trở nên suy yếu.

Người em trai của tôi đi công tác tại một thành phố nhỏ ở Utah. Chú ấy nhận được một cú điện thoại gọi đến khách sạn của mình từ Chủ Tịch Spencer W. Kimball. Lúc đó đã khuya sau một ngày làm việc lao nhọc đối với em trai tôi, và chắc chắn cũng thế đối với Chủ Tịch Kimball, khi ông bắt đầu cuộc nói chuyện như vậy. Ông nói: “Tôi nghe nói rằng anh đang có mặt trong thị trấn này. Tôi biết là đã khuya và có lẽ anh đã đi ngủ, nhưng anh có thể giúp tôi được không? Tôi cần anh cùng với tôi đi xem tình trạng của tất cả các giáo đường của chúng ta trong thành phố này.” Đêm đó, em trai của tôi đi với ông, em trai tôi không hiểu biết gì về sự bảo trì giáo đường hoặc không biết gì giáo đường cũng như không biết tại sao Chủ Tịch Kimball muốn làm việc như vậy sau một ngày dài đằng đẵng hoặc lý do tại sao ông cần giúp đỡ.

Nhiều năm về sau, tôi nhận được một cú điện thoại tương tự lúc đêm khuya trong một khách sạn ở Nhật Bản. Lúc bấy giờ tôi là ủy viên giáo dục mới của Giáo Hội. Tôi biết rằng Chủ Tịch Gordon B. Hinckley đang ở đâu đó trong cùng khách sạn ấy vì công tác riêng của ông đến Nhật Bản. Tôi nhắc máy trả lời điện thoại đang reo ngay sau khi mới vừa nằm xuống giường để ngủ, kiệt sức vì làm tất cả những điều mà tôi tưởng rằng tôi có sức để làm.

Chủ Tịch Hinckley vui vẻ hỏi: “Tại sao anh ngủ trong khi tôi ở đây đang đọc bản thảo mà chúng ta được yêu



Davao, Philippine

câu duyệt lại?” Vậy nên, tôi đứng dậy và đi làm việc, mặc dù tôi biết rằng Chủ Tịch Hinckley có thể duyệt bản thảo đó hay hơn tôi có thể làm. Nhưng vì lý do nào đó, ông đã làm cho tôi cảm thấy rằng ông cần tôi giúp đỡ.

Vào lúc kết thúc hầu hết mọi buổi họp, Chủ Tịch Thomas S. Monson đều hỏi người thư ký của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn: “Tôi có bắt kịp công việc của tôi không?” Và ông luôn luôn mỉm cười khi câu trả lời đưa ra là: “Vâng, thưa Chủ Tịch, có ạ.” Nụ cười hài lòng của Chủ Tịch Monson làm cho tôi hiểu ý của ông. Điều đó làm cho tôi nghĩ: “Tôi có thể làm thêm điều gì với chỉ định của mình không?” Và rồi tôi trở lại văn phòng của mình để làm việc.

Các giảng viên tài giỏi đã cho tôi thấy cách chuẩn bị để tuân giữ lời thề và giao ước khi thời giờ và tuổi tác làm cho việc này trở nên khó thực hiện hơn. Họ đã cho tôi thấy và dạy tôi cách kỷ luật tự giác để làm việc siêng năng hơn tôi nghĩ mình có thể làm khi vẫn còn khỏe mạnh.

Tôi không thể làm một người tôi trở luôn luôn hoàn hảo, nhưng có thể cố gắng để nỗ lực hơn là tôi nghĩ mình có thể làm. Với thói quen đó đã được tạo ra từ ban đầu, tôi sẽ được chuẩn bị cho những thử thách sau này. Các anh em và tôi có thể chuẩn bị với sức mạnh để tuân giữ lời thề và giao ước của mình qua những thử thách chắc chắn sẽ đến vào lúc gần cuối cuộc đời.

Tôi đã hiển nhiên thấy điều đó trong một cuộc họp của Ủy Ban Giáo Dục của Giáo Hội. Lúc bấy giờ, Chủ Tịch Spencer W. Kimball đã phục vụ

những năm trong khi chịu đựng một loạt thử thách về sức khỏe mà chỉ có Gióp mới có thể hiểu được. Ông đang hướng dẫn cuộc họp vào buổi sáng hôm đó.

Bỗng nhiên ông ngừng nói. Ông ngồi thụp xuống ghế. Mắt nhắm lại. Đầu ông gục xuống ngực. Tôi đang ngồi cạnh ông. Anh Cả Holland ngồi cạnh chúng tôi. Hai chúng tôi đứng lên và đi đến giúp đỡ ông. Vì thiếu kinh nghiệm, nên chúng tôi quyết định khiêng ông, vẫn còn ngồi trên ghế, đến văn phòng cạnh bên của ông.

Ông trở thành người thầy của chúng tôi trong giây phút lâm nguy của ông. Với mỗi người nâng một bên cái ghế của ông, chúng tôi đi ra khỏi phòng họp và vào hành lang của Tòa Hành Chính của Giáo Hội. Ông mở nửa mắt ra, hiển nhiên là vẫn còn choáng váng, rồi nói: “Ồ, xin hãy cẩn thận. Đừng làm lưng các anh bị đau đó.” Khi chúng tôi đến gần cửa văn phòng của ông, ông nói: “Tôi cảm thấy thật là tệ vì đã làm gián đoạn cuộc họp.” Một phút sau khi chúng tôi đưa ông vào văn phòng của ông, mà vẫn chưa biết là ông gặp vấn đề gì, thì ông nhìn lên chúng tôi và nói: “Các anh không nghĩ rằng các anh phải trở lại họp à?”

Chúng tôi vội vã trở lại, biết rằng bằng cách nào đó, sự hiện diện của chúng tôi ở đó chắc phải quan trọng đối với Chúa. Kể từ thời thơ ấu, Chủ Tịch Kimball đã vượt qua giới hạn chịu đựng của mình để phục vụ và yêu mến Chúa. Đó là một thói quen đã in sâu đến mức sẵn sàng sử dụng khi ông

cần. Ông đã được chuẩn bị. Và như vậy, ông đã có thể giảng dạy và cho chúng tôi thấy cách chuẩn bị để tuân giữ lời thề và giao ước: bằng sự chuẩn bị vững vàng trong nhiều năm, cũng như tận dụng sức mạnh của mình đối với nhiệm vụ dường như nhỏ bé với hậu quả không đáng kể.

Tôi cầu nguyện rằng chúng ta có thể tuân giữ các giao ước chức tư tế của mình để tự mình hội đủ điều kiện cho cuộc sống vĩnh cửu và những người chúng ta được kêu gọi để huấn luyện. Tôi hứa với các anh em rằng nếu làm hết sức mình, thì Thượng Đế sẽ gia tăng sức mạnh và sự khôn ngoan của các anh em. Ngài sẽ chuẩn bị cho các anh em. Tôi hứa với các anh em rằng những người mà các anh em huấn luyện và nêu gương sẽ ngợi khen danh của các anh em như tôi đã làm ngày hôm nay đối với những người huấn luyện đại tài mà tôi biết.

Tôi làm chứng rằng Thượng Đế Đức Chúa Cha hằng sống và yêu thương các anh em. Ngài biết các anh em. Ngài và Vị Nam Tử phục sinh và vinh quang của Ngài, Chúa Giê Su Kỵ Tô, đã hiện đến cùng một thiếu niên còn non nớt, Joseph Smith. Hai Ngài đã giao phó cho ông Sự Phục Hồi của phúc âm trọn vẹn và giáo hội chân chính. Hai Ngài đã khuyến khích ông khi ông cần lời khuyến khích đó. Hai Ngài đã để cho ông cảm thấy sự quả phạt nhân từ khi điều đó làm cho ông buồn nản để nâng ông lên. Hai Ngài đã chuẩn bị cho ông, và Hai Ngài đang chuẩn bị cho chúng ta sức mạnh để tiếp tục làm việc hướng đến vinh quang thượng thiên tức là mục đích và lý do của tất cả sự phục vụ của chức tư tế.

Tôi để lại cho các anh em phước lành của tôi để các anh em sẽ có thể nhận ra các cơ hội vinh quang do Thượng Đế ban cho trong sự kêu gọi cũng như chuẩn bị các anh em phục vụ Ngài và phục vụ những người khác. Trong tôn danh của Đấng lãnh đạo và Đức Thầy nhân từ của chúng ta là Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem 2 Nê Phi 32:3-6.
2. 1 Ti Mô Thê 4:12-14, 16.
3. Giáo Lý và Giao Ước 84:39.



Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Dám Đứng Một Mình

Cầu xin cho chúng ta luôn luôn dũng cảm và sẵn sàng bênh vực cho điều mình tin.

Các anh em thân mến, thật là một đặc ân to lớn để có mặt với các anh em buổi tối hôm nay. Là những người nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế, chúng ta tạo thành một mối ràng buộc và tình anh em thân thiết.

Chúng ta đọc trong sách Giáo Lý và Giao Ước, tiết 121, câu 36: “Đó là những quyền hạn của chức tư tế gắn liền với các quyền năng trên trời.” Chúng ta được ban cho một ân tứ thật kỳ diệu—nắm giữ chức tư tế “gắn liền với các quyền năng trên trời.” Tuy nhiên, ân tứ quý báu này không những gồm có các phước lành đặc biệt mà còn có những trách nhiệm thiêng liêng nữa. Chúng ta phải sống sao cho chúng ta có thể luôn luôn xứng đáng với chức tư tế mình đang mang. Chúng ta sống trong thời kỳ đầy dẫy những điều nhằm cám dỗ chúng ta đi vào con đường có thể dẫn đến sự hủy diệt. Muốn tránh những con đường như vậy thì phải có quyết tâm và lòng can đảm.

Tôi nhớ lại một thời kỳ—và một số các anh em ở đây buổi tối hôm nay cũng nhớ—khi những tiêu chuẩn của hầu hết mọi người đều rất giống với các tiêu chuẩn của chúng ta. Điều này không còn đúng nữa. Mới đây tôi đọc một bài viết trong tờ báo *New York Times* về một cuộc nghiên cứu được

thực hiện vào mùa hè năm 2008. Một nhà xã hội học nổi tiếng của trường Notre Dame đã dẫn đầu một nhóm nghiên cứu tiến hành những cuộc phỏng vấn chuyên môn với 230 thanh thiếu niên trên khắp nước Mỹ. Tôi tin chúng ta có thể khá hợp lý khi cho rằng ở hầu hết các nơi trên thế giới, kết quả cũng sẽ tương tự.

Tôi chia sẻ với các anh em một phần bài báo rất chi tiết này:

“Những người phỏng vấn đặt ra những câu hỏi bỏ ngỏ về các vấn đề đúng và sai, tình huống đạo đức khó xử và ý nghĩa của cuộc sống. Trong những câu trả lời lan man, . . . ta thấy những người trẻ tuổi gặp khó khăn khi nói bất cứ điều gì tế nhị về những vấn đề này. Nhưng họ hoàn toàn không có khái niệm hay có vốn từ vựng để làm như vậy.

“Khi được yêu cầu mô tả một tình huống đạo đức khó xử họ đã phải đối phó, thì hai phần ba những người trẻ tuổi đó không thể trả lời câu hỏi ấy hoặc họ mô tả những vấn đề không phải là đạo đức gì cả, chẳng hạn như họ có đủ khả năng để thuê một căn hộ nào đó hoặc họ có đủ tiền xu để bỏ vào đồng hồ đo thời gian đậu xe tại một địa điểm đậu xe hay không.”

Bài báo viết tiếp:

“Hầu hết trong số họ đã nhiều lần lặp đi lặp lại niềm tin tự động, tức

là những lựa chọn đạo đức, chỉ là ý thích của cá nhân. Những người trả lời thường nói: ‘Điều đó là vấn đề riêng tư, nó tùy thuộc vào cá nhân. Tôi là ai mà có quyền nói?’

“Vi từ chối không triệt để nghe lời nên nhiều người trong số những người trẻ tuổi đã đi quá xa đến thái cực khác, [khi nói]: ‘Tôi sẽ làm điều tôi nghĩ là sẽ làm cho tôi hạnh phúc hoặc theo cảm giác của tôi. Tôi không có cách nào khác để biết mình phải làm gì, ngoại trừ cảm giác trong lòng tôi’”

Những người đã tiến hành các cuộc phỏng vấn nhấn mạnh rằng đa số những người trẻ tuổi đã nói chuyện với họ “không được cung cấp các nguồn tài liệu—từ trường học, tổ chức [hoặc] gia đình—để phát triển ý thức đạo đức của họ.”¹

Thưa các anh em, không một người nào hiện đang nghe tôi nói phải nghi ngờ bất cứ điều gì về đạo đức và không đạo đức, cũng như nghi ngờ bất cứ điều gì được kỳ vọng nơi chúng ta là những người nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế. Chúng ta đã và đang tiếp tục được giảng dạy về luật pháp của Thượng Đế. Cho dù các anh em có thể thấy hay nghe ở nơi nào khác về điều gì đi nữa, thì các luật pháp này cũng không thay đổi.

Trong cuộc sống hàng ngày, đức tin của chúng ta gần như không thể nào tránh khỏi bị thử thách. Đôi khi chúng ta có thể thấy mình bị những người khác vây quanh và còn thuộc vào nhóm thiểu số hay ngay cả một mình đứng trước điều có thể chấp nhận và điều không thể chấp nhận. Chúng ta có can đảm về mặt đạo đức để bênh vực cho niềm tin của mình không, cho dù sẽ phải đứng một mình khi làm như thế? Là những người nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế, chúng ta cần phải có khả năng đối đầu với bất cứ thử thách nào đang ở trước mặt mình—với lòng can đảm. Hãy ghi nhớ những lời của Tennyson: “Sức mạnh của tôi giống như sức mạnh của mười người, vì tâm hồn của tôi là thanh khiết.”²

Càng ngày càng có nhiều nhân vật nổi tiếng và những người khác—vi lý do nào đó—có xu hướng nhạo báng tôn giáo nói chung và đôi khi, Giáo



Hội nói riêng trước mắt công chúng. Nếu nền tảng của chứng ngôn chúng ta không đủ vững chắc, thì những lời chỉ trích như vậy có thể khiến cho chúng ta nghi ngờ niềm tin hoặc làm lung lay quyết tâm của mình.

Trong khải tượng của Lê Hi về cây sự sống, được ghi lại trong 1 Nê Phi 8, Lê Hi thấy, trong số những người khác, có những người bám vào thanh sắt cho đến khi họ tiến đến và dự phần trái của cây sự sống, mà chúng ta biết là tượng trưng cho tình yêu thương của Thượng Đế. Và rồi, buồn thay, sau khi dự phần trái cây đó, một số người đã thấy hổ thẹn vì bị những người ở trong “tòa nhà rộng lớn vĩ đại,” là những người tượng trưng cho tính kiêu ngạo của con cái loài người, chỉ trở và chế nhạo họ; và họ đi lạc vào những lối cấm rồi lạc mất.³ Chế giễu và nhạo báng thật là những công cụ mạnh mẽ của kẻ nghịch thù! Thưa các anh em, một lần nữa, chúng ta có can đảm để đứng vững vàng và mạnh mẽ trước cảnh chống đối khó khăn như vậy không?

Tôi tin rằng kinh nghiệm đầu tiên của tôi về việc can đảm sống theo lòng tin chắc của mình đã xảy ra khi tôi phục vụ trong Hải Quân Hoa Kỳ vào cuối Đệ Nhị Thế Chiến.

Trại huấn luyện tân binh Hải Quân không phải là một kinh nghiệm dễ dàng đối với tôi, cũng như cho bất cứ ai phải chịu đựng cảnh đó. Ba tuần lễ đầu, tôi cảm thấy cuộc sống của mình giống như bị lâm nguy. Hải Quân

không cố gắng để huấn luyện tôi, mà cố gắng để giết tôi.

Tôi sẽ luôn luôn nhớ mãi khi đến ngày Chủ Nhật sau tuần lễ đầu tiên. Chúng tôi nhận được tin vui từ vị thượng sĩ. Trong lúc đứng nghiêm tại bãi tập trong làn gió mát mẻ ở California, thì chúng tôi nghe lệnh của ông: “Hôm nay mọi người đi nhà thờ—đúng thế, tất cả mọi người, ngoại trừ tôi. Tôi sẽ nghỉ ngơi!” Rồi ông hét lên: “Tất cả mấy người Công Giáo, các anh nhóm họp ở Trại Decatur—và đừng trở lại cho đến khi ba giờ. Đi, bước!” Một nhóm người khá đông bước ra. Rồi ông hét lên lệnh tiếp: “Những người đạo Do Thái, các anh nhóm họp trong Trại Henry—và đừng trở lại cho đến khi ba giờ. Đi, bước!” Một nhóm người ít hơn bước ra. Rồi ông nói: “Phần còn lại các anh là người Tin Lành, các anh nhóm họp trong hội trường tại Trại Farragut—và đừng trở lại cho đến khi ba giờ. Đi, bước!”

Ngay lập tức một ý nghĩ lóe lên trong tâm trí tôi: “Monson, người không phải là người Công Giáo, người không phải là người theo đạo Do Thái, người không phải là người theo đạo Tin Lành. Người là người Mặc Môn, vậy người đứng ngay đây đi!” Tôi có thể bảo đảm với các anh em rằng tôi cảm thấy hoàn toàn cô đơn. Tôi có cảm thấy can đảm và quyết tâm không, có chứ—nhưng cô đơn.

Và rồi tôi nghe những lời tuyệt vời nhất mà tôi chưa từng nghe vị thượng sĩ đó thốt ra. Ông nhìn về phía tôi và

hỏi: “Còn mấy người gọi mình là gì đây?” Cho đến ngay giây phút ấy, tôi cũng không biết là có người nào đó đang đứng cạnh tôi hay sau lưng tôi tại bãi tập. Dường như cùng một lúc, mỗi người chúng tôi đều đáp: “Người Mặc Môn!” Thật khó để mô tả niềm vui tràn đầy tâm hồn tôi khi tôi quay lại và thấy một số ít các thủy thủ khác.

Vị thượng sĩ gãi đầu với vẻ bối rối, nhưng cuối cùng nói: “Vậy thì, đi tìm chỗ nào để nhóm họp đi. Và đừng trở lại cho đến khi 3 giờ. Đi, bước!”

Khi chúng tôi bước đi, tôi nghĩ về những lời tôi đã có lần học được trong Hội Thiếu Nhi nhiều năm trước đó:

Dám là người Mặc Môn;

Dám đứng một mình.

Dám có một mục đích vững chắc;

Dám cho người khác biết mục đích đó.

Mặc dù kinh nghiệm đó hóa ra khác với những gì tôi trông mong, nhưng tôi sẵn sàng đứng một mình, nếu cần phải làm như thế.

Kể từ ngày đó, có nhiều lần khi không có ai đứng sau lưng tôi và tôi đã *thật sự* đứng một mình. Tôi vô cùng biết ơn đã chọn quyết định từ rất lâu để luôn luôn sống vững mạnh và chân thật, luôn luôn chuẩn bị và sẵn sàng bênh vực tôn giáo của mình, nếu cần.

Thưa các anh em, trong trường hợp chúng ta cảm thấy không thích hợp với các nhiệm vụ trước mắt, thì tôi xin chia sẻ với các anh em một lời nói do Ezra Taft Benson, lúc bấy giờ là Chủ Tịch Giáo Hội, đưa ra vào năm 1987 khi ông ngỏ lời cùng một nhóm đồng các tín hữu ở California. Chủ Tịch Benson nói:

“Trong tất cả các thời đại, các vị tiên tri đã nhìn thấy trước thời kỳ của chúng ta. Hàng tỷ người đã chết và những người chưa sinh ra đều trông chờ chúng ta. Đừng hiểu lầm—các anh em là một thế hệ chọn lọc. . . .”

“Trong gần sáu ngàn năm, Thượng Đế đã gìn giữ các anh em cho đến ngày các anh em sinh ra vào những ngày cuối cùng trước khi Chúa tái lâm. Một số người sẽ bỏ đạo, nhưng vương quốc của Thượng Đế sẽ vẫn còn nguyên vẹn để chào mừng sự trở



một bức thư của một người đã từng nghĩ là tuy mình không tuân theo các lệnh truyền nhưng vẫn sẽ được ban phước. Giờ đây người ấy đã hối cải và làm cho cuộc sống của mình phù hợp với các nguyên tắc phúc âm và các lệnh truyền. Tôi muốn chia sẻ với các anh em một đoạn trong bức thư của người ấy vì nó tiêu biểu cho tính thực tế của lối suy nghĩ sai lạc này: “Tôi đã phải học cho bản thân mình một (bài học khó khăn) rằng Đấng Cứu Rỗi hoàn toàn đúng khi Ngài phán: ‘Chẳng ai được làm tôi hai chủ; vì sẽ ghét người này mà yêu người kia, hoặc trọng người này mà khinh người kia. Các người không có thể làm tôi Đức Chúa Trời lại làm tôi Ma Môn nữa.’⁸ Tôi đã cố gắng hết sức giống như bất cứ người nào để phục vụ cả Chúa lẫn Ma Môn. Cuối cùng, tôi chỉ có mọi điều trống rỗng, bóng tối, và nỗi cô đơn mà Sa Tan mang đến cho những người tin vào điều lừa gạt, ảo tưởng và gian dối của nó.”

Để được vững mạnh và chống lại mọi lực lượng lôi kéo chúng ta đi sai hướng hay tất cả những tiếng nói khuyến khích đi sai đường, thì chúng ta cần phải có chứng ngôn của mình. Cho dù các anh em 12 hay 112 tuổi—hoặc thuộc lứa tuổi nào đó ở giữa hai tuổi này—thì các anh em cũng có thể tự mình biết rằng phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô là chân chính. Hãy đọc Sách Mặc Môn. Hãy suy ngẫm về những lời giảng dạy của sách. Hãy cầu vấn Cha Thiên Thượng xem sách ấy có chân chính không. Chúng ta có lời hứa rằng “nếu các người cầu vấn với một tấm lòng chân thành, với chủ ý thật sự cùng có đức tin nơi Đấng Kỵ Tô, thì Ngài sẽ biểu lộ lẽ thật của điều này cho các người biết, bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.”⁹

Khi biết Sách Mặc Môn là chân chính, thì chúng ta cũng biết rằng Joseph Smith quả thật là vị tiên tri, và ông đã trông thấy Thượng Đế Đức Chúa Cha Vinh Cửu và Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Kỵ Tô. Rồi sau đó chúng ta cũng biết rằng phúc âm được phục hồi trong những ngày sau này qua Joseph Smith—kể cả sự phục hồi của Chức Tư Tế A Rôn lẫn Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc.

lại của Vị Lãnh Đạo của mình—chính là Chúa Giê Su Kỵ Tô.

“Trong khi thế hệ này sẽ được so sánh với thời kỳ của Nô Ê về sự tà ác, khi Chúa thanh tẩy trái đất bằng cơn lụt, thì thời nay rất khác biệt: [chính] Thượng Đế đã để dành cho thời kỳ cuối cùng một số con cái mạnh mẽ nhất của Ngài, là những người sẽ giúp mang vương quốc đến chiến thắng.”⁴

Vâng, thưa các anh em, chúng ta tượng trưng cho một số con cái vững mạnh nhất của Ngài. Trách nhiệm của chúng ta là phải được xứng đáng với tất cả các phước lành vinh quang mà Cha Thiên Thượng đã dành cho chúng ta. Dù có đi bất cứ nơi nào, thì chức tư tế của chúng ta cũng đi với chúng ta. Chúng ta có đứng nơi thánh thiện không? Xin hãy dừng lại cân nhắc hậu quả trước khi các anh em đặt bản thân mình và chức tư tế của mình vào cảnh nguy hiểm bằng cách mạo hiểm đi vào những chỗ hay tham gia vào các sinh hoạt không xứng đáng với mình hoặc với chức tư tế đó. Mỗi người chúng ta đã được truyền giao Chức Tư Tế A Rôn. Trong tiến trình này, mỗi người nhận được quyền năng nắm giữ các chìa khóa của sự phù trợ của các thiên sứ. Chủ Tịch Gordon B. Hinckley nói:

“Các em không thể làm điều gì mà sẽ dựng lên một chướng ngại vật giữa các em với các thiên sứ phù trợ hành động thay cho mình.

“Các em không thể sống đời bại trụy lạc về bất cứ phương diện nào. Các em không thể sống bất lương. Các em không thể lừa gạt hay gian dối. Các em không thể lấy danh Thượng Đế làm chơi hay sử dụng lời lẽ thô tục mà vẫn có quyền được các thiên sứ phù trợ.”⁵

Nếu có anh em nào vấp ngã trong cuộc sống, thì tôi muốn các anh em hiểu rằng dù đó là điều gì đi nữa thì chắc chắn cũng có con đường trở lại. Tiến trình này được gọi là sự hối cải. Đấng Cứu Rỗi đã phó mạng sống của Ngài để ban cho các anh em và tôi ân tứ đầy ơn phước đó. Mặc dù thực tế là con đường hối cải không phải dễ dàng, nhưng những lời hứa là có thật. Chúng ta được cho biết rằng: “Dầu tội các người như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết.”⁶ “Ta sẽ . . . chẳng nhớ tội chúng nó nữa.”⁷ Đây thật là một lời phán kỳ diệu. Đây thật là một phước lành. Đây thật là một lời hứa lớn lao.

Có thể có những người trong các anh em đang tự nghĩ: “Vâng, mặc dù tôi không sống theo tất cả các lệnh truyền và không làm mọi điều cần làm, nhưng cuộc sống của tôi cũng tốt đẹp vậy. Tôi có thể hưởng thụ cuộc sống nhưng không cần phải tuân giữ các lệnh truyền.” Thưa các anh em, tôi hứa với các anh em rằng điều này sẽ không hữu hiệu mãi mãi đâu.

Cách đây không lâu, tôi nhận được



Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô

ĐỆ NHẤT CHỦ TỊCH ĐOÀN



Henry B. Eyring
Đệ Nhất Cố Vấn



Thomas S. Monson
Chủ Tịch



Dieter F. Uchtdorf
Đệ Nhị Cố Vấn

tháng Mười năm 2011

NHÓM TỨC SỐ MƯỜI HAI VỊ SỬ ĐỒ



Boyd K. Packer



L. Tom Perry



Russell M. Nelson



Dallin H. Oaks



M. Russell Ballard



Richard G. Scott



Robert D. Hales



Jeffrey R. Holland



David A. Bednar



Quentin L. Cook



D. Todd Christofferson



Neil L. Andersen



Ronald A. Rasband



Steven E. Snow



Walter F. González



L. Whitney Clayton



Joy E. Jensen



Donald L. Hallstrom



Tad R. Callister

CHỦ TỊCH ĐOÀN THẦY BẢY MƯỜI

ĐỆ NHẤT NHÓM TỨC SỐ THẦY BẢY MƯƠI

(theo thứ tự chữ cái)



Marcos A. Adikanitis



José L. Alonso



Carlos H. Arnado



Ian S. Aderm



Mervyn B. Arnold



David S. Baxter



Shayne M. Bowen



Gerald Causse



Yoon Hwan Choi



Craig C. Christensen



Don K. Clarke



Carl B. Cook



Lawrence E. Conhage



Claudio R. M. Costa



LeGrand R. Curtis Jr.



Benjamin De Hoyos



John B. Dickson



Kevin R. Duncan



David F. Evans



Enrique R. Faldaballo



Eduardo Gavaret



Carlos A. Goady



Christoffer Golden Jr.



Gerrit W. Gong



C. Scott Gow



James J. Hamula



Keith K. Hilbig



Martin K. Jensen



Daniel L. Johnson



Paul V. Johnson



Patrick Kearon



Paul E. Koelliker



Erich W. Kopschke



Richard J. Moynnes



Marcus B. Nash



Brent H. Nielson



Allan F. Pucker



Kevin W. Pearson



Anthony D. Perkins



Paul B. Pieper



Raimel E. Pino



Bruce D. Porter



Dale G. Renlund



Michael T. Ringwood



Lynn G. Robbins



Joseph W. Sitari



Ulisses Soares



Gary E. Stevenson



Michael John U. Teh



José A. Taveira



Octaviano Tenorio



Juan A. Uceda



Francisco J. Vinos



W. Christopher Waddell



William R. Walker



F. Michael Watson



Kazuhiko Yamashita



Jorge F. Zeballos



Claudio D. Zivic



W. Craig Zwick



Wilford W. Andersen



Koichi Aoyagi



Randall K. Bennett



Craig A. Cardon



Bruce A. Carlson



J. Deen Connish



Keith R. Edwards



Stanley G. Ellis



Bradley D. Foster



Larry W. Gibbons



O. Vincent Haleck



Larry R. Lawrence



Per G. Molin



James B. Martino



Jairo Marzagrandi



Kent F. Richards



Gregory A. Schwitzer



Kent D. Watson



Larry Y. Wilson

GIÁM TRỢ ĐOÀN CHỦ TỌA



Richard C. Eagley
Đệ Nhất Cố Vấn



H. David Burton
Giám Trợ Chủ Tọa



Keith B. McMullin
Đệ Nhì Cố Vấn



Các Thánh Hữu Ngày Sau quy tụ lại ở những địa điểm trên khắp thế giới để nghe các bài nói chuyện tại đại hội trung ương “bằng ngôn ngữ của mình” (GLGƯ 90:11). Ảnh chụp theo chiều kim đồng hồ từ phía trên bên trái là các tín hữu Giáo Hội ở Johannesburg, Nam Phi; Salvador, Brazil; San Salvador, El Salvador; Montreal, Quebec, Canada; Montalban, Philippine; Gómez Palacio, Mexico; và Tokyo, Nhật Bản.



Một khi có được một chứng ngôn, thì chúng ta có trách nhiệm phải chia sẻ chứng ngôn đó với những người khác. Nhiều người trong các anh em đã phục vụ với tư cách là người truyền giáo trên khắp thế giới. Nhiều em trong số các thiếu niên chưa phục vụ. Hãy tự mình chuẩn bị từ bây giờ cho cơ hội đó. Hãy chắc chắn rằng các em sẽ xứng đáng để phục vụ.

Nếu chuẩn bị để chia sẻ phúc âm, thì chúng ta sẵn sàng đáp lại lời khuyên dạy của Sứ Đồ Phi E Rơ: “Hãy thường thường sẵn sàng để trả lời mọi kẻ hỏi lẽ về sự trông cậy trong anh em.”¹⁰

Trong suốt cuộc sống của mình, chúng ta sẽ có cơ hội chia sẻ niềm tin của mình, mặc dù chúng ta không phải lúc nào cũng biết khi nào sẽ được kêu gọi để làm như vậy. Một cơ hội như vậy đến với tôi vào năm 1957 khi tôi làm việc trong lãnh vực kinh doanh xuất bản và được yêu cầu đi đến Dallas, Texas, mà đôi khi được gọi là “thành phố của các nhà thờ,” để nói chuyện trong một hội nghị các doanh nhân. Tiếp theo phần bế mạc hội nghị, tôi đi chuyến xe buýt tham quan xuyên qua các vùng ngoại ô của thành phố. Khi chúng tôi đi ngang qua nhiều nhà thờ, thì người tài xế thường nói: “Ở bên trái, quý vị thấy nhà thờ đạo Methodist,” hoặc “Ở bên phải là nhà thờ Công Giáo.”

Khi chúng tôi đi ngang qua một tòa nhà đẹp bằng gạch đỏ nằm trên một ngọn đồi, thì người tài xế nói: “Tòa nhà đó là nơi những người Mặc Môn nhóm họp.” Một phụ nữ ngồi ở phía sau xe buýt kêu lên: “Ông tài ơi, ông có thể nói cho chúng tôi biết thêm một điều gì đó về những người Mặc Môn được không?”

Người tài xế ngừng xe lại ở bên lề đường, quay người lại trong khi vẫn ngồi trên ghế và đáp: “Thưa bà, tôi chỉ biết những người Mặc Môn nhóm họp trong tòa nhà bằng gạch màu đỏ đó thôi. Có ai trên xe buýt này biết thêm bất cứ điều gì về những người Mặc Môn không?”

Tôi chờ cho một người nào đó trả lời. Tôi nhìn vào nét mặt của mỗi người để xem có dấu hiệu nhìn nhận nào đó, một ước muốn nào đó để nói.



Không có gì cả. Tôi nhận thấy rằng chính tôi có nhiệm vụ để làm như Sứ Đồ Phi E Rơ đã đề nghị, để “thường thường sẵn sàng để trả lời mọi kẻ hỏi lẽ về sự trông cậy trong anh em.” Tôi cũng biết sự thật của câu ngạn ngữ: “Khi đến lúc quyết định thì thời gian chuẩn bị đã qua.”

Trong khoảng 15 phút kế tiếp, tôi đã có đặc ân để chia sẻ với những người trên xe buýt chứng ngôn của tôi về Giáo Hội và niềm tin của chúng ta. Tôi biết ơn về chứng ngôn của mình và việc tôi đã được chuẩn bị để chia sẻ chứng ngôn đó.

Tôi hết lòng và hết linh hồn cầu nguyện rằng mỗi người đàn ông nắm giữ chức tư tế sẽ tôn trọng chức tư tế đó và trung thành với sự tin cậy đã được giao phó khi được truyền giao chức tư tế đó. Cầu xin cho mỗi người chúng ta là những người nắm giữ chức tư tế của Thượng Đế biết điều mình tin tưởng. Cầu xin cho chúng ta luôn luôn dũng cảm và sẵn sàng bênh vực cho điều mình tin, và nếu phải đứng một mình trong khi làm như thế, thì cầu xin cho chúng ta làm như vậy một cách dũng cảm, được củng cố bởi sự hiểu biết rằng trong thực tế chúng ta không bao giờ cô đơn một mình khi đứng với Cha Thiên Thượng.

Khi chúng ta suy ngẫm về ân tứ vĩ đại mình đã được ban cho—, là “những quyền hạn của chức tư tế gắn liền với các quyền năng trên trời”— cầu xin cho quyết tâm của chúng ta

luôn luôn là để canh giữ và bảo vệ ân tứ đó, và được xứng đáng với những lời hứa trọng đại của ân tứ đó. Thưa các anh em, cầu xin cho chúng ta tuân theo lời chỉ dẫn của Đấng Cứu Rỗi ban cho chúng ta, được tìm thấy trong sách 3 Nê Phi: “Các người hãy đưa cao sự sáng của mình cho nó chiếu sáng trong thế gian. Nay, ta là sự sáng mà các người sẽ đưa cao—như các người đã thấy ta làm.”¹¹

Cầu xin cho chúng ta luôn luôn tuân theo sự sáng đó và giơ cao nó lên để tất cả thế gian thấy được, là lời cầu nguyện và phước lành của tôi dành cho tất cả những người đang nghe tôi nói đây, trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. David Brooks, “If It Feels Right . . .,” *New York Times*, ngày 12 tháng Chín năm 2011, nytimes.com.
2. Alfred, Lord Tennyson, “Sir Galahad,” trong *Poems of the English Race*, do Raymond Macdonald Alden tuyển chọn (1921), 296.
3. Xin xem 1 Nê Phi 8:26–28.
4. Ezra Taft Benson, “In His Steps” (buổi họp đặc biệt fireside của Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội, ngày 8 tháng Hai năm 1987); xin xem thêm “In His Steps,” trong *1979 Devotional Speeches of the Year: BYU Devotional and Fireside Addresses* (1980), 59.
5. Gordon B. Hinckley, “Personal Worthiness to Exercise the Priesthood,” *Liahona*, tháng Bảy năm 2002, 59.
6. Ê Sai 1:18.
7. Giê Rê Mí 31:34.
8. Ma Thi Ô 6:24.
9. Mô Rô Ni 10:4.
10. 1 Phi E Rơ 3:15.
11. 3 Nê Phi 18:24.



Bài của Chủ Tịch Henry B. Eyring
Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Một Chứng Thư

Sách Mặc Môn là quyển sách hướng dẫn tốt nhất để biết được chúng ta đang làm điều mình đang làm giỏi như thế nào và cách để làm giỏi hơn.

Tôi biết ơn về cơ hội được ngỏ lời cùng các anh chị em vào ngày Sa Bát này trong đại hội trung ương của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô. Mỗi tín hữu của Giáo Hội cùng có một bốn phận thiêng liêng giống nhau. Chúng ta chấp nhận bốn phận đó và hứa đáp ứng bốn phận đó khi chịu phép báp têm. Chúng ta học được từ lời của An Ma, vị tiên tri cao trọng trong Sách Mặc Môn, điều chúng ta hứa sẽ làm: “Phải, và sẵn sàng than khóc với những ai than khóc; phải, và an ủi những ai cần được an ủi, và đứng lên làm nhân chứng cho Thượng Đế bất cứ lúc nào, trong bất cứ việc gì, và ở bất cứ nơi đâu mà các ngươi hiện diện, cho đến khi chết, ngõ hầu các ngươi có thể được Thượng Đế cứu chuộc và được tính chung với những người thuộc về lần phục sinh thứ nhất, để các người có được cuộc sống vĩnh cửu.”¹

Đó là một nhiệm vụ thiêng liêng và lời hứa vinh quang từ Thượng Đế. Sự điệp ngày hôm nay của tôi là một sự điệp khích lệ. Cũng giống như Sách Mặc Môn đưa ra nhiệm vụ rõ ràng cho chúng ta, sách hướng dẫn chúng ta tiến đến con đường đưa đến cuộc sống vĩnh cửu.

Trước hết, chúng ta đã hứa sẽ trở nên bác ái. Thứ nhì, chúng ta hứa sẽ trở thành nhân chứng của Thượng Đế. Và thứ ba, chúng ta hứa sẽ kiên trì chịu đựng. Sách Mặc Môn là quyển sách hướng dẫn tốt nhất để biết được chúng ta đang làm điều mình đã hứa đó giỏi như thế nào và cách để làm giỏi hơn.

Chúng ta hãy bắt đầu với việc trở nên bác ái. Tôi muốn nhắc các anh chị em nhớ về những kinh nghiệm mới gần đây. Nhiều anh chị em đã tham gia vào một ngày phục vụ. Hàng ngàn ngày phục vụ như vậy đã được tổ chức trên khắp thế giới.

Một hội đồng Các Thánh Hữu của các anh chị em đã cầu nguyện để biết phải hoạch định sự phục vụ nào. Họ cầu xin Thượng Đế để biết chúng ta cần phải phục vụ ai, loại phục vụ nào, và mời ai tham gia. Họ còn cầu nguyện để không quên mang theo nước uống hay thức ăn. Quan trọng hơn hết, họ đã cầu nguyện để tất cả những người phục vụ và tất cả những người được phục vụ sẽ cảm nhận được tình yêu thương của Thượng Đế.

Tôi biết rằng những lời cầu nguyện đó đã được đáp ứng ít nhất là trong một tiểu giáo khu. Hơn 120 tín hữu

đã tình nguyện giúp đỡ. Trong ba giờ đồng hồ, họ đã dọn dẹp khu đất của một nhà thờ trong cộng đồng của chúng ta. Đó là công việc rất khó nhọc và vui vẻ. Các mục sư của nhà thờ đó đã cảm thấy biết ơn vô cùng. Tất cả những người làm việc chung với nhau trong ngày đó đã cảm thấy đoàn kết và tình yêu thương lớn lao hơn. Một số người còn nói rằng họ cảm thấy vui vẻ khi nhổ cỏ dại và cắt tỉa các bụi cây.

Những lời từ Sách Mặc Môn đã giúp họ biết lý do tại sao họ cảm thấy vui vẻ. Chính Vua Bên Gia Min đã nói với dân ông: “Để các người hiểu rằng, khi mình phục vụ đồng bào mình, thì tức là mình phục vụ Thượng Đế của mình vậy.”² Và chính Mặc Môn là người đã giảng dạy trong Sách Mặc Môn: “Lòng bác ái là tình yêu thương yêu thanh khiết của Đấng Ky Tô, và nó bền bỉ mãi mãi; và vào ngày sau cùng ai được tìm thấy rằng có được nó thì sẽ được mọi điều tốt lành.”³

Chúa giữ lời hứa của Ngài với các anh chị em khi các anh chị em giữ lời hứa của mình. Khi các anh chị em phục vụ những người khác thay cho Ngài, thì Ngài để cho các anh chị em cảm nhận được tình yêu thương của Ngài. Và cuối cùng, những cảm nghĩ bác ái trở thành một phần của con người các anh chị em. Và các anh chị em sẽ nhận được lời trấn an của Mặc Môn trong lòng mình rằng khi kiên trì phục vụ những người khác trong cuộc sống thì tất cả đều sẽ tốt đẹp đối với các anh chị em.

Cũng giống như các anh chị em đã hứa với Thượng Đế là sẽ trở nên bác ái, các anh chị em hứa làm nhân chứng của Ngài ở bất cứ nơi nào mình hiện diện trong cuộc sống của mình. Một lần nữa, Sách Mặc Môn là sách hướng dẫn tốt nhất mà tôi biết để giúp chúng ta giữ lời hứa đó.

Có lần tôi được mời đến nói chuyện tại buổi lễ tốt nghiệp tại một trường đại học. Vị chủ tịch của trường này đã muốn mời Chủ Tịch Gordon B. Hinckley nhưng biết được rằng ông bận. Vậy nên mặc nhiên, tôi nhận được lời mời. Lúc bấy giờ, tôi là một thành viên mới của Nhóm Túc Sĩ Mười Hai Vị Sứ Đồ.

Người mời tôi nói chuyện trở nên lo lắng khi bà ấy biết thêm về sự kêu gọi của tôi với tư cách là một Sứ Đồ. Bà ấy gọi điện thoại cho tôi và nói rằng bây giờ bà đã hiểu rằng bốn phận của tôi là làm nhân chứng của Chúa Giê Su Ky Tô.

Bằng một giọng nghiêm nghị, bà cho tôi biết rằng tôi không thể làm như thế khi nói chuyện. Bà giải thích rằng trường đại học đó tôn trọng những người thuộc đủ mọi tín ngưỡng, kể cả những người chối bỏ sự hiện hữu của Thượng Đế. Bà lặp lại: “Ông không thể làm tròn bốn phận của ông ở đây được.”

Tôi cúp điện thoại với những câu hỏi đầy hóc búa trong tâm trí. Tôi có nên nói cho trường đại học đó biết rằng tôi sẽ không giữ thỏa thuận của mình để nói chuyện không? Chỉ còn vài tuần nữa là đến lễ tốt nghiệp. Sự tham dự của tôi ở đó đã được loan báo rồi. Việc tôi không giữ thỏa thuận của mình có ảnh hưởng đến uy tín của Giáo Hội không?

Tôi cầu nguyện để biết điều Thượng Đế sẽ muốn tôi làm. Câu trả lời làm tôi ngạc nhiên. Tôi nhận biết rằng các tấm gương của Nê Phi, A Bi Na Đi, An Ma, A Mu Léc, và các con trai của Mô Si A đã ảnh hưởng đến tôi rất nhiều. Họ là các nhân chứng mạnh dạn của Chúa Giê Su Ky Tô khi đương đầu với mối nguy hiểm chết người.

Vì thế, lựa chọn duy nhất là phải chuẩn bị như thế nào. Tôi tìm kiếm mọi điều tôi có thể biết về trường đại học đó. Càng đến gần ngày nói chuyện thì tôi càng lo âu hơn và những lời cầu nguyện của tôi càng trở nên mãnh liệt hơn.

Trong một phép lạ giống như rẽ Biển Đỏ mà đi, tôi bắt gặp một bản tin tức. Trường đại học đó đã được tôn vinh vì đã làm điều mà Giáo Hội thực hiện trong nỗ lực nhân đạo của chúng ta trên toàn thế giới. Và do đó, trong bài nói chuyện của mình, tôi đã mô tả điều chúng ta và họ đã làm để nâng đỡ những người gặp nhiều hoạn nạn. Tôi nói là tôi biết rằng Chúa Giê Su Ky Tô là nguồn gốc của các phước lành đã đi vào cuộc sống của những người chúng ta và họ đã phục vụ.

Sau buổi họp, cử tọa đứng dậy vỗ



tay, điều đó dường như hơi bất thường đối với tôi. Tôi sửng sốt nhưng vẫn hơi lo lắng. Tôi nhớ điều gì đã xảy ra cho A Bi Na Đi. Chỉ có An Ma mới chấp nhận lời chứng của ông mà thôi. Nhưng vào buổi tối hôm đó, tại một bữa ăn tối lớn và trịnh trọng, tôi đã nghe vị chủ tịch trường đại học đó nói rằng ông đã nghe lời phán của Thượng Đế trong bài nói chuyện của tôi.

Trong kinh nghiệm của tôi với tư cách là một nhân chứng của Đấng Ky Tô, đó thật là một kết quả nhiệm màu hiếm có. Nhưng ảnh hưởng của Sách Mạc Môn đối với cá tính, khả năng và lòng can đảm của các anh chị em để làm nhân chứng cho Thượng Đế là chắc chắn. Giáo lý và các tấm gương quả cảm trong sách đó sẽ nâng đỡ, hướng dẫn và khuyến khích các anh chị em.

Mỗi người truyền giáo đang rao truyền tôn danh và phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô sẽ được ban phước bằng việc học hỏi hằng ngày từ Sách Mạc Môn. Các bậc cha mẹ cố gắng đặt chứng ngôn về Đấng Cứu Rỗi vào lòng của một đứa con sẽ được giúp đỡ khi họ tìm cách mang những lời và tinh thần của Sách Mạc Môn vào nhà cũng như đến tất cả những người trong gia đình họ. Điều đó đã được chứng tỏ cho chúng ta thấy là đúng.

Tôi có thể thấy rằng phép lạ đang xảy ra trong mỗi buổi lễ Tiệc Thánh và mỗi lớp học của Giáo Hội mà tôi

tham dự. Những người nói chuyện và giảng viên cho thấy một tình yêu thương cũng như hiểu biết chín chắn về thánh thư, nhất là Sách Mạc Môn. Và các chứng ngôn cá nhân rõ ràng đạt được từ tận đáy sâu tâm hồn của họ. Họ giảng dạy với lòng tin chắc hơn và chia sẻ chứng ngôn với quyền năng.

Tôi cũng thấy bằng chứng rằng chúng ta đang làm giỏi hơn điều được nói đến trong phần thứ ba của lời hứa chúng ta đã lập tại lễ báp têm. Chúng ta giao ước sẽ kiên trì chịu đựng, tuân giữ các giáo lệnh của Thượng Đế chừng nào còn sống.

Tôi đến thăm một người bạn lâu năm được chẩn đoán bị bệnh ung thư vào giai đoạn cuối trong bệnh viện. Tôi dẫn theo hai đứa con gái nhỏ. Tôi không kỳ vọng là chị ấy sẽ nhận ra chúng. Gia đình của chị ấy đứng quanh giường khi chúng tôi bước vào.

Chị nhìn lên và mỉm cười. Tôi sẽ luôn luôn nhớ đến cái nhìn của chị khi thấy chúng tôi dẫn theo hai đứa con gái của mình. Chị ra hiệu cho chúng đến gần chị. Chị ngồi dậy, ôm chúng và giới thiệu chúng với gia đình chị. Chị nói rằng hai đứa con gái của chúng tôi thật tuyệt vời biết bao, thế như chị đang giới thiệu hai nàng công chúa với cung vua.

Tôi kỳ vọng cuộc viếng thăm của chúng tôi sẽ kết thúc sớm. Tôi nghĩ chắc hẳn chị mệt mỏi lắm. Nhưng

khi nhìn quang cảnh đó, tôi thấy thời gian dường như ngừng lại. Chị trông rạng rỡ và rõ ràng chan chứa tình yêu thương đối với tất cả chúng tôi.

Chị tận hưởng giây phút đó trong khi dường như thời gian ngừng lại. Chị đã dành hầu hết cuộc sống của mình chăm sóc trẻ em cho Chúa. Chị biết từ câu chuyện trong Sách Mặc Môn rằng Đấng Cứu Rỗi phục sinh đã bế lên các trẻ nhỏ từng đưa một, ban phước cho chúng, và rồi khóc với niềm vui.⁴ Chị đã trải qua niềm vui đó đủ lâu để có thể chịu đựng kiên trì đến cùng với sự phục vụ đầy yêu thương đối với Ngài.

Tôi cũng đã thấy phép lạ đó trong căn phòng ngủ của một người đã phục vụ trung tín đến mức tôi nghĩ rằng anh ấy đã làm đủ rồi và đáng được nghỉ ngơi.

Tôi biết rằng anh ấy đã trải qua thời gian điều trị lâu dài và đau đớn vì một căn bệnh mà các bác sĩ đã nói với anh là vô phương cứu chữa. Họ đã không điều trị thêm cho anh cũng như không mang đến cho anh hy vọng nào cả.

Vợ anh dẫn tôi vào phòng ngủ trong nhà họ. Anh nằm ở đó trên một chiếc giường được sắp xếp gọn gàng cẩn thận. Anh mặc một cái áo sơ mi màu trắng, với cà vạt và đôi giày mới.

Anh nhìn thấy vẻ ngạc nhiên trong mắt tôi rồi cười nhẹ và giải thích: “Sau khi anh ban cho tôi một phước lành, tôi muốn được sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi để đứng dậy và đi làm việc.” Tôi có thể thấy rằng anh ấy đã sẵn sàng cho cuộc phỏng vấn mà chẳng bao lâu nữa anh sẽ có với Đức Thầy, và anh đã làm việc một cách trung tín cho Ngài.

Anh là một tấm gương của Các Thánh Hữu Ngày Sau được hoàn toàn cải đạo mà tôi thường gặp sau khi đã dâng hết đời mình để phục vụ tận tình. Họ tiến bước.

Chủ Tịch Marion G. Romney đã mô tả điều đó trong cách này: “Với một người hoàn toàn cải đạo, thì ước muốn về những điều [trái ngược] với phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô thực sự đã mất, và do đó được thay thế bằng tình yêu thương của Thượng Đế cũng như một quyết tâm kiên định

và hướng dẫn để tuân giữ các lệnh truyền của Ngài.”⁵

Chính quyết tâm kiên định đó mà tôi thấy ngày càng thể hiện nhiều hơn trong các môn đồ dày dặn kinh nghiệm của Chúa Giê Su Ky Tô. Giống như người phụ nữ đã chào đón hai đứa con gái tôi và người đàn ông với đôi giày mới đã sẵn sàng đứng dậy để đi làm việc cho Chúa, họ đều tuân theo lệnh truyền của Ngài cho đến cùng. Tất cả các anh chị em đều đã thấy điều đó.

Các anh chị em có thể thấy điều đó một lần nữa nếu trở lại với Sách Mặc Môn. Tôi vẫn còn cảm thấy ngưỡng mộ trong lòng khi đọc những lời của một tôi tớ lớn tuổi và đầy quyết tâm của Thượng Đế: “Vì, ngay như giờ phút này, toàn thân tôi vô cùng run rẩy khi tôi cố gắng nói với các người; nhưng Đức Chúa Trời đã trợ giúp tôi, và đã cho phép tôi nói chuyện với các người.”⁶

Các anh chị em có thể có đủ can đảm giống như tôi trước tấm gương chịu đựng của Mô Rô Ni. Ông một mình thực hiện giáo vụ của ông. Ông biết rằng cái chết đã gần kề. Vậy mà, hãy lắng nghe điều ông viết vì lợi ích của những người chưa được sinh ra và con cháu của kẻ thù hữu diệt của ông: “Phải, hãy đến cùng Đấng Ky Tô để được toàn thiện trong Ngài, và hãy chối bỏ tất cả mọi sự không tin

kính; và nếu các người chối bỏ được tất cả mọi sự không tin kính cùng yêu mến Thượng Đế với tất cả năng lực, tâm trí và sức mạnh, thì ân điển của Ngài sẽ đủ cho các người, để nhờ ân điển của Ngài mà các người sẽ có thể được toàn thiện trong Đấng Ky Tô.”⁷

Mô Rô Ni đưa ra lời chứng đó như là lời giã biệt cuộc đời và giáo vụ của ông. Ông khuyến khích lòng bác ái cũng giống như các vị tiên tri trong khắp Sách Mặc Môn đã làm. Ông thêm vào lời chứng của mình về Đấng Cứu Rỗi khi gần kề cái chết. Ông là một người con đã thật sự cải đạo của Thượng Đế, như chúng ta cũng có thể được như vậy: tràn đầy lòng bác ái, kiên định và dũng cảm với tư cách là nhân chứng của Đấng Cứu Rỗi và phúc âm của Ngài, cũng như quyết tâm kiên trì đến cùng.

Mô Rô Ni cho chúng ta biết điều đòi hỏi nơi chúng ta. Ông nói rằng bước đầu tiên dẫn đến sự cải đạo trọn vẹn là đức tin. Việc thành tâm nghiên cứu Sách Mặc Môn sẽ xây đắp đức tin nơi Thượng Đế Đức Chúa Cha, nơi Con Trai Yêu Dấu của Ngài, và nơi phúc âm của Ngài. Điều này sẽ xây đắp đức tin của các anh chị em nơi các vị tiên tri của Thượng Đế, thời xưa lẫn thời nay.

Sách này có thể mang các anh chị em đến gần Thượng Đế hơn bất cứ



quyển sách nào khác. Sách này có thể thay đổi cuộc sống để được tốt đẹp hơn. Tôi khuyến khích các anh chị em hãy làm điều mà người bạn đồng hành truyền giáo của tôi đã làm. Khi anh bỏ nhà ra đi lúc còn là một thiếu niên, một người nào đó đã đặt quyển Sách Mặc Môn trong cái hộp mà anh mang theo mình trong cuộc tìm kiếm thêm hạnh phúc.

Nhiều năm trôi qua. Anh đã dọn nhà từ nơi này đến nơi khác trên khắp thế giới. Anh cô đơn và khổ sở cho đến một ngày nọ, anh nhìn thấy cái hộp đó. Cái hộp đó đựng đầy những đồ vật anh đã mang theo mình. Ở dưới đáy hộp, anh bắt gặp quyển Sách Mặc Môn. Anh đọc lời hứa ghi trong sách ấy và trải nghiệm lời hứa đó. Anh biết sách đó là chân chính. Lời chứng đó đã thay đổi cuộc sống của anh. Anh đã tìm thấy hạnh phúc vượt quá những giấc mơ yêu dấu nhất của mình.

Quyển Sách Mặc Môn của các anh chị em có thể không được đọc nhiều như mong muốn vì những lo toan và trách nhiệm hằng ngày. Tôi khẩn nài các anh chị em nên nghiên cứu các trang sách đó kỹ lưỡng và thường xuyên. Sách đó chứa đựng phúc âm trọn vẹn của Chúa Giê Su Ky Tô, tức là con đường duy nhất để trở về nhà với Thượng Đế.

Tôi để lại với các anh chị em lời chứng chắc chắn của mình rằng Thượng Đế hằng sống và sẽ đáp ứng những lời cầu nguyện của các anh chị em. Chúa Giê Su Ky Tô là Đấng Cứu Rỗi của thế gian. Sách Mặc Môn là bằng chứng trung thực và chắc chắn rằng Ngài hằng sống và Ngài là Đấng Cứu Rỗi phục sinh và hằng sống.

Sách Mặc Môn là chứng thư quý báu. Giờ đây tôi xin để lại cho các anh chị em lời chứng của tôi trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Mô Si A 18:9.
2. Mô Si A 2:17.
3. Mô Rô Ni 7:47.
4. Xin xem 3 Nê Phi 17:21–22.
5. Marion G. Romney, trong Conference Report, tháng Mười năm 1963, 23.
6. Mô Si A 2:30.
7. Mô Rô Ni 10:32.



Bài của Anh Cả Robert D. Hales
Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Trông Đợi Chúa: Xin Ý Ngài được Nên

Mục đích cuộc sống của chúng ta trên thế gian là phải tăng trưởng, phát triển, và được củng cố qua những kinh nghiệm của riêng mình.

Vào buổi sáng Sa Bát hôm nay, chúng ta tạ ơn và làm chứng về sự xác thật rằng Đấng Cứu Rỗi hằng sống. Phúc âm của Ngài đã được phục hồi qua Tiên Tri Joseph Smith. Sách Mặc Môn là chân chính. Chúng ta được Chủ Tịch Thomas S. Monson, vị tiên tri tại thế ngày nay hướng dẫn. Quan trọng hơn hết, chúng ta long trọng làm chứng về Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Ky Tô và các phước lành vĩnh cửu có được từ đó.

Trong vài tháng qua, tôi đã có cơ hội nghiên cứu và học hỏi thêm về sự hy sinh chuộc tội của Đấng Cứu Rỗi cũng như cách Ngài đã tự chuẩn bị để ban điều vĩnh cửu đó cho mỗi người chúng ta.

Sự chuẩn bị của Ngài bắt đầu trong cuộc sống tiền dương thế khi Ngài trông đợi Cha Ngài, và nói rằng: “Thưa Cha, xin ý Cha sẽ được nên và vinh quang sẽ thuộc về Cha mãi mãi.”¹ Bắt đầu từ giây phút đó và tiếp tục cho đến ngày nay, Ngài sử dụng quyền tự quyết của Ngài để chấp nhận và thực hiện kế hoạch của Cha Thiên Thượng. Thánh thư dạy chúng ta biết rằng trong suốt thời niên thiếu của Ngài, Ngài đã đi “lo việc Cha [Ngài]”²

và “trông đợi Chúa về thời gian giáo vụ của Ngài sẽ đến.”³ Vào lúc 30 tuổi, Ngài đã chịu đựng sự căm dỗ đầy khó khăn nhưng đã chọn chống lại, và phán rằng: “Sa Tan, hãy lui ra đằng sau ta.”⁴ Trong Vườn Ghết Sê Ma Nê, Ngài đã tin cậy Đức Chúa Cha, nói rằng: “Dầu vậy, xin ý Cha được nên, chớ không theo ý tôi,”⁵ và rồi Ngài đã sử dụng quyền tự quyết của Ngài để gánh chịu tội lỗi của chúng ta. Khi bị sỉ nhục trong một phiên tòa xử công khai và nổi thống khổ vì bị đóng đinh, Ngài trông đợi Đức Chúa Cha, sẵn lòng “vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác chúng ta mà bị thương.”⁶ Ngay cả khi Ngài kêu lên: “Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! sao Ngài lia bỏ tôi?”⁷ Ngài đã trông đợi Cha Ngài—sử dụng quyền tự quyết của Ngài để tha thứ những kẻ thù của Ngài,⁸ chắc chắn là mẹ Ngài được chăm sóc,⁹ rồi kiên trì đến cùng cho đến khi mạng sống và sứ mệnh trên trần thế của Ngài chấm dứt.¹⁰

Tôi thường suy ngẫm tại sao Vị Nam Tử của Thượng Đế và các vị tiên tri thánh của Ngài cùng tất cả Các Thánh Hữu trung tín lại gặp thử thách và hoạn nạn, thậm chí khi họ đang cố



gắng làm theo ý muốn của Cha Thiên Thượng vậy? Tại sao điều đó lại quá khó khăn như vậy, nhất là đối với Ngài và họ?

Tôi nghĩ về Joseph Smith, ông đã chịu đựng bệnh tật khi còn niên thiếu và bị ngược đãi trong suốt cuộc đời. Giống như Đấng Cứu Rỗi, ông đã kêu lên: “Hỡi Thượng Đế, Ngài ở đâu?”¹¹ Tuy nhiên, dường như khi cô đơn, ông đã sử dụng quyền tự quyết để trông đợi Chúa và thực hiện ý muốn của Cha Thiên Thượng.

Tôi nghĩ về các tổ tiên tiền phong của chúng ta, bị đuổi ra khỏi Nauvoo và băng qua các cánh đồng, đã sử dụng quyền tự quyết của họ để noi theo một vị tiên tri thậm chí phải chịu cảnh bệnh hoạn, thiếu thốn, và ngay cả cái chết. Tại sao họ phải trải qua cảnh hoạn nạn khủng khiếp như vậy? Đến mức nào? Vì mục đích gì?

Khi đặt ra những câu hỏi này, chúng ta nhận biết rằng mục đích cuộc sống của mình trên thế gian là phải tăng trưởng, phát triển, và được củng cố qua những kinh nghiệm của riêng mình. Chúng ta làm điều này như thế nào? Thánh thư mang đến cho chúng ta một câu trả lời bằng một cụm từ giản dị: chúng ta “trông đợi Đức Giê Hô Va.”¹² Những thử thách và gian nan đều được ban cho tất cả chúng ta. Những thử thách trần thế này nhằm mục đích cho chúng ta

và Cha Thiên Thượng thấy chúng ta sẽ sử dụng quyền tự quyết của mình để noi theo Vị Nam Tử của Ngài hay không. Ngài đã biết rồi và cho dù hoàn cảnh của chúng ta có khó khăn đến mấy đi nữa, thì chúng ta có cơ hội để biết được rằng “tất cả những điều này sẽ đem lại cho [chúng ta] một kinh nghiệm, và sẽ lợi ích cho [chúng ta].”¹³

Điều này có nghĩa là chúng ta sẽ luôn luôn hiểu những thử thách của mình không? Đôi khi, chẳng phải tất cả chúng ta đều có lý do để hỏi: “Hỡi Thượng Đế, Ngài ở đâu” sao?¹⁴ Vâng! Khi một người phổi ngẫu qua đời, thì người bạn đời sẽ tự hỏi câu hỏi đó. Khi khó khăn tài chính xảy đến với một gia đình, thì người cha sẽ hỏi câu hỏi đó. Khi con cái bị lạc lối, thì cha mẹ sẽ than khóc với nỗi buồn khổ. Vâng, “sự khóc lóc đến tro ban đêm, nhưng buổi sáng bèn có sự vui mừng.”¹⁵ Rồi vào lúc đức tin và sự hiểu biết bắt đầu gia tăng, thì chúng ta đứng lên và chọn trông đợi Chúa, rồi nói: “Ý Cha được nên.”¹⁶

Vậy thì, trông đợi Chúa có nghĩa là gì? Trong thánh thư, từ *trông đợi* có nghĩa là hy vọng, mong chờ, và tin cậy. Hy vọng và tin cậy nơi Chúa đòi hỏi đức tin, lòng kiên nhẫn, khiêm nhường, nhu mì, nhịn nhục, tuân giữ các lệnh truyền, và kiên trì chịu đựng đến cùng.

Trông đợi Chúa có nghĩa là gieo mầm và nuôi dưỡng đức tin “với sự chuyên tâm lớn lao, và sự kiên nhẫn.”¹⁷

Điều đó có nghĩa là cầu nguyện như Đấng Cứu Rỗi đã cầu nguyện—lên Thượng Đế, Cha Thiên Thượng của chúng ta và—thưa rằng: “Nước Cha được đến; Ý Cha được nên!”¹⁸ Đó là một lời cầu nguyện chúng ta dâng lên với hết cả lòng mình, trong tôn danh của Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Ky Tô.

Trông đợi Chúa có nghĩa là suy ngẫm trong lòng và “nhận được Đức Thánh Linh” để chúng ta có thể biết được “tất cả mọi việc [chúng ta] phải nên làm.”¹⁹

Khi tuân theo những thúc giục của Thánh Linh, chúng ta nhận ra rằng “hoạn nạn sanh sự nhịn nhục”²⁰ và chúng ta biết “tiếp tục kiên nhẫn cho đến khi [chúng ta] được toàn hảo.”²¹

Trông đợi Chúa có nghĩa là “đứng vững”²² và “tiến tới” trong đức tin, “với một niềm hy vọng hết sức sán lạn.”²³

Điều này có nghĩa là “chỉ trông cậy vào công nghiệp của Đấng Ky Tô”²⁴ và “với ân điển của Ngài giúp đỡ [chúng ta, và nói rằng]: Hỡi Chúa, ý Ngài được nên, chứ không theo ý chúng con.”²⁵

Khi trông đợi Chúa, chúng ta “một lòng vững chắc không lay chuyển trong việc tuân giữ lệnh truyền,”²⁶ vì biết rằng chúng ta sẽ “được nghỉ ngơi khỏi mọi nỗi thống khổ của mình.”²⁷

Và chúng ta “Vậy chớ bỏ lòng dạn dĩ mình”²⁸ để “tất cả những gì đã làm cho [chúng ta] đau khổ sẽ hiệp lại làm lợi ích cho [chúng ta].”²⁹

Những nỗi khổ sở đó sẽ đến dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Kinh nghiệm của Gióp nhắc chúng ta nhớ đến điều chúng ta có thể được đòi hỏi để chịu đựng. Gióp mất tất cả tài sản của mình, kể cả đất đai, nhà cửa và gia súc; những người trong gia đình; danh tiếng; sức khỏe thể chất và ngay cả sự an lạc về mặt tinh thần của ông. Vậy mà, ông trông đợi Chúa và chia sẻ một chứng ngôn cá nhân mạnh mẽ: Ông nói:

“Còn tôi, tôi biết rằng Đấng cứu chuộc tôi vẫn sống, Đến lúc cuối cùng

Ngài sẽ đứng trên đất.

“Sau khi da tôi, tức xác thịt này, đã bị tan nát, Bấy giờ ngoài xác thịt tôi sẽ xem thấy Đức Chúa Trời.”³⁰

“Dầu Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài.”³¹

Ngay cả với các tấm gương sáng của Gióp, các vị tiên tri và Đấng Cứu Rỗi, chúng ta cũng sẽ thấy rất khó khăn để trông đợi Chúa, nhất là khi không thể hiểu trọn vẹn kế hoạch và mục tiêu của Ngài dành cho bản thân mình. Sự hiểu biết đó thường được ban cho “từng hàng chữ một, [và] từng lời chỉ giáo một.”³²

Trong cuộc sống của mình, tôi đã biết được rằng đôi khi tôi không được đáp ứng cho một lời cầu nguyện vì Chúa biết tôi chưa sẵn sàng. Khi Ngài đáp ứng, thì thường là “nơi này một ít, nơi kia một ít”³³ vì đó là tất cả những gì tôi có thể chịu đựng hoặc tôi sẵn lòng làm.

Chúng ta thường cầu nguyện để có được lòng kiên nhẫn, nhưng chúng ta muốn có ngay lập tức! Khi còn trẻ, Chủ Tịch David O. McKay đã cầu nguyện để có được một điều gì làm chứng về lẽ trung thực của phúc âm. Nhiều năm sau, trong khi ông đang phục vụ truyền giáo ở Scotland, thì điều làm chứng đó cuối cùng đã đến. Về sau ông viết: “Điều đó bảo đảm với tôi rằng lời cầu nguyện chân thành đã được đáp ứng ‘vào lúc nào đó, ở đâu đó.’”³⁴

Chúng ta có thể không biết khi nào hoặc cách nào mình sẽ được Chúa đáp ứng, nhưng điều đó sẽ đến trong kỳ định và cách thức riêng của Ngài, tôi làm chứng rằng những sự đáp ứng của Ngài sẽ đến. Đôi khi, chúng ta có thể phải chờ cho đến sau khi qua đời mới được đáp ứng. Điều này có thể đúng với một số lời hứa trong các phước lành tộc trưởng và đúng với một số phước lành được ban cho những người trong gia đình. Chúng ta đừng nản lòng đối với Chúa. Các phước lành của Ngài là vĩnh cửu, chứ không phải tạm thời.

Việc trông đợi Chúa cho chúng ta một cơ hội vô cùng quý báu để khám phá ra rằng có nhiều người đang trông đợi chúng ta. Con cái chúng ta trông đợi chúng ta cho thấy lòng kiên



nhẫn, tình yêu thương và lòng cảm thông đối với chúng. Cha mẹ chúng ta trông đợi chúng ta cho thấy lòng biết ơn và trắc ẩn. Anh chị em của chúng ta trông đợi chúng ta có lòng khoan dung, thương xót và tha thứ. Người phối ngẫu của chúng ta trông đợi chúng ta yêu thương họ như Đấng Cứu Rỗi đã yêu thương mỗi người chúng ta.

Khi chịu đựng nỗi đau khổ thể xác, càng ngày chúng ta càng biết được thêm rằng có biết bao nhiêu người trông đợi mỗi người chúng ta. Đối với các chị em phụ nữ giống như Ma Ri và Ma Thê, đối với tất cả những người Sa Ma Ri nhân lành đang phục sự cho người bệnh, giúp đỡ người yếu đuối, cũng như chăm sóc cho người yếu đuối về tinh thần và thể chất, tôi cảm thấy lòng biết ơn của Cha Thiên Thượng nhân từ và Con Trai Yêu Dấu của Ngài. Trong giáo vụ hằng ngày giống như Đấng Kỳ Tô của mình, các anh chị em đang trông đợi Chúa và làm theo ý muốn của Cha Thiên Thượng. Lời trấn an của Ngài ban cho các anh chị em rất rõ ràng: “Quả thật, ta nói cùng các ngươi, hễ các ngươi đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn

mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy.”³⁵ Ngài biết sự hy sinh và nỗi buồn phiền của các anh chị em. Ngài nghe những lời cầu nguyện của các anh chị em. Sự bình an và nghỉ ngơi của Ngài sẽ thuộc về các anh chị em khi tiếp tục trông đợi Ngài trong đức tin.

Mỗi người chúng ta được Chúa yêu thương hơn là mình có thể hiểu hay tưởng tượng được. Do đó, chúng ta hãy tử tế hơn với nhau và tử tế hơn đối với bản thân mình. Chúng ta hãy nhớ rằng trong khi trông đợi Chúa, chúng ta trở nên “[các] thánh hữu nhờ sự chuộc tội của [Ngài], . . . và trở thành như trẻ nhỏ, phục tùng, nhu mì, khiêm nhường, kiên nhẫn, đầy sự yêu thương, sẵn sàng chấp nhận tất cả những điều gì Chúa thấy cần gán cho mình, chẳng khác chi trẻ con thuận phục cha mình vậy.”³⁶

Đây là sự tuân phục Đấng Cứu Rỗi đã dành cho Cha Ngài trong Vườn Ghết Sê Ma Nê. Ngài khẩn nài các môn đồ của Ngài: “Hãy . . . tỉnh thức với ta,” vậy mà Ngài trở lại tìm họ ba lần đều thấy họ đang ngủ.³⁷ Vì không có sự đồng hành của các môn đồ này và cuối cùng không có sự hiện diện của Cha Ngài, nên Đấng Cứu Rỗi chọn chịu đựng “mọi sự đau đớn, thống khổ, cùng mọi cám dỗ.”³⁸ Với một thiên sứ được gửi đến để củng cố Ngài,³⁹ Ngài “đã không từ chối uống chén đắng đó.”⁴⁰ Ngài trông đợi Cha Ngài khi nói: “Ý Cha được nên,”⁴¹ và Ngài đã khiêm nhường một mình làm tròn sứ mệnh.⁴² Bây giờ, với tư cách là một trong số Mười Hai Vị Sứ Đồ của Ngài trong những ngày sau này, tôi cầu nguyện rằng chúng ta sẽ được củng cố để tỉnh thức với Ngài và trông đợi Ngài trong suốt cuộc sống của mình.

Vào buổi sáng Sa Bát hôm nay, tôi bày tỏ lòng biết ơn rằng trong những thử thách gay go của tôi⁴³ và của các anh chị em, chúng ta không cô đơn một mình. Ngài là Đấng trông nom chúng ta “không hề nhấp mắt, cũng không buồn ngủ.”⁴⁴ Các thiên sứ của Ngài ở nơi đây và ở bên kia bức màn đều “sẽ vây quanh [chúng ta] để nâng đỡ [chúng ta].”⁴⁵ Tôi chia sẻ chứng ngôn đặc biệt của mình rằng lời hứa của Đấng Cứu Rỗi là chân chính, vì

Ngài phán: “Những ai trông đợi Đức Giê Hô Va thì chắc được sức mới, cất cánh bay cao như chim ưng; chạy mà không mệt nhọc, đi mà không mòn mỏi.”⁴⁶ Cầu xin cho chúng ta trông đợi Ngài bằng cách tiến bước trong đức tin, để có thể nói trong lời cầu nguyện của mình: “Ý Cha được nên,”⁴⁷ và trở về cùng Ngài một cách vinh dự. Trong thánh danh của Đấng Cứu Rỗi và Cứu Chuộc của chúng ta, chính là Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Môi Se 4:2.
2. Lu Ca 2:49.
3. Bản dịch Joseph Smith, Ma Thi O 3:24, trong phần phụ lục Kinh Thánh.
4. Lu Ca 4:8.
5. Lu Ca 22:42.
6. Ê Sai 53:5; Mô Si A 14:5.
7. Ma Thi O 27:46; Mác 15:34.
8. Xin xem Lu Ca 23:34.
9. Xin xem Giảng 19:27.
10. Xin xem Giảng 19:30.
11. Giáo Lý và Giao Ước 121:1.
12. Thi Thiên 37:9; 123:2; Ê Sai 8:17; 40:31; 2 Nê Phi 18:17.
13. Giáo Lý và Giao Ước 122:7.
14. Giáo Lý và Giao Ước 121:1.
15. Thi Thiên 30:5.
16. Ma Thi O 6:10; 3 Nê Phi 13:10; xin xem thêm Ma Thi O 26:39.
17. An Ma 32:41.
18. Ma Thi O 6:10; Lu Ca 11:2.
19. 2 Nê Phi 32:5.
20. Rô Ma 5:3.
21. Giáo Lý và Giao Ước 67:13.
22. An Ma 45:17.
23. 2 Nê Phi 31:20.
24. Mô Rô Ni 6:4.
25. Giáo Lý và Giao Ước 109:44.
26. An Ma 1:25.
27. An Ma 34:41.
28. Hê Bơ Rơ 10:35.
29. Giáo Lý và Giao Ước 98:3.
30. Gióp 19:25–26.
31. Gióp 13:15.
32. 2 Nê Phi 28:30.
33. 2 Nê Phi 28:30.
34. *Teachings of Presidents of the Church: David O. McKay* (2003), xviii.
35. Ma Thi O 25:40.
36. Mô Si A 3:19.
37. Ma Thi O 26:38; xin xem thêm các câu 39–45.
38. An Ma 7:11.
39. Xin xem Lu Ca 22:43.
40. “In Memory of the Crucified,” *Hymns*, số 190; xin xem thêm 3 Nê Phi 11:11; Giáo Lý và Giao Ước 19:18–19.
41. Ma Thi O 26:42.
42. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 76:107; 88:106; 133:50.
43. “Where Can I Turn for Peace?” *Hymns*, số 129.
44. Thi Thiên 121:4.
45. Giáo Lý và Giao Ước 84:88.
46. Ê Sai 40:31.
47. Ma Thi O 26:42.



Bài của Anh Cả Tad R. Callister

Thuộc Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi

Sách Mặc Môn— một Quyển Sách từ Thượng Đế

Cùng với Kinh Thánh, Sách Mặc Môn là một chứng thư cần thiết về các giáo lý của Đấng Ky Tô và thiên tính của Ngài.

Cách đây nhiều năm, ông tổ của tôi lần đầu tiên nhận được một quyển Sách Mặc Môn. Ông mở ra chính giữa quyển sách này và đọc một vài trang. Rồi ông nói: “Quyển sách đó hoặc là do Thượng Đế hoặc quỹ dữ viết, và tôi sẽ tìm ra ai đã viết quyển sách đó.” Ông đọc hết quyển sách đó hai lần trong 10 ngày rồi nói: “Quỹ dữ không thể nào viết quyển sách đó được—sách đó phải là từ Thượng Đế.”¹

Đó là khía cạnh tuyệt hảo của Sách Mặc Môn—không hề lung chừng. Hoặc sách đó là lời của Thượng Đế như chính sách tự nhận, hoặc là hoàn toàn bịp bợm. Quyển sách này không đơn thuần tự nhận là một luận án đạo đức hay sách bình luận về thần học hay một bộ sưu tập các tác phẩm uyên thâm. Sách này tự nhận là lời của Thượng Đế—mỗi câu, mỗi đoạn, mỗi trang. Joseph Smith nói rằng một thiên sứ của Thượng Đế đã hướng dẫn ông đến các bảng khắc bằng vàng, chứa đựng các tác phẩm của các vị tiên tri ở Châu Mỹ thời xưa, và rằng ông đã phiên dịch các bảng khắc đó nhờ các

quyền năng thiêng liêng. Nếu câu chuyện đó có thật, thì Sách Mặc Môn là thánh thư, cũng giống như sách đã tự nhận; tuy nhiên, nếu không có thật, thì sách đó là một trò lừa đảo tinh vi quỷ quyệt.

C. S. Lewis đã nói về một tình trạng khó xử tương tự khi một người nào đó phải chọn để chấp nhận hoặc bác bỏ thiên tính của Đấng Cứu Rỗi—trong đó cũng không có thái độ lưỡng chùng: “Tôi đang cố gắng ngăn chặn bất cứ ai nói điều thực sự rồ dại mà người ta thường nói về Ngài: ‘Tôi sẵn sàng chấp nhận Chúa Giê Su là một người thầy dạy đạo đức đại tài, nhưng tôi không chấp nhận lời Ngài cho rằng Ngài là Thượng Đế.’ Đó là một trong những điều chúng ta không được nói. Một con người chỉ đơn thuần là một con người và nói những điều như Chúa Giê Su nói sẽ không phải là một người thầy dạy đạo đức đại tài. . . . Các anh chị em phải tự mình lựa chọn. Hoặc là người này là Vị Nam Tử của Thượng Đế; hoặc là một người điên hay một điều gì đó tồi tệ hơn. . . . Nhưng chúng ta không nên có bất cứ

ý tưởng vô lý về việc Ngài là người thầy đại tài của nhân loại. Ngài không cần cách giải thích đó. Ngài không hề có ý định đó đâu.”²

Tương tự như thế, chúng ta cần phải có một sự lựa chọn gắn liền với Sách Mặc Môn: sách đó là từ Thượng Đế hoặc từ quỹ dữ. Không có sự lựa chọn nào khác. Trong một vài phút nữa đây, tôi xin mời các anh chị em làm một bài trắc nghiệm mà sẽ giúp các anh chị em xác định tính chất thật của quyển sách này. Hãy tự hỏi xem các câu thánh thư sau đây từ Sách Mặc Môn mang các anh chị em đến gần Thượng Đế hay quỹ dữ:

“Hãy nuôi dưỡng những lời nói của Đấng Ky Tô; vì này, những lời nói của Đấng Ky Tô sẽ cho các người biết tất cả những gì các người phải làm” (2 Nê Phi 32:3).

Hoặc những lời này của một người cha nhân từ nói cùng các con trai của mình: “Và giờ đây, hỡi các con trai của cha hãy nhớ, hãy nhớ rằng các con phải xây dựng nền móng của mình trên đá của Đấng Cứu Chuộc chúng ta, tức là Đấng Ky Tô, Vị Nam Tử của Thượng Đế” (Hê La Man 5:12).

Hoặc những lời này của một vị tiên tri: “Hãy đến cùng Đấng Ky Tô để được toàn thiện trong Ngài” (Mô Rô Ni 10:32).

Quỹ dữ có thể nào lại là tác giả của những lời này từ Sách Mặc Môn chẳng? Sau khi Đấng Cứu Rỗi đuổi ra một số quỹ dữ, thì người Pha Ra Si cho rằng Ngài làm vậy là “nhờ Bê Ên Xê Bun là chúa quỷ.” Đấng Cứu Rỗi đáp rằng đó thật là một câu kết luận vô lý. Ngài phán: “Một nước mà chia xé nhau thì bị phá hoang; . . . một nhà mà chia xé nhau thì không còn được.” Và rồi điểm cuối cùng của Ngài: “*Nếu quỷ Sa Tan trừ quỷ Sa Tan, ấy là tự nó chia xé nhau; thì nước nó làm sao còn được ư?*” (Ma Thi Ơ 12:24–26; sự nhấn mạnh được thêm vào).

Nếu những câu thánh thư vừa đề cập đến từ Sách Mặc Môn dạy chúng ta phải thờ phượng, yêu mến, và phục vụ Đấng Cứu Rỗi (quả thật các câu này dạy như vậy), thì làm thế nào các câu thánh thư này lại là từ quỹ dữ? Nếu là như vậy, thì quỹ dữ sẽ tự xâu xé mình và do đó hủy diệt vương



quốc của nó. Đấng Cứu Rỗi phán về tình trạng này là không thể xảy ra được. Việc chân thành đọc Sách Mặc Môn với đầu óc cởi mở, không hề định kiến, sẽ khiến một người kết luận giống như ông tổ của tôi, là: “Quỹ dữ không thể nào viết quyển sách đó được—sách đó phải là từ Thượng Đế.”

Nhưng tại sao Sách Mặc Môn lại là thiết yếu như thế nếu chúng ta đã có Kinh Thánh để dạy về Chúa Giê Su Ky Tô rồi? Các anh chị em có từng tự hỏi tại sao có quá nhiều Ky Tô giáo trên thế giới ngày nay nếu họ nhận được các giáo lý cũng từ một quyển Kinh Thánh cơ bản không? Đó là vì họ giải thích Kinh Thánh khác nhau. Nếu họ giải thích Kinh Thánh giống nhau, thì họ đã thuộc vào một giáo hội rồi. Đây không phải là tình trạng Chúa muốn, vì Sứ Đồ Phao Lô đã nói rằng “chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép báp têm” (Ê Phê Sô 4:5). Để giúp mang lại tính chất độc nhất này, Chúa đã thiết lập một luật pháp thiêng liêng về những người làm chứng. Phao Lô dạy: “Mọi việc sẽ định cứ lời khai của hai hoặc ba người làm chứng.” (2 Cô Rinh Tô 13:1).

Kinh Thánh là một chứng thư về Chúa Giê Su Ky Tô; Sách Mặc Môn là một chứng thư khác. Tại sao chứng thư thứ hai này lại chủ yếu như vậy? Ví dụ minh họa sau đây có thể giúp ích: Các anh chị em có thể vẽ bao nhiêu đường thẳng xuyên qua một điểm duy nhất trên một tờ giấy? Câu trả lời là vô số đường thẳng. Trong một chốc lát, hãy giả sử rằng điểm duy nhất đó tượng trưng cho Kinh Thánh, và hàng trăm đường thẳng vẽ xuyên qua điểm đó tượng trưng cho những cách giải thích khác nhau về Kinh Thánh, và rằng mỗi một trong

những cách giải thích đó tượng trưng cho một giáo hội khác.

Tuy nhiên, điều gì xảy ra nếu trên tờ giấy đó, có một điểm thứ hai tượng trưng cho Sách Mặc Môn? Các anh chị em có thể vẽ bao nhiêu đường thẳng giữa hai điểm chuẩn này tượng trưng cho Kinh Thánh và Sách Mặc Môn? Chỉ một đường thẳng mà thôi. Chỉ một cách giải thích rằng các giáo lý của Đấng Ky Tô có thể tồn tại nhờ vào lời chứng của hai chứng thư này.

Không biết bao nhiêu lần Sách Mặc Môn khẳng định, làm sáng tỏ và thống nhất rằng các giáo lý được giảng dạy trong Kinh Thánh là chỉ có “một Chúa, một đức tin, một phép báp têm.” Ví dụ, một số người lẫn lộn không biết phép báp têm có thiết yếu cho sự cứu rỗi hay không, mặc dù Đấng Cứu Rỗi đã phán cùng Ni Cô Đem: “Nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời.” (Giăng 3:5). Tuy nhiên, Sách Mặc Môn, loại bỏ tất cả những nghi ngờ về vấn đề này: “Và Ngài truyền lệnh cho tất cả mọi người phải hối cải, và chịu phép báp têm trong danh Ngài, . . . nếu không thì họ sẽ không được cứu rỗi trong vương quốc của Thượng Đế” (2 Nê Phi 9:23).

Trên thế giới ngày nay, có nhiều phương pháp báp têm khác nhau mặc dù Kinh Thánh đã cho chúng ta biết cách mà Đấng Cứu Rỗi, Đấng Gương Mẫu vĩ đại của chúng ta, chịu phép báp têm: “[Ngài] ra khỏi nước” (Ma Thi Ơ 3:16). Có thể nào Ngài ra khỏi nước được trừ phi Ngài đi xuống nước trước không? Để tránh bất cứ tranh luận nào về vấn đề này, Sách Mặc Môn gạt bỏ điều tranh cãi đó với lời phát biểu thẳng thắn về việc làm báp têm đúng cách là: “Và kể đó các người



Jundiaí, Brazil

đìm mình họ xuống nước” (3 Nê Phi 11:26).

Nhiều người tin rằng sự mặc khải đã chấm dứt sau khi Kinh Thánh đã viết xong, mặc dù chính Kinh Thánh là chứng ngôn về khuôn mẫu mặc khải của Thượng Đế trên 4.000 năm con người hiện hữu. Nhưng một giáo lý sai lầm như vậy giống như khi bộ cờ domino sụp đổ vì một con cờ bị đẩy ngã, hay là trong trường hợp này là sự sụp đổ của các giáo lý đúng. Sự tin tưởng vào việc chấm dứt mặc khải làm cho giáo lý về “Thượng Đế hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời không hề thay đổi” (Mặc Môn 9:9) phải đổ ngã; điều này làm cho giáo lý do A Mốt giảng dạy rằng “cũng vậy, Chúa Giê Hô Va chẳng có làm một việc gì mà Ngài chưa tỏ sự kín nhiệm Ngài ra trước cho tôi tớ Ngài, là các Đấng tiên tri.” (A Mốt 3:7) cũng đổ ngã; và điều này làm cho giáo lý dạy rằng “Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai” (Công Vụ Các Sứ Đồ 10:34) và như vậy nói cùng tất cả loài người trong mọi thời đại đều đổ ngã. Nhưng may thay Sách Mặc Môn đã nhấn mạnh lại lẽ thật của Kinh Thánh là sự mặc khải vẫn tiếp tục:

“Và lại nữa, tôi nói với các người, là những kẻ chối bỏ những sự mặc khải của Thượng Đế và còn bảo rằng những chuyện đó nay đã chấm dứt,

không còn mặc khải. . .

“Vì chẳng phải chúng ta đã đọc được rằng, Thượng Đế lúc nào cũng vậy, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi về sau . . . hay sao?” (Mặc Môn 9:7, 9).

Nói cách khác, nếu Thượng Đế, là Đấng không thay đổi, đã phán trong thời xưa thì Ngài cũng phán trong thời cận đại.

Bản liệt kê những điều khẳng định và làm sáng tỏ giáo lý vẫn tiếp tục được viết ra nhưng không có điều nào mạnh mẽ, sâu sắc hơn những bài giảng của Sách Mặc Môn về Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Các anh chị em có muốn tâm hồn mình được xác nhận về sự làm chứng không thể phủ nhận được rằng Đấng Cứu Rỗi hạ mình xuống dưới tội lỗi của các anh chị em và sẽ không có tội lỗi, không có hoàn cảnh khó khăn nào trên trần thế ngoài tình thương xót của Sự Chuộc Tội của Ngài không—vì Ngài có quyền năng chữa lành thượng thừa đối với mỗi nỗi vất vả của các anh chị em? Vậy thì hãy đọc Sách Mặc Môn. Sách ấy sẽ dạy cho các anh chị em và làm chứng cùng các anh chị em rằng Sự Chuộc Tội của Đấng Kỵ Tô là vô hạn vì bao gồm và xem xét cùng vượt qua mọi yếu kém của con người. Đó là lý do tại sao tiên tri Mặc Môn nói:

“Các người sẽ hy vọng qua sự chuộc tội của Đấng Kỵ Tô” (Mô Rô Ni 7:41).

Thảo nào Sách Mặc Môn mạnh dạn tuyên bố: “Và nếu các người tin Đấng Kỵ Tô thì các người sẽ tin những lời này vì đây là những lời của Đấng Kỵ Tô” (2 Nê Phi 33:10). Cùng với Kinh Thánh, Sách Mặc Môn là một chứng thư cần thiết về các giáo lý của Đấng Kỵ Tô và thiên tính của Ngài. Cùng với Kinh Thánh, Sách Mặc Môn “dạy tất cả mọi người phải nên làm điều thiện” (2 Nê Phi 33:10). Và cùng với Kinh Thánh, Sách Mặc Môn mang chúng ta đến với “chỉ . . . một Chúa, một đức tin, một phép báp têm.” Đó là lý do tại sao Sách Mặc Môn vô cùng quan trọng trong cuộc sống của chúng ta.

Cách đây vài năm, tôi đã tham dự một buổi lễ thờ phượng của chúng ta ở Toronto, Canada. Người nói chuyện là một bé gái 14 tuổi. Em ấy nói rằng em ấy đã thảo luận về tôn giáo với một trong số những người bạn học ở trường. Bạn của em nói với em: “Bạn theo đạo nào?”

Em ấy đáp: “Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô, hay là Mặc Môn.”

Người bạn của em đáp: “Tôi biết Giáo Hội đó rồi, và tôi cũng biết là Giáo Hội đó không chân chính.”

Em ấy đáp: “Làm sao bạn biết được?”

Bạn em nói: “Vì tôi đã tìm tòi nghiên cứu Giáo Hội đó.”

“Vậy bạn đã đọc Sách Mặc Môn chưa?”

Câu trả lời là: “Chưa, tôi chưa đọc sách đó.”

Rồi bé gái tuyệt vời này đáp: “Vậy thì bạn chưa tìm tòi nghiên cứu về Giáo Hội của tôi đâu vì tôi đã đọc mỗi trang Sách Mặc Môn và tôi biết Giáo Hội này là chân chính.”

Tôi cũng đã nhiều lần đọc mỗi trang Sách Mặc Môn, và giống như ông tổ của mình, tôi long trọng làm chứng rằng sách ấy là từ Thượng Đế. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Willard Richards, in LeGrand Richards, *A Marvelous Work and a Wonder*, hiệu đính xuất bản (1972), 81, 82.
2. C. S. Lewis, *Mere Christianity* (1952), 40–41.



Bài của Elaine S. Dalton
Chủ Tịch Trung Ương Hội Thiếu Nữ

Yêu Mẹ của Con Gái Các Anh Em

Làm thế nào một người cha có thể nuôi dạy được một đứa con gái vui vẻ, thích nghi dễ dàng trong thế gian càng ngày càng nguy hiểm này? Câu trả lời đã được các vị tiên tri của Chúa giảng dạy.

Không lời nào có thể miêu tả cơ hội thiêng liêng của một người cha lần đầu tiên bế đứa con gái mới sinh trong vòng tay của mình. Năm nay, ba trong số các con trai của chúng tôi đã trở thành cha của các bé gái. Khi tôi nhìn Jon, đứa con trai gồ ghề, mạnh mẽ, cầu thủ chơi bóng bầu dục, đang bế đứa con gái đầu lòng trong vòng tay, nó nhìn vào con mình một cách dịu dàng trìu mến, và rồi nhìn tôi với một vẻ mặt dường như muốn nói: “Làm sao con có thể nuôi dạy được một đứa con gái đây?”

Buổi sáng hôm nay, tôi muốn nói với mấy đứa con trai của chúng tôi và với tất cả những người cha. Làm thế nào một người cha có thể nuôi dạy được một đứa con gái vui vẻ, thích nghi dễ dàng trong thế gian càng ngày càng nguy hiểm này? Câu trả lời đã được các vị tiên tri của Chúa giảng dạy. Đó là một câu trả lời giản dị và đúng—“Điều quan trọng nhất mà một người cha có thể làm cho [con gái] mình là yêu mẹ [của nó].”¹ Qua cách các anh em yêu mẹ của nó, các anh em sẽ dạy cho con gái mình đức tính

dịu dàng, chung thủy, kính trọng, trách ẫn và tận tụy. Nó sẽ học từ tấm gương của các anh em điều gì phải kỳ vọng từ các thiếu niên và những đức tính nào phải tìm kiếm ở người phối ngẫu tương lai. Các anh em có thể chỉ cho con gái mình thấy qua cách các anh em yêu và kính trọng vợ mình để nó sẽ hy vọng kết hôn với một người cũng sẽ yêu và kính trọng nó như vậy. Tấm gương của các anh em sẽ dạy cho con gái mình biết quý trọng vai trò phụ nữ. Các anh em đang chỉ cho con gái mình thấy rằng nó là một



đứa con gái của Cha Thiên Thượng, là Đấng yêu thương nó.

Hãy yêu mẹ của con gái các anh em nhiều đến mức hôn nhân của các anh em là thiên đàng. Một lễ hôn phối trong đền thờ cho thời tại thế và suốt thời vĩnh cửu là xứng đáng với các nỗ lực lớn nhất và ưu tiên cao nhất của các anh em. Chỉ sau khi Nê Phi đã cất xong đền thờ trong vùng hoang dã thì ông mới nói: “Và . . . chúng tôi được sống trong hạnh phúc.”²Việc “sống trong hạnh phúc” được tìm thấy trong đền thờ. Đó là việc tuân giữ giao ước. Đừng để cho bất cứ điều gì ảnh hưởng đến cuộc sống hay gia đình của các anh em mà sẽ làm tổn thương đến các giao ước và cam kết của các anh em với vợ và gia đình của mình.

Trong Hội Thiếu Nữ, chúng tôi đang giúp con gái các anh em hiểu về nguồn gốc của nó là một con gái của Thượng Đế, cũng như tầm quan trọng của việc luôn luôn sống đức hạnh và xứng đáng để nhận được các phước lành của đền thờ, và lễ hôn phối trong đền thờ. Chúng tôi đang giảng dạy con gái của các anh em tầm quan trọng của việc lập và tuân giữ các giao ước thiêng liêng. Chúng tôi đang dạy cho con gái mình phải cam kết từ bây giờ để sống sao cho nó có thể luôn luôn được xứng đáng để bước vào đền thờ và không để cho bất cứ điều gì làm trì hoãn, xao lãng hoặc làm cho nó không đủ điều kiện đối với mục tiêu đó. Tấm gương của các anh em với tư cách là cha của nó mang đến ảnh hưởng nhiều hơn là lời nói quan trọng của chúng tôi. Các em thiếu nữ lo lắng về cha của mình. Nhiều em bày tỏ ước muốn lớn lao nhất của mình là được kết hợp vĩnh viễn với gia đình. Các em ấy muốn các anh em có mặt khi chúng đi đền thờ hoặc kết hôn trong đền thờ. Hãy gần gũi với con gái của mình cũng như giúp nó chuẩn bị và luôn luôn sống xứng đáng với đền thờ. Khi nó 12 tuổi, hãy dẫn nó đi đền thờ thường xuyên để thực hiện phép báp têm cho các tổ tiên của các anh em và những người khác. Con gái các anh em sẽ mãi mãi trân quý những kỷ niệm này.

Văn hóa phổ biến ngày nay cố gắng làm xói mòn và giảm giá trị vai

trò vinh cửu của các anh em là người tộc trưởng và người cha cùng đánh giá thấp các trách nhiệm quan trọng nhất của các anh em. Các trách nhiệm này được giao cho các anh em “qua kế hoạch thiêng liêng,” và với tư cách là người cha, các anh em “phải chủ tọa gia đình mình trong tình thương yêu và sự ngay chính và có trách nhiệm lo liệu cho những nhu cầu cần thiết của cuộc sống và bảo vệ gia đình mình.”³

Thưa các bậc làm cha, các anh em là người bảo vệ gia đình, vợ con mình. Ngày nay, “không phải là điều dễ dàng để bảo vệ gia đình của mình chống lại những điều xấu xa xâm nhập vào tâm trí và tinh thần [của họ]. . . . Các ảnh hưởng này có thể và quả thật ngang nhiên đi vào nhà các anh em. Sa Tan [rất tài tình]. Nó không cần phải phá cửa để vào đâu.”⁴

Thưa các bậc làm cha, các anh em cần phải là những người bảo vệ đức hạnh. “Một người nắm giữ chức tư tế phải *đức hạnh*. Hành vi đức hạnh có nghĩa là [các anh em có được] ý nghĩ thanh khiết và hành động trong sạch. . . . Đức hạnh là . . . một thuộc tính của sự tin kính.” Đức hạnh “tương tự như thánh thiện.”⁵ Các giá trị của Hội Thiểu Nữ là các thuộc tính giống như Đấng Kỵ Tô, gồm có giá trị của đức hạnh. Giờ đây, chúng tôi kêu gọi các anh em cùng với chúng tôi hướng dẫn thế giới trở về với đức hạnh. Để làm như vậy, các anh em “cần phải thực hành đức hạnh và sự thánh thiện”⁶ bằng cách loại bỏ khỏi cuộc sống của mình bất cứ điều gì xấu xa và không phù hợp với một người nắm giữ chức tư tế thánh của Thượng Đế. “Hãy để cho đức hạnh của người làm đẹp tư tưởng của người luôn luôn; rồi thì niềm tin của người sẽ vững mạnh trong sự hiện diện của Thượng Đế; và . . . Đức Thánh Linh sẽ là người bạn đồng hành luôn luôn ở bên người.”⁷ Vì vậy, hãy thận trọng về điều các anh em xem trên phương tiện truyền thông giải trí hoặc sách báo. Đức hạnh cá nhân của các anh em sẽ là mẫu mực cho con gái cũng như con trai của mình, biết sức mạnh đích thực và lòng dũng cảm đạo đức là gì. Khi là một người bảo vệ đức

hạnh trong cuộc sống, trong nhà của mình và trong cuộc sống của con cái mình, thì các anh em đã cho vợ và con gái của mình thấy tình yêu thương chân chính đích thực là gì. Sự thanh khiết cá nhân của các anh em sẽ mang đến quyền năng cho bản thân mình.

Các anh em là người bảo vệ con gái mình theo một ý nghĩa nhiều hơn ý nghĩa pháp lý của từ ngữ đó. Hãy tích cực tham gia vào cuộc sống của con gái các anh em. Hãy để cho nó biết các tiêu chuẩn, kỳ vọng, hy vọng, và ước mơ của các anh em về thành công và hạnh phúc của nó. Hãy phỏng vấn nó, làm quen với bạn bè của nó và với những người bạn trai của nó, khi đến lúc. Giúp nó hiểu tầm quan trọng của học vấn. Giúp nó hiểu rằng nguyên tắc trang nhã giản dị là một sự bảo vệ. Giúp nó chọn loại âm nhạc và phương tiện truyền thông giải trí giúp mời mọc Thánh Linh và phù hợp với nguồn gốc thiêng liêng của nó. Hãy tích cực tham gia vào cuộc sống của nó. Và trong lứa tuổi niên thiếu của nó, nếu nó đi chơi hẹn hò và không về nhà đúng giờ, thì hãy đi tìm nó. Nó sẽ phản đối và nói với rằng các anh em đã làm hại cuộc sống xã giao của nó, nhưng trong thâm tâm, nó sẽ biết là các anh em yêu thương và quan tâm đến nó đủ để làm người bảo vệ nó.

Các anh em không phải là người tầm thường. Vì lòng dũng cảm của các anh em trong tiền dương thế, nên các anh em đã hội đủ điều kiện để làm người lãnh đạo và có được quyền năng chức tư tế. Nơi đó, các anh em đã cho thấy “đức tin mãnh liệt và những việc làm tốt lành,” và hiện cũng đang làm như vậy nơi đây.⁸ Chức tư tế của các anh em đã phong nhiệm cho các anh em.

Trong một vài tuần nữa, ba đứa con trai của chúng tôi sẽ làm lễ đặt tên và ban phước cho các đứa con gái sơ sinh của chúng. Tôi hy vọng rằng đây sẽ là lễ ban phước đầu tiên trong số nhiều lễ ban phước của chức tư tế chúng nhận được từ cha của mình, bởi vì chúng sẽ cần các phước lành đó trên thế gian nơi chúng lớn lên. Con gái của các anh em sẽ trân quý chức

tư tế và quyết tâm rằng đây là điều nó muốn trong nhà của và gia đình tương lai của nó. Hãy luôn luôn nhớ rằng “những quyền hạn của chức tư tế gắn liền với các quyền năng trên trời” và có thể “điều khiển . . . được bởi các nguyên tắc ngay chính mà thôi.”⁹

Thưa các bậc làm cha, các anh em là người hùng của con gái mình. Cha tôi là người hùng của tôi. Mỗi tối, tôi thường ngồi trên các bậc thang của nhà chúng tôi ngóng chờ ông đi làm về. Ông thường bế tôi lên, xoay tôi một vòng và đặt tôi đứng trên đôi giày to lớn của ông, rồi ông vừa khiêu vũ với tôi vừa đi vào nhà. Tôi thích thử thách của việc cố gắng đi theo mỗi bước chân của ông. Tôi vẫn còn làm như vậy.

Các anh em có biết rằng chứng ngôn của mình có một ảnh hưởng mạnh mẽ đối với con gái của mình không? Tôi biết rằng cha tôi đã có một chứng ngôn. Tôi biết ông yêu mến Chúa. Và vì cha tôi yêu mến Chúa, nên tôi cũng vậy. Tôi biết ông chăm sóc cho các góa phụ vì ông xin nghỉ phép để sơn nhà cho một góa phụ ở nhà bên. Tôi nghĩ đó là kỳ nghỉ hè thú vị nhất mà gia đình chúng tôi từng có vì ông đã dạy tôi sơn nhà! Các anh em sẽ ban phước cuộc sống của con gái mình trong những năm sắp tới nếu các anh em chịu tìm kiếm những cách để dành thời giờ với nó và chia sẻ chứng ngôn của mình với nó.

Trong Sách Mặc Môn, A Bích đã được cải đạo nhờ cha của bà chia sẻ với bà về khả năng kỳ diệu của ông. Trong nhiều năm sau đó, bà đã giữ chứng ngôn trong lòng mình và sống ngay chính trong một xã hội rất tà ác. Rồi đến lúc không thể giữ yên lặng được nữa, bà đã chạy từ nhà này đến nhà kia để chia sẻ chứng ngôn của mình và những phép lạ bà đã chứng kiến trong cung vua. Quyền năng của sự cải đạo và chứng ngôn của A Bích là công cụ để thay đổi toàn thể một xã hội. Những người đã nghe bà làm chứng trở thành những người “đã cải đạo theo Chúa, [và] họ không hề bỏ đạo,” và các con trai của họ trở thành các chiến sĩ trẻ!¹⁰

Như lời bài thánh ca: “Hãy Đứng Lên, Hỡi Những Người Đàn Ông của

Thượng Đế!”¹¹ Đây là một lời kêu gọi các anh em, những người đàn ông mang thánh chức tư tế của Thượng Đế. Cầu xin cho điều nói về các anh em cũng giống như điều nói về Lãnh Binh Mô Rô Ni:

“[Ông] là một người tráng kiện và hùng mạnh; . . . một người có kiến thức hoàn hảo; . . . một người có đức tin vững chắc nơi Đấng Ky Tô. . . .

“ . . . Nếu tất cả mọi người đã sống và đang sống và sẽ sống giống như Mô Rô Ni, này, quyền năng của ngục giới sẽ bị lung lay mãi mãi; . . . quý dữ sẽ chẳng có quyền năng gì đối với trái tim con cái loài người.”¹²

Thưa các anh em, các bậc làm cha, các thiếu niên, “Hãy trung thành với hoàng gia bên trong mình.”¹³

Vậy thì các anh em nuôi dạy một đứa con gái như thế nào? Hãy yêu mẹ của nó. Hãy hướng dẫn gia đình mình đi đền thờ, hãy là người bảo vệ đức hạnh, và làm vinh hiển chức tư tế của mình. Thưa các bậc làm cha, các anh em đã được giao phó cho các con gái hoàng gia của Cha Thiên Thượng. Chúng là những con người đức hạnh và chọn lọc. Tôi cầu nguyện rằng các anh em sẽ trông nom chúng, củng cố chúng, nêu gương đức hạnh và dạy chúng noi theo gương của Đấng Cứu Rỗi—vì Ngài hằng sống! Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Chủ tịch David O. McKay thường trích dẫn lời phát biểu này của Theodore Hesburgh, trong “Quotable Quotes,” *Reader's Digest*, tháng Giêng năm 1963, 25; xin xem thêm *Richard Evans' Quote Book* (1971), 11.
2. 2 Nê Phi 5:27.
3. “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
4. A. Theodore Tuttle, “The Role of Fathers,” *Ensign*, tháng Giêng năm 1974, 67.
5. Ezra Taft Benson, “Godly Characteristics of the Master,” *Ensign*, tháng Mười Một năm 1986, 46.
6. Giáo Lý và Giao Ước 46:33.
7. Giáo Lý và Giao Ước 121:45, 46.
8. An Ma 13:3; xin xem thêm câu 2.
9. Giáo Lý và Giao Ước 121:36.
10. An Ma 23:6; xin xem thêm An Ma 19:16–17; 53:10–22.
11. “Rise Up, O Men of God,” *Hymns*, số 323.
12. An Ma 48:11, 13, 17.
13. Trong Harold B. Lee, “Be Loyal to the Royal within You,” trong *Speeches of the Year: BYU Devotional and Ten-Strike Fireside Addresses 1973* (1974), 100.



Bài của Anh Cả M. Russell Ballard

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Tầm Quan Trọng của Một Danh Xưng

Chúng ta hãy phát triển thói quen . . . làm sáng tỏ rằng Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô là danh xưng do chính Chúa hướng dẫn để cho chúng ta được mọi người biết đến.

Thưa Anh Cả Hales, thay mặt cho tất cả chúng tôi, chúng tôi bày tỏ tình yêu thương sâu đậm nhất và rất biết ơn anh đã có mặt vào buổi sáng này.

Kể từ đại hội trung ương tháng Tư vừa qua, tâm trí của tôi nhiều lần tập trung vào đề tài về tầm quan trọng của một cái tên. Trong vài tháng trước đây, mấy đứa chất được sinh ra trong gia đình chúng tôi. Mặc dù dường như chúng được sinh ra nhanh hơn là tôi có thể nhớ kịp, nhưng mỗi đứa trẻ đều được chào đón với tư cách là phần tử mới trong gia đình chúng tôi. Mỗi đứa nhận được một cái tên đặc biệt do cha mẹ chúng đặt, một cái tên được biết đến trong suốt cuộc sống của chúng, phân biệt chúng với bất cứ ai khác. Điều này đúng như vậy trong mỗi gia đình, và cũng đúng trong số các tôn giáo trên thế giới.

Chúa Giê Su Ky Tô biết rằng việc đặt tên rõ ràng cho Giáo Hội của Ngài trong những ngày sau này là vô cùng quan trọng. Trong tiết 115 sách Giáo Lý và Giao Ước, chính Chúa đã đặt tên

cho Giáo Hội: “Vì giáo hội của ta sẽ được gọi như vậy trong những ngày sau cùng, tức là Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô” (câu 4).

Và Vua Bên Gia Min đã dạy cho dân của ông trong thời Sách Mặc Môn rằng:

“Tôi mong rằng, các người hãy mang danh Đấng Ky Tô vào mình, tất cả các người đã lập giao ước với Thượng Đế, là các người sẽ vâng lời cho đến ngày cuối cùng của đời mình. . . .

“Và tôi mong các người cũng hãy ghi nhớ rằng, đây là tên mà tôi đã nói là tôi sẽ ban cho các người, là tên sẽ không bao giờ bị xóa bỏ, ngoại trừ trường hợp có sự phạm giới; vậy nên, các người hãy giữ mình đừng phạm tội, để cho danh xưng ấy không bị xóa bỏ khỏi tim mình” (Mô Si A 5:8, 11).

Chúng ta mang danh của Đấng Ky Tô trong nước báp têm. Mỗi tuần, chúng ta tái lập hiệu quả của phép báp têm đó khi dự phần Tiệc Thánh, có nghĩa là tình nguyện mang danh



của Ngài và hứa luôn luôn tưởng nhớ tới Ngài (xin xem GLGU 20:77, 79).

Chúng ta có ý thức được rằng mình đã được phước biết bao để mang danh của Con Trai Yêu Dấu và Độc Sinh của Thượng Đế không? Chúng ta có hiểu điều đó quan trọng như thế nào không? Danh xưng của Đấng Cứu Rỗi là danh xưng duy nhất để nhờ đó loài người có thể được cứu (xin xem 2 Nê Phi 31:21).

Như các anh chị em còn nhớ, Chủ Tịch Boyd K. Packer đã thảo luận về tầm quan trọng của danh xưng của Giáo Hội trong đại hội trung ương tháng Tư vừa qua. Ông đã giải thích rằng “vì tuân theo điều mặc khải nên chúng ta tự gọi là Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô thay vì Giáo Hội Mặc Môn.” (“Được Thánh Linh Hướng Dẫn,” *Liahona*, tháng Năm năm 2011, 30).

Vì tên đầy đủ của Giáo Hội quan trọng như vậy, nên tôi xin lặp lại những điều mặc khải từ thánh thư, những chỉ dẫn của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn trong các bức thư vào năm 1982 và 2001, cũng như những lời của Các Vị Sứ Đồ khác đã khuyến khích các tín hữu của Giáo Hội bênh vực và giảng dạy thế gian rằng Giáo Hội được biết đến với danh xưng của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Chúa sẽ kêu gọi chúng ta bằng danh xưng đó vào ngày

sau cùng. Giáo Hội của Ngài sẽ được phân biệt với tất cả các giáo hội khác bằng danh xưng đó.

Tôi đã nghĩ nhiều về lý do tại sao Đấng Cứu Rỗi ban một danh xưng dài như vậy cho Giáo Hội phục hồi của Ngài. Danh xưng này có thể dường như là dài, nhưng nếu chúng ta nghĩ về danh xưng đó như là một điều mô tả về Giáo Hội, thì tự nhiên nó trở thành vắn tắt, đơn giản và thẳng thắn một cách kỳ diệu. Làm thế nào bất cứ điều mô tả nào lại có thể trực tiếp, minh bạch nhưng rõ ràng chỉ trong một vài từ như vậy?

Mỗi từ nhằm làm sáng tỏ và không thể thiếu được trong danh xưng của Giáo Hội. Mỗi từ cho thấy vị trí độc đáo của Giáo Hội phục hồi trong số các tôn giáo trên thế giới.

Cụm từ *Giáo Hội của Chúa Giê Su Kỵ Tô* cho biết rằng đây là Giáo Hội của Ngài. Trong Sách Mặc Môn, Chúa Giê Su dạy: “Làm sao mà giáo hội thuộc về ta nếu không được gọi bằng danh ta? Vì nếu một giáo hội có tên là Môi Se thì tức đó là giáo hội của Môi Se; hoặc nếu được gọi theo tên một người nào đó, thì giáo hội ấy sẽ thuộc về người đó; vậy nên, nếu giáo hội được gọi bằng danh ta thì đó là giáo hội của ta, nếu họ cũng được xây dựng trên phúc âm của ta.” (3 Nê Phi 27:8).

Cụm từ *Các Thánh Hữu Ngày Sau* giải thích rằng Giáo Hội này cũng giống như Giáo Hội mà Chúa Giê Su Kỵ Tô đã thiết lập trong thời gian giáo vụ trần thế của Ngài nhưng được phục hồi trong những ngày sau này. Chúng ta biết là nếu đã có sự bỏ đạo, hay là sự bội giáo, thì cần phải có Sự Phục Hồi Giáo Hội chân chính và trọn vẹn của Ngài trong thời kỳ chúng ta.

Từ *Các Thánh Hữu* có nghĩa rằng các tín hữu của Giáo Hội noi theo Ngài và cố gắng làm theo ý Ngài, tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, và chuẩn bị sống nơi hiện diện của Ngài và của Cha Thiên Thượng một lần nữa. Từ *Thánh Hữu* ám chỉ những người tìm cách làm cho cuộc sống của họ được thánh thiện bằng giao ước noi theo Đấng Kỵ Tô.

Danh xưng do Đấng Cứu Rỗi ban cho Giáo Hội của Ngài cho chúng ta biết chính xác chúng ta là ai và chúng ta tin điều gì. Chúng ta tin rằng Chúa Giê Su Kỵ Tô là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của tất cả nhân loại. Ngài chuộc tội cho tất cả những ai chịu hối cải tội lỗi của họ, cũng như Ngài đã cắt đứt những dây trói buộc của sự chết và ban cho sự phục sinh từ cõi chết. Chúng ta noi theo Chúa Giê Su Kỵ Tô. Và như Vua Bên Gia Min đã nói với dân của ông, tôi cũng xin khẳng định lại như vậy một lần nữa với tất cả chúng ta ngày hôm nay: “Các người hãy ghi khắc tên [Ngài] vào tim mình luôn luôn” (Mô Si A 5:12).

Chúng ta được yêu cầu phải đứng lên làm nhân chứng cho Ngài “bất cứ lúc nào, trong bất cứ việc gì, và ở bất cứ nơi đâu” (Mô Si A 18:9). Điều này có nghĩa một phần là chúng ta cần phải sẵn sàng để cho những người khác biết mình noi theo ai và thuộc vào Giáo Hội của ai: Giáo Hội của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Chúng ta chắc chắn muốn làm điều này trong tinh thần yêu thương và với chứng ngôn. Chúng ta muốn noi theo Đấng Cứu Rỗi bằng cách nói một cách giản dị và rõ ràng, nhưng khiêm nhường, rằng chúng ta là tín hữu của Giáo Hội của Ngài. Chúng ta noi theo Ngài bằng cách làm Các Thánh Hữu Ngày Sau— các môn đồ ngày sau.

Người ta và các tổ chức thường được những người khác tặng cho biệt danh. Biệt danh có thể là một hình thức rút ngắn của một danh xưng, hoặc có thể bắt nguồn từ một sự kiện hoặc một đặc điểm nào đó về vật chất hoặc đặc điểm khác. Trong khi biệt danh không có cùng tình trạng hay ý nghĩa tương tự như tên thật, nhưng chúng có thể được sử dụng một cách đúng đắn.

Giáo Hội của Chúa trong thời xưa lẫn thời nay đều có biệt danh. Các Thánh Hữu trong thời Tân Ước được gọi là *Kỳ Tô hữu* vì họ tuyên xưng niềm tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô. Danh xưng đó, lúc đầu bị những kẻ gièm pha sử dụng một cách miệt thị, giờ đây là một danh xưng được trọng vọng; và chúng ta vinh dự được gọi là *Kỳ Tô giáo*.

Các tín hữu của chúng ta được gọi là *người Mặc Môn* vì chúng ta tin vào Sách Mặc Môn: Một Chứng Thư Khác về Chúa Giê Su Ky Tô. Những người khác có thể cố gắng sử dụng từ *Mặc Môn* một cách rộng rãi hơn để bao gồm và ám chỉ những người đã rời bỏ Giáo Hội và thành lập nhiều nhóm ly khai khác nhau. Việc sử dụng như vậy chỉ đưa đến hoang mang mà thôi. Chúng ta biết ơn nỗ lực của giới truyền thông đã không sử dụng từ *Mặc Môn* theo cách mà có thể khiến cho công chúng ngộ nhận Giáo Hội với những người đa thê hay những nhóm người theo trào lưu chính thống khác. Tôi xin được nói rõ rằng không có một nhóm người đa thê nào, kể cả những người tự gọi mình là Những Người Mặc Môn theo trào lưu chính thống hay những nhóm biến thể khác của danh xưng chúng ta, có bất cứ điều gì liên quan đến Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô.

Mặc dù *Mặc Môn* không phải là một danh xưng đầy đủ và chính xác của Giáo Hội, và ngay cả từ lúc đầu, danh xưng đó còn được những kẻ gièm pha đặt cho trong thời gian ban đầu khi chúng ta bị ngược đãi, nhưng nó đã trở thành một biệt danh có thể chấp nhận được khi áp dụng cho các tín hữu thay vì một thể chế. Chúng ta không cần phải ngừng sử dụng danh



xưng *Mặc Môn* khi thích hợp, nhưng chúng ta cần phải tiếp tục nhấn mạnh đến danh xưng đầy đủ và chính xác của Giáo Hội. Nói một cách khác, chúng ta nên tránh và can ngăn sử dụng từ “Giáo Hội Mặc Môn.”

Trong nhiều năm, khi đi thi hành những chỉ định trên khắp thế giới, tôi đã nhiều lần được hỏi là có thuộc vào Giáo Hội Mặc Môn không. Câu trả lời của tôi là “Tôi là tín hữu của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô. Vì tôi tin vào Sách Mặc Môn, tức là quyển sách được đặt theo tên của một vị tiên tri là người lãnh đạo ở Châu Mỹ thời xưa và sách là một chứng thư khác về Chúa Giê Su Ky Tô, nên đôi khi chúng tôi được gọi là người Mặc Môn.” Trong mọi trường hợp, câu trả lời này đã được đón nhận tốt đẹp và trong thực tế đã mở ra nhiều cơ hội đối với tôi để giải thích về Sự Phục Hồi phúc âm trọn vẹn trong những ngày sau này.

Thưa các anh chị em, hãy nghĩ xem mình có thể tạo nên ảnh hưởng như thế nào chỉ qua cách trả lời bằng việc sử dụng danh xưng đầy đủ của Giáo Hội như Chúa đã phán chúng ta nên làm. Và nếu ngay lập tức các anh chị em không thể sử dụng danh xưng đầy đủ, thì ít nhất cũng nói: “Tôi thuộc vào Giáo Hội của Chúa Giê Su Ky Tô” và rồi giải thích sau

cụm từ “Các Thánh Hữu Ngày Sau.”

Một số người có thể hỏi, còn trang mạng như là Mormon.org cũng như nhiều chiến dịch truyền thông khác nhau do Giáo Hội khởi xướng thì sao? Như tôi đã nói, đôi khi là điều thích hợp để ám chỉ chung các tín hữu là *những người Mặc Môn*. Trên thực tế, những người không thuộc tín ngưỡng của chúng ta đến tìm kiếm chúng ta bằng cách tìm kiếm từ đó. Nhưng một khi các anh chị em vào trang mạng Mormon.org, thì danh xưng đúng của Giáo Hội được giải thích trên trang chủ, và nó xuất hiện trên mỗi trang bổ sung. Việc trông mong người ta phải gõ danh xưng đầy đủ của Giáo Hội khi tìm kiếm chúng ta hay khi đăng nhập vào trang web của chúng ta là điều không thực tế.

Mặc dù những đòi hỏi thiết thực này có thể tiếp tục, nhưng chúng không nên ngăn giữ các tín hữu sử dụng danh xưng đầy đủ của Giáo Hội bất cứ khi nào có thể được. Chúng ta hãy phát triển thói quen bên trong các sinh hoạt của gia đình và Giáo Hội mình cùng những mối giao tiếp hàng ngày của chúng ta để làm sáng tỏ rằng Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô là danh xưng do chính Chúa hướng dẫn để cho chúng ta được mọi người biết đến.

Một cuộc thăm dò ý kiến gần đây

cho biết rằng có quá nhiều người vẫn không hiểu một cách chính xác rằng *Mặc Môn* là ám chỉ các tín hữu của Giáo Hội chúng ta. Và hầu hết người ta vẫn không chắc rằng những người Mặc Môn chính là Ky Tô hữu. Ngay cả khi họ đọc tác phẩm Bàn Tay Giúp Đỡ của chúng ta trên khắp thế giới để đáp ứng các cơn bão, động đất, lũ lụt, và nạn đói, họ cũng không liên kết các nỗ lực nhân đạo của chúng ta với chúng ta là một tổ chức Ky Tô hữu. Chắc chắn là điều đó sẽ dễ dàng hơn đối với họ để hiểu rằng chúng ta tin tưởng và noi theo Đấng Cứu Rỗi nếu tự gọi mình là tín hữu của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô. Bằng cách này, những người nghe tên *Mặc Môn* sẽ dần dần liên kết từ đó với danh xưng đã được mặc khải của chúng ta và với những người noi theo Chúa Giê Su Ky Tô.

Trong bức thư đề ngày 23 tháng Hai năm 2001, Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã yêu cầu: “Cách sử dụng danh xưng đã được mặc khải, Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ky Tô . . . , càng ngày càng quan trọng trong trách nhiệm của chúng ta để công bố danh xưng của Đấng Cứu Rỗi trên khắp thế giới. Vì thế, chúng tôi yêu cầu rằng nếu có thể được khi nào nói đến Giáo Hội, chúng ta sử dụng danh xưng đầy đủ của Giáo Hội.”

Trở lại đại hội trung ương tháng Mười năm 1948, Chủ Tịch George Albert Smith nói: “Thưa các anh chị em, khi ra về, các anh chị em có thể tiếp xúc với nhiều giáo phái khác nhau trên thế giới, nhưng hãy nhớ rằng chỉ có một Giáo Hội duy nhất trên khắp thế giới đang mang danh của Chúa Giê Su Ky Tô, Chúa chúng ta, qua lệnh truyền thiêng liêng” (trong Conference Report, tháng Mười năm 1948, 167).

Thưa các anh chị em, cầu xin cho chúng ta cũng ghi nhớ lời dạy đó khi rời đại hội này ra về ngày hôm nay. Hãy để cho mọi người nghe được chứng ngôn của chúng ta về Ngài và tình yêu mến của chúng ta dành cho Ngài sẽ mãi mãi ở trong mình, tôi khiêm nhường cầu nguyện trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■



Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Đứng tại Những Nơi Thánh Thiện

Sự giao tiếp với Cha Thiên Thượng—kể cả những lời cầu nguyện của chúng ta lên Ngài và cảm ứng của Ngài ban cho chúng ta—là cần thiết để chúng ta vượt qua những cơn giông bão và thử thách của cuộc sống.

Các anh chị em thân mến, buổi sáng hôm nay, chúng ta đã nghe những sứ điệp tốt lành, và tôi có lời khen ngợi mỗi một người tham gia. Chúng ta đặc biệt vui mừng có được Anh Cả Robert D. Hales hiện diện với chúng ta một lần nữa và anh cảm thấy sức khỏe khả quan hơn. Bob, chúng tôi yêu mến anh.

Khi suy ngẫm về điều tôi muốn nói với các anh chị em buổi sáng hôm nay, tôi đã cảm thấy có ấn tượng phải chia sẻ một vài ý nghĩ cũng như cảm nghĩ tôi cho là thích hợp và đúng lúc. Tôi cầu nguyện rằng tôi có thể được hướng dẫn trong những lời nhận xét của mình.

Đến giờ tôi đã sống được 84 năm trên thế gian này. Để các anh chị em có một cái nhìn khái quát một chút, tôi được sinh ra cùng năm Charles Lindbergh đã một mình bay chuyến bay liên tục đầu tiên từ New York đến Paris trên chiếc máy bay một lớp cánh, chỉ có một động cơ và một chỗ ngồi. Kể từ lúc đó, trong suốt 84 năm, đã có nhiều thay đổi. Đã từ lâu, con người đã đi lên mặt trăng và quay trở

lại. Thật vậy, khoa học viễn tưởng của thời trước nay đã trở thành hiện thực. Và nhờ vào công nghệ của thời đại chúng ta, điều thực tế đó đang thay đổi nhanh đến mức chúng ta chỉ mới có thể đuổi kịp nó—nếu có thể thật sự đuổi kịp. Đối với những người trong chúng ta còn nhớ điện thoại quay số và máy đánh chữ bằng tay, thì công nghệ ngày nay thật là kinh ngạc và đầy sững sốt.

Các tiêu chuẩn đạo đức xã hội cũng đã thay đổi nhanh chóng. Những hành vi có lần được coi là không thích hợp và đồi bại thì hiện nay không những được khoan dung mà còn được nhiều người khác chấp nhận.

Tôi mới vừa đọc trong tờ báo *Wall Street Journal* một bài viết của Jonathan Sacks, giáo sĩ trưởng của nước Anh. Ngoài một số các điều khác, ông viết: “Vào thập niên 1960, hầu như trong mọi xã hội phương Tây đều thay đổi đột ngột về tiêu chuẩn đạo đức, và từ bỏ hoàn toàn truyền thống đạo đức trong việc tự kiểm chế hành vi của mình. Ban nhạc Beatles hát rằng chúng ta chỉ cần tình yêu.

Các tiêu chuẩn đạo đức của Do Thái Giáo và Ky Tô Giáo bị từ bỏ. Thay vào đó [câu ngạn ngữ]: *[Làm] bất cứ điều gì có lợi cho mình là được*. Mười Điều Giáo Lệnh được viết lại để làm thành Mười Điều Gợi Ý Sáng Tạo.”

Giáo Sĩ Sacks than tiếp:

“Chúng ta đang từ bỏ các nguyên tắc đạo đức của mình cũng với một cách bất cần như việc lãng phí các nguồn lực tài chính của mình. . . .

“Có nhiều vùng trên [thế giới] mà tôn giáo là của quá khứ và không có tiếng nói để làm cân bằng xu hướng mua sắm, tiêu xài, ăn mặc hào nhoáng, chững diện vì người ta xứng đáng để làm điều đó. Thông điệp này là đạo đức đã lỗi thời, lương tâm chỉ dành cho người yếu đuối, và lệnh truyền quan trọng nhất là ‘Đừng để bị bắt gặp.’”¹

Thưa các anh chị em,—rủi thay,—điều này mô tả nhiều về thế giới xung quanh chúng ta. Chúng ta có day dứt trong nỗi tuyệt vọng và tự hỏi bằng cách nào mình sẽ sống sót trong một thế giới như vậy không? Không. Thật vậy, chúng ta có phúc âm của Chúa Giê Su Ky Tô trong cuộc sống của mình và biết rằng đạo đức không lỗi thời, chúng ta có lương tâm hướng dẫn và có trách nhiệm đối với hành động của mình.

Mặc dù thế giới đã thay đổi, luật pháp của Thượng Đế vẫn là bất biến. Luật pháp đó đã không thay đổi; và sẽ không thay đổi. Mười Điều Giáo Lệnh chính là—những lệnh truyền. chứ *không phải* là đề nghị. Ngày nay các giáo lệnh này cũng hoàn toàn cần thiết như ngày xưa khi Thượng Đế ban cho con cái Y Sơ Ra Ên. Nếu chịu lắng nghe, chúng ta sẽ nghe tiếng nói của Thượng Đế lặp lại cho chính mình ở đây và vào lúc này:

“Trước mặt ta, người chớ có các thần khác.

“Người chớ làm tượng chạm cho mình. . . .

“Người chớ lấy danh Giê Hô Va Đức Chúa Trời người mà làm chơi. . . .

“Hãy nhớ ngày nghỉ định làm nên ngày thánh. . . .

“Hãy hiếu kính cha mẹ người. . . .

“Người chớ giết người.

“Người chớ phạm tội tà dâm.



“Người chớ trộm cướp.

“Người chớ nói chứng dối. . . .

“Người chớ tham của người.”²

Quy tắc xử thế của chúng ta là bắt buộc, không thể thương lượng được. Quy tắc này không chỉ được tìm thấy trong Mười Điều Giáo Lệnh mà còn trong Bài Giảng Trên Núi, được Đấng Cứu Rỗi ban cho chúng ta khi Ngài còn sống trên thế gian. Quy tắc này được tìm thấy trong những lời giảng dạy của Ngài và trong những lời mặc khải hiện đại.

Cha Thiên Thượng ngày hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi. Tiên tri Mặc Môn cho chúng ta biết rằng Thượng Đế là “một Đấng bất di bất dịch suốt mọi vĩnh cửu này đến mọi vĩnh cửu khác.”³ Trong thế giới này, là nơi hầu như mọi điều dường như đều thay đổi, thì

chúng ta có thể dựa vào sự bất biến của Ngài, đó là một cái neo để chúng ta có thể bám chặt vào và được an toàn, để không bị cuốn trôi vào biển khơi đầy nguy hiểm.

Đôi khi, đối với các anh chị em, dường như những người trên thế giới đang có nhiều điều vui thích hơn. Một số các anh chị em có thể cảm thấy bị hạn chế bởi quy tắc xử thế mà chúng ta tôn trọng triệt để trong Giáo Hội. Tuy nhiên, thưa các anh chị em, tôi nói với các anh chị em rằng *không có điều gì* có thể mang đến niềm vui vào cuộc sống hoặc bình an cho tâm hồn của chúng ta hơn Thánh Linh là Đấng có thể đến khi chúng ta noi theo Đấng Cứu Rỗi và tuân giữ các giáo lệnh. Thánh Linh đó không thể hiện diện tại những sinh hoạt mà có rất nhiều người trên thế giới tham dự.

Sứ Đồ Phao Lô đã nói về lẽ thật này: “Vả, người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là sự rồ dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng.”⁴ Cụm từ *người có tánh xác thịt* có thể ám chỉ bất cứ ai nếu chúng ta để cho mình như vậy.

Chúng ta cần phải thận trọng trong một thế giới đã xoay chuyển ra xa khỏi những sự việc thuộc linh. Chúng ta cần phải khước từ bất cứ điều gì không phù hợp với tiêu chuẩn của mình, từ chối trong tiến trình từ bỏ điều mình mong muốn nhất: cuộc sống vĩnh cửu trong vương quốc của Thượng Đế. Thỉnh thoảng, chúng ta vẫn gặp những cơn bão khó khăn, vì chúng là một phần không thể tránh được của kinh nghiệm trong cuộc sống trên trần thế của mình. Tuy nhiên, chúng ta sẽ chuẩn bị kỹ hơn để đối phó với khó khăn, học hỏi từ những khó khăn đó và khắc phục chúng nếu chúng ta đặt phúc âm làm nền tảng của cuộc sống, và tình yêu mến Đấng Cứu Rỗi trong lòng mình. Tiên tri Ê Sai nói: “Công bình sẽ sanh ra bình an, trái của sự công bình sẽ là yên lặng và an ổn mãi mãi.”⁵

Để sống *trong* thế gian nhưng không thuộc *về* thế gian, chúng ta cần phải giao tiếp với Cha Thiên Thượng qua lời cầu nguyện. Ngài muốn chúng ta làm như vậy; Ngài sẽ đáp ứng những lời cầu nguyện của chúng ta. Đấng Cứu Rỗi khuyên nhủ chúng ta, như được ghi trong 3 Nê Phi 18, là: “các người phải tỉnh thức và cầu nguyện luôn luôn, kéo các người sa vào cám dỗ; vì Sa Tan rất muốn chiếm các người. . . .”

“Vậy nên, các người phải luôn luôn cầu nguyện cùng Đức Chúa Cha trong danh ta;

“Và bất cứ điều gì ngay chính mà các người sẽ cầu xin Đức Chúa Cha trong danh ta, và tin tưởng rằng các người sẽ nhận được, này, điều ấy sẽ được ban cho các người.”⁶

Tôi nhận được chứng ngôn về quyền năng của lời cầu nguyện khi tôi khoảng 12 tuổi. Tôi đã làm việc khó nhọc để kiếm được một số tiền và xoay sở để dành được năm đô la. Đó là lúc Thời Kỳ Kinh Tế Trì Trệ, và năm

đô la là một số tiền đáng kể—nhất là đối với một đứa bé 12 tuổi. Tôi đưa hết cho cha tôi các đồng xu của mình, tổng cộng là năm đô la và ông đưa lại cho tôi một tờ giấy bạc năm đô la. Tôi biết mình dự định sẽ mua một cái gì đó cụ thể bằng tờ năm đô la, mặc dù bây giờ, sau nhiều năm, tôi không thể nhớ đó là cái gì. Tôi chỉ nhớ là số tiền đó quan trọng biết bao đối với tôi.

Lúc bấy giờ, chúng tôi không có máy giặt, nên mỗi tuần mẹ tôi phải đưa quần áo cần giặt đi đến hiệu giặt. Hai ngày sau, một đồng đồ mà chúng tôi gọi là “đồ giặt ướt” sẽ được trả lại và Mẹ thường phơi khô đồ trên dây phơi quần áo ở ngoài sân sau.

Tôi đã nhét tờ giấy bạc năm đô la vào trong túi quần jean. Như các anh chị em có lẽ đã đoán được, cái quần jean của tôi được đưa đi đến hiệu giặt với tờ giấy bạc vẫn còn nằm trong túi. Khi nhận biết điều đã xảy ra, tôi lo lắng đến mức muốn bệnh. Tôi biết rằng tại hiệu giặt, người ta thường soát lại các cái túi trước khi bỏ quần áo vào giặt. Nếu người ta không nhìn thấy tờ giấy bạc của tôi và lấy ra vào lúc đó, thì tôi gần như chắc chắn rằng tờ giấy bạc sẽ rơi ra trong khi giặt và người thợ giặt sẽ nhìn thấy mà không biết trả lại số tiền đó cho ai, dù người ấy có muốn trả lại đi nữa. Cơ may của tôi để nhận lại tờ giấy bạc năm đô la là rất mỏng manh—người mẹ yêu quý của tôi đã khẳng định như vậy khi tôi nói cho bà biết về số tiền tôi bỏ quên trong túi.

Tôi muốn số tiền đó; tôi cần số tiền đó; tôi đã làm việc khó nhọc để kiếm được số tiền đó. Tôi nhận biết rằng mình chỉ có thể làm một điều. Trong nỗi tuyệt vọng cùng cực, tôi tìm đến Cha Thiên Thượng và khẩn cầu Ngài bằng cách nào đó gìn giữ tờ giấy bạc của tôi được an toàn trong cái túi đó cho đến khi đồng đồ giặt ướt trở lại.

Sau hai ngày dài đằng đẵng, tôi ngồi chờ bên cửa sổ vào khoảng thời gian xe giao hàng sẽ mang đồ giặt ướt đến. Tim tôi đập thình thịch khi chiếc xe tải chạy tới lề đường. Ngay khi đồng quần áo ướt được mang vào nhà, tôi chụp lấy cái quần jean của mình và chạy vào phòng ngủ. Tôi thò tay vào túi với đôi tay run rẩy. Khi

không tìm ra gì cả thì ngay lập tức, tôi nghĩ rằng tiền đã mất hết rồi. Và rồi các ngón tay của tôi chạm vào tờ giấy bạc năm đô la còn ướt. Khi lôi nó ra khỏi túi, tôi cảm thấy nhẹ nhõm cả người. Tôi dâng lời cầu nguyện biết ơn chân thành lên Cha Thiên Thượng, vì tôi biết Ngài đã đáp ứng lời cầu nguyện của tôi.

Kể từ lúc đó, tôi có vô số lời cầu nguyện được đáp ứng. Không một ngày nào trôi qua mà tôi không giao tiếp với Cha Thiên Thượng qua lời cầu nguyện. Đó là mối quan hệ tôi trân quý—tôi sẽ bị lạc lối nếu không có mối quan hệ này. Nếu các anh chị em hiện không có mối quan hệ như vậy với Cha Thiên Thượng, thì tôi khuyến khích các anh chị em hãy cố gắng đạt được mục tiêu đó. Khi làm như vậy, các anh chị em sẽ được quyền có được cảm ứng và hướng dẫn của Ngài trong cuộc sống của mình—mỗi người chúng ta đều cần điều đó nếu muốn tồn tại về mặt thuộc linh trong cuộc sống trên thế gian này. Sự cảm ứng và hướng dẫn như vậy là các ân tứ mà Ngài đã ban cho chúng ta một cách rộng rãi nếu chúng ta chịu tìm kiếm các ân tứ đó. Các ân tứ này thật là một kho báu!

Tôi luôn luôn hạ mình và biết ơn khi Cha Thiên Thượng giao tiếp với tôi qua cảm ứng của Ngài. Tôi đã học cách nhận ra, tin cậy, và tuân theo cảm ứng đó. Tôi đã nhiều lần nhận được sự cảm ứng như vậy. Một kinh nghiệm đầy cảm động xảy ra vào tháng Tám năm 1987 trong lúc diễn ra lễ cung hiến Đền Thờ Frankfurt Germany. Chủ Tịch Ezra Taft Benson đã cùng có mặt với chúng tôi trong một hoặc hai ngày đầu tiên của lễ cung hiến nhưng đã trở về nhà, vậy nên, tôi có cơ hội để điều khiển các phiên lễ còn lại.

Vào ngày thứ Bảy, chúng tôi có một phiên lễ dành cho các tín hữu Hà Lan ở trong khu vực Đền Thờ Frankfurt. Tôi quen biết rất rõ một trong số các vị lãnh đạo xuất sắc của chúng ta ở Hà Lan, là Anh Peter Mourik. Ngay trước khi phiên lễ, tôi đã có ấn tượng rõ ràng rằng Anh Mourik cần phải được kêu gọi để nói chuyện với các tín hữu Hà lan của anh trong phiên lễ

này và quả thật anh cần phải là người nói chuyện đầu tiên. Vì không thấy anh trong đền thờ buổi sáng hôm đó, nên tôi chuyển một lá thư ngắn cho Anh Cả Carlos E. Asay, Vị Chủ Tịch Giáo Vùng của chúng ta, để hỏi xem Peter Mourik có tham dự phiên lễ đó không. Ngay trước khi đứng dậy bắt đầu phiên lễ, tôi nhận lại lá thư ngắn từ Anh Cả Asay cho biết rằng Anh Mourik thật sự *không* có mặt. Anh ấy đang ở đâu đó và đã dự định tham dự phiên lễ cung hiến trong đền thờ vào ngày hôm sau cùng với các giáo khu của các quận nhân.

Trong khi tôi đứng tại bục giảng để chào mừng các tín hữu và giới thiệu chương trình, thì một lần nữa tôi nhận được một cảm ứng rõ rệt rằng tôi phải thông báo là Peter Mourik sẽ là người nói chuyện đầu tiên. Điều này trái ngược với tất cả bản năng của tôi, vì tôi mới vừa nghe từ Anh Cả Asay rằng Anh Mourik chắc chắn *không* có mặt trong đền thờ. Tuy nhiên, vì tin cậy vào cảm ứng của mình, tôi đã thông báo phần trình bày của ca đoàn, lời cầu nguyện và rồi cho biết rằng người nói chuyện đầu tiên của chúng tôi sẽ là Anh Peter Mourik.

Khi trở lại chỗ ngồi, tôi liếc nhìn Anh Cả Asay; tôi thấy gương mặt của anh đầy hoảng hốt. Về sau, anh nói với tôi rằng khi tôi thông báo Anh Cả Mourik sẽ là người nói chuyện đầu tiên thì anh Asay không thể nào tin nổi vào tai mình. Anh Asay nói là anh biết tôi đã nhận được lá thư ngắn của anh ấy và tôi quả thật đã đọc lá thư đó, và anh không thể hiểu được tại sao tôi lại thông báo Anh Mourik sẽ là người nói chuyện, vì biết rằng Anh Mourik không có mặt trong đền thờ.

Trong lúc điều này đang diễn ra, thì Peter Mourik đang ngồi trong một buổi họp tại văn phòng giáo vùng ở Porthstrasse. Khi đang diễn ra buổi họp, thì anh bất ngờ quay sang Anh Cả Thomas A. Hawkes Jr., lúc bấy giờ là vị đại diện giáo vùng, và hỏi: “Anh chở tôi đến đền thờ ngay được không?”

Anh Cả Hawkes, được biết là lái chiếc xe thể thao nhỏ của mình khá nhanh, đã đáp: “Tôi có thể chở anh đến đó trong 10 phút! Nhưng tại sao



anh cần phải đi đến đền thờ vậy?”

Anh Mourik thú nhận là không biết tại sao cần phải đi đến đền thờ, nhưng biết rằng anh cần phải đến đó. Hai người đó khởi hành ngay để đi đến đền thờ.

Trong lúc ca đoàn đang hát, tôi nhìn quanh, vì nghĩ rằng tôi sẽ thấy Peter Mourik bất cứ lúc nào. Tôi đã không thấy anh ấy. Tuy nhiên, lạ lùng thay, tôi không cảm thấy hoảng hốt chút nào. Tôi có được một sự trấn an dịu dàng, không thể phủ nhận được rằng mọi việc sẽ đều ổn thỏa.

Ngay khi lời cầu nguyện mở đầu vừa dâng lên xong thì Anh Mourik bước vào cửa trước của đền thờ mà vẫn không biết tại sao anh có mặt ở đó. Trong khi đang hỏi hả bước đi ở

hành lang, anh thấy hình tôi trên màn ảnh và nghe tôi thông báo: “Giờ đây chúng ta sẽ nghe bài nói chuyện của Anh Peter Mourik.”

Trước vẻ mặt sững sờ của Anh Cả Asay, Peter Mourik lập tức bước vào phòng và đến chỗ của anh tại bục giảng.

Tiếp theo phiên lễ, Anh Mourik và tôi nói về điều đã xảy ra trước khi đến lượt anh nói chuyện. Tôi đã suy ngẫm về cảm ứng không phải chỉ đến với tôi ngày hôm đó mà còn đến với Anh Peter Mourik nữa. Kinh nghiệm khác thường đó đã mang đến cho tôi một sự làm chứng không thể phủ nhận được về tầm quan trọng của việc sống xứng đáng để nhận được cảm ứng như vậy, rồi tin cậy vào cảm ứng

đó—và tuân theo—khi cảm ứng đó đến. Tôi biết và không nghi ngờ rằng Chúa đã có ý định là những người hiện diện tại phiên lễ cung hiến đó trong Đền Thờ Frankfurt phải lắng nghe chứng ngôn mạnh mẽ, đầy cảm động của tôi tớ của Ngài là Anh Peter Mourik.

Các anh chị em thân mến, sự giao tiếp với Cha Thiên Thượng—kể cả những lời cầu nguyện của chúng ta lên Ngài và cảm ứng của Ngài ban cho chúng ta—là cần thiết để chúng ta vượt qua những cơn giông bão và thử thách của cuộc sống. Chúa mời gọi chúng ta: “Hãy lại gần ta, rồi ta sẽ đến gần các ngươi; hãy tận tụy tìm kiếm ta, rồi các ngươi sẽ tìm thấy ta.”⁷ Khi làm như vậy, chúng ta sẽ cảm nhận được Thánh Linh của Ngài ở trong cuộc sống của mình, mang đến cho chúng ta ước muốn và lòng can đảm để đứng vững mạnh và vững vàng trong sự ngay chính—để “đứng vững tại những nơi thánh thiện, và chờ để bị lay chuyển.”⁸

Trong khi thế giới thay đổi xung quanh chúng ta, và các nguyên tắc đạo đức của xã hội tiếp tục suy yếu ngay trước mắt chúng ta, cầu xin cho chúng ta ghi nhớ những lời hứa quý báu của Chúa dành cho những người tin cậy nơi Ngài: “Đừng sợ, vì ta ở với ngươi; chớ kinh khiếp, vì ta là Đức Chúa Trời ngươi! Ta sẽ bổ sức cho ngươi; phải, ta sẽ giúp đỡ ngươi, lấy tay hữu công bình ta mà nâng đỡ ngươi.”⁹

Đây thật là một lời hứa lớn lao! Cầu xin phước lành của chúng ta được như vậy, tôi cầu nguyện trong thánh danh của Chúa và Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

- Jonathan Sacks, “Reversing the Decay of London Undone,” *Wall Street Journal*, ngày 20 tháng Tám năm 2011, online.wsj.com; sự nhấn mạnh được thêm vào. *Ghi chú:* Ngài Sacks là giáo sĩ trưởng của United Hebrew Congregations of the Commonwealth (Giáo Đoàn Hê Bơ Rơ Liên Hiệp của Khối Thịnh Vượng Chung).
- Xuất Ê Díp Tô Ký 20:3–4, 7–8, 12–17.
- Mô Rô Ni 8:18.
- 1 Cô Rin Tô 2:14.
- Ê Sai 32:17.
- 3 Nê Phi 18:18–20.
- Giáo Lý và Giao Ước 88:63.
- Giáo Lý và Giao Ước 87:8.
- Ê Sai 41:10.



Bài của Anh Cả Russell M. Nelson

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Các Giao Ước

Khi biết rằng mình là con cái của giao ước, chúng ta biết mình là ai và Thượng Đế trông mong điều gì nơi chúng ta.

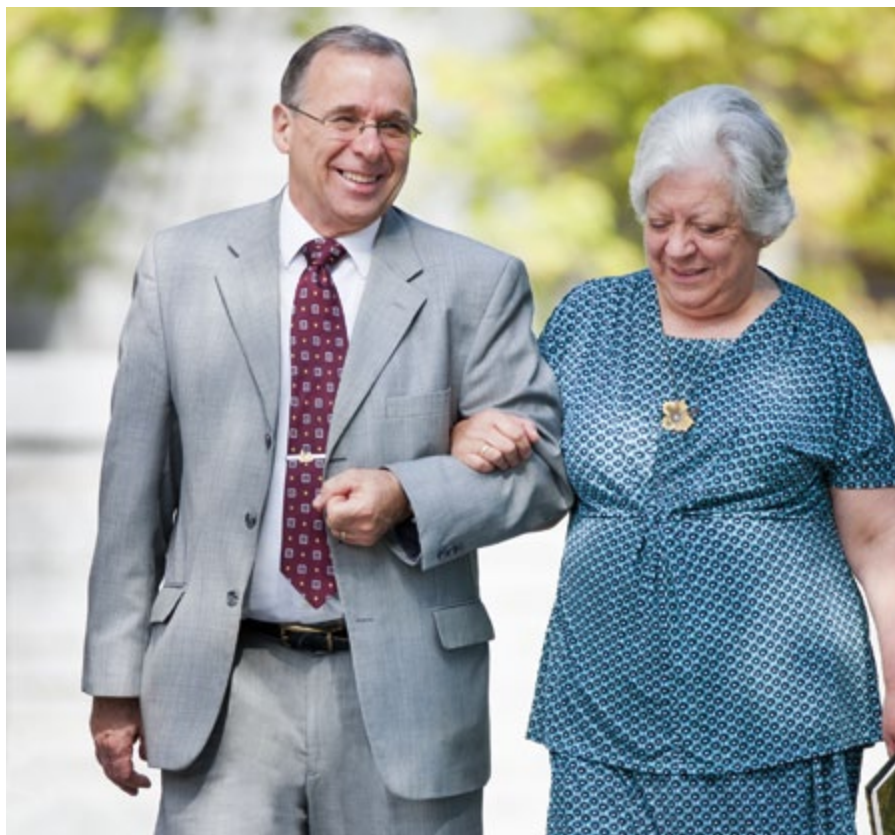
Một tuần sau khi được chỉ định mới gần đây để thành lập giáo khu đầu tiên ở Moscow, Nga,¹ tôi đã tham dự một đại hội giáo hạt ở St. Petersburg. Trong khi nói về lòng biết ơn của mình đối với những người truyền giáo ban đầu và các vị lãnh đạo địa phương đã mang sức mạnh đến cho Giáo Hội ở Nga, tôi đã nhắc đến tên của Vyacheslav Efimov. Anh là người Nga cải đạo đầu tiên trở thành chủ tịch phái bộ truyền giáo. Vợ chồng anh đã phục vụ rất tuyệt vời trong chỉ định đó. Chẳng bao lâu sau khi họ hoàn tất công việc truyền giáo của mình, thì chúng tôi rất buồn khi biết Chủ Tịch Efimov đột ngột qua đời.² Anh thọ 52 tuổi.

Trong khi nói về cặp vợ chồng tiên phong này, thì tôi cảm thấy có ấn tượng để hỏi giáo đoàn xem Chị Efimov có lẽ đang có mặt ở buổi họp này không. Ở đằng xa cuối căn phòng, một phụ nữ đứng dậy. Tôi mời chị đến chỗ micrô. Vâng, đó là Chị Galina Efimov. Chị nói với lòng tin chắc và chia sẻ một chứng ngôn mạnh mẽ về Chúa, về phúc âm của Ngài, và về Giáo Hội phục hồi của Ngài. Vợ chồng chị đã được làm lễ gắn bó trong đền thờ thánh. Chị nói rằng họ đã được kết hợp vĩnh viễn. Họ vẫn là

hai người bạn đồng hành truyền giáo, chị ở bên này bức màn che và anh ấy ở bên kia bức màn che.³ Với giọt lệ vui mừng, chị cảm tạ Thượng Đế về các giao ước đền thờ thiêng liêng. Tôi cũng đã khóc, và hoàn toàn hiểu rằng sự kết hợp trường cửu được cặp vợ chồng trung tín này nêu gương là kết quả ngay chính của việc lập, tuân giữ, và tôn trọng các giao ước thiêng liêng.

Một trong những khái niệm quan trọng nhất của tôn giáo chân chính là khái niệm về giao ước thiêng liêng. Trong ngôn ngữ pháp lý, một giao ước thường có nghĩa là thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên. Nhưng trong bối cảnh tôn giáo, một giao ước có nhiều ý nghĩa hơn. Đó là một lời hứa thiêng liêng với Thượng Đế. Ngài ấn định các điều kiện. Mỗi người có thể chọn để chấp nhận các điều kiện đó. Nếu một người chấp nhận các điều kiện của giao ước và tuân theo luật pháp của Thượng Đế, thì người ấy nhận được các phước lành liên quan với giao ước đó. Chúng ta biết rằng “khi chúng ta nhận được bất cứ một phước lành nào từ Thượng Đế, thì đó là vì chúng ta tuân theo luật pháp mà phước lành này được căn cứ vào đó.”⁴

Qua các thời đại, Thượng Đế đã lập giao ước với con cái của Ngài.⁵



Các giao ước của Ngài được thấy trong suốt kế hoạch cứu rỗi và do đó là một phần của phúc âm trọn vẹn của Ngài.⁶ Ví dụ, Thượng Đế đã hứa gửi một Đấng Cứu Rỗi cho con cái của Ngài,⁷ và đổi lại, yêu cầu họ tuân theo luật pháp của Ngài.⁸

Trong Kinh Thánh, chúng ta đọc về những người nam và nữ trong Cựu Thế Giới đã được nhận ra là con cái của giao ước. Đó là giao ước gì? “Giao ước Đức Chúa Trời đã lập với tổ phụ [của họ], khi Ngài phán cùng Áp Ra Ham rằng: Các dân thiên hạ sẽ nhờ dòng dõi người mà được phước.”⁹

Trong Sách Mặc Môn, chúng ta đọc về những người trong Tân Thế Giới cũng được nhận ra là con cái của giao ước.¹⁰ Chúa phục sinh cho họ biết: “Và này, các người là con cháu của các tiên tri; và các người thuộc gia tộc Y Sơ Ra Ên; và các người thuộc giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với tổ phụ các người, khi Ngài phán cùng Áp Ra Ham rằng: Nhờ dòng dõi của người, mà tất cả các dân trên thế gian này đều sẽ được phước.”¹¹

Đấng Cứu Rỗi giải thích về tầm quan trọng về nguồn gốc của họ với

tư cách là con cái của giao ước. Ngài phán: “Đức Chúa Cha đã đẩy ta lên cho các người trước nhất, rồi sai ta xuống ban phước cho các người để dẫn dắt mỗi người trong các người ra khỏi điều bất chính của mình; và sở dĩ phải làm vậy là vì các người là con cái của giao ước”¹²

Giao ước mà Thượng Đế lập với Áp Ra Ham¹³ và về sau tái xác nhận với Y Sác¹⁴ và Gia Cốp¹⁵ có một tầm quan trọng tột bậc. Giao ước này gồm có nhiều lời hứa, kể cả:

- Chúa Giê Su Kỵ Tô sẽ sinh ra trong dòng dõi của Áp Ra Ham.
- Áp Ra Ham sẽ có rất đông con cháu, họ được quyền tăng trưởng và tiến triển vĩnh cửu và cũng được quyền mang chức tư tế.
- Áp Ra Ham sẽ trở thành tổ phụ của nhiều dân tộc.
- Một số đất đai sẽ được con cháu ông thừa hưởng.
- Tất cả các dân tộc trên thế gian sẽ được ban phước qua con cháu của ông.¹⁶
- Và giao ước đó sẽ được trường cửu—còn cả “đến ngàn đời.”¹⁷

Một số lời hứa này đã được làm tròn; những lời hứa khác vẫn còn đang chờ được ứng nghiệm. Tôi xin trích dẫn từ lời tiên tri ban đầu trong Sách Mặc Môn: “Cha chúng ta [Lê Hi] không những chỉ nói riêng về dòng dõi của chúng ta mà còn nói đến tất cả gia tộc Y Sơ Ra Ên khi ông đề cập đến giao ước mà sẽ được thực hiện *vào những ngày sau*; là giao ước mà Chúa đã lập với tổ phụ Áp Ra Ham của chúng ta.”¹⁸ Thật là kỳ diệu, phải không? Khoảng 600 năm *trước khi* Chúa Giê Su giáng sinh ở Bê Lê Hê-m, các vị tiên tri biết rằng chỉ *trong những ngày sau*, giao ước của Áp Ra Ham cuối cùng mới được làm tròn.

Để giúp làm tròn lời hứa đó, Chúa đã hiện đến trong những ngày sau này để tái lập giao ước của Áp Ra Ham. Đức Thầy đã phán cùng Tiên Tri Joseph Smith:

“Áp Ra Ham đã nhận được những lời hứa về dòng dõi của ông, và về hậu tự của ông—người là hậu tự của ông, . . . tôi tớ Giô Sêp của ta. . . .

“Lời hứa này cùng áp dụng cho người, vì người xuất phát từ Áp Ra Ham.”¹⁹

Với lời hứa mới này, chúng ta đã nhận được thánh chức tư tế và phúc âm trường cửu như những người thời xưa. Chúng ta có quyền nhận được phúc âm trọn vẹn, vui hưởng các phước lành của chức tư tế, và đủ điều kiện để có được phước lành lớn nhất của Thượng Đế—tức là cuộc sống vĩnh cửu.²⁰

Một số chúng ta là dòng dõi thật sự của Áp Ra Ham; những người khác được quy tụ vào gia đình của ông với tính cách là con nuôi. Chúa không phân biệt gì cả.²¹ Chúng ta cùng nhau nhận được các phước lành đã được hứa này—nếu chúng ta tìm kiếm Chúa và tuân theo các lệnh truyền của Ngài.²² Nhưng nếu không, thì chúng ta mất hết các phước lành của giao ước.²³ Để phụ giúp chúng ta, Giáo Hội của Ngài cung ứng các phước lành tộc trưởng để cho mỗi người nhận được phước lành này một viên ảnh về tương lai của mình, cũng như một sự liên kết với quá khứ, chính là lời tuyên bố về dòng dõi trở ngược lại tới Áp Ra Ham, Y Sác, và Gia Cốp.²⁴



Stockholm, Thụy Điển

Những người anh em của giao ước có quyền để hội đủ điều kiện với lời thề và giao ước thuộc về chức tư tế.²⁵ Nếu các anh em “trung thành để nhận được hai chức tư tế . . . và làm vinh hiển chức vụ kêu gọi của [mình], thì [các anh em] được thánh hóa bởi Thánh Linh để thể xác của [các anh em] được đổi mới.”²⁶ Đó cũng chưa phải là hết. Những người đàn ông xứng đáng nhận được chức tư tế đều nhận được Chúa Giê Su Kỵ Tô, và những người nhận được Chúa thì nhận được Thượng Đế Đức Chúa Cha.²⁷ Và những người nhận được Đức Chúa Cha thì nhận được tất cả những gì Ngài có.²⁸ Các phước lành kỳ diệu từ lời thề và giao ước này sẽ đến với những người đàn ông, phụ nữ và trẻ em trên khắp thế giới.

Trách nhiệm của chúng ta là giúp làm tròn giao ước của Áp Ra Ham. Con cháu của chúng ta là dòng dõi được tiền sắc phong và chuẩn bị để ban phước cho tất cả mọi người trên thế gian.²⁹ Đó là lý do tại sao bốn phận chức tư tế gồm có công việc truyền giáo. Sau khoảng 4.000 năm mong đợi và chuẩn bị, thì đây là ngày đã được định khi phúc âm phải được mang đến cho các sắc tộc trên thế gian. Đây là thời gian quy tụ đã được hứa cho dân Y Sơ Ra Ên. Và chúng ta được tham gia! Thật là phần khởi, phải không? Chúa đang trông

cậy vào chúng ta và các con trai của chúng ta—và Ngài vô cùng biết ơn các con gái của chúng ta—chúng xứng đáng phục vụ với tư cách là những người truyền giáo trong thời kỳ trọng đại này của sự quy tụ của Y Sơ Ra Ên.

Sách Mặc Môn là bằng chứng hiển nhiên rằng Chúa đã bắt đầu quy tụ con cái của giao ước Y Sơ Ra Ên của Ngài.³⁰ Sách này được viết cho thời kỳ *chúng ta*, sách có ghi rằng một trong các mục đích của sách là “các người có thể biết rằng, giao ước mà Đức Chúa Cha đã lập với con cái của Y Sơ Ra Ên, . . . đã bắt đầu được thực hiện. . . . Vì vậy, Chúa sẽ nhớ đến những giao ước Ngài đã lập với dân Ngài trong gia tộc Y Sơ Ra Ên.”³¹

Thật vậy, Chúa đã không quên! Ngài đã ban phước cho chúng ta và những người khác ở khắp nơi trên thế gian với Sách Mặc Môn. Một trong các mục đích của sách này là “để thuyết phục cho người Do Thái và người Dân Ngoại tin rằng Chúa Giê Su là Đấng Kỵ Tô.”³² Sách này giúp chúng ta lập giao ước với Thượng Đế. Sách này mời chúng ta tưởng nhớ tới Ngài và biết Vị Nam Tử Yêu Dấu của Ngài. Sách này là một chứng thư khác về Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Con cái của giao ước có quyền nhận được giáo lý của Ngài và biết về kế hoạch cứu rỗi. Họ *thỉnh cầu*

điều này bằng cách lập các giao ước đầy ý nghĩa thiêng liêng. Brigham Young nói: “Tất cả Các Thánh Hữu Ngày Sau lập giao ước mới và vĩnh viễn khi họ gia nhập Giáo Hội này. . . . Họ lập giao ước mới và vĩnh viễn để hỗ trợ Vương Quốc của Thượng Đế.”³³ Họ *tuân giữ* giao ước bằng cách tuân theo các lệnh truyền của Ngài.

Chúng ta giao ước tại lễ báp têm là sẽ phục vụ Chúa và tuân giữ các giáo lệnh của Ngài.³⁴ Khi dự phần Tiệc Thánh, chúng ta tái lập giao ước đó và tuyên bố sẵn lòng mang danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Trong cách này, chúng ta được nhận làm con nuôi với tư cách là các con trai và con gái của Ngài cũng như được biết là các anh chị em với nhau. Ngài là cha của cuộc sống mới của chúng ta.³⁵ Cuối cùng, trong đền thờ thánh, chúng ta có thể trở thành người đồng kế tự với các phước lành của một gia đình vĩnh cửu, như đã từng được hứa với Áp Ra Ham, Y Sác, Gia Cốp và con cháu của họ.³⁶ Như vậy, hôn nhân thượng thiên là giao ước về sự tôn cao.

Khi biết rằng mình là con cái của giao ước, chúng ta biết mình là ai và Thượng Đế trông mong chúng ta điều gì.³⁷ Luật pháp của Ngài được ghi vào lòng chúng ta.³⁸ Ngài là Thượng Đế của chúng ta và chúng ta là dân của Ngài.³⁹ Các con cái cam kết với giao ước thì luôn trung tín, ngay cả trong lúc nghịch cảnh. Khi giáo lý đó được gieo sâu vào lòng chúng ta, thì ngay cả nọc của cái chết cũng dễ chịu đựng và sức chịu đựng thuộc linh của chúng ta được củng cố.

Lời khen ngợi tuyệt diệu nhất có thể nhận được ở nơi đây trong cuộc sống này được biết là dành cho người giữ giao ước. Phần thưởng cho một người giữ giao ước sẽ nhận được ở nơi đây trong cuộc sống này và trong cuộc sống mai sau. Thánh thư dạy rằng “các người hãy nên suy ngẫm về trạng thái đầy phước lành và hạnh phúc của những người tuân giữ các lệnh truyền của Thượng Đế. Vì vậy, họ được ban phước lành trong tất cả mọi điều, . . . và nếu họ trung thành cho đến cùng thì họ sẽ được thu nhận



vào thiên thượng . . . [và] họ có thể ở với Thượng Đế trong một trạng thái hạnh phúc bất tận.”⁴⁰

Thượng Đế hằng sống. Chúa Giê Su là Đấng Ky Tô. Giáo Hội của Ngài đã được phục hồi để ban phước cho tất cả mọi người. Chủ Tịch Thomas S. Monson là vị tiên tri ngày nay của Ngài. Và chúng ta, với tư cách là con cái *trung tín* của giao ước, sẽ được ban phước bây giờ và mãi mãi. Tôi làm chứng như vậy trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Giáo Khu Moscow Russia được thành lập vào Chủ Nhật ngày 5 tháng Sáu năm 2011.
2. Vyacheslav Efimov là chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Russia Yekaterinburg từ năm 1995 đến 1998. Ông qua đời vào ngày 25 tháng Hai năm 2000.
3. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 138:57.
4. Giáo Lý và Giao Ước 130:21.
5. Ví dụ, sau cơn Đại Hồng Thủy, Ngài đã phán rằng “Phàm lúc nào ta góp các đám mây trên mặt đất và phàm mộng mọc trên từng mây, thì ta sẽ nhớ lại sự giao ước của ta đã lập cùng các người . . . , thì nước chẳng bao giờ lại trở nên lụt mà hủy diệt các loài xác thịt nữa. (Sáng Thế Ký 9:14–15, cấu trúc b; từ Bản Dịch Joseph Smith, Sáng Thế Ký 9:20).
6. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 66:2; 133:57.
7. Xin xem Giảng 3:16.
8. Xin xem Áp Ra Ham 3:25.
9. Công Vụ Các Sứ Đồ 3:25.
10. Xin xem 3 Nê Phi 20:26.
11. 3 Nê Phi 20:25.
12. 3 Nê Phi 20:26.
13. Xin xem Sáng Thế Ký 17:1–10, 19; Lê Vi Ký 26:42; Công Vụ Các Sứ Đồ 3:25; Bible Dictionary, “Abraham, Covenant of.”
14. Xin xem Sáng Thế Ký 26:1–5, 24.
15. Xin xem Sáng Thế Ký 28:1–4, 10–14; 35:9–13; 48:3–4.
16. Xin xem các phần tham khảo được liệt kê ở bên trên trong lời chú thích cuối đoạn 13–15.
17. Phục Truyền Luật Lệ Ký 7:9; 1 Sử Ký 16:15; Thi Thiên 105:8.
18. 1 Nê Phi 15:18; sự nhấn mạnh được thêm vào.
19. Giáo Lý và Giao Ước 132:30–31. Chúa cũng phán với Tiên Tri Joseph Smith: “Và giống như ta đã nói với Áp Ra Ham về các dân trên thế gian này, thì nay ta cũng nói với tôi tớ Joseph của ta như vậy: Nhờ người và dòng dõi người mà các sắc tộc trên thế gian này sẽ được phước” (Giáo Lý và Giao Ước 124:58).
20. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 14:7.
21. Xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 10:34–35.
22. Xin xem Xuất Ê Díp Tô Ký 19:5.
23. Thánh thư nói rằng “Ta, là Chúa, bị ràng buộc khi các người làm theo những điều ta phán; nhưng khi các người không làm theo những điều ta phán thì các người chẳng được lời hứa hẹn nào cả.” (Giáo Lý và Giao Ước 82:10).
24. Vào ngày 21 tháng Chín năm 1823, khái niệm về giao ước này được mặc khải lần đầu tiên cho Tiên Tri Joseph Smith. Thiên sứ Mô Rô Ni tuyên bố rằng tiên tri Ê Li sẽ đến với tư cách là sứ giả từ thiên thượng để gieo vào lòng con cái sự hiểu biết về những lời hứa đã từng được lập với các tổ phụ của gia tộc Y Sơ Ra Ên (xin xem Giáo Lý và Giao Ước 2:1–3).
25. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 84:33–34, 39–40.
26. Giáo Lý và Giao Ước 84:33.
27. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 84:35, 37.
28. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 84:38.
29. Xin xem An Ma 13:1–9.
30. Xin xem 3 Nê Phi 29.
31. 31 Nê Phi 29:1, 3.
32. Trang tựa của Sách Mặc Môn: Một Chứng Thư Khác về Chúa Giê Su Ky Tô.
33. *Teachings of Presidents of the Church: Brigham Young* (1997), 62.
34. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 20:37.
35. “Chúng tôi nói về Đấng Ky Tô, chúng tôi hoan hỷ nơi Đấng Ky Tô, chúng tôi thuyết giảng về Đấng Ky Tô, chúng tôi tiên tri về Đấng Ky Tô, . . . để cho con cháu chúng ta có thể hiểu được nguồn gốc nào mà chúng có thể tìm kiếm được sự xá miễn các tội lỗi của chúng.” (2 Nê Phi 25:26).
36. Xin xem Ga La Ti 3:29; Giáo Lý và Giao Ước 86:8–11.
37. Khái niệm này liên quan đến chúng ta: “Nhiều thế hệ sau ngày Đấng Mê Si xuất hiện trong thế xác cho con cái loài người trông thấy, thì lúc đó phúc âm trọn vẹn của Đấng Mê Si sẽ đến với Dân Ngoại, và từ Dân Ngoại truyền qua cho dòng dõi còn sót lại của chúng ta—và vào ngày đó, dòng dõi còn sót lại của chúng ta sẽ biết rằng, chúng thuộc về gia tộc Y Sơ Ra Ên, và chúng là dân giao ước của Chúa; và rồi chúng sẽ biết và hiểu được về tổ tiên của chúng, và chúng cũng hiểu được về phúc âm của Đấng Cứu Chuộc của chúng, là phúc âm đã được Ngài thuyết giảng cho tổ phụ chúng. Vậy nên chúng sẽ hiểu được về Đấng Cứu Chuộc của chúng và những điểm trung thực trong giáo lý của Ngài, ngõ hầu chúng có thể biết được cách thức đến cùng Ngài và được cứu.” (1 Nê Phi 15:13–14).
38. Xin xem Ê Sai 55:3; Giê Rê Mi 31:33; Rô Ma 2:15; 2 Cô Rinh Tô 3:2–3; Hê Bơ Rô 10:16.
39. Xin xem Thi Thiên 95:7; 100:3; Giê Rê Mi 24:7; 31:33; 32:38; Ê Xê Chi Ên 11:20; 37:23, 27; Xa Cha Ri 8:8; 2 Cô Rinh Tô 6:16; Hê Bơ Rô 8:10.
40. Mô Si A 2:41.



Bài của Anh Cả Dallin H. Oaks

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Những Lời Giảng Dạy của Chúa Giê Su

Chúa Giê Su Ky Tô là Con Độc Sinh và Yêu Dấu của Thượng Đế. . . Ngài là Đấng Cứu Rỗi của chúng ta khỏi tội lỗi và cái chết. Đây là sự hiểu biết quan trọng nhất trên thế gian.

Về Đấng Ky Tô, các người nghĩ thế nào? (Ma Thi Ơ 22:42).

Với những lời đó, Chúa Giê Su đã làm những người Pha Ri Si phải bối rối trong thời kỳ của Ngài. Cũng với những lời đó, tôi hỏi Các Bạn Thánh Hữu Ngày Sau của tôi và các Ky Tô hữu khác là các anh chị em thật sự tin gì về Chúa Giê Su Ky Tô và các anh chị em đang làm gì vì niềm tin đó.

Đa số những đoạn tôi trích dẫn trong thánh thư sẽ là từ Kinh Thánh, vì nó quen thuộc với hầu hết Các Ky Tô hữu. Dĩ nhiên, những lời giải thích của tôi sẽ là từ thánh thư hiện đại, nhất là Sách Mặc Môn, dạy chúng ta biết về ý nghĩa của những câu trong Kinh Thánh mơ hồ đến mức mà các Ky Tô hữu khác nhau không đồng ý với ý nghĩa của những đoạn trích dẫn đó. Tôi ngờ lời với những người tin nhưng cũng với những người khác nữa. Như Anh Cả Tad R. Callister đã dạy chúng ta lúc sáng này, một số người tự gọi là Các Ky Tô hữu ngợi khen Chúa Giê Su là Đức Thầy vĩ đại nhưng tránh xác nhận thiên tính của Ngài. Để ngờ lời cùng họ, tôi đã sử dụng lời của chính Chúa Giê Su. Chúng ta đều cần phải xem xét điều

mà chính Ngài đã dạy về việc Ngài là ai và điều Ngài đã được gửi đến thế gian để làm.

Con Độc Sinh

Chúa Giê Su dạy rằng Ngài là Con Độc Sinh. Ngài phán:

“Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời.

“Vả, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế gian, chẳng phải để đoán xét thế gian đâu, nhưng hầu cho thế gian nhờ Con ấy mà được cứu.” (Giăng 3:16–17).

Thượng Đế Đức Chúa Cha đã xác nhận điều này. Vào lúc cực điểm của kinh nghiệm thiêng liêng trên Núi Biển Hình, Ngài đã phán từ thiên thượng: “Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó!” (Ma Thi Ơ 17:5).

Chúa Giê Su cũng dạy rằng sự hiện đến của Ngài cũng giống như sự hiện đến của Cha Ngài. Ngài phán cùng Các Sứ Đồ:

“Vì bằng các người biết ta, thì cũng biết Cha ta; và từ bây giờ các người biết và đã thấy Ngài.

“Phi Líp thưa rằng: Lạy Chúa, xin chỉ Cha cho chúng tôi, thì đủ rồi.

“Đức Chúa Giê Su đáp rằng: Hỡi Phi Líp, ta ở cùng các người đã lâu thay, mà người chưa biết ta! Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha.” (Giăng 14:7–9).

Về sau, Sứ Đồ Phao Lô mô tả Vị Nam Tử là “hình bóng của bản thể [Thượng Đế]” (Hê Bơ Rơ 1:3; xin xem thêm 2 Cô Rinh Tô 4:4).

Đấng Sáng Tạo

Sứ Đồ Giăng đã viết rằng Chúa Giê Su, là Đấng ông gọi là “Ngôi Lời,” “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời. Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài.” (Giăng 1:2–3). Do đó, theo kế hoạch của Đức Chúa Cha, Chúa Giê Su Ky Tô là Đấng Sáng Tạo vạn vật.

Chúa Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên

Trong lúc giáo vụ của Ngài cùng với dân Ngài ở Palestine, Chúa Giê Su phán rằng Ngài là Đức Giê Hô Va, Chúa Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên (xin xem Giăng 8:58). Về sau, là Chúa phục sinh, Ngài phục sự dân Ngài trên lục địa Châu Mỹ. Ở đó Ngài phán:

“Này, ta là người mà các tiên tri đã làm chứng rằng sẽ đến với thế gian. . .

“. . . Ta là Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên, và là Thượng Đế của cả thế gian này” (3 Nê Phi 11:10, 14).

Điều Ngài Đã Làm cho Chúng Ta

Cách đây nhiều năm tại một đại hội giáo khu, tôi đã gặp một phụ nữ nói rằng chị ấy đã được yêu cầu trở lại giáo hội sau nhiều năm xa rời giáo hội, nhưng không thể nghĩ tới bất cứ lý do tại sao chị ấy cần phải làm điều đó. Để khuyến khích chị ấy, tôi đã nói: “Khi xem xét tất cả những điều Đấng Cứu Rỗi đã làm cho chúng ta, chị không có nhiều lý do để trở lại giáo hội để có thể thờ phượng và phục vụ Ngài sao?” Tôi sửng sốt trước câu trả lời của chị: “Ngài đã làm gì cho tôi?” Đối với những người không hiểu Đấng Cứu Rỗi đã làm cho chúng ta điều gì, tôi sẽ trả lời câu hỏi đó bằng chính lời Ngài và với chứng ngôn của tôi.



Sự Sống của Thế Gian

Kinh Thánh chép lại lời giảng dạy của Chúa Giê Su: “Ta đã đến, hầu cho chiên được sự sống và được sự sống dư dật.” (Giăng 10:10). Về sau, trong Tân Thế Giới, Ngài phán: “Ta là sự sáng và sự sống của thế gian (3 Nê Phi 11:11). Ngài là sự sống của thế gian vì Ngài là Đấng sáng tạo chúng ta và vì chúng ta đều được bảo đảm sẽ sống lại, qua Sự Phục Sinh của Ngài. Và sự sống Ngài ban cho chúng ta không phải chỉ là cuộc sống trần thế. Ngài dạy: “Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta.” (Giăng 10:28; xin xem thêm Giăng 17:2).

Sự Sáng của Thế Gian

Chúa Giê Su cũng dạy: “Ta là sự sáng của thế gian; người nào theo ta, chẳng đi trong nơi tối tăm” (Giăng 8:12). Ngài cũng phán: “Ta là đường

đi, lẽ thật, và sự sống” (Giăng 14:6). Ngài là đường đi và Ngài là sự sáng vì những lời giảng dạy của Ngài soi sáng con đường của chúng ta trong cuộc sống trần thế và cho chúng ta thấy con đường trở lại cùng Đức Chúa Cha.

Làm theo Ý Muốn của Đức Chúa Cha

Chúa Giê Su luôn luôn tôn kính và tuân theo Đức Chúa Cha. Ngay khi còn nhỏ, Ngài cũng nói với cha mẹ trần thế của Ngài: “Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao?” (Lu Ca 2:49). Về sau Ngài dạy: “Vì ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý ta, nhưng làm theo ý Đấng đã sai ta đến.” (Giăng 6:38; xin xem thêm Giăng 5:19). Và Đấng Cứu Rỗi dạy: “Chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha.” (Giăng 14:6; xin xem thêm Ma Thi Ơ 11:27).

Chúng ta trở lại với Đức Chúa Cha bằng cách làm theo ý Ngài. Chúa Giê

Su dạy: “Chẳng phải hề những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi.” (Ma Thi Ơ 7:21). Ngài giải thích:

“Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao?

“Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta” (Ma Thi Ơ 7:22–23).

Vậy thì người nào sẽ vào vương quốc thiên thượng? Không phải là những người chỉ đơn thuần làm những công việc kỳ diệu bằng cách dùng danh của Chúa, mà Chúa Giê Su dạy là chỉ “kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi”

Đấng gương mẫu vĩ đại

Chúa Giê Su cho chúng ta thấy cách làm điều này. Ngài nhiều lần mời gọi chúng ta đi theo Ngài: “Chiên ta nghe tiếng ta, ta quen nó, và nó theo ta” (Giăng 10:27).

Quyền Năng của Chức Tư Tế

Ngài ban quyền năng chức tư tế cho Các Sứ Đồ của Ngài (xin xem Ma Thi Ơ 10:1) và cho những người khác. Ngài phán cùng Sứ Đồ trưởng Phi E Rơ: “Ta sẽ giao chìa khóa nước thiên đàng cho ngươi; hề điều gì mà ngươi buộc dưới đất, thì cũng sẽ buộc ở trên trời, và điều gì mà ngươi mở dưới đất, thì cũng sẽ được mở ở trên trời” (Ma Thi Ơ 16:19; xin xem thêm Ma Thi Ơ 18:18).

Lu Ca chép rằng “Chúa chọn bảy mươi môn đồ khác, sai từng đôi đi trước Ngài, đến các thành các chỗ mà chính Ngài sẽ đi” (Lu Ca 10:1). Về sau, Các Thầy Bảy Mươi này vui mừng thưa cùng Chúa Giê Su rằng: “Vì danh Chúa, các quỷ cũng phục chúng tôi.” (Lu Ca 10:17). Tôi là nhân chứng về quyền năng chức tư tế đó.

Sự Hướng Dẫn qua Đức Thánh Linh

Vào lúc cuối giáo vụ trần thế của Ngài, Chúa Giê Su đã dạy Các Sứ Đồ:



“Đấng Yên ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các ngươi mọi sự, nhắc lại cho các ngươi nhớ mọi điều ta đã phán cùng các ngươi.” (Giăng 14:26), và “Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ thật” (Giăng 16:13).

Sự Hướng Dẫn bằng Các Lệnh Truyền của Ngài

Ngài cũng hướng dẫn chúng ta bằng các lệnh truyền của Ngài. Do đó, Ngài đã truyền lệnh cho dân Nê Phi rằng họ không còn được tranh luận về các vấn đề của giáo lý nữa, vì Ngài phán:

“Kẻ nào còn tinh thần tranh chấp thì kẻ đó không thuộc về ta mà thuộc về quỷ dữ, vì quỷ dữ là cha của sự chanh chấp, nó khích động trái tim loài người để họ tức giận tranh chấp lẫn nhau.

“Này, đây không phải là giáo lý của ta, để khích động trái tim loài người tức giận, để người này chống lại với người kia, mà giáo lý của ta là những việc như vậy phải được hủy bỏ” (3 Nê Phi 11:29–30).

Tập Trung vào Cuộc Sống Vĩnh Cửu

Ngài cũng phán bảo chúng ta phải tập trung vào Ngài, chứ không phải vào những điều trên thế gian. Trong bài giảng tuyệt vời của Ngài về bánh của sự sống, Chúa Giê Su giải thích

sự trái ngược giữa thức ăn hữu diệt và vĩnh cửu. Ngài phán: “Hãy làm việc, chớ vì đồ ăn hay hư nát, nhưng vì đồ ăn còn lại đến sự sống đời đời, là thứ Con người sẽ ban cho các ngươi” (Giăng 6:27). Đấng Cứu Rỗi dạy rằng Ngài là Bánh của Sự Sống, nguồn thức ăn vĩnh cửu. Khi nói về thức ăn hữu diệt mà thế gian cung ứng, kể cả bánh ma na do Đức Giê Hô Va gửi tới để nuôi sống con cái của Y Sơ Ra Ên trong vùng hoang dã, Chúa Giê Su dạy rằng những người trông cậy vào loại bánh này giờ đây đã chết (xin xem Giăng 6:49). Ngược lại, thức ăn Ngài ban cho là “bánh hằng sống từ trên trời xuống,” và Chúa Giê Su dạy: “Nếu ai ăn bánh ấy, thì sẽ sống vô cùng” (Giăng 6:51).

Một số môn đồ nói “lời này thật khó,” và từ lúc đó có nhiều tín đồ của Ngài “trở lui, không đi với Ngài nữa” (Giăng 6:60, 66). Hiển nhiên, họ đã không chấp nhận lời giảng dạy trước kia của Ngài rằng họ cần phải “trước hết, . . . tìm kiếm nước Đức Chúa Trời” (Ma Thi Ơ 6:33) Ngay cả ngày nay, một số người tự nhận là thuộc Kỵ Tô Giáo lại bị lôi cuốn bởi những điều trên thế giới hơn—những điều duy trì sự sống trên thế gian nhưng không mang đến thức ăn nào đối với cuộc sống vĩnh cửu. Đối với một số người, “lời này thật khó” của Ngài vẫn là lý do không đi theo Đấng Kỵ Tô.

Sự Chuộc Tội

Cực điểm của giáo vụ trần thế của Đấng Cứu Rỗi là Sự Phục Sinh và Sự Chuộc Tội của Ngài cho tội lỗi của thế gian. Giảng Báp Tít đã tiên tri điều này khi ông nói: “Kìa, Chiên con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi.” (Giăng 1:29). Về sau, Chúa Giê Su dạy rằng “Con người đã đến . . . để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người.” (Ma Thi Ơ 20:28). Vào Bữa Ăn Tối Cuối Cùng, Chúa Giê Su giải thích rằng rượu mà Ngài đã ban phước là “huyết ta, huyết của sự giao ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội, theo như lời tường thuật trong sách Ma Thi Ơ” (Ma Thi Ơ 26:28).

Khi hiện đến cùng dân Nê Phi, Chúa phục sinh đã mời gọi họ bước đến để sờ vào vết thương ở sườn của Ngài và dấu đinh nơi chân tay Ngài. Khi làm điều này, Ngài giải thích: “để các ngươi biết được rằng ta là Thượng Đế của Y Sơ Ra Ên, và là Thượng Đế của cả thế gian này, vì ta đã bị giết chết vì tội lỗi của thế gian” (3 Nê Phi 11:14). Và, lời tường thuật tiếp tục, đám đông phủ phục xuống “chân Chúa Giê Su mà thờ lạy Ngài” (câu 17). Vì điều này, cả thế gian cuối cùng sẽ thờ phượng Ngài.

Chúa Giê Su giảng dạy thêm các lẽ thật quý báu về Sự Chuộc Tội của Ngài. Khi giải thích thêm về những lời giảng dạy của Đấng Cứu Rỗi và đưa ra lời giải thích hay nhất về sứ mệnh của



Ngài, Sách Mặc Môn ghi lại lời giảng dạy này:

“Cha ta sai ta đến để ta bị treo trên thập tự giá . . . , để ta có thể thu hút tất cả mọi người đến cùng ta, . . .

“ . . . để họ được phán xét theo những việc làm của mình.

“Và . . . những ai hối cải và chịu phép báp têm trong danh ta thì sẽ được tràn đầy; và nếu kẻ đó kiên trì đến cùng, này, kẻ đó sẽ được xem như vô tội trước mặt Cha ta vào ngày ta đứng phán xét thế gian. . . .

“Và không một vật gì ô uế có thể vào được vương quốc của Ngài; vậy nên, không một ai có thể bước vào chốn an nghỉ của Ngài nếu người đó không tẩy sạch y phục của mình bằng máu của ta, nhờ đức tin, nhờ sự hối cải mọi tội lỗi của mình, và trung kiên cho đến cùng” (3 Nê Phi 27:14–16, 19).

Và như vậy chúng ta hiểu rằng Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô mang đến cho chúng ta cơ hội để khắc phục cái chết thuộc linh do tội lỗi gây ra và để có các phước lành của cuộc sống vĩnh cửu, qua việc lập và tuân giữ các giao ước thiêng liêng.

Thử Thách và Chứng Ngôn

Chúa Giê Su đưa ra câu hỏi đầy thử thách: “Về Đấng Kỵ Tô, các người nghĩ thế nào?” (Ma Thi Ơ 22:42). Sứ Đồ Phao Lô yêu cầu những người Cô Rinh Tô “hãy tự xét để xem mình có đức tin chẳng” (2 Cô Rinh Tô 13:5). Tất cả chúng ta đều cần phải tự mình trả lời những câu hỏi này. Lòng trung tín tốt bậc của chúng ta ở đâu? Chúng ta có giống như Các Kỵ Tô hữu trong phần mô tả bất hủ của Anh Cả Maxwell về những người đã hiến dâng mình cho phúc âm nhưng lòng vẫn còn lưu luyến những điều trên thế giới hay không?¹

Không có thái độ lưng chừng. Chúng ta là các tín đồ của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Chúng ta là tín hữu trong Giáo Hội của Ngài và tín đồ của phúc âm Ngài, và chúng ta phải luôn luôn cố gắng noi theo gương Ngài, cùng tuân giữ các lệnh truyền và giao ước. Chúng ta cần phải vinh danh Ngài, tuân giữ các lệnh truyền của Ngài, và “chớ có tìm kiếm những điều của thế



gian mà trước hết hãy tìm kiếm để xây đắp vương quốc của Thượng Đế, và thiết lập sự ngay chính của Ngài” (Ma Thi Ơ 6:33, cước chú a; từ Bản Dịch Joseph Smith, Ma Thi Ơ 6:38).

Chúa Giê Su Kỵ Tô là Con Độc Sinh và Yêu Dấu của Thượng Đế. Ngài là Đấng Sáng Tạo của chúng ta. Ngài là Sự Sáng của Thế Gian. Ngài là Đấng Cứu Rỗi chúng ta khỏi tội lỗi và cái chết. Đây là sự hiểu biết quan trọng nhất trên thế gian, và các anh chị em có thể tự mình biết điều này, như tôi đã tự mình biết điều này. Đức Thánh Linh, là Đấng làm chứng về Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử và dẫn dắt chúng ta đến lẽ thật, đã mặc khải

những lẽ thật này cho tôi, và Ngài sẽ mặc khải những lẽ thật này cho các anh chị em. Ước muốn và sự vâng lời chính là con đường. Chúa Giê Su dạy về ước muốn: “Hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho” (Ma Thi Ơ 7:7). Chúa Giê Su dạy về sự vâng lời: “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta” (Giăng 7:17). Tôi làm chứng về lẽ thật của những điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Neal A. Maxwell, *A Wonderful Flood of Light* (1990), 47.



Bài của Matthew O. Richardson

Đệ Nhị Cố Vấn trong
Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Trường Chủ Nhật

Giảng Dạy theo Cách của Thánh Linh

Mặc dù đều là giảng viên, nhưng chúng ta cần phải hoàn toàn hiểu rằng chính Đức Thánh Linh mới đích thực giảng dạy và làm chứng về tất cả lẽ thật.

Cách đây nhiều năm, khi tôi đang cùng với người bạn đồng hành của mình ở trung tâm huấn luyện truyền giáo, thì nghe tiếng của một đứa bé nói: “Bà ngoại ơi, có phải đó là những người truyền giáo *đích thực* không?” Tôi quay lại và thấy một bé gái đang nắm tay bà ngoại rồi chỉ vào tôi và người bạn đồng hành. Tôi mỉm cười, giơ tay ra, nhìn thẳng vào mắt nó và nói: “Chào em, tôi là Anh Cả Richardson, và chúng tôi là những người truyền giáo *đích thực*.” Gương mặt đứa bé tươi cười rạng rỡ khi nó nhìn tôi, vui mừng vì nó đang hiện diện cùng với những người truyền giáo *đích thực*.

Sau kinh nghiệm đó, tôi có một lòng tận tâm mới. Tôi muốn là người truyền giáo mà Đấng Cứu Rỗi, gia đình tôi và đứa bé gái này đã kỳ vọng rằng tôi sẽ được như vậy. Trong hai năm kế tiếp, tôi làm việc siêng năng để trông giống, suy nghĩ giống, hành động giống, và nhất là giảng dạy giống như một người truyền giáo *đích thực*.

Khi trở về nhà, càng ngày càng hiển nhiên rằng mặc dù tôi đã hoàn tất công việc truyền giáo, nhưng ảnh

hưởng của công việc truyền giáo vẫn còn ở đó với tôi. Thật vậy, thậm chí sau nhiều năm, tôi vẫn còn cảm thấy rằng thời gian truyền giáo của mình là hai năm tốt nhất *đối với* cuộc đời tôi. Một bài học bất ngờ từ công việc truyền giáo của tôi là tiếng nói của đứa bé gái đó. Nhưng bây giờ, tôi nghe trong tâm trí mình câu hỏi “Bà ngoại ơi, có phải đó là người nắm giữ chức tư tế *đích thực* không?” “Bà ngoại ơi, có phải đó là người chồng *đích thực* hay người cha *đích thực* không?” hoặc “Bà ngoại ơi, có phải đó là người tín hữu *đích thực* của Giáo Hội không?”

Tôi đã học được rằng chìa khóa để trở nên *đích thực* trong mọi khía cạnh của cuộc sống chúng ta là khả năng của mình để giảng dạy theo cách thức không làm giới hạn việc học hỏi. Các anh chị em thấy đó, một *cuộc sống đích thực* đòi hỏi tinh thần *học hỏi đích thực*, dựa vào khả năng *giảng dạy đích thực*. “Trách nhiệm để giảng dạy [một cách hữu hiệu] không chỉ giới hạn cho riêng những người được chính thức kêu gọi làm thầy giảng.”¹ Thật vậy, mỗi người trong gia đình, vị lãnh đạo Giáo Hội, và tín hữu Giáo

Hội (kể cả giới trẻ và trẻ em) đều có trách nhiệm để giảng dạy.

Mặc dù đều là giảng viên, nhưng chúng ta cần phải hoàn toàn hiểu rằng chính Đức Thánh Linh mới *đích thực* giảng dạy và làm chứng về tất cả lẽ thật. Những người không hiểu rõ điều này, thì hoặc là cố gắng giành lấy sự giảng dạy của Đức Thánh Linh và tự mình làm tất cả mọi điều, lịch sự mời Thánh Linh đến với họ, nhưng chỉ trong vai trò hỗ trợ thôi, hoặc là tin rằng họ đang giao tất cả sự giảng dạy của mình cho Thánh Linh, trong khi thật ra họ chỉ “trình bày bài học mà không nghiên cứu hay chuẩn bị gì cả.” Tất cả các bậc cha mẹ, các vị lãnh đạo, và giảng viên đều có trách nhiệm giảng dạy “qua Thánh Linh.”² Họ không nên giảng dạy “ở phía trước Thánh Linh” hay “ở phía sau Thánh Linh” mà phải là “qua Thánh Linh” để Thánh Linh có thể giảng dạy lẽ thật mà không bị kiểm chế.

Mô Rô Ni giúp chúng ta hiểu cách mình có thể giảng dạy qua Thánh Linh mà không thay thế, làm giảm bớt ý nghĩa, hay gạt qua một bên Đức Thánh Linh với tư cách là Đấng giảng dạy *đích thực*. Mô Rô Ni nói rằng Các Thánh Hữu thực hiện những kinh nghiệm của họ “theo sự tác động của Thánh Linh.”³ Điều này cần nhiều hơn là chỉ được Thánh Linh ở cùng với chúng ta thôi. Tự làm “theo cách” của Đức Thánh Linh có nghĩa là chúng ta có thể cần phải thay đổi cách giảng dạy để mô phỏng theo cách giảng dạy của Đức Thánh Linh. Khi chúng ta sắp xếp cách thức của mình giống theo cách thức của Đức Thánh Linh, thì Đức Thánh Linh mới có thể giảng dạy và làm chứng một cách không gò bó. Việc sắp xếp quan trọng này có thể được minh họa bằng ví dụ sau đây.

Cách đây nhiều năm, tôi cùng con cái đi lên đỉnh núi South Sister, một ngọn núi cao 3.157 mét ở Oregon. Vài giờ sau, chúng tôi gặp phải một sườn núi dài có độ dốc là 45 độ với các viên đá cuội núi lửa nhỏ. Với đỉnh núi trong tầm nhìn, chúng tôi tiếp tục tiến bước và hoàn toàn thấy rằng với mỗi bước đi, chân của chúng tôi lún vào trong các viên đá cuội, khiến cho chúng tôi trượt ngược lại một vài



centimét. Đứa con trai 12 tuổi của tôi tiến lên phía trước trong khi tôi ở lại với đứa con gái 8 tuổi. Chẳng bao lâu sau, chúng tôi cảm thấy mệt mỏi và chán nản, và con gái tôi buồn bã vì nghĩ rằng nó không thể lên đến đỉnh núi cùng với anh nó. Thoạt đầu tôi cảm thấy muốn công nó. Tinh thần của tôi rất sẵn sàng nhưng buồn thay, thể xác của tôi yếu đuối. Chúng tôi ngồi xuống trên những tảng đá, đánh giá tình thế của mình, và nghĩ ra một kế hoạch mới. Tôi bảo nó cho tay vào túi quần sau của tôi, giữ chặt, và —quan trọng nhất— là ngay sau khi tôi nhấc chân lên để đi một bước, thì nó phải nhanh chóng đặt bàn chân của nó vào ngay dấu chân đó. Nó làm đúng theo mỗi cử động của tôi và dựa vào sức nâng lên có được từ việc bám vào hai túi quần của tôi. Sau một thời gian dường như vô tận, chúng tôi lên đến đỉnh núi. Nét mặt chiến thắng và mãn nguyện của nó thật là vô giá. Và đúng thế, theo ý tôi, nó và anh nó *đích thực* là những người leo núi.

Thành công của con gái tôi là kết quả của nỗ lực chuyên cần của nó và nó đã đi giỏi như thế nào *theo cách* tôi đi. Khi động tác của nó ăn khớp với động tác của tôi, chúng tôi đã cùng nhau tạo được một sự nhịp nhàng, cho phép tôi sử dụng hết sức mình. Đó là trường hợp khi chúng ta giảng dạy “theo tác động của Thánh Linh.” Khi chúng ta sắp xếp cách giảng dạy của mình phù hợp với cách

giảng dạy của Đức Thánh Linh, thì Thánh Linh củng cố chúng ta và, đồng thời, không bị kiểm chế. Với suy nghĩ này, xin xem xét hai “ảnh hưởng cơ bản của Thánh Linh” đáng cho chúng ta noi theo.

Trước hết, Đức Thánh Linh giảng dạy cá nhân trong một cách thức rất riêng tư. Điều này làm cho chúng ta có thể tự mình biết được tường tận lẽ thật. Vì nhu cầu, hoàn cảnh và tiến bộ của chúng ta khác biệt, nên Đức Thánh Linh giảng dạy điều chúng ta cần phải biết và làm để cho chúng ta có thể trở thành con người mà mình phải trở thành. Xin lưu ý rằng mặc dù Đức Thánh Linh giảng dạy “lẽ thật của tất cả mọi điều,”⁴ nhưng Đức Thánh Linh không giảng dạy tất cả lẽ thật cùng một lúc. Thánh Linh giảng dạy lẽ thật “từng hàng chữ một, từng lời chỉ giáo một, nơi này một ít, nơi kia một ít.”⁵

Những người giảng dạy theo cách của Thánh Linh hiểu rằng họ đang giảng dạy cho người khác chứ không phải chỉ trình bày bài học. Như vậy, họ vượt qua thôi thúc để giảng dạy mọi điều trong một quyển sách hoặc giảng dạy tất cả những gì họ đã học được về đề tài này, và thay vì tập trung vào những điều mà gia đình họ hay các học viên cần phải biết và làm. Các bậc cha mẹ, các vị lãnh đạo, và các giảng viên noi theo cách Thánh Linh giảng dạy, thì nhanh chóng học được rằng việc giảng dạy *đích thực*

gồm có nhiều điều hơn là chỉ nói chuyện và kể chuyện. Do đó, họ cố tình dừng lại để lắng nghe, quan sát kỹ lưỡng, và rồi nhận ra phải làm gì tiếp theo.⁶ Khi họ làm điều này, thì Đức Thánh Linh đang trong vị thế giảng dạy những người học lẫn những người dạy điều họ cần phải làm và nói.⁷

Thứ hai, Đức Thánh Linh giảng dạy bằng cách mời gọi, thúc giục, khuyến khích, và soi dẫn chúng ta để hành động. Đấng Ky Tô bảo đảm rằng chúng ta dần dần biết được lẽ trung thực của giáo lý khi hành động thích hợp.⁸ Thánh Linh hướng dẫn, chỉ dẫn, và cho chúng ta thấy điều phải làm.⁹ Tuy nhiên, Thánh Linh sẽ không làm cho chúng ta điều mình cần có thể tự làm được. Các anh chị em thấy đó, Đức Thánh Linh không thể học *giùm* chúng ta, cảm nhận *giùm* chúng ta, hay hành động *giùm* chúng ta vì điều này sẽ trái với giáo lý của quyền tự quyết. Đức Thánh Linh có thể phụ giúp các cơ hội và mời gọi chúng ta học hỏi, cảm nhận, và hành động.

Những người giảng dạy theo cách này của Thánh Linh giúp những người khác bằng cách mời gọi, khuyến khích, và mang đến cho họ cơ hội để sử dụng quyền tự quyết của họ. Các bậc cha mẹ, các vị lãnh đạo và các giảng viên nhận ra rằng họ không thể cảm nhận *giùm*, học *giùm*, hay ngay cả hối cải *giùm* cho gia đình họ, cho giáo đoàn, hay các học viên. Thay vì hỏi: “Tôi có thể làm gì cho con cái tôi, các học viên, hay những người khác?” họ hỏi: “Tôi có thể mời và giúp những người xung quanh mình tự học như thế nào?” Các bậc cha mẹ tuân theo ảnh hưởng của Đức Thánh Linh tạo ra mái ấm là nơi gia đình học để quý trọng các giá trị thay vì học về các giá trị. Tương tự như vậy, thay vì chỉ nói về các giáo lý, các giảng viên giúp các học viên hiểu và sống theo các giáo lý phúc âm. Đức Thánh Linh không bị kiểm chế khi các cá nhân sử dụng quyền tự quyết *của họ* một cách thích hợp.

Với tình trạng hiện nay trên thế giới, chúng ta rất cần đến việc học hỏi và giảng dạy *đích thực* trong nhà, các

buổi họp ,và lớp học phúc âm của mình. Tôi biết rằng việc tìm kiếm của các anh chị em để tiến bộ hơn đôi khi có thể dường như quá sức. Xin đừng trở nên chán nản với sự tiến bộ của mình. Tôi nghĩ lại kinh nghiệm của mình khi đi bộ đường dài với các con tôi. Chúng tôi đồng ý rằng mỗi lần dừng lại để thở, thay vì hoàn toàn chú trọng vào việc cần phải đi bao xa, chúng tôi sẽ ngay lập tức quay lại và nhìn xuống núi. Chúng tôi sẽ nhìn vào quang cảnh đó và nói với nhau: “Hãy nhìn xem chúng ta đã đi được bao xa rồi.” Sau đó, chúng tôi sẽ thở một hơi thật sâu, nhanh chóng quay lại, ngược nhìn lên đồi, và bắt đầu leo lên một lần nữa, từng bước một. Thưa các anh chị em, các anh chị em *có thể* dạy dỗ, hướng dẫn, và giảng dạy theo ảnh hưởng của Thánh Linh. Tôi biết rằng các anh chị em có thể làm được điều này. Tôi làm chứng rằng các anh chị em có thể làm điều này, và cuộc sống sẽ thay đổi.

Cuộc sống của tôi đã được ban phước bởi những *người đích thực* giảng dạy với Thánh Linh và nhất là qua Thánh Linh. Tôi xin mời các anh chị em hãy sắp xếp cách giảng dạy của mình theo cách của Đức Thánh Linh trong tất cả mọi điều các anh chị em làm. Tôi làm chứng rằng Chúa Giê Su Ky Tô là Đấng Cứu Rỗi và rằng phúc âm của Ngài đã được phục hồi. Vì vậy, chúng ta cần phải là các bậc cha mẹ *đích thực*, người lãnh đạo *đích thực*, giảng viên *đích thực*, và học viên *đích thực*. Tôi làm chứng rằng Thượng Đế sẽ giúp đỡ các anh chị em trong các nỗ lực của mình, trong thánh danh của Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. *Teaching, No Greater Call: A Resource Guide for Gospel Teaching* (1999), 3.
2. Giáo Lý và Giao Ước 50:14.
3. Mô Rô Ni 6:9.
4. Mô Rô Ni 10:5; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 50:14; *Trung Thành cùng Đức Tin: Tài Liệu Tham Khảo Phúc Âm* (2004), 82.
5. 2 Nê Phi 28:30.
6. Xin xem David A. Bednar, “Seek Learning by Faith,” *Liahona*, tháng Chín năm 2007, 16–24.
7. Xin xem Lu Ca 12:12.
8. Xin xem Giảng 7:17.
9. Xin xem 2 Nê Phi 32:1–5.



Bài của Anh Cả Kazuhiko Yamashita
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi

Những Người Truyền Giáo Là một Kho Tàng của Giáo Hội

Tôi biết ơn rằng những người truyền giáo đã được Chúa kêu gọi, họ đáp ứng sự kêu gọi đó và hiện đang phục vụ trên khắp thế giới.

Một đêm nọ, cách đây nhiều năm, một người truyền giáo mới vừa được kêu gọi tên là Anh Cả Swan và người bạn đồng hành Nhật thâm niên hơn của anh đến thăm nhà chúng tôi. May mắn thay, tôi đang ở nhà nên đã mời họ vào. Khi tôi chào họ ở cửa, tôi chú ý đến cái áo khoác mà Anh Cả Swan đang mặc. Không hề suy nghĩ, tôi nói với anh: “Anh mặc cái áo khoác đẹp thật!” Tuy nhiên, đó không phải là một cái áo khoác mới mà là cái áo hơi bạc màu. Tôi nghĩ rằng cái áo khoác đó là cái áo mà một người truyền giáo phục vụ trước anh đã bỏ lại trong căn hộ của họ.

Anh Cả Swan lập tức đáp lời tôi, và thật là hoàn toàn trái ngược với điều tôi đang suy nghĩ. Bằng thứ tiếng Nhật vấp vấp, anh ấy đã đáp: “Vâng, đây là một cái áo rất tốt. Cha tôi mặc cái áo này khi phục vụ với tư cách là người truyền giáo ở Nhật Bản cách đây hơn 20 năm.”

Cha của anh đã phục vụ trong Phái Bộ Truyền Giáo Japan Okayama. Và khi con trai của ông sắp đi phục vụ truyền giáo ở Nhật Bản, ông đã tặng cái áo đó cho con mình. Tấm hình này cho thấy cái áo mà hai cha con họ Swan đã mặc ở Nhật Bản.

Tôi rất cảm động khi nghe những lời đó của Anh Cả Swan. Và giờ đây tôi đã hiểu lý do tại sao Anh Cả Swan đã mặc cái áo khoác của cha mình trong khi anh ấy đi giảng đạo. Anh Cả Swan đã bắt đầu công việc truyền giáo bằng cách thừa hưởng tình yêu thương của cha mình dành cho nước Nhật và người dân Nhật.

Tôi chắc chắn rằng một số các anh chị em ở đây cũng đã trải qua một điều tương tự như vậy. Một số người truyền giáo phục vụ ở Nhật Bản đã nói với tôi rằng cha mẹ họ, ông nội, ông ngoại hay chú bác cậu của họ cũng phục vụ truyền giáo ở Nhật Bản.

Tôi xin chân thành bày tỏ tình yêu thương, lòng kính trọng, và cảm nghĩ biết ơn đến tất cả những người truyền giáo đã được giải nhiệm trở về nhà sau khi phục vụ trên khắp thế giới. Tôi chắc rằng những người các anh chị em đã giúp cải đạo đều không hề quên các anh chị em. “Chân của những kẻ ấy trên các núi xinh đẹp là đường nào . . . !”¹

Tôi là một trong số những người cải đạo đó. Tôi được cải đạo lúc 17 tuổi, khi còn là học sinh trung học. Người truyền giáo thực hiện phép báp têm cho tôi là Anh Cả Rupp từ Idaho. Anh ấy mới vừa được giải nhiệm với tư cách là chủ tịch giáo khu ở Idaho. Tôi chưa gặp lại anh ấy kể từ khi tôi mới được báp têm, nhưng tôi đã trao đổi e-mail với anh ấy và nói chuyện điện thoại với anh ấy. Tôi không bao giờ quên anh ấy. Gương mặt hiền từ, vui vẻ của anh ghi sâu vào trí nhớ tôi. Anh ấy rất vui mừng khi biết rằng tôi mạnh khỏe.

Khi tôi 17 tuổi, tôi không thực sự hiểu biết về các sứ điệp mà những người truyền giáo đã giảng dạy cho tôi. Tuy nhiên, tôi có được một cảm nghĩ đặc biệt về những người truyền giáo, và tôi muốn trở thành giống như họ. Và tôi cảm nhận được tình yêu thương sâu đậm và lâu dài của họ.

Tôi xin được kể cho các anh chị em nghe về cái ngày tôi chịu phép báp têm. Đó là ngày 15 tháng Bảy, và là một ngày rất nóng nực. Một chị phụ nữ cũng chịu phép báp têm cùng ngày đó. Hồ báp têm do những người truyền giáo tự tay làm và trông chẳng hấp dẫn gì cả.

Chúng tôi được làm lễ xác nhận ngay sau khi chịu phép báp têm. Trước hết, chị phụ nữ ấy được Anh Cả Lloyd làm lễ xác nhận. Tôi ngồi với các tín hữu khác, nhắm mắt lại và lắng lễ lắng nghe. Anh Cả Lloyd làm lễ xác nhận cho chị ấy và rồi anh bắt đầu ban phước cho chị ấy. Tuy nhiên, Anh Cả Lloyd ngừng nói, nên tôi mở mắt ra và chăm chú nhìn anh ấy.

Ngay cả đến ngày nay tôi còn có thể nhớ rõ cảnh tượng đó. Mặt của Anh Cả Lloyd rần rụa nước mắt. Và lần đầu tiên trong đời mình, tôi đã kinh nghiệm việc được Đức Thánh Linh



bao phủ. Và qua Đức Thánh Linh, tôi đã đạt được một sự hiểu biết chắc chắn rằng Anh Cả Lloyd yêu thương chúng tôi và rằng Thượng Đế cũng yêu thương chúng tôi.

Rồi đến lượt tôi được làm lễ xác nhận. Một lần nữa, cũng Anh Cả Lloyd làm lễ xác nhận. Anh đặt tay lên đầu tôi và xác nhận tôi là tín hữu của Giáo Hội, ban ân tứ Đức Thánh Linh và rồi anh bắt đầu ban phước. Và một lần nữa, anh ngừng nói. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, tôi hiểu điều gì đang xảy ra. Tôi thật sự biết qua Đức Thánh Linh rằng những người truyền giáo yêu thương tôi và rằng Thượng Đế cũng yêu thương tôi.

Giờ đây tôi muốn nói một vài lời với những người truyền giáo hiện đang phục vụ trên khắp thế giới. Thái độ các anh chị em, và quan trọng hơn hết, tình yêu thương các anh chị em cho thấy đối với những người khác là những sứ điệp đầy ý nghĩa. Mặc dù tôi không hiểu hết ngay lập tức tất cả các giáo lý những người truyền giáo đã giảng dạy cho tôi, nhưng tôi đã cảm nhận được tình yêu thương lớn lao của họ và nhiều hành động nhân

từ của họ đã dạy cho tôi biết những bài học quan trọng. Sứ điệp của các anh chị em chính là một sứ điệp về tình yêu thương, về niềm hy vọng và về đức tin. Thái độ và hành động của các anh chị em mời Thánh Linh đến và chính Thánh Linh làm cho chúng ta hiểu được những điều quan trọng. Điều tôi muốn nói cùng các anh chị em là qua tình yêu thương của mình, các anh chị em đang rao truyền tình yêu thương của Thượng Đế. Các anh chị em chính là một kho tàng của Giáo Hội này. Tôi vô cùng biết ơn tất cả các anh chị em về sự hy sinh và lòng tận tụy của các anh chị em.

Tôi cũng muốn nói với các anh chị em là những người truyền giáo tương lai. Trong gia đình tôi, có bốn trong số các con chúng tôi đã đi phục vụ truyền giáo, và đứa con thứ năm của chúng tôi sẽ vào Trung Tâm Huấn Luyện Truyền Giáo Provo vào cuối tháng này. Rồi năm tới, đứa con út của chúng tôi cũng dự định đi phục vụ truyền giáo sau khi tốt nghiệp trung học.

Vậy nên, tôi ngỏ lời cùng các con trai của tôi và cùng tất cả các em đang

chuẩn bị phục vụ truyền giáo. Các em cần mang theo mình ba điều khi đi truyền giáo:

1. Ước muốn để thuyết giảng phúc âm. Chúa muốn các em phải đi tìm các chiên của Ngài, và tìm ra họ.² Những người trên thế giới đang chờ đợi các em. Xin hãy nhanh chóng đi đến nơi họ đang chờ. Không có một người nào cố gắng nhiều hơn những người truyền giáo để đi cứu những người khác. Tôi là một trong số những người được cứu đó.
2. Phát triển chứng ngôn của mình. Chúa đòi hỏi “tâm lòng thành và tâm hồn đầy thiện chí” của các em.³
3. Hãy yêu thương những người khác, cũng giống như Anh Cả Swan, là người đã mang theo khi đi truyền giáo cái áo khoác của cha mình và tình yêu thương của cha mình dành cho nước Nhật và những người dân Nhật.

Và đối với những người trong số các em không biết cách chuẩn bị như thế nào để đi phục vụ truyền giáo, thì xin hãy đến gặp vị giám trợ của mình. Tôi biết rằng vị ấy sẽ giúp đỡ các em.

Tôi biết ơn rằng những người truyền giáo đã được Chúa kêu gọi, họ đáp ứng sự kêu gọi đó và hiện đang phục vụ trên khắp thế giới. Tôi xin được nói với tất cả các anh chị em là những người truyền giáo yêu quý đã được giải nhiệm trở về nhà: Tôi thật sự biết ơn tất cả nỗ lực của các anh chị em. Các anh chị em chính là một kho tàng của Giáo Hội này. Và cầu xin cho các anh chị em tiếp tục là những người truyền giáo cũng như hành động giống như các môn đồ của Đấng Ky Tô.

Tôi làm chứng rằng chúng ta là con cái của Cha Thiên Thượng, Ngài yêu thương chúng ta, và Ngài đã gửi đến Con Trai Yêu Quý của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, để chúng ta có thể một lần nữa trở lại nơi hiện diện của Ngài. Tôi nói những điều này trong thánh danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Ê Sai 52:7.
2. Ê Xê Chi Ên 34:11.
3. Giáo Lý và Giao Ước 64:34.



Bài của Anh Cả Randall K. Bennett
Thuộc Nhóm Túc Sở Thầy Bảy Mười

Chọn Cuộc Sống Vĩnh Cửu

Số mệnh vĩnh cửu của các anh chị em sẽ không phải là kết quả của sự may mắn mà là của sự lựa chọn. Không bao giờ là quá trễ để bắt đầu lựa chọn cuộc sống vĩnh cửu!

Cách đây nhiều năm, khi đang ở trên bãi biển với gia đình, tôi thấy các dấu hiệu và cờ cảnh báo về một luồng nước chảy xiết từ bờ biển vào vùng nước xoáy sâu. Dù tôi không thấy được với đôi mắt không thành thạo của mình, nhưng từ một cái tháp canh gần đó, các nhân viên cứu đắm có thể phát hiện dễ dàng luồng nước chảy xiết đầy nguy hiểm đối với tất cả những ai rời khỏi vị trí an toàn ở bờ biển và bước xuống nước. Tôi nhớ đã tự mình biện luận: “Tôi là một người bơi giỏi. Bơi lội sẽ là cách rất tốt để tập thể dục. Tôi sẽ được an toàn trong vùng nước nông.”

Lờ đi những lời cảnh báo đó và cảm thấy tự tin theo óc xét đoán của mình, tôi bước xuống nước thích thú bơi lội thỏa thuê. Vài phút sau, tôi nhìn lên để xác định vị trí gia đình mình trên bãi biển gần đó, nhưng bãi biển đã không còn ở gần đó nữa! Luồng nước đánh lừa tôi như đã được cảnh báo, quần lấy tôi và nhanh chóng kéo tôi ra xa khỏi chỗ gia đình của mình.

Vì lúc đầu tự tin rồi sau đó tuyệt vọng, nên tôi đã cố gắng bơi về phía bờ biển, nhưng luồng nước khắc nghiệt đã kéo tôi ra càng xa hơn vào

trong vùng nước càng sâu thẳm và xoáy mạnh hơn. Tôi trở nên kiệt sức và bắt đầu nghẹt thở vì uống nhiều nước. Việc chết đuối có thể trở thành sự thật rồi. Cuối cùng, không còn sức nữa, tôi hoảng hốt kêu cứu.

Nhiệm mầu thay, dường như có một người cứu đắm lập tức đến bên tôi. Tôi không biết rằng người ấy đã theo dõi tôi khi tôi đi xuống nước. Người ấy biết luồng nước sẽ quần lấy tôi, và biết sẽ cuốn tôi đi đâu. Bằng cách tránh luồng nước, người ấy bơi xung quanh và chỉ ở cách xa chỗ tôi đang vùng vẫy một chút; rồi kiên nhẫn đợi đến khi tôi kêu gọi giúp đỡ. Vì quá yếu để bơi vào bờ một mình, nên tôi rất biết ơn người cứu đắm đã giúp tôi. Nếu không có người ấy giúp đỡ, thì tôi có thể đã không trở lại được với gia đình của mình.

Ngày hôm đó, tôi đã lựa chọn một điều thật tồi tệ có thể dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng đối với tôi và gia đình mình. Vì bây giờ chúng ta sẽ cùng nhau cân nhắc ân tứ về sự lựa chọn, nên tôi cầu nguyện rằng Đức Thánh Linh sẽ giúp mỗi người chúng ta đánh giá những điều mình đang lựa chọn.

Vị tiên tri yêu dấu của chúng ta, Chủ Tịch Thomas S. Monson, đã dạy: “Tôi không thể nhấn mạnh một cách đầy đủ rằng những quyết định xác định số mệnh. Các anh chị em không thể chọn những quyết định mang tính chất vĩnh cửu mà không có những kết quả vĩnh cửu được.”¹

Mỗi anh chị em—như chúng ta đã được giảng dạy trong đại hội này—là một người con trai hay con gái linh hồn yêu dấu của cha mẹ thiên thượng. Các anh chị em có một thiên tính và một số mệnh thiêng liêng.² Trong cuộc sống tiền dương thế của mình, các anh chị em đã học cách yêu thích lẽ thật. Các anh chị em đã chọn những điều đúng đắn mang tính chất vĩnh cửu. Các anh chị em biết rằng ở nơi trần thế này đây, sẽ có những hoạn nạn và nghịch cảnh, buồn phiền và đau khổ, thử thách và gian nan để giúp mình tăng trưởng và tiến bộ. Các anh chị em cũng biết rằng mình có thể tiếp tục chọn những điều đúng, hối cải khi chọn lựa sai, và thừa hưởng cuộc sống vĩnh cửu qua Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Tiên tri Lê Hi đã dạy gì về sự lựa chọn? Ông dạy rằng chúng ta “được tự ý lựa chọn sự tự do và cuộc sống vĩnh cửu, qua Đấng Trung Gian vĩ đại của tất cả loài người; hay là . . . lựa chọn cảnh tù đày và sự chết dưới xiềng xích và quyền hành của quỷ dữ.” Rồi ông dạy tiếp: “Các con hãy hướng về Đấng Trung Gian vĩ đại ấy, các con hãy nghe theo những lệnh truyền của Ngài, hãy trung thành gìn giữ những lời của Ngài, và hãy chọn lựa cuộc sống vĩnh cửu.”³

Thưa các anh chị em, trong những điều chúng ta chọn để nghĩ đến, cảm nhận và làm, các anh chị em và tôi có đang chọn cuộc sống vĩnh cửu không?

Mấy đứa cháu của chúng tôi đang học được rằng khi lựa chọn một điều, chúng cũng chọn hậu quả của điều ấy nữa. Mới vừa đây, một trong số các cháu gái ba tuổi của chúng tôi không chịu ăn tối. Mẹ nó giải thích: “Bây giờ là gần đến giờ đi ngủ rồi. Nếu con chọn ăn tối thì con sẽ được ăn món kem tráng miệng. Nếu không chọn ăn tối, thì con sẽ phải đi ngủ bây giờ, và không ăn kem.” Đứa cháu gái của



Montreal, Quebec, Canada

chúng tôi cân nhắc hai điều lựa chọn đó của nó rồi nói rành mạch: “Con muốn chọn điều này—chơi và chỉ ăn kem và không đi ngủ.”

Thưa các anh chị em, chúng ta có mong muốn có thể chơi, chỉ ăn kem, không bao giờ đi ngủ và bằng cách nào đó tránh được những hậu quả như tình trạng suy dinh dưỡng và kiệt sức không?

Trong thực tế, chúng ta chỉ có hai điều lựa chọn, mỗi điều đều mang lại những kết quả vĩnh cửu: chọn noi theo Đấng Cứu Rỗi của thế gian, và như vậy chọn cuộc sống vĩnh cửu với Cha Thiên Thượng hoặc chọn đi theo thế gian và như vậy chọn tự tách rời vĩnh viễn khỏi Thượng Đế.

Chúng ta không thể thành công trong việc chọn sự an toàn của điều ngay chính lẫn những nguy hiểm của vật chất thế gian. Việc bơi lội trong vật chất thế gian có thể dường như vô hại, nhưng việc bơi lội thỏa thích của tôi thì cũng vậy!

Giống như luồng nước mà có thể đã thay đổi chiều hướng của cuộc sống gia đình tôi, thì luồng vật chất thế gian ngày nay, những triết lý lừa đảo, những lời giảng dạy sai lạc, và điều vô luân tràn lan mạnh mẽ đang tìm cách lôi kéo chúng ta cũng như

vĩnh viễn tách rời chúng ta ra khỏi gia đình mình và Cha Thiên Thượng.

Các vị tiên tri, tiên kiến và mặc khải tại thế của chúng ta đều thấy được lần tìm cách cảnh cáo chúng ta về những khuynh hướng của thế gian đầy nguy hiểm nhưng thường rất tinh vi đang đe dọa chúng ta. Họ triệu mền mời gọi, khuyến khích, giảng dạy, nhắc nhở và cảnh cáo chúng ta. Họ biết rằng sự an toàn của chúng ta tùy thuộc vào việc chọn lựa tuân theo (1) những hiểu biết đạt được trong việc học hỏi thánh thư, suy ngẫm và cầu nguyện hằng ngày; (2) sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh; và (3) lời khuyên dạy của các vị tiên tri. Họ biết rằng chỉ có sự an toàn và niềm vui tột bậc nơi Đấng Cứu Rỗi, Chúa Giê Su Kỵ Tô, và qua Ngài cũng như sống theo phúc âm của Ngài mà thôi. Như Anh Cả Dallin H. Oaks mới vừa dạy, Đấng Cứu Rỗi đã phán: “Ta là đường đi, lẽ thật, và sự sống; chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha.”⁴

Trong thời gian hậu Xô Viết của nước Nga đầy nghịch cảnh và đau khổ, Anatoly và Svetlana Reshetnikov chọn sự ngay chính thay vì vật chất thế gian. Sau khi gia nhập Giáo Hội, họ bị ngược đãi. Anh ấy bị xuống chức ở sở làm. Họ dừng cảm nghĩ: “Bây

giờ chúng ta có nhiều thời giờ hơn để phục vụ Thượng Đế!” Họ nhiều lần bị hăm dọa, nhưng họ chọn sống cuộc sống đặt phúc âm làm trọng tâm. Anh Cả Anatoly Reshetnikov được kêu gọi với tư cách là Thầy Bảy Mươi Có Thấm Quyền Giáo Vùng đầu tiên người Nga. Qua những điều lựa chọn của mình, vợ chồng Reshetnikov tiếp tục *chọn cuộc sống vĩnh cửu*.

Chúng ta đều gặp nghịch cảnh. Chúng ta đều gặp cám dỗ. Chúng ta đều làm điều lầm lỗi. Không bao giờ quá khó hay quá trễ để chọn những điều đúng. Sự hối cải là một trong số những sự lựa chọn đúng đắn và quan trọng.

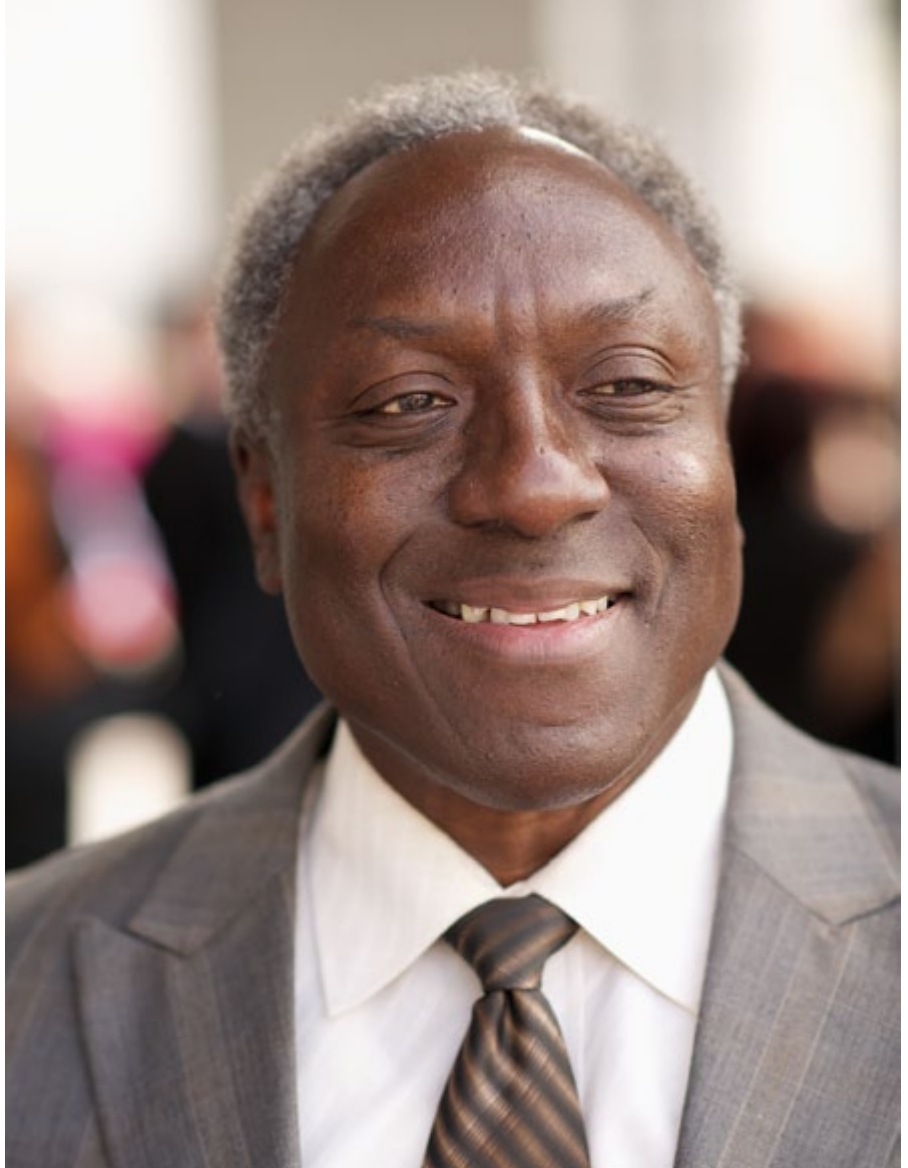
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf đã dạy: “Những sai lầm nhỏ và nếu chỉ đi chệch đường một chút khỏi giáo lý phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô có thể mang lại những hậu quả đáng buồn vào cuộc sống chúng ta. Do đó, điều rất quan trọng đối với chúng ta là phải trở nên có kỷ luật tự giác đủ để được sửa đổi sớm và kiên quyết để có thể trở về con đường ngay chính, cũng như không chờ đợi hay hy vọng rằng bằng cách nào đó những sai lầm ấy sẽ tự sửa đổi.

“Chúng ta càng trì hoãn việc sửa đổi của mình càng lâu, thì càng cần nhiều thay đổi, và sẽ cần thời gian lâu hơn để trở về con đường ngay chính—thậm chí đến mức tai họa có thể xảy đến.”⁵

Cánh tay thương xót của Đấng Cứu Rỗi luôn luôn dang rộng đối với mỗi người chúng ta.⁶ Khi chân thành và hoàn toàn hối cải, chúng ta có thể hoàn toàn được tha thứ đối với các lỗi lầm của mình và Đấng Cứu Rỗi sẽ không còn nhớ đến tội lỗi của chúng ta nữa.⁷

Khi đánh giá những sự lựa chọn của mình và hậu quả của chúng, các anh chị em có thể tự hỏi:

- Tôi có đang tìm kiếm sự hướng dẫn thiêng liêng bằng cách học hỏi, suy ngẫm thánh thư và cầu nguyện hằng ngày không, hoặc tôi đã chọn bận rộn hay thờ ơ để không dành ra thời giờ nhằm học hỏi, suy ngẫm lời của Đấng Kỵ Tô, và giao tiếp với Cha Thiên Thượng?



- Tôi có đang chọn tuân theo lời khuyên dạy của các vị tiên tri tại thế của Thượng Đế không, hay là tôi đang đi theo con đường của thế gian và ý kiến chống đối của những người khác?
- Tôi có đang tìm kiếm sự hướng dẫn hằng ngày của Đức Thánh Linh đối với điều tôi chọn để suy nghĩ, cảm thấy, và làm không?
- Tôi có thường xuyên tìm đến phụ giúp, phục vụ, hay giúp giải cứu những người khác không?

Các anh chị em thân mến, số mệnh vĩnh cửu của các anh chị em sẽ không phải là kết quả của sự may mắn mà là của sự lựa chọn. Không bao giờ là quá trễ để bắt đầu *lựa chọn cuộc sống vĩnh cửu!*

Tôi làm chứng rằng nhờ vào kế hoạch hạnh phúc vĩ đại của Cha

Thiên Thượng mà mỗi người chúng ta có thể được hoàn hảo qua Sự Chuộc Tội của Chúa Giê Su Kỵ Tô. Với gia đình mình, chúng ta có thể sống vĩnh viễn với Cha Thiên Thượng và nhận được niềm vui trọn vẹn. Tôi làm chứng về những điều này trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Thomas S. Monson, “Decisions Determine Destiny” (Buổi họp đặc biệt fireside của Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội dành cho những thành niên trẻ tuổi, ngày 6 tháng Mười Một năm 2005), institute.lds.org.
2. Xin xem “Gia Đình: Bản Tuyên Ngôn cùng Thế Giới,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 129.
3. 2. Nê Phi 2:27, 28; sự nhấn mạnh được thêm vào.
4. Giảng 14:6.
5. Dieter F. Uchtdorf, “Vấn Đề Một Vài Độ,” *Liahona*, tháng Năm năm 2008, 59.
6. Xin xem An Ma 5:33.
7. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 58:42.



Bài của Anh Cả J. Devn Cornish
Thuộc Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười

Đặc Ân Được Cầu Nguyện

Sự cầu nguyện là một trong các ân tứ quý báu nhất của Thượng Đế dành cho con người.

Các anh chị em thân mến, Thượng Đế Đức Chúa Cha không phải là một cảm nghĩ hay một ý niệm hoặc một lực lượng. Ngài là một Đấng thánh, như thánh thư dạy, có mặt, có tay, và một thể xác vinh quang phục sinh. Ngài có thật, Ngài biết rõ từng người chúng ta, và Ngài yêu thương mỗi người chúng ta. Ngài muốn ban phước cho chúng ta.

Chúa Giê Su phán:

“Trong các người có ai, khi con mình xin bánh, mà cho đá chẳng?”

“Hay là con mình xin cá, mà cho rấn chẳng?”

“Vậy nếu các người vốn là xấu, còn biết cho con cái mình các vật tốt thay, huống chi Cha các người ở trên trời lại chẳng ban các vật tốt cho những người xin Ngài sao?” (Ma Thi Ơ 7:9-11).

Có lẽ một kinh nghiệm cá nhân sẽ là một ví dụ hay cho nguyên tắc này. Khi còn là một bác sĩ trẻ nội trú tại Bệnh Viện Nhi Đồng Boston, tôi làm việc nhiều giờ và hầu như đi lại thường xuyên bằng xe đạp giữa bệnh viện và nhà mình ở Watertown, Massachusetts, vì vợ và các con nhỏ cần chiếc xe hơi của chúng tôi. Một buổi tối nọ, đang đạp xe về nhà sau

khi đã làm việc nhiều giờ trong bệnh viện, tôi cảm thấy rất mệt mỏi, đói bụng, và hơi thất vọng. Tôi biết rằng tôi cần dành cho vợ và bốn đứa con nhỏ của mình thời giờ, nghị lực, và cả một thái độ vui vẻ nữa khi về tới nhà. Thật tình, rất khó cho tôi để tiếp tục đạp xe.

Trên đường về nhà tôi đi ngang qua một cửa tiệm bán gà chiên, và cảm thấy mình sẽ đỡ đói và đỡ mệt hơn nhiều nếu có thể dừng lại để mua một miếng thịt gà. Tôi biết rằng họ đang bán hạ giá đùi hay chân gà với giá 29 xu mỗi cái, nhưng khi tôi soát lại ví thì thấy chỉ có một đồng tiền 5 xu. Trong khi tiếp tục đạp xe đi, tôi thưa với Chúa về hoàn cảnh của mình và cầu xin lòng thương xót của Ngài để tôi có thể tìm ra một đồng tiền 25 xu ở bên đường. Tôi thưa với Ngài rằng tôi không cần điều này như một phép lạ, nhưng tôi sẽ thật sự biết ơn nếu Ngài cảm thấy có thể ban cho tôi phước lành đầy nhân từ này.

Tôi bắt đầu nhìn xuống đất một cách chăm chú hơn nhưng không thấy gì cả. Bằng cách cố gắng duy trì một thái độ đầy đức tin nhưng tuân phục trong khi đạp xe, tôi đi đến gần cửa tiệm đó. Rồi thì hầu như ngay bên

kia đường đối diện với cửa tiệm bán gà chiên, tôi thấy một đồng tiền 25 xu nằm trên mặt đất. Với lòng biết ơn và nhẹ nhõm, tôi lượm đồng tiền lên, mua thịt gà, tận hưởng từng miếng thịt, rồi vui vẻ đạp xe về nhà.

Với lòng thương xót của Ngài, Thượng Đế trên thiên thượng, Đấng Sáng Tạo và Đấng Trị Vĩ vạn vật ở khắp nơi, đã nghe lời nguyện cầu về một điều rất nhỏ nhặt. Người ta có thể hỏi tại sao Ngài bận tâm đến một điều nhỏ nhặt như vậy. Tôi tin rằng Cha Thiên Thượng yêu thương chúng ta rất nhiều đến mức những điều quan trọng đối với chúng ta thì cũng trở thành quan trọng đối với Ngài, chỉ vì Ngài yêu thương chúng ta. Ngài sẽ muốn giúp đỡ chúng ta bao nhiêu nữa với những điều lớn lao và đúng đắn mà chúng ta cầu xin (xin xem 3 Nê Phi 18:20)?

Các em nhỏ, những người trẻ tuổi lẫn những người lớn, xin hãy tin rằng Cha Thiên Thượng nhân từ muốn ban phước cho *các anh chị em biết bao*. Nhưng vì Ngài sẽ không xâm phạm vào quyền tự quyết của chúng ta nên chúng ta cần phải cầu xin Ngài giúp đỡ. Điều này thường được thực hiện qua lời cầu nguyện. Sự cầu nguyện là một trong các ân tứ quý báu nhất của Thượng Đế dành cho con người.

Trong một dịp nọ, các môn đồ của Chúa Giê Su đã hỏi: “Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu nguyện” (Lu Ca 11:1). Để đáp lại, Chúa Giê Su ban cho chúng ta một khuôn mẫu để có thể hướng dẫn đến các nguyên tắc quan trọng của sự cầu nguyện (xin xem Russell M. Nelson, “Bài Học từ Lời Cầu Nguyện của Chúa,” *Liahona*, tháng Năm năm 2009, 46-49; xin xem thêm Ma Thi Ơ 6:9-13; Lu Ca 11:1-4). Theo như khuôn mẫu của Chúa Giê Su:

Chúng ta bắt đầu bằng cách thưa cùng Cha Thiên Thượng: “Lạy Cha chúng tôi ở trên trời” (Ma Thi Ơ 6:9; Lu Ca 11:2). Chúng ta có đặc ân để thưa chuyện thẳng cùng Đức Chúa Cha. Chúng ta không cầu nguyện lên một người nào khác. Hãy nhớ rằng chúng ta đã được dạy phải tránh những lời lặp lại, kể cả dùng danh



của Đức Chúa Cha quá thường xuyên trong khi cầu nguyện.¹

“Danh Cha được thánh” (Ma Thi Ơ 6:9; Lu Ca 11:2). Chúa Giê Su cầu nguyện lên Đức Chúa Cha với một thái độ thờ phượng, nhận biết sự vĩ đại của Ngài cùng dâng lên Ngài lời ngợi khen và cảm tạ. Đối với Thượng Đế, chắc chắn là vấn đề tôn kính này cũng như việc dâng lên những lời cảm tạ chân thành và cụ thể là một trong số các chìa khóa của sự cầu nguyện hữu hiệu.

“Nước Cha được đến; Ý Cha được nên” (Ma Thi Ơ 6:10; Lu Ca 11:2). Chúng ta sẵn lòng nhìn nhận rằng mình tùy thuộc vào Chúa và bày tỏ ước muốn của mình để làm theo ý Ngài, cho dù ý Ngài không giống như ý của chúng ta. Sách Tự Điển Kinh Thánh giải thích: “Cầu nguyện là hành động qua đó ý muốn của Đức Chúa Cha và ý muốn của người con được phù hợp với nhau. Mục đích của việc cầu nguyện không phải để thay đổi ý muốn của Thượng Đế, mà để chúng ta và những người khác đạt được các phước lành Thượng Đế đã sẵn sàng ban cho, nhưng với điều kiện là chúng ta phải cầu xin các phước lành đó” (Bible Dictionary, “Prayer”).

“Xin cho chúng tôi hôm nay đủ ăn đủ ngày” (Ma Thi Ơ 6:11; xin xem thêm Lu Ca 11:3). Chúng ta cầu xin những điều mình muốn nhận được từ Chúa. Lòng chân thành là thiết

yếu trong việc cầu xin những điều từ Thượng Đế. Ví dụ, sẽ không phải hoàn toàn là chân thành nếu cầu xin Chúa giúp đỡ với bài thi ở trường nếu tôi đã không chú ý trong lớp học, không làm bài tập ở nhà hoặc không học bài chuẩn bị thi. Thường khi tôi cầu nguyện, Thánh Linh thúc giục tôi phải thừa nhận rằng tôi cần phải làm nhiều hơn để nhận được sự giúp đỡ mình đang cầu xin từ Chúa. Rồi tôi cần phải cam kết và làm phần vụ của mình. Thật là trái ngược với kế hoạch của Chúa khi Ngài phải làm cho chúng ta điều chúng ta có thể tự mình làm được.

“Xin tha tội lỗi cho chúng tôi” (Ma Thi Ơ 6:12) hoặc, nói theo một câu thánh thư khác: “Xin tha tội chúng tôi” (Lu Ca 11:4). Trong lời cầu nguyện cá nhân, một phần thiết yếu nhưng đôi khi bị bỏ quên là sự hối cải. Để được hữu hiệu, sự hối cải cần phải cụ thể, chân thành và dài lâu.

“Như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi” (Ma Thi Ơ 6:12; xin xem thêm Lu Ca 11:4). Đấng Cứu Rỗi đã liên kết rõ ràng giữa việc được tha thứ các tội lỗi của chúng ta với việc tha thứ những người đã đối xử xấu với chúng ta. Đôi khi rất đau đớn và rất khó để tha thứ hay quên đi những điều sai lầm người khác đã làm cho chúng ta. Tôi rất biết ơn về niềm an ủi và chữa lành tôi đã tìm thấy trong lời mời gọi của Chúa để bỏ

những điều tổn thương của mình và dâng chúng lên Ngài. Trong sách Giáo Lý và Giao Ước, tiết 64, Ngài phán:

“Ta, là Chúa, sẽ tha thứ cho ai mà ta muốn tha thứ, nhưng các người được đòi hỏi phải biết tha thứ tất cả mọi người.

“Và các người cần phải tự nhủ trong lòng mình—hãy để Thượng Đế phán xét giữa anh và tôi, và ban thưởng cho anh theo những hành vi của anh” (câu 10–11).

Rồi chúng ta cần phải hoàn toàn quên đi vấn đề đó, rồi để cho Chúa giải quyết, nếu chúng ta muốn được chữa lành.

“Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ, mà cứu chúng tôi khỏi điều ác” (Ma Thi Ơ 6:13, cước chú a; từ Bản Dịch Joseph Smith, Ma Thi Ơ 6:14; xin xem thêm Lu Ca 11:4, cước chú c; từ Bản Dịch Joseph Smith). Do đó, trong những lời cầu nguyện của mình, chúng ta có thể bắt đầu tiến trình bảo vệ bằng cách khoác lên chiếc áo giáp của Thượng Đế (xin xem Ê Phê Sô 6:11; GLU 27:15) bằng cách trông đợi tương lai và cầu xin được giúp đỡ với những điều đôi khi thật là khủng khiếp mình có thể phải đối phó. Các bạn thân mến của tôi, xin đừng quên cầu xin Chúa bảo vệ và ở cùng các anh chị em.

“Vi nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời.” (Ma Thi Ơ 6:13). Thật là một điều chỉ dẫn tuyệt diệu khi Chúa Giê Su kết thúc lời cầu nguyện này bằng lời ngợi khen Thượng Đế một lần nữa cùng bày tỏ lòng tôn kính và sự tuân phục của Ngài đối với Đức Chúa Cha. Khi thật sự tin rằng Thượng Đế trị vì vương quốc của Ngài và rằng Ngài có tất cả quyền năng và vinh quang, chúng ta nhận biết rằng Ngài thật sự đứng đầu, rằng Ngài yêu thương chúng ta với tình yêu thương trọn vẹn, và rằng Ngài muốn chúng ta được hạnh phúc. Tôi đã thấy rằng một trong những bí quyết để có được một cuộc sống vui vẻ là nhận biết rằng làm những việc theo cách của Chúa thì sẽ làm cho tôi hạnh phúc hơn là làm những việc theo cách của tôi.

Có một nguy cơ là một người có thể không cảm thấy đủ xứng đáng để

cầu nguyện. Ý tưởng này đến từ tinh thần tà ác của kẻ dạy chúng ta không cầu nguyện (xin xem 2 Nê Phi 32:8). Là điều bí hiểm để nghĩ rằng chúng ta quá tội lỗi để cầu nguyện, điều này giống như một người bệnh nặng tin rằng bệnh mình quá nặng để đi bác sĩ vậy!

Chúng ta không nên nghĩ rằng bất cứ lời cầu nguyện nào, cho dù chân thành đến mấy đi nữa, cũng sẽ rất hữu hiệu nếu chúng ta chỉ dâng lên lời cầu nguyện đó mà thôi. Chúng ta không những dâng lên lời cầu nguyện mà còn phải sống theo lời cầu nguyện nữa. Chúa hài lòng nhiều hơn đối với người cầu nguyện rồi đi làm việc hơn là với người chỉ cầu nguyện mà thôi. Cũng giống như thuốc men, lời cầu nguyện chỉ hữu hiệu khi chúng ta dùng thuốc theo như hướng dẫn.

Khi tôi nói rằng lời cầu nguyện là một đặc ân tuyệt vời, thì đó không phải chỉ vì tôi biết ơn đã có thể thưa chuyện với Cha Thiên Thượng và cảm nhận Thánh Linh của Ngài khi cầu nguyện. Đó cũng là vì Ngài thật sự đáp ứng và nói chuyện cùng chúng ta. Dĩ nhiên, cách Ngài nói chuyện với chúng ta thường không phải là tiếng nói mình nghe được. Chủ Tịch Boyd K. Packer giải thích: “Tiếng nói soi dẫn dịu dàng, nhỏ nhẹ đó đến như là một cảm nghĩ hơn là một âm



thanh. Tri thức thuần khiết có thể được nói trong tâm trí. . . . Sự hướng dẫn này đến với tính cách là tư tưởng, cảm nghĩ qua những thúc giục và ấn tượng” (“Sự Cầu Nguyện và Những Thúc Giục của Thánh Linh,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2009, 44).

Đôi khi dường như chúng ta không nhận được sự đáp ứng cho những lời cầu nguyện chân thành và đầy cố gắng của mình. Cần phải có đức tin để nhớ rằng Chúa đáp ứng theo kỳ định và cách thức của Ngài để Ngài có thể ban phước cho chúng ta theo cách tốt nhất. Hoặc khi suy nghĩ thêm về điều đó, chúng ta sẽ thường nhận thấy rằng mình đã hoàn toàn biết điều cần làm rồi.

Xin đừng nản lòng nếu điều này không hữu hiệu đối với các anh chị em ngay lập tức. Giống như việc học một ngoại ngữ, cần phải có thực hành và nỗ lực. Tuy nhiên, xin hãy biết rằng các anh chị em có thể học được ngôn ngữ của Thánh Linh, và khi làm như vậy, ngôn ngữ đó sẽ mang đến cho các anh chị em đức tin và quyền năng lớn lao trong sự ngay chính.

Tôi quý trọng lời khuyên dạy của vị tiên tri yêu quý của chúng ta, Chủ Tịch Thomas S. Monson, ông đã nói: “Đối với những người đang nghe tôi nói là những người đang vật vả với những thử thách và khó khăn lớn cũng như nhỏ, thì lời cầu nguyện là nguồn sức mạnh thuộc linh; đó là sự bảo đảm để được bình an. Lời cầu

nguyện là phương tiện để giúp chúng ta tiến đến gần Cha Thiên Thượng là Đấng yêu thương chúng ta. Hãy thưa chuyện cùng Ngài trong lời cầu nguyện và rồi lắng nghe câu trả lời. Phép lạ sẽ đạt được qua lời cầu nguyện” (“Hãy Cố Gắng Là Người Tốt Nhất,” *Liahona*, tháng Năm năm 2009, 68).

Tôi vô cùng biết ơn đặc ân được đi đến với Cha Thiên Thượng thánh bằng lời cầu nguyện. Tôi biết ơn về vô số lần Ngài đã nghe và trả lời tôi. Vì Ngài trả lời tôi, kể cả đôi khi trong những cách đoán trước và huyền diệu, nên tôi biết Ngài hằng sống. Tôi cũng khiêm nhường làm chứng rằng Chúa Giê Su, Vị Nam Tử thánh của Ngài, là Đấng Cứu Rỗi hằng sống của chúng ta. Đây là Giáo Hội và vương quốc của Ngài trên thế gian; công việc này là chân chính. Thomas S. Monson, là người chúng ta khẩn thiết cầu nguyện cho ông, là vị tiên tri của Ngài. Tôi làm chứng những điều này một cách hoàn toàn chắc chắn, trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Francis M. Lyman, “Proprieties in Prayer,” trong Brian H. Stuy, biên soạn, *Collected Discourses Delivered by President Wilford Woodruff, His Two Counselors, the Twelve Apostles, and Others*, 5 tập (1987–92), 3:76–79; B. H. Roberts, biên soạn, *The Seventy's Course in Theology*, 5 tập (1907–12), 4:120; *Encyclopedia of Mormonism* (1992), “Prayer,” 1118–19; Bruce R. McConkie, *Mormon Doctrine*, xuất bản lần thứ hai (1966), 583.





Bài của Anh Cả Quentin L. Cook

Thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ

Những Bài Ca Họ Không Thể Hát

Mặc dù không biết hết tất cả những câu trả lời, nhưng chúng tôi có biết các nguyên tắc quan trọng nhằm giúp chúng ta đối phó với thảm cảnh bằng đức tin và sự tin tưởng.

Nhiều người đang đối phó với những vấn đề nghiêm trọng hay thậm chí là thảm cảnh trong cuộc sống trần thế này. Chúng ta nhìn thấy những hoàn cảnh gian nan và đau khổ trên khắp thế giới.¹ Chúng ta vô cùng xúc động trước những hình ảnh trên truyền hình về cái chết, nỗi đau khổ cùng cực và thất vọng. Chúng ta thấy những người dân Nhật Bản vất vả chống trả một cách dũng cảm trước sức tàn phá của động đất và sóng thần. Chúng ta đau lòng khi mới gần đây nhìn lại cảnh tượng ám ảnh từ sự phá hủy các tòa tháp của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới. Một điều gì đó thật xúc động khi chúng ta biết về thảm cảnh như vậy, nhất là khi những người vô tội phải chịu đau khổ.

Đôi khi thảm cảnh chỉ xảy ra cho cá nhân. Một đứa con trai hay con gái chết non hoặc trở thành nạn nhân của một căn bệnh khủng khiếp. Một người cha hay mẹ thiệt mạng vì một hành động khinh xuất hay tai nạn. Bất cứ lúc nào thảm cảnh xảy ra, chúng ta đều than khóc và cố gắng mang gánh nặng cho nhau.² Chúng ta than khóc về những điều sẽ không được thực

hiện và những bài ca người qua đời sẽ không thể hát.

Trong số những câu hỏi được nhiều người đặt ra nhiều nhất cho các vị lãnh đạo Giáo Hội là: Tại sao Thượng Đế công chính lại cho phép những điều xấu xảy ra, nhất là đối với những người tốt như vậy? Tại sao những người ngay chính và phục vụ Chúa không được miễn khỏi những thảm cảnh như vậy?

Mặc dù không biết hết tất cả những câu trả lời, nhưng chúng tôi có biết các nguyên tắc quan trọng nhằm giúp chúng ta đối phó với thảm cảnh bằng đức tin và sự tin tưởng rằng một tương lai đầy hứa hẹn đã được hoạch định cho mỗi người chúng ta. Một số các nguyên tắc quan trọng nhất là:

Trước hết, chúng ta có Cha Thiên Thượng là Đấng biết, yêu thương mỗi người chúng ta, và hiểu rõ nỗi đau khổ của chúng ta.

Thứ hai, Vị Nam Tử của Ngài, Chúa Giê Su Ky Tô, là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Cứu Chuộc của chúng ta. Sự Chuộc Tội của Ngài không những cung ứng sự cứu rỗi và tôn cao mà còn bù đắp cho mọi bất công của cuộc sống.

Thứ ba, kế hoạch hạnh phúc của Đức Chúa Cha dành cho con cái của Ngài gồm có không những một cuộc sống tiền dương thế và cuộc sống trần thế mà còn có một cuộc sống vĩnh cửu nữa, kể cả một cuộc đoàn tụ vĩ đại và vinh quang với những người đã qua đời của mình. Tất cả những điều sai trái sẽ được sửa đổi thành đúng, và chúng ta sẽ có một cái nhìn rõ ràng cũng như có quan điểm và sự hiểu biết hoàn hảo.

Những người không hiểu biết, hoặc không có đức tin nơi kế hoạch của Đức Chúa Cha—nhìn thế giới qua lăng kính của người trần thế với chiến tranh, bạo lực, bệnh tật, và điều xấu xa—có một quan điểm hạn chế rằng cuộc sống này có vẻ dường như thất vọng, hỗn loạn, bất công và vô nghĩa. Các vị lãnh đạo Giáo Hội đã so sánh quan điểm này với một người đi vào giữa lúc đang diễn ra một vở kịch ba màn.³ Những người đó không hiểu biết về kế hoạch của Đức Chúa Cha nên không hiểu điều gì đã xảy ra trong màn thứ nhất, tức là cuộc sống tiền dương thế, và các mục đích đã được thiết lập ở đó; họ cũng không hiểu cách làm sáng tỏ và giải quyết trong màn thứ ba, tức là kế hoạch vinh quang của Đức Chúa Cha được thực hiện hoàn chỉnh.

Nhiều người không hiểu rõ ràng trong kế hoạch đầy yêu thương và toàn diện của Ngài, những người dường như bị thiệt thòi mặc dù không phải lỗi của họ cuối cùng sẽ không bị thiệt thòi.⁴

Một vài tháng nữa sẽ là kỷ niệm 100 năm vụ đắm tàu đầy bi thảm của con tàu xuyên đại dương *Titanic*. Những hoàn cảnh thảm thương xoay quanh sự kiện khủng khiếp này đã gây tiếng vang suốt thế kỷ qua. Những người khởi xướng con tàu mới và xa hoa này, cao 11 tầng, dài gần bằng 3 sân vận động bóng bầu dục,⁵ đã đưa ra những luận điệu quá đáng và phi lý về sự an toàn của con tàu *Titanic* trong đại dương giữa mùa đông đầy các tảng băng trôi. Con tàu này đã được cho là không thể chìm được; vậy mà nó đã chìm vào lòng Đại Tây Dương băng giá, làm thiệt mạng hơn 1.500 người.⁶

Trên nhiều phương diện, vụ đắm tàu *Titanic* là một ẩn dụ về cuộc sống và nhiều nguyên tắc phúc âm. Đó là một ví dụ chính xác về nỗi khó khăn của việc chỉ nhìn qua lăng kính của cuộc sống trần thế này. Việc mất đi sinh mạng là thảm họa với những hậu quả của nó nhưng cũng có tính chất ngẫu nhiên. Với cảnh tàn sát của hai cuộc thế chiến và mới đây kỷ niệm 10 năm sự kiện phá hủy các tòa tháp của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, trong thời đại của mình, chúng ta đã có một cái nhìn sững sờ, đầy thống khổ, và các vấn đề đạo đức xung quanh các sự kiện gây ra do việc sử dụng quyền tự quyết một cách tà ác. Có những hậu quả khủng khiếp gây ra cho gia đình, bạn bè và quốc gia vì những thảm cảnh này bất kể nguyên nhân nào.

Với con tàu *Titanic*, các bài học đã nhận được là về những nguy hiểm của tính kiêu ngạo, hành trình trên vùng biển động và “Đức Chúa Trời chẳng hề vị nể ai.”⁷ Những người trong cuộc đều thuộc mọi tầng lớp xã hội. Một số người giàu có và nổi tiếng, như John Jacob Astor; nhưng cũng có những người lao động, di cư, phụ nữ, trẻ em, và thủy thủ đoàn.⁸

Có ít nhất hai câu chuyện Thánh Hữu Ngày Sau liên quan đến con tàu *Titanic*. Cả hai đều minh họa thử thách của chúng ta để hiểu về những nỗi gian nan, hoạn nạn, và thảm cảnh cùng giúp chúng ta hiểu về cách có thể đối phó với các điều này. Câu chuyện thứ nhất là một tấm gương về lòng biết ơn đối với các phước lành chúng ta nhận được và những thử thách chúng ta tránh. Câu chuyện này liên quan đến Alma Sonne, sau này phục vụ với tư cách là một Vị Thẩm Quyền Trung Ương.⁹ Ông là chủ tịch giáo khu của tôi vào lúc tôi sinh ra ở Logan, Utah. Tôi đã được Anh Cả Sonne phỏng vấn để đi truyền giáo. Trong thời kỳ đó, tất cả những người truyền giáo tương lai đều được một Vị Thẩm Quyền Trung Ương phỏng vấn. Ông có ảnh hưởng lớn trong cuộc sống của tôi.

Khi Alma còn là thiếu niên, ông có một người bạn kém tích cực trong Giáo Hội, tên là Fred. Họ có rất nhiều



cuộc thảo luận về công việc phục vụ truyền giáo, và cuối cùng Alma Sonne đã thuyết phục Fred chuẩn bị để phục vụ. Cả hai đều được kêu gọi đến Phái Bộ Truyền Giáo Anh. Vào lúc kết thúc công việc truyền giáo của họ, Anh Cả Sonne, là thư ký của phái bộ truyền giáo, sắp xếp chuyến trở về Hoa Kỳ của họ. Ông mua vé đi trên con tàu *Titanic* cho chính mình, Fred, cùng bốn người truyền giáo khác cũng đều đã hoàn tất công việc truyền giáo.¹⁰

Khi đến lúc trở về, vì một lý do nào đó, Fred hoãn lại chuyến đi. Anh Cả Sonne hủy bỏ tất cả sáu tấm vé đi trên con tàu mới và xa hoa trên chuyến hải hành đầu tiên và mua vé để đi một con tàu khác vào ngày hôm sau.¹¹ Bốn người truyền giáo phẫn khởi trước chuyến đi trên con tàu *Titanic* đã bày tỏ nỗi thất vọng của họ. Câu trả lời của Anh Cả Sonne tương tự như câu chuyện của Giô Sép và những người anh của ông ở Ai Cập đã được chép trong sách Sáng Thế Ký: “Nếu đũa tre không theo về, thì làm sao chúng tôi dám trở về cùng gia đình chúng tôi?”¹² Ông giải thích với những người bạn đồng hành của mình rằng vì họ đều cùng nhau đến nước Anh thì họ cũng sẽ đều trở về nhà cùng với nhau. Sau đó, khi Anh Cả Sonne biết được về vụ đắm tàu *Titanic*, ông đã tỏ lòng biết ơn và nói với anh bạn Fred của mình: “Anh đã cứu mạng sống tôi.” Fred đáp: “Không, anh đã cứu mạng sống tôi bằng cách thuyết phục tôi đi truyền giáo.”¹³ Tất cả những người truyền giáo đều tạ ơn Chúa đã giữ gìn họ.¹⁴

Đôi khi, như trường hợp của Anh Cả Sonne và những người bạn đồng hành truyền giáo của mình, các phước lành đến với những người trung tín. Chúng ta nên biết ơn về tất cả tấm lòng thương xót dịu dàng đã đến với cuộc sống của mình.¹⁵ Chúng ta không biết về nhiều phước lành mình nhận được ngày này qua ngày khác. Việc chúng ta có được tinh thần biết ơn trong lòng mình là điều vô cùng quan trọng.¹⁶

Thánh thư dạy rất rõ ràng: những người ngay chính, noi theo Đấng Cứu Rỗi, và tuân giữ các lệnh truyền của Ngài sẽ thịnh vượng trong xứ.¹⁷ Một yếu tố thiết yếu của sự thịnh vượng là có được Thánh Linh trong cuộc sống của chúng ta.

Tuy nhiên, sự ngay chính, lời cầu nguyện và lòng trung tín không phải lúc nào cũng dẫn đến những kết cuộc vui vẻ trong cuộc sống trần thế. Nhiều người sẽ trải qua nhiều thử thách nghiêm trọng. Khi điều này xảy ra, thì chính việc có đức tin và tìm kiếm các phước lành của chức tư tế được Thượng Đế chấp thuận. Chúa đã phán: “Các anh cả . . . phải được gọi đến để cầu nguyện và đặt tay lên họ trong danh ta; và nếu họ chết thì họ sẽ chết cho ta; và nếu họ sống thì họ sẽ sống cho ta.”¹⁸

Câu chuyện thứ hai của Thánh Hữu Ngày Sau liên quan đến con tàu *Titanic* không có được kết cục tốt đẹp trong cuộc sống trần thế. Irene Corbett 30 tuổi. Bà là một người vợ và mẹ trẻ từ Provo, Utah. Bà có những tài

năng đáng kể với tư cách là họa sĩ và nhạc sĩ; bà cũng là giáo viên và y tá. Giới y khoa chuyên nghiệp ở Provo khuyến khích bà nên tham dự khóa học sáu tháng về kỹ năng nữ hộ sinh ở London. Bà vô cùng ước ao tạo ra một điều khác biệt trên thế giới. Bà đã cẩn thận, chu đáo, thành tâm, và dũng cảm. Một trong số các lý do bà chọn con tàu *Titanic* để trở về Hoa Kỳ là vì bà tưởng rằng những người truyền giáo sẽ đi cùng với bà và điều này sẽ được an toàn hơn. Irene là một trong số ít phụ nữ đã không sống sót trong thảm kịch khủng khiếp này. Hầu hết các phụ nữ và trẻ em được cho lên các con thuyền cứu đắm và cuối cùng đã được cứu thoát. Nhưng không có đủ thuyền cứu đắm cho mọi người. Nhưng người ta tin rằng bà đã không lên các con thuyền cứu đắm bởi vì với kỹ năng đặc biệt được huấn luyện của mình, bà đã chăm sóc cho vô số hành khách bị thương do tàu đụng vào tảng băng trôi.¹⁹

Có rất nhiều loại thử thách. Một số thử thách mang đến cho chúng ta những kinh nghiệm thiết yếu. Những kết quả trái ngược trong cuộc sống trần thế này không phải là bằng chứng về việc thiếu đức tin hoặc về toàn bộ kế hoạch của Cha Thiên Thượng là không hoàn chỉnh. Ngọn lửa của thợ luyện là có thật, và những đức tính cùng sự ngay chính được rèn luyện trong lò gian khổ nhằm làm hoàn thiện và thanh tẩy chúng ta để chuẩn bị cho chúng ta gặp Thượng Đế.

Khi Tiên Tri Joseph Smith còn là một tù nhân trong Ngục Thất Liberty, Chúa đã phán cùng ông rằng nhiều tai ương có thể xảy đến cho loài người. Đấng Cứu Rỗi đã phán một phần: “Nếu người bị liệng xuống hố sâu, nếu những đợt sóng cuộn cuộn chảy dồn dập trên người; nếu ngọn gió hung bạo trở thành kẻ thù của người; . . . và tất cả các nguyên tố đều cùng nhau cản trở con đường của người; . . . tất cả những điều này sẽ đem lại cho người một kinh nghiệm, và sẽ lợi ích cho người.”²⁰ Đấng Cứu Rỗi kết thúc lời chỉ dạy của Ngài: “Ngày tháng của người đã được biết, và những năm của người chẳng ít hơn được; vậy



nên, chớ sợ hãi chi . . . , vì Thượng Đế sẽ ở với người mãi mãi và đời đời.”²¹

Một số thử thách là do từ quyền tự quyết của những người khác mà ra. Quyền tự quyết là thiết yếu cho sự tăng trưởng và phát triển của phần thuộc linh cá nhân. Hành vi xấu xa là một yếu tố của quyền tự quyết. Lãnh binh Mô Rô Ni đã giải thích giáo lý rất quan trọng này: “Chúa chịu để cho những người ngay chính bị giết chết ngỗ hầu công lý và sự đoán phạt của Ngài có thể giáng xuống những kẻ tà ác.” Ông nói rõ rằng người ngay chính không mất đi, mà “được bước vào chốn an nghỉ của Chúa, Thượng Đế của họ.”²² Kẻ tà ác sẽ chịu trách nhiệm về những điều tội lỗi họ làm.²³

Một số thử thách xảy đến là từ việc không tuân theo các luật pháp của Thượng Đế mà ra. Những vấn đề về sức khỏe vì hút thuốc, uống rượu và lạm dụng ma túy làm người ta kinh ngạc. Số tù nhân vì tội ác liên quan đến rượu chè và ma túy cũng rất đông.²⁴

Những vụ ly dị càng ngày càng phổ biến là vì tính không chung thủy cũng rất đáng kể. Nhiều thử thách và đau khổ này có thể tránh được bằng cách tuân theo luật pháp của Thượng Đế.²⁵

Vị chủ tịch phái bộ truyền giáo yêu quý của tôi là Anh Cả Marion D. Hanks (là người vừa qua đời vào tháng Tám), đã yêu cầu chúng tôi là những người truyền giáo phải học

thuộc lòng một câu nói để chống lại những thử thách của cuộc sống trần thế: “Không có cơ hội, số phận, vận mệnh nào có thể phá hủy, cản trở hay kiềm chế một người quyết tâm với ý chí kiên quyết cả.”²⁶

Ông nhìn nhận rằng câu này không áp dụng cho tất cả những thử thách chúng ta gặp phải, nhưng câu đó đúng với vấn đề thuộc linh. Tôi đã biết ơn lời khuyên dạy của ông trong cuộc sống của tôi.

Một trong những lý do tại sao con số tử vong cao khủng khiếp trên con tàu *Titanic* là vì không có đủ thuyền cứu đắm. Dù chúng ta phải đương đầu với thử thách nào trong cuộc sống này, thì Sự Chuộc Tội của Đấng Cứu Rỗi cũng cung ứng những con thuyền cứu đắm cho mọi người. Đối với những người nghĩ rằng các thử thách mà họ đối phó là không công bằng, thì Sự Chuộc Tội bù đắp cho tất cả những bất công trong cuộc sống.²⁷

Một thử thách duy nhất đối với những người đã mất đi những người thân của mình là tránh suy nghĩ quá nhiều về những cơ hội bị đánh mất trong cuộc sống này. Thường thường những người chết sớm đều đã chứng tỏ khả năng, sở thích, và tài năng đáng kể. Với sự hiểu biết hạn chế của mình, chúng ta than khóc về những điều sẽ không được thực hiện và những bài ca mà người qua đời sẽ không thể hát. Điều này đã được mô tả như là chết với tiếng nhạc còn ở bên trong mình. Tiếng nhạc trong trường hợp này là một ẩn dụ về bất cứ loại tiềm năng nào còn dở dang. Đôi khi, người ta có sự chuẩn bị đáng kể nhưng không có cơ hội để thực hiện sự chuẩn bị đó trong cuộc sống trần thế.²⁸ Một trong những bài thơ bất hủ được nhiều người trích dẫn nhất là “Elegy Written in a Country Church-Yard (Khúc Bi Thương được Viết trong Nghĩa Địa Vùng Quê)” của Thomas Gray, phản ánh những cơ hội bị đánh mất như sau:

*Nhiều đóa hoa đã nở rộ nhưng không ai nhìn thấy,
Và thật ửng phí cho hương thơm
ngọt ngào đã tan vào bầu không khí sa mạc.*²⁹

Cơ hội bị đánh mất có thể liên quan đến gia đình, nghề nghiệp, tài năng, kinh nghiệm, hoặc những điều khác nữa. Tất cả những điều này đã bị lấy đi đột ngột trong trường hợp của Chị Corbett. Có những bài ca đã không được chị hát và chị đã không thể hiện hết tiềm năng của mình trong cuộc sống trần thế này. Nhưng khi nhìn qua lăng kính rộng lớn và rõ ràng của phúc âm, thay vì những lăng kính hạn chế của cuộc sống trần thế, thì chúng ta biết về phần thưởng vĩnh cửu lớn lao đã được Đức Chúa Cha nhân từ hứa trong kế hoạch của Ngài. Như Sứ Đồ Phao Lô đã dạy: “Ấy là sự mất chưa thấy, tai chưa nghe, Và lòng người chưa nghĩ đến, Nhưng Đức Chúa Trời đã sắm sẵn điều ấy cho những người yêu mến Ngài.”³⁰ Một dòng trong bài thánh ca ưa thích mang đến lời khuyên giải, an ủi, và cái nhìn rõ ràng: “Những khúc thần diệu tôi không thể hát nhưng Giê Su luôn nghe thấu.”³¹

Đấng Cứu Rỗi phán: “Hãy yên tâm và hiểu rằng ta là Thượng Đế.”³² Chúng ta có được lời hứa của Ngài rằng chúng ta cùng con cái của mình sẽ hát “những bài ca về niềm vui vĩnh viễn.”³³ Trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Giăng 16:33.
2. Xin xem Mô Si A 18:8-9; xin xem thêm 2 Nê Phi 32:7.
3. Xin xem Boyd K. Packer, “The Play and the Plan” (buổi họp đặc biệt fireside của Hệ Thống Giáo Dục của Giáo Hội dành cho những thành niên trẻ tuổi, ngày 7 tháng Năm năm 1995), 3: “Trên trần thế, chúng ta giống như một người bước vào một rạp hát ngay lúc bức màn nhung kéo lên ở màn hai. Chúng ta đã không xem Màn 1. . . . Người ta không bao giờ viết trong màn hai là ‘Và họ đều sống hạnh phúc mãi mãi về sau.’ Dòng đó thuộc vào màn ba khi những điều huyền bí đã được làm sáng tỏ và mọi việc đều trở thành đúng.” Xin xem thêm Neal A. Maxwell, *All These Things Shall Give Thee Experience* (1979), 37: “Thượng Đế. . . nhìn thấy sự khởi đầu từ sự kết thúc. . . . Bài toán số. . . là một điều chúng ta là người trần thế không thể thấu hiểu được. Chúng ta không thể làm bài toán cộng vì chúng ta không có tất cả những con số. Chúng ta bị giam giữ trong khuôn khổ thời gian và bị bao quanh bởi những quan điểm chật chội về trạng thái thứ hai này.”
4. Những người chết trước khi đến tuổi hiểu biết trách nhiệm đều được cứu rỗi trong



vương quốc thượng thiên (xin xem Giáo Lý và Giao Ước 137:10). Những ai đã chết mà không có sự hiểu biết về phúc âm này, là những người đáng lẽ đã tiếp nhận phúc âm nếu họ được ban cho cơ hội thì cũng sẽ là những người thừa hưởng vương quốc thượng thiên (xin xem Giáo Lý và Giao Ước 137:7). Ngoài ra, ngay cả những người sống ít quả cảm hơn thì cuối cùng cũng sẽ được ban phước với một cuộc sống cao quý hơn cuộc sống này (xin xem Giáo Lý và Giao Ước 76:89).

5. Xin xem Conway B. Sonne, *A Man Named Alma: The World of Alma Sonne* (1988), 83.
6. Xin xem Sonne, *A Man Named Alma*, 84.
7. Công Vụ Các Sứ Đồ 10:34; xin xem thêm “The Sinking of the World’s Greatest Liner,” *Millennial Star*, ngày 18 tháng Tư năm 1912, 250.
8. Xin xem *Millennial Star*, ngày 18 tháng Tư năm 1912, 250.
9. Anh Cả Sonne là cậu của Anh Cả L. Tom Perry.
10. Xin xem Sonne, *A Man Named Alma*, 83.
11. Xin xem Sonne, *A Man Named Alma*, 83-84; xin xem thêm “From the Mission Field,” *Millennial Star*, ngày 18 tháng Tư năm 18, 1912, 254: “Releases and Departures.—Những người truyền giáo có tên sau đây đã được giải nhiệm một cách danh dự và đã đi về nhà vào ngày 13 tháng Tư năm 1912, trên con tàu *Mauretania*. Từ Anh Quốc —Alma Sonne, George B. Chambers, Willard Richards, John R. Sayer, F. A. [Fred] Dahle. Từ Hà Lan—L. J. Shurtliff.”
12. Xin xem Sáng Thế Ký 44:30-31, 34.
13. Trong Frank Millward, “Eight Elders Missed Voyage on Titanic,” *Deseret News*, ngày 24 tháng Bảy năm 2008, M6.
14. Xin xem “Friend to Friend,” *Friend*, tháng Ba năm 1977, 39.
15. Xin xem David A. Bednar, “Tấm Lòng Thương Xót Dịu Dàng của Chúa,” *Liahona*, tháng Năm năm 2005, 99-102.

16. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 59:21.
17. Xin xem An Ma 36:30.
18. Giáo Lý và Giao Ước 42:44.
19. Cuộc phỏng vấn châu ngoại của Irene Corbett là Donald M. Corbett, ngày 30 tháng Mười năm 2010, do Gary H. Cook thực hiện.
20. Giáo Lý và Giao Ước 122:7.
21. Giáo Lý và Giao Ước 122:9.
22. An Ma 60:13.
23. Đấng Cứu Rỗi đã phán rõ ràng “Không có thể khỏi xảy đến sự gây nên phạm tội được; song khôn thay cho ai là kẻ làm ra sự ấy!” (Lu Ca 17:1).
24. Tiết 89 sách Giáo Lý và Giao Ước—“kế hoạch và ý muốn của Thượng Đế về sự cứu rỗi thể tục của tất cả các thánh hữu trong những ngày sau cùng.” (câu 2)—ban phước càng nhiều thêm cho Các Thánh Hữu Ngày Sau.
25. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 42:22-24.
26. Xin xem “Will,” *Tác Phẩm Thi Ca của Ella Wheeler Wilcox* (1917), 129.
27. Xin xem “Sự Chuộc Tội,” *Thuyết Giảng Phúc Âm của Ta: Sách Hướng Dẫn Công Việc Phục Vụ Truyền Giáo* (2004), 51-52.
28. Xin xem “The Song That I Came to Sing,” trong *The Complete Poems of Rabrindranath Tagore’s Gitanjali*, biên tập. S. K. Paul (2006), 64: “Bài ca tôi bắt đầu hát vẫn chưa được hát cho đến hôm nay. / Tôi đã dành ra những tháng ngày để lên dây và xuống dây nhạc cụ của mình.”
29. Thomas Gray, “Elegy Written in a Country Church Yard,” trong *The Oxford Book of English Verse*, do Christopher Ricks biên tập (1999), 279.
30. 1 Cô Rinh Tô 2:9.
31. “Anh Thái Dương trong Hồn Tôi,” *Thánh Ca*, trang 45.
32. Giáo Lý và Giao Ước 101:16; xin xem thêm Thi Thiên 46:10.
33. Giáo Lý và Giao Ước 101:18; xin xem thêm Giáo Lý và Giao Ước 45:71.



Bài của Chủ Tịch Thomas S. Monson

Cho Đến Khi Chúng Ta Gặp Lại Nhau

Cầu xin cho Thánh Linh mà chúng ta đã cảm nhận được ở đây sẽ ở với chúng ta trong khi làm những công việc hằng ngày.

Thưa các anh chị em, tôi biết các anh chị em sẽ đồng ý với tôi rằng đây là một đại hội mang lại nhiều cảm ứng nhất. Chúng ta đã cảm nhận được Thánh Linh của Chúa một cách mãnh liệt trong hai ngày qua trong khi lòng chúng ta được cảm động và chứng ngôn của chúng ta về công việc thiêng liêng này đã được củng cố. Chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã tham gia, kể cả Các Anh Em Thẩm Quyền Trung Ương đã dâng lời cầu nguyện.

Chúng ta đều có mặt ở đây vì chúng ta yêu mến Chúa và muốn phục vụ Ngài. Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng Cha Thiên Thượng quan tâm đến chúng ta. Tôi nhìn nhận rằng có bàn tay của Ngài trong mọi sự việc.

Một lần nữa, phần âm nhạc thật là tuyệt vời, và tôi bày tỏ lòng biết ơn riêng của mình và chung của toàn thể Giáo Hội đối với những người đã sẵn lòng chia sẻ tài năng của họ với chúng ta.

Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Các Anh Em Thẩm Quyền Trung Ương đã được giải nhiệm trong

đại hội này. Họ đã phục vụ trung tín và xuất sắc cùng đóng góp rất nhiều cho công việc của Chúa.

Tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu đậm đối với hai cố vấn trung tín và tận tâm của tôi cùng công khai cảm ơn họ về sự hỗ trợ và phụ giúp họ dành cho tôi. Họ thật sự là những người sáng suốt và hiểu biết, sự phục vụ của họ là vô giá.

Tôi cảm ơn những người anh em của tôi trong Nhóm Túc Số Mười Hai về sự phục vụ không mệt mỏi trong công việc của Chúa. Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với các thành viên trong Các Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười và đối với Giám Trợ Đoàn Chủ Tọa về sự phục vụ vị tha và hữu hiệu của họ. Tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn

đối với những người nam và người nữ phục vụ với tư cách là các chức sắc tổ chức hỗ trợ trung ương.

Thưa các anh chị em, tôi bảo đảm với các anh chị em rằng Cha Thiên Thượng biết rõ những thử thách chúng ta gặp phải trên thế giới ngày nay. Ngài yêu thương mỗi người chúng ta và sẽ ban phước khi chúng ta cố gắng tuân giữ các lệnh truyền của Ngài cùng tìm kiếm Ngài qua lời cầu nguyện.

Chúng ta được phước biết bao để có được phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Ky Tô. Phúc âm này đáp ứng cho những câu hỏi về việc chúng ta từ đâu đến, tại sao chúng ta ở đây, và chúng ta sẽ đi đâu khi lìa bỏ cuộc sống này. Phúc âm mang đến ý nghĩa, mục đích và hy vọng cho cuộc sống của chúng ta.

Tôi cảm ơn các anh chị em về sự phục vụ các anh chị em sẵn lòng dành cho nhau. Chúng ta đều là các công cụ của Thượng Đế ở nơi đây trên thế gian này, với một mệnh lệnh là phải yêu thương và phục vụ con cái của Ngài.

Tôi cảm ơn các anh chị em về tất cả những gì các anh chị em làm trong tiểu giáo khu và chi nhánh của mình. Tôi bày tỏ lòng biết ơn về việc các anh chị em sẵn sàng phục vụ trong những chức vụ mình được kêu gọi, dù chức vụ đó là gì đi nữa. Mỗi chức vụ đều quan trọng trong việc tiến hành công việc của Chúa.

Đại hội giờ đây đã kết thúc. Cầu xin cho chúng ta được an toàn khi trở về nhà. Cầu xin cho chúng ta tìm thấy mọi điều đều ổn thỏa trong khi vắng nhà. Cầu xin cho Thánh Linh chúng ta đã cảm nhận được ở đây sẽ ở với chúng ta trong khi làm những công việc hằng ngày. Cầu xin cho chúng ta càng tử tế với nhau hơn. Cầu xin cho chúng ta luôn luôn được thấy làm công việc của Chúa.



Cầu xin cho các phước lành của thiên thượng ở với các anh chị em. Cầu xin cho mái ấm gia đình của các anh chị em được hòa thuận và tràn đầy yêu thương. Cầu xin cho các anh chị em liên tục nuôi dưỡng chứng ngôn của mình để chứng ngôn đó có thể bảo vệ cho các anh chị em chống lại kẻ nghịch thù.

Với tư cách là người tôi tớ khiêm nhường của các anh chị em, tôi hết lòng mong ước làm theo ý muốn của Thượng Đế và phục vụ Ngài cùng phục vụ các anh chị em.

Tôi yêu thương các anh chị em; Tôi cầu nguyện cho các anh chị em. Một lần nữa tôi yêu cầu các anh chị em xin nhớ đến tôi và tất cả Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương trong lời cầu nguyện của mình. Chúng tôi đều hiệp một với các anh chị em trong việc xúc tiến công việc kỳ diệu này. Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng chúng ta đều cùng nhau tham gia vào công việc này và rằng mỗi người đàn ông, phụ nữ và trẻ em đều có một phần vụ. Cầu xin Thượng Đế ban cho chúng ta sức mạnh và khả năng cùng quyết tâm để làm xuất sắc phần vụ của mình.

Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng công việc này là chân chính, rằng Đấng Cứu Rỗi hằng sống, Ngài hướng dẫn và chỉ dẫn Giáo Hội của Ngài ở nơi đây trên thế gian. Tôi để lại với các anh chị em sự làm chứng và chứng ngôn của mình rằng Thượng Đế Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu hằng sống và yêu thương chúng ta. Ngài quả thật là Đức Chúa Cha, và Ngài là một Đấng có thật. Cầu xin cho chúng ta biết và hiểu rằng Ngài sẵn lòng đến gần với chúng ta biết bao, Ngài sẵn lòng giúp đỡ chúng ta biết bao, Ngài yêu thương chúng ta biết bao cũng như Ngài sẵn lòng làm cho chúng ta biết bao.

Cầu xin Ngài ban phước cho các anh chị em. Cầu xin sự bình an Ngài đã hứa sẽ ở cùng với các anh chị em bây giờ và mãi mãi.

Tôi nói lời chào tạm biệt các anh chị em cho đến khi chúng ta gặp lại nhau trong thời gian sáu tháng nữa, và tôi làm như vậy trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, Đấng Cứu Rỗi và Cứu Chuộc của chúng ta, A Men. ■



Bài của Julie B. Beck

Chủ Tịch Trung Ương Hội Phụ Nữ

Điều Tôi Hy Vọng Các Cháu Gái (và Các Cháu Trai) của Tôi Sẽ Hiểu về Hội Phụ Nữ

Từ ngày phúc âm bắt đầu được phục hồi trong gian kỳ này, Chúa đã cần các phụ nữ trung tín tham gia với tư cách là các môn đồ của Ngài.

Thật là một đặc ân để ngồi lời cùng các chị em tại buổi họp lịch sử này. Thật là một phước lành đối với chúng ta để được quy tụ lại với nhau. Trong thời gian phục vụ của tôi với tư cách là chủ tịch trung ương Hội Phụ Nữ, tôi đã phát triển một tình yêu thương sâu đậm đối với các chị em, các chị em trong Hội Phụ Nữ của Giáo Hội này, và Chúa đã mở rộng tầm nhìn của tôi đối với cảm nghĩ của Ngài về chúng ta và điều Ngài kỳ vọng nơi chúng ta.

Tôi đã đặt tên cho sứ điệp này là “Điều Tôi Hy Vọng Các Cháu Gái (và Các Cháu Trai) của Tôi Sẽ Hiểu về Hội Phụ Nữ.” Các cháu gái lớn nhất của tôi đang bận rộn làm việc với chương trình Sự Tiến Triển Cá Nhân cũng như phát triển những thói quen và đặc điểm của người phụ nữ ngay chính.

Chẳng bao lâu nữa, chúng và bạn bè chúng sẽ nhận lấy trách nhiệm của các chị em phụ nữ tuyệt vời này trên toàn cầu.

Tôi hy vọng điều tôi nói trong sứ điệp này sẽ mang lại cho chúng và cho tất cả những người nghe hoặc đọc sứ điệp này một sự hiểu biết rõ ràng về ý định của Chúa dành cho các con gái của Ngài khi Hội Phụ Nữ được tổ chức.

Một Mẫu Mực Cổ Xưa về Vai Trò Môn Đồ

Tôi hy vọng rằng các cháu gái của mình sẽ hiểu rằng Hội Phụ Nữ ngày nay được tổ chức theo mẫu mực của các môn đồ trong Giáo Hội vào thời xưa. Khi Đấng Cứu Rỗi tổ chức Giáo Hội của Ngài trong thời Tân Ước, thì “các phụ nữ là thành phần tham dự



thiết yếu trong giáo vụ [của Ngài].”¹ Ngài đến nhà của Ma Thê để thăm hai môn đồ tận tụy nhất của Ngài là Ma Thê và Ma Ri. Trong khi Ma Thê lắng nghe Ngài giảng dạy và phục vụ Ngài theo như phong tục vào thời họ, thì Ngài đã giúp cho bà thấy rằng bà có thể làm nhiều hơn nữa. Ngài đã giúp Ma Thê và Ma Ri hiểu rằng họ có thể chọn “phần tốt” là phần không có ai cất lấy được.² Lời phán dụ dằng này là một lời mời gọi để tham dự vào giáo vụ của Chúa. Và về sau trong Kinh Tân Ước, chứng ngôn mạnh mẽ của Ma Thê về thiên tính của Đấng Cứu Rỗi giúp chúng ta hiểu biết một điều nào đó về đức tin và vai trò môn đồ của bà.³

Khi đọc thêm trong Kinh Tân Ước, chúng ta biết được rằng Các Sứ Đồ tiếp tục thiết lập Giáo Hội của Chúa. Chúng ta cũng biết về các phụ nữ trung tín mà mẫu mực môn đồ của họ đã đóng góp vào sự phát triển của Giáo Hội. Phao Lô đã nói về các nữ môn đồ trong những nơi như Ê Phê Sô⁴ và Phi Líp.⁵ Nhưng khi Giáo Hội chân chính của Chúa bị mất vì sự bội giáo, thì mẫu mực của vai trò môn đồ này cũng bị mất theo.

Khi Chúa bắt đầu phục hồi Giáo Hội của Ngài qua Tiên Tri Joseph Smith, một lần nữa Ngài đã bao gồm các phụ nữ vào mẫu mực của vai trò môn đồ. Một vài tháng sau khi Giáo Hội được chính thức tổ chức, Chúa

đã mặc khải rằng Emma Smith phải được phong nhiệm với tư cách là một người lãnh đạo và giảng viên trong Giáo Hội cũng như là một người giúp đỡ chính thức cho chồng bà là Vị Tiên Tri.⁶ Trong sự kêu gọi của bà để giúp Chúa xây đắp vương quốc của Ngài, bà đã được ban cho những điều chỉ dẫn về cách gia tăng đức tin và sự ngay chính cá nhân của bà, cách củng cố gia đình và nhà cửa của bà, cũng như cách phục vụ những người khác.

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ hiểu rằng từ ngày phúc âm bắt đầu được phục hồi trong gian kỳ này, Chúa đã cần các phụ nữ trung tín tham gia với tư cách là các môn đồ của Ngài.

Tôi xin đưa ra chỉ một ví dụ về sự đóng góp phi thường của họ là công việc truyền giáo. Sự tăng trưởng lớn lao của Giáo Hội có thể có được nhờ vào những người đàn ông trung tín sẵn lòng rời bỏ gia đình mình để đi đến những nơi xa lạ rồi chịu cảnh thiếu thốn và gian khổ để giảng dạy phúc âm. Tuy nhiên, những người đàn ông này hiểu rằng công việc truyền giáo của họ sẽ không thể thực hiện được nếu không có đức tin trọn vẹn và sự chung phần của những người phụ nữ trong cuộc sống của họ. Những người phụ nữ này chống đỡ cho mái ấm gia đình đồng thời làm việc để có thu nhập cho gia đình và những người đàn ông truyền giáo của

họ. Các chị em phụ nữ cũng chăm sóc cho hàng ngàn người cải đạo quy tụ trong cộng đồng của họ. Họ hết lòng cam kết với một lối sống mới, góp phần xây đắp vương quốc của Chúa và tham gia vào công việc cứu rỗi của Ngài.

Liên Kết với Chức Tư Tế

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ hiểu rằng Chúa đã soi dẫn Tiên Tri Joseph Smith để tổ chức các phụ nữ của Giáo Hội “dưới chức tư tế theo mẫu mực của chức tư tế”⁷ và giảng dạy họ “cách [họ] tiến đến việc có được đặc ân, phước lành và ân tứ của Chức Tư Tế.”⁸

Khi Hội Phụ Nữ được chính thức tổ chức, Emma Smith tiếp tục phục vụ trong sự kêu gọi của bà với tư cách là người lãnh đạo. Bà được kêu gọi làm chủ tịch của tổ chức này, với hai cố vấn để phục vụ với bà trong một chủ tịch đoàn. Thay vì được chọn ra bằng cách biểu quyết chung, như thường được thấy trong các tổ chức bên ngoài Giáo Hội, chủ tịch đoàn này được kêu gọi bởi sự mặc khải, được tán trợ bởi những người mà chủ tịch đoàn này sẽ lãnh đạo, và được phong nhiệm bởi các vị lãnh đạo chức tư tế để phục vụ trong những sự kêu gọi của họ. Do đó chủ tịch đoàn này “được Thượng Đế kêu gọi bằng lời tiên tri và bằng phép đặt tay bởi những vị có thẩm quyền.”⁹ Việc được tổ chức dưới Chức Tư Tế giúp cho chủ tịch đoàn có thể nhận được sự hướng dẫn từ Chúa và các vị tiên tri của Ngài về một công việc cụ thể. Tổ chức của Hội Phụ Nữ làm cho nhà kho của Chúa có thể được quản lý nhờ tài năng, thời giờ và phương tiện một cách khôn ngoan và có trật tự.

Nhóm phụ nữ đầu tiên đó hiểu rằng họ đã được ban cho thẩm quyền để giảng dạy, soi dẫn và tổ chức các chị em phụ nữ với tư cách là môn đồ để phụ giúp trong công việc cứu rỗi của Chúa. Trong các buổi họp đầu tiên của họ, các chị em phụ nữ được giảng dạy về các mục đích hướng dẫn của Hội Phụ Nữ: gia tăng đức tin và sự ngay chính cá nhân, củng cố gia đình và nhà cửa, cùng tìm kiếm và giúp đỡ những người hoạn nạn.

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ hiểu rằng tổ chức Hội Phụ Nữ là một phần chuẩn bị thiết yếu cho Các Thánh Hữu về các đặc ân, phước lành và ân tứ là những điều chỉ được tìm thấy trong đền thờ. Chủ Tịch Joseph Fielding Smith dạy rằng Hội Phụ Nữ “là một phần thiết yếu của vương quốc của Thượng Đế trên thế gian” và “được hoạch định và điều hành nhằm giúp đỡ các tín hữu trung thành của tổ chức đạt được cuộc sống vĩnh cửu trong vương quốc của Đức Chúa Cha.”¹⁰ Chúng ta có thể tưởng tượng ra cảnh các chị em phụ nữ ở trong Cửa Hàng Red Brick của Joseph Smith tại các buổi họp đầu tiên đó của Hội Phụ Nữ, đang nhìn ra ngọn đồi nơi có một đền thờ đang xây cất trong khi Vị Tiên Tri dạy cho họ biết rằng “cần phải có một hội chọn lọc, tách biệt ra khỏi tất cả những điều xấu xa của thế gian, sự lựa chọn, đạo đức, và thánh thiện.”¹¹

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ quý trọng đền thờ như các chị em của Hội Phụ Nữ đầu tiên, là những người tin rằng các phước lành đền thờ là phần thưởng lớn nhất và mục tiêu cao quý của mỗi phụ nữ Thánh Hữu Ngày Sau. Tôi hy vọng rằng, giống như các chị trong Hội Phụ Nữ ban đầu, các cháu gái của tôi sẽ hằng ngày cố gắng trở nên chín chắn đủ để lập và tuân giữ các giao ước đền thờ thiêng liêng và khi đến lúc chúng đi đền thờ, chúng sẽ lưu ý đến tất cả những gì được nói và làm. Qua các phước lành của đền thờ, chúng sẽ được trang bị với quyền năng¹² và được phước để nhận được “chìa khóa của sự hiểu biết về Thượng Đế.”¹³ Qua các giáo lễ của Chức Tư Tế chỉ được tìm thấy trong đền thờ, các cháu gái của tôi sẽ được phước để làm tròn các trách nhiệm thiêng liêng, vĩnh cửu của chúng, và chúng sẽ hứa sống sao cho xứng đáng với tư cách là các môn đồ đã cam kết. Tôi biết ơn rằng một trong số các mục đích chính yếu của Chúa trong việc tổ chức Hội Phụ Nữ là giao cho các phụ nữ trách nhiệm để giúp nhau chuẩn bị cho việc “nhận được các phước lành lớn lao hơn của chức tư tế được tìm thấy trong các giáo lễ và giao ước của đền thờ.”¹⁴



Nơi Nương Tựa và Ảnh Hưởng của một Tổ Chức Phụ Nữ trên Toàn Thế Giới

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ dần dần hiểu được ảnh hưởng quan trọng và khả năng của tình chị em tuyệt vời trong Hội Phụ Nữ trên toàn thế giới. Kể từ năm 1842, Giáo Hội đã lan rộng vượt ra khỏi Nauvoo, và giờ đây Hội Phụ Nữ đã hiện diện ở hơn 175 quốc gia, nơi có các chị em phụ nữ nói hơn 80 ngôn ngữ. Mỗi tuần, các tiểu giáo khu và chi nhánh mới đều được tổ chức, và Các Hội Phụ Nữ mới trở thành một phần của hội phụ nữ càng ngày càng phát triển, “lan rộng trên khắp các lục địa.”¹⁵ Khi Hội Phụ Nữ còn tương đối ít người và được tổ chức chủ yếu là ở Utah, thì những người lãnh đạo của hội có thể tập trung phần lớn cách tổ chức và vai trò môn đồ của họ theo các chương trình xã hội địa phương và công việc liên hiệp cứu trợ. Họ phát triển nền công nghiệp tại gia và thực hiện các dự án để xây cất bệnh viện và dự trữ lúa thóc. Các nỗ lực của Hội Phụ Nữ ban đầu đã giúp thiết lập các mẫu mực của vai trò môn đồ mà hiện nay đang được áp dụng trên toàn cầu. Khi Giáo Hội phát triển, thì Hội Phụ Nữ đã có thể làm tròn các mục đích của mình trong mỗi tiểu giáo khu và chi nhánh, trong mỗi giáo khu và giáo hạt, trong khi thích ứng với một thế giới luôn thay đổi.

Mỗi ngày, các chị em trong Hội Phụ Nữ trên khắp thế giới trải qua toàn

bộ phạm vi thử thách và kinh nghiệm trần thế. Các phụ nữ và gia đình của họ ngày nay sống đối mặt với những kỳ vọng chưa được thực hiện; bệnh tâm thần, thể chất và tinh thần; tai nạn và cái chết. Một số chị em phụ nữ chịu cô đơn và thất vọng vì họ không có gia đình riêng của mình, và những người khác đau khổ vì hậu quả của sự lựa chọn sai lầm của những người trong gia đình. Một số người nếm mùi chiến tranh, đói khát hoặc thiên tai, và những người khác biết được tình trạng căng thẳng của thói nghiện ngập, nạn thất nghiệp, hoặc thiếu học vấn và huấn luyện. Tất cả những nỗi khó khăn này có khả năng hủy diệt đức tin và làm suy yếu sức mạnh của cá nhân và gia đình. Một trong số các mục đích của Chúa trong việc tổ chức các chị em phụ nữ thành một tổ chức môn đồ là nhằm mang lại sự cứu giúp để nâng họ lên cao khỏi “tất cả những gì cản trở niềm vui và sự tiến bộ của phụ nữ.”¹⁶ Trong mọi tiểu giáo khu và chi nhánh, có một Hội Phụ Nữ với những chị em phụ nữ là những người có thể tìm kiếm và nhận được mặc khải cũng như lời khuyên dạy của các vị lãnh đạo chức tư tế để củng cố lẫn nhau cùng tìm kiếm các giải pháp có thể áp dụng trong nhà và cộng đồng của mình.

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ hiểu rằng qua Hội Phụ Nữ, vai trò môn đồ của chúng được mở rộng và chúng có thể bắt đầu tham gia với



những người khác trong công việc nhằm gây ấn tượng và quả cảm như Đấng Cứu Rỗi đã làm. Loại công việc mà các chị em phụ nữ của Giáo Hội này được yêu cầu để làm trong thời kỳ chúng ta thì chưa bao giờ có phạm vi quá khiêm tốn hoặc quá tầm thường đối với Chúa. Qua lòng trung tín của mình, họ có thể cảm nhận được sự chấp thuận của Ngài và được ban phước với sự đồng hành của Thánh Linh Ngài.

Các cháu gái của tôi cũng cần phải biết rằng các chị em trong Hội Phụ Nữ còn có thể cung ứng một chỗ an toàn, nơi trú ẩn, và sự bảo vệ nữa.¹⁷ Trong khi thời kỳ của chúng ta trở nên càng khó khăn hơn, thì các chị em trung tín trong Hội Phụ Nữ sẽ giúp bảo vệ những mái ấm gia đình của Si Ôn khỏi những tiếng gào thét của thế gian cùng ảnh hưởng tà ác và khiêu khích của kẻ nghịch thù. Và qua Hội Phụ Nữ, chúng sẽ được giảng dạy và củng cố, rồi được giảng dạy và củng cố thêm nữa, và ảnh hưởng của các phụ nữ ngay chính có thể ban phước cho rất nhiều con cái của Đức Chúa Cha hơn.

Vai Trò Môn Đồ để Trông Nom Chăm Sóc và Phục Sự

Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ hiểu rằng việc thăm viếng giảng dạy là một cách bày tỏ vai trò môn

đồ của chúng và một cách quan trọng để tôn trọng các giao ước của chúng. Khía cạnh của vai trò môn đồ này của chúng ta cần phải giống y như giáo vụ của Đấng Cứu Rỗi. Trong những thời kỳ ban đầu của Hội Phụ Nữ, một ủy ban thăm viếng từ mỗi tiểu giáo khu được chỉ định nhằm đánh giá nhu cầu và thu góp những đồ tặng đỡ để phân phát cho những người hoạn nạn. Trong suốt những năm tháng, các chị em phụ nữ và những người lãnh đạo trong Hội Phụ Nữ đã học từng bước một và cải tiến khả năng của họ để trông nom những người khác. Có những lúc các chị em phụ nữ đã tập trung nhiều hơn vào việc hoàn tất những cuộc viếng thăm, giảng dạy bài học và để lại những thông báo khi họ dừng chân ở nhà của các chị em mình thăm viếng. Những lối thực hành này đã giúp các chị em này học hỏi những khuôn mẫu của việc trông nom chăm sóc. Cũng giống như những người trong thời kỳ của Môi Se đã tập trung vào việc giữ những bản liệt kê dài về luật lệ, thì các chị em trong Hội Phụ Nữ đôi khi áp đặt nhiều luật lệ bằng văn bản và bắt thành văn lên chính họ với mong muốn để hiểu cách củng cố lẫn nhau.

Vì ngày nay cuộc sống của các chị em phụ nữ và gia đình của họ cần được cứu giúp và giải cứu rất nhiều, nên Cha Thiên Thượng cần chúng ta

phải đi theo một con đường cao quý hơn và cho thấy vai trò môn đồ của mình bằng cách chân thành chăm sóc các con cái của Ngài. Với mục đích quan trọng này trong tâm trí, giờ đây những người lãnh đạo được dạy phải yêu cầu có được những bản báo cáo về sự an lạc thuộc linh và vật chất của các chị em phụ nữ và gia đình của họ, cũng như về công việc phục vụ đã được thực hiện.¹⁸ Giờ đây, các giảng viên thăm viếng có trách nhiệm phải “chân thành tìm hiểu và yêu thương mỗi chị em phụ nữ, giúp họ củng cố đức tin và phục vụ.”¹⁹

Là các môn đồ cam kết của Đấng Cứu Rỗi, chúng ta đang cải tiến khả năng của mình để làm những điều mà chắc hẳn Ngài sẽ làm nếu Ngài ở đây. Chúng ta biết rằng sự chăm sóc của chúng ta là điều quan trọng đối với Ngài, và như vậy chúng ta cố gắng tập trung vào việc chăm sóc các chị em của mình thay vì làm xong các bản liệt kê những điều phải làm. Giáo vụ chân chính được đo lường bằng mức độ lòng bác ái của chúng ta hơn là con số thống kê hoàn hảo của chúng ta. Chúng ta sẽ biết rằng mình được thành công trong giáo vụ của mình với tư cách là các giảng viên thăm viếng khi các chị em phụ nữ của chúng ta có thể nói: “Người giảng viên thăm viếng của tôi giúp tôi tăng trưởng phần thuộc linh” và “tôi biết rằng người giảng viên thăm viếng của tôi hết sức quan tâm đến tôi và gia đình tôi” và “nếu có vấn đề, tôi biết rằng người giảng viên thăm viếng của tôi sẽ hành động mà không cần phải

Itu, Brazil



chờ được yêu cầu.” Những người lãnh đạo nào hiểu tầm quan trọng của việc phục sự những người khác thì sẽ hội ý với nhau để tìm kiếm và nhận được mặc khải về cách gây dựng các giảng viên thăm viếng và cách tổ chức cùng thực hiện giáo vụ đầy soi dẫn của họ.

Ngoài ra, việc thăm viếng giảng dạy còn là một chỉ thị được vị giám trợ đưa ra để chăm sóc đàn chiên của Chúa. Vị giám trợ và chủ tịch Hội Phụ Nữ cần sự phục vụ của các giảng viên thăm viếng đầy soi dẫn để phụ giúp họ làm tròn trách nhiệm của mình. Qua giáo vụ của các giảng viên thăm viếng, một chủ tịch Hội Phụ Nữ có thể nhận biết sự an lạc của mỗi chị em phụ nữ trong tiểu giáo khu và báo cáo về sự an lạc của họ khi chị họp với vị giám trợ.

Chủ Tịch Thomas S. Monson đã dạy chúng ta rằng “khi chúng ta cố gắng với đức tin không hề nghi ngờ để làm tròn các bổn phận đã được chỉ định cho mình, khi tìm kiếm sự soi dẫn của Thượng Đế trong lúc thi hành trách nhiệm của mình, thì chúng ta có thể đạt được những kết quả kỳ diệu.”²⁰ Tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ góp phần vào những phép lạ khi chúng giúp cho việc thăm viếng giảng dạy trở thành một mẫu mực của vai trò môn đồ mà Chúa sẽ chấp nhận khi Ngài tái lâm.

Làm Tròn Mục Đích của Hội Phụ Nữ

Những điều giảng dạy này và những điều giảng dạy thiết yếu khác về Hội Phụ Nữ hiện đã có sẵn cho các cháu gái của tôi học trong sách *Daughters in My Kingdom: The History and Work of Relief Society (Các Con Gái trong Vương Quốc của Ta: Lịch Sử và Việc Làm của Hội Phụ Nữ)*. Sách này là một quyển ghi chép về di sản của Hội Phụ Nữ và các phụ nữ của Giáo Hội này. Sách này sẽ thống nhất và giúp các chị em phụ nữ trên toàn thế giới sống theo các mục đích của Hội Phụ Nữ và mẫu mực cùng đặc ân của các môn đồ. Sách này là bằng chứng về vai trò thiết yếu của phụ nữ trong kế hoạch hạnh phúc của Đức Chúa Cha, và sách cung ứng một tiêu chuẩn bất di bất dịch về điều chúng ta tin, điều chúng ta



làm và điều chúng ta sẽ bênh vực. Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn đã khuyến khích chúng ta phải “nghiên cứu sách này và để cho các lẽ thật vĩnh viễn và các tấm gương đầy cảm ứng ảnh hưởng cuộc sống của [chúng ta].”²¹

Vì biết rằng tổ chức của Hội Phụ Nữ được Chúa thiết lập, Chủ Tịch Joseph F. Smith đã nói với các chị em trong Hội Phụ Nữ: “Đây chính là trách nhiệm của các chị em để lãnh đạo thế giới và nhất là lãnh đạo các phụ nữ của thế giới. . . . Các chị em lãnh đạo thế giới chứ không phải để thế giới lãnh đạo.”²² Vì giờ tái lâm của Chúa đã gần kề, nên tôi hy vọng các cháu gái của tôi sẽ trở thành các phụ nữ vững mạnh, trung tín, là những người áp dụng các nguyên tắc và mẫu mực của Hội Phụ Nữ trong cuộc sống của mình. Khi Hội Phụ Nữ trở thành một lối sống của chúng, thì tôi hy vọng rằng chúng sẽ phục vụ trong tình đoàn kết với những người khác để làm tròn các mục đích thiêng liêng của Hội Phụ Nữ. Tôi có được chứng ngôn về Giáo Hội chân chính đã được phục hồi của Chúa Giê Su Ky Tô, và tôi biết ơn về mẫu mực của vai trò môn đồ đã được phục hồi khi Chúa soi dẫn cho Tiên Tri Joseph Smith để tổ chức Hội Phụ

Nữ. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. *Daughters in My Kingdom: The History and Work of Relief Society* (2011), 3.
2. Xin xem Lu Ca 10:38–42.
3. Xin xem Giảng 11:20–27.
4. Xin xem Công Vụ Các Sứ Đồ 18:24–26; Rô Ma 16:3–5.
5. Xin xem Phi Líp 4:1–4.
6. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 25.
7. Joseph Smith, trong *Daughters in My Kingdom*, 12.
8. Joseph Smith, trong *History of the Church*, 4:602.
9. Những Tín Điều 1:5.
10. Joseph Fielding Smith, trong *Daughters in My Kingdom*, 97.
11. Joseph Smith, trong *Daughters in My Kingdom*, 15.
12. Xin xem Giáo Lý và Giao Ước 109:22; xin xem thêm Sheri L. Dew, trong *Daughters in My Kingdom*, 128.
13. Giáo Lý và Giao Ước 84:19; xin xem thêm Ezra Taft Benson, trong *Daughters in My Kingdom*, 129.
14. *Daughters in My Kingdom*, 131.
15. Boyd K. Packer, trong *Daughters in My Kingdom*, 99.
16. John A. Widtsoe, trong *Daughters in My Kingdom*, 25.
17. Xin xem *Daughters in My Kingdom*, 86–87.
18. Xin xem *Handbook 2: Administering the Church* (2010), 9.5.4.
19. *Handbook 2*, 9.5.1.
20. Thomas S. Monson, trong *Daughters in My Kingdom*, 91.
21. Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, trong *Daughters in My Kingdom*, ix.
22. Joseph F. Smith, trong *Daughters in My Kingdom*, 66.



Bài của Silvia H. Allred

Đệ Nhất Cố Vấn trong
Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Phụ Nữ

Lòng Bác Ái Không Bao Giờ Hư Mất

Hãy khẩn nài để có được một ước muốn tràn đầy ân tứ về lòng bác ái, tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô.

Vợ chồng tôi mới vừa đi thăm thành phố Nauvoo, Illinois. Trong khi ở đó, chúng tôi ngồi trong căn phòng trên lầu của Cửa hàng Red Brick, là nơi Tiên Tri Joseph Smith đặt một văn phòng và làm nơi buôn bán. Chúng tôi chăm chú lắng nghe người hướng dẫn viên vạch ra những nét chính của một số sự kiện lịch sử của Sự Phục Hồi đã xảy ra ở đó.

Tôi nghĩ về sự thành lập của Hội Phụ Nữ và một vài điều giảng dạy mà các chị em Hội Phụ Nữ đã nhận được từ Tiên Tri Joseph chính trong căn phòng đó. Những điều giảng dạy đó trở thành các nguyên tắc nền tảng để thành lập Hội Phụ Nữ. Các mục đích của việc gia tăng đức tin, củng cố gia đình của Si Ô-n và tìm kiếm cùng giúp đỡ những người hoạn nạn đã được thiết lập từ lúc ban đầu. Các mục đích này luôn luôn phù hợp với những lời giảng dạy của các vị tiên tri của chúng ta.

Tại một buổi họp trong số những buổi họp ban đầu đó, Tiên Tri Joseph đã trích dẫn từ những bài viết của

Phao Lô gửi cho người Cô Rinh Tô. Trong bài giảng hùng hồn của ông về lòng bác ái, Phao Lô đã nói đến đức tin, hy vọng, và lòng bác ái, kết thúc với câu “nhưng điều trọng hơn trong ba điều đó là tình yêu thương (tức là lòng bác ái).”¹

Ông mô tả các đức tính được gồm trong lòng bác ái. Ngài phán:

“Tình yêu thương hay nhịn nhục; tình yêu thương hay nhơn từ; tình yêu thương chẳng ghen tị, chẳng khoe mình, chẳng lên mình kiêu ngạo, chẳng làm điều trái phép,

“... Chẳng kiếm tư lợi, chẳng nóng giận, chẳng nghi ngờ sự dữ;

“Chẳng vui về điều không công bình, nhưng vui trong lẽ thật.

“Tình yêu thương hay dung thứ mọi sự, tin mọi sự, trông cậy mọi sự, nín chịu mọi sự.

“Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ.”²

Khi ngỏ lời cùng các chị em phụ nữ, Tiên Tri Joseph nói: “Đừng giới hạn tầm nhìn của các chị em về đức hạnh của người lân cận mình. . . . Các chị em cần phải mở rộng tình cảm của

mình đối với những người khác nếu các chị em muốn làm giống như Chúa Giê Su. . . . Khi phát triển tính vô tội và đức hạnh, khi phát triển lòng nhân từ, thì hãy để cho lòng mình được rộng mở—hãy để cho lòng mình được rộng mở đối với những người khác—các chị em phải có lòng nhịn nhục và chịu đựng những lỗi lầm của nhân loại. Linh hồn của con người thật là quý giá biết bao!”³

Câu thánh thư “Lòng bác ái không bao giờ hư mất” đã trở thành phương châm của Hội Phụ Nữ vì câu này chấp nhận những lời giảng dạy và trách nhiệm mà Tiên Tri Joseph Smith đã đưa ra cho các chị em Hội Phụ Nữ để “an ủi người nghèo khó” và “cứu vớt các linh hồn.”⁴

Các nguyên tắc nền tảng này đã được các chị em Hội Phụ Nữ trên khắp thế giới chấp nhận vì đây chính là bản chất của công việc Hội Phụ Nữ.

Lòng bác ái là gì? Làm thế nào chúng ta có được lòng bác ái?

Tiên Tri Mặc Môn định nghĩa lòng bác ái là “tình yêu thương thanh khiết của Đấng Ky Tô,”⁵ trong khi Phao Lô dạy rằng “lòng yêu thương (tức là lòng bác ái) . . . là dây liên lạc của sự trọn lành,”⁶ và Nê Phi nhắc chúng ta nhớ rằng “Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho tất cả mọi người phải có lòng bác ái, và lòng bác ái đó tức là tình thương yêu vậy.”⁷

Khi xem lại lời mô tả trước đây của Phao Lô về lòng bác ái, chúng ta biết được rằng lòng bác ái không phải là một hành động đơn lẻ hay điều chúng ta ban phát, mà là một trạng thái, một trạng thái của tấm lòng, những cảm nghĩ nhân từ nảy sinh ra những hành động nhân từ.

Mặc Môn cũng dạy rằng lòng bác ái được ban cho các môn đồ chân chính của Chúa và rằng lòng bác ái thanh tẩy những người có lòng bác ái đó.⁸ Ngoài ra, chúng ta biết được rằng lòng bác ái là một ân tứ thiêng liêng mà chúng ta cần phải tìm kiếm và cầu xin. Chúng ta cần phải có lòng bác ái để được thừa hưởng thượng thiên giới.⁹

Với sự hiểu biết rằng Chúa đã phán bảo chúng ta phải “khoác lên mình sợi dây ràng buộc của lòng bác ái,”¹⁰ chúng ta cần phải hỏi các đức tính

nào sẽ giúp chúng ta phát triển lòng bác ái.

Trước hết, chúng ta cần phải có ước muốn phát triển lòng bác ái và trở thành giống như Đấng Ky Tô hơn.

Bước kế tiếp là cầu nguyện. Mặc Môn khuyên nhủ chúng ta phải “cầu nguyện lên Đức Chúa Cha với tất cả mãnh liệt của lòng mình, để [chúng ta] được tràn đầy tình thương này.” Tình yêu thương thánh thiện này chính là lòng bác ái, và khi chúng ta được tràn đầy tình yêu thương này, thì “chúng ta sẽ được giống như Ngài.”¹¹

Việc đọc thánh thư hằng ngày có thể mang tâm trí chúng ta đến Đấng Cứu Rỗi và ước muốn được giống như Ngài hơn.

Trong văn phòng mình, tôi đã chọn treo lên một bức tranh của Minerva Teichert có tên là *Rescue of the Lost Lamb (Giải Cứu Chiên Con Bị Thất Lạc)*. Bức tranh này mô tả Đấng Cứu Rỗi đứng ở giữa các con chiên của Ngài và dịu dàng ôm một con chiên nhỏ trong tay Ngài. Bức tranh này giúp tôi suy nghĩ về lời khấn nài của Ngài: “Hãy chăn chiên ta,”¹² điều đó đối với tôi có nghĩa là phục sự tất cả những người xung quanh các chị em và lưu tâm đến những người hoạn nạn.

Đấng Cứu Rỗi là tấm gương hoàn hảo về cách thể hiện lòng bác ái. Trong giáo vụ trên trần thế của Ngài, Ngài đã cho thấy lòng trắc ẩn đối với người đói, người phạm tội, người khổ sở và người đau yếu. Ngài đã phục sự người nghèo khó và người giàu có; đã phục sự phụ nữ, trẻ em và đàn ông, gia đình, bạn bè và người lạ. Ngài đã tha thứ cho những người buộc tội Ngài, Ngài đã chịu thống khổ và chết cho tất cả nhân loại.

Itu, Brazil



Trong suốt cuộc sống của mình, Tiên Tri Joseph Smith cũng đã thể hiện lòng bác ái với tình huynh đệ rộng mở và kính trọng những người khác. Ông nổi tiếng về lòng nhân từ, tình cảm, lòng trắc ẩn, và mối quan tâm đối với những người xung quanh.

Ngày nay, chúng ta được ban phước có một vị tiên tri là hiện thân của lòng bác ái. Chủ Tịch Thomas S. Monson là một tấm gương cho chúng ta và cho thế gian. Ông là người có lòng bác ái. Ông nhân từ, đầy lòng trắc ẩn và rộng lượng; một người thừa hành chân chính của Chúa Giê Su Ky Tô.

Chủ Tịch Monson dạy rằng: “Lòng bác ái là kiên nhẫn đối với một người nào đó làm cho chúng ta thất vọng. Đó là không để bị thúc đẩy để trở nên bị tổn thương dễ dàng. Đó là chấp nhận những yếu kém và khuyết điểm. Đó là chấp nhận bản tính thật của người khác. Đó là cái nhìn vượt quá diện mạo bên ngoài đến những thuộc tính mà sẽ không giảm bớt với thời gian. Đó là không để bị thúc đẩy để phê phán những người khác.”¹³

Khi có lòng bác ái, chúng ta sẵn lòng phục vụ và giúp đỡ những người khác khi điều đó không thuận tiện và không hề nghĩ đến việc được ghi nhận hay đền đáp. Chúng ta không phải chờ để được chỉ định giúp đỡ vì lòng bác ái chính là bản tính tự nhiên của chúng ta. Khi chọn sống nhân từ, có lòng quan tâm, rộng lượng, kiên nhẫn, chấp nhận, tha thứ, mời mọi người khác tham gia, và vị tha, thì

chúng ta khám phá ra rằng mình tràn đầy lòng bác ái.

Hội Phụ Nữ cung ứng vô số cách thức để phục vụ những người khác. Một trong những cách thức quan trọng nhất để thể hiện lòng bác ái là qua việc thăm viếng giảng dạy. Qua việc thăm viếng giảng dạy một cách hữu hiệu, chúng ta có nhiều cơ hội để yêu thương, phục sự và phục vụ những người khác. Việc biểu lộ lòng bác ái, hay tình yêu thương, thanh tẩy và thánh hóa tâm hồn chúng ta, giúp chúng ta trở nên giống như Đấng Cứu Rỗi hơn.

Tôi kinh ngạc khi chứng kiến vô số hành động bác ái được thực hiện hằng ngày bởi các giảng viên thăm viếng trên khắp thế giới là những người phục sự một cách vị tha nhu cầu cá nhân của các chị em phụ nữ và gia đình của họ. Tôi xin thưa cùng các giảng viên thăm viếng trung tín này: “Qua những hành động bác ái nhỏ bé đó, các chị em đã noi theo Đấng Cứu Rỗi và hành động với tư cách là công cụ trong tay Ngài khi giúp đỡ, chăm sóc, nâng đỡ, an ủi, lắng nghe, khuyến khích, nuôi dưỡng, giảng dạy, và củng cố các chị em đang được mình chăm sóc.” Tôi xin chia sẻ một vài ví dụ ngắn về giáo vụ như vậy.

Rosa mắc bệnh tiểu đường làm suy nhược, và các căn bệnh khác. Chị gia nhập Giáo Hội cách đây một vài năm. Chị là một người mẹ đơn chiếc với một đứa con trai còn tuổi vị thành niên. Chị thường phải nằm bệnh viện mỗi lần một vài ngày. Các giảng viên

thăm viếng nhân từ của chị không những đưa chị đến bệnh viện, mà họ còn đến thăm và an ủi chị tại bệnh viện đồng thời trông nom đứa con trai của chị ở nhà và trường học. Các giảng viên thăm viếng của chị phục vụ với tư cách là những người bạn và gia đình của chị.

Sau một vài lần đầu tiên thăm viếng một chị phụ nữ nọ, Kathy nhận ra rằng chị này không biết đọc nhưng rất muốn học đọc. Kathy đề nghị giúp đỡ chị này mặc dù Kathy biết là sẽ cần rất nhiều thời giờ, lòng kiên nhẫn và kiên trì.

Emily là một người vợ trẻ đang tìm kiếm lẽ thật. Chồng của chị là Michael không quan tâm đến tôn giáo. Khi Emily bị bệnh và nằm bệnh viện một thời gian, thì một chị trong Hội Phụ Nữ và cũng là người hàng xóm của chị tên là Cali mang thức ăn đến cho gia đình, trông đứa con nhỏ của họ, dọn dẹp nhà cửa, và sắp xếp để Emily nhận được một phước lành của chức tư tế. Những hành động bác ái này đã làm mềm lòng Michael. Anh ấy đã quyết định tham dự các buổi họp nhà thờ và gặp những người truyền giáo. Emily và Michael mới vừa chịu phép báp têm.

“Lòng bác ái không bao giờ hư mất. . . . Lòng bác ái là nhân từ, không tìm lợi lộc cho cá nhân mình, chịu đựng mọi sự, nhẫn nại mọi sự.”¹⁴

Chủ Tịch Henry B. Eyring nói:

“Lịch sử của Hội Phụ Nữ đầy đầy những câu chuyện phi thường về sự phục vụ vô vị kỷ. . . .

“ . . . Hội Phụ Nữ này gồm có các phụ nữ là những người có cảm nghĩ bác ái xuất phát từ những tấm lòng được thay đổi nhờ hội đủ điều kiện và tuân giữ các giao ước chỉ được ban cho trong Giáo Hội chân chính của Chúa. Những cảm nghĩ bác ái của họ đến từ Ngài qua Sự Chuộc Tội của Ngài. Hành động bác ái của họ được hướng dẫn qua tấm gương của Ngài—và phát sinh từ lòng biết ơn về ân tứ thương xót vô hạn của Ngài—và qua Đức Thánh Linh, do Ngài gửi đến để đi cùng với các tôi tớ của Ngài trong sứ mệnh thương xót của họ. Bởi vì thế, họ đã làm và có thể làm những điều hiếm thấy cho những người khác



cũng như tìm thấy niềm vui mặc dù họ có rất nhiều nhu cầu chưa được đáp ứng.”¹⁵

Việc phục vụ và thể hiện lòng bác ái đối với những người khác giúp chúng ta khắc phục những nỗi khó khăn của mình và làm cho những nỗi khó khăn này dường như bớt gay go hơn.

Giờ đây tôi trở lại với những lời giảng dạy của Tiên Tri Joseph dành cho các chị em phụ nữ trong những thời kỳ ban đầu của Sự Phục Hồi. Khi khuyến khích các chị em đó thể hiện lòng bác ái và nhân từ, ông nói: “Nếu các chị em sống theo các nguyên tắc này, thì phần thưởng của các chị em sẽ lớn lao và vinh quang biết bao trong thượng thiên giới! Nếu các chị em sống theo các đặc ân của mình, thì các thiên sứ không thể bị ngăn trở để làm những người cộng sự với các chị em.”¹⁶

Giống như thời kỳ ban đầu ở Nauvoo, là nơi các chị em phụ nữ đi đây đi đó để tìm cách giúp đỡ những người hoạn nạn thì ngày hôm nay cũng như vậy. Các chị em phụ nữ trong vương quốc là những cột trụ vĩ đại về sức mạnh thuộc linh, sự phục vụ với lòng trắc ẩn và tận tụy. Các giảng viên thăm viếng đầy lòng tận tụy đi thăm viếng và chăm sóc cho nhau. Họ noi theo gương của Đấng Cứu Rỗi và làm theo Ngài.

Tất cả các chị em trong Hội Phụ Nữ đều có thể tràn đầy tình yêu thương vì biết rằng những hành động bác ái nhỏ bé của họ có được một quyền năng chữa lành cho những người khác và cho chính họ. Họ dần dần biết chắc rằng lòng bác ái là tình yêu thương thanh khiết của Đấng Kỵ Tô và không bao giờ hư mất.

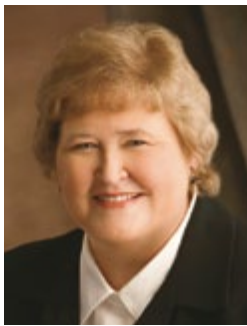
Khi đọc lịch sử của Hội Phụ Nữ, lịch sử này sẽ soi dẫn các chị em để nhận biết rằng nguyên tắc phúc âm quan trọng này là một đề tài chung trong suốt quyển sách đó.

Tôi kết thúc với một lời mời tất cả các phụ nữ trong Giáo Hội hãy khẩn nài để có được một ước muốn tràn đầy ân tứ về lòng bác ái, tình yêu thương thanh khiết của Đấng Kỵ Tô. Hãy sử dụng tất cả những phương tiện của các chị em để làm điều thiện, mang đến sự an ủi và cứu rỗi cho những người xung quanh, kể cả gia đình của mình. Chúa sẽ ban phước để các nỗ lực của các chị em được thành công.

Cầu xin cho sự hiểu biết của chúng ta về tình yêu thương lớn lao mà Đức Chúa Cha và Vị Nam Tử dành cho chúng ta, cũng như đức tin cùng lòng biết ơn của chúng ta về Sự Chuộc Tội, thúc đẩy chúng ta phát triển và sử dụng lòng bác ái đối với tất cả những người xung quanh mình. Đây là lời cầu nguyện của tôi trong tôn danh của Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHỊ CHÚ

1. 1 Cô Rinh Tô 13:13.
2. 1 Cô Rinh Tô 13:4–8.
3. Joseph Smith, trong *Daughters in My Kingdom: The History and Work of Relief Society* (2011), 23.
4. Joseph Smith, trong *Daughters in My Kingdom*, 17.
5. Mô Rô Ni 7:47.
6. Cô Lô Se 3:14.
7. 2 Nê Phi 26:30.
8. Xin xem Mô Rô Ni 7:48.
9. Xin xem Ê The 12:34; Mô Rô Ni 10:21.
10. Giáo Lý và Giao Ước 88:125.
11. Mô Rô Ni 7:48.
12. Xin xem Giảng 21:16–17.
13. Thomas S. Monson, “Lòng Bác Ái Không Bao Giờ Hư Mất,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 124.
14. 1 Cô Rinh Tô 13:4, 5, 7, 8.
15. Henry B. Eyring, “Đi Sân Lâu Đời của Hội Phụ Nữ,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2009, 121.
16. *Những Lời Giảng Dạy của Các Vị Chủ Tịch Cứu Rỗi: Joseph Smith* (2007), 454.



Bài của Barbara Thompson

Đệ Nhị Cố Vấn trong Chủ Tịch Đoàn Trung Ương Hội Phụ Nữ

Hãy Trung Tín Tuân Giữ Các Giao Ước

Khi có đức tin nơi Đấng Ky Tô và trung tín tuân giữ các giao ước của mình, chúng ta sẽ nhận được niềm vui được nói đến trong thánh thư và đã được hứa bởi các vị tiên tri ngày sau của chúng ta.

“**H**ãy nức lòng và vui mừng, và hãy trung tín tuân giữ những giao ước người đã lập.”¹ Tôi luôn luôn cảm thấy niềm vui khi đọc câu thánh thư này. Lòng tôi hân hoan khi nghĩ đến các lời hứa và nhiều phước lành mà đã là một phần cuộc sống của tôi khi tôi tìm cách trung tín tuân giữ các giao ước tôi đã lập với Cha Thiên Thượng.

Vì cha mẹ tôi đều đã qua đời, nên năm nay chúng tôi cần phải dọn dẹp nhà của họ để chuẩn bị đăng bán. Mấy tháng qua, trong khi các anh chị tôi và tôi dọn dẹp và sắp xếp đồ đạc trong nhà của cha mẹ tôi, chúng tôi tìm thấy những quyển lịch sử gia đình và nhiều giấy tờ cùng tài liệu quan trọng. Thật là hấp dẫn khi đọc các quyển tiểu sử cá nhân và phước lành tộc trưởng của cha mẹ và ông bà tôi. Tôi được nhắc nhở về những giao ước mà họ đã lập và tuân giữ.

Bà ngoại của tôi tên là Ellen Hanks Rymer. Vào năm 1912, khi là một

người mẹ trẻ, bà đã nhận được phước lành tộc trưởng. Khi tôi đọc bản phước lành của bà, những dòng chữ này nổi bật trước mắt tôi và còn đọng lại trong tâm trí tôi: “Chị đã được chọn trước khi thế gian được tạo dựng, và là một linh hồn đã được chọn để đến đây trong thời kỳ này . . . Chúng ngôn của chị sẽ được tăng trưởng và chị sẽ có thể làm chứng . . . Kẻ hủy diệt đã tìm cách hủy diệt chị, nhưng nếu chị trung tín cùng Thượng Đế của mình, thì nó [kẻ hủy diệt] sẽ không có quyền năng để làm hại chị. Qua lòng trung tín của mình, chị sẽ có quyền năng lớn lao và kẻ hủy diệt sẽ chạy trốn chị bởi vì sự ngay chính của chị. . . . Khi giờ sợ hãi và thử thách đến, nếu chị chịu lui vào nơi chỗ kín mật để cầu nguyện thì lòng chị sẽ được an ủi và những trở ngại sẽ được cất bỏ.”²

Bà ngoại của tôi được hứa rằng nếu bà chịu tuân giữ các giao ước của mình và ở gần Thượng Đế, thì Sa Tan không thể nào có quyền năng gì đối

với bà cả. Bà sẽ được an ủi và giúp đỡ trong những thử thách của mình. Những lời hứa này đã được làm tròn trong cuộc sống của bà.

Hôm nay, tôi muốn nói về (1) tầm quan trọng của việc trung tín tuân giữ các giao ước và (2) niềm vui cùng sự bảo vệ có được từ việc tuân giữ các giao ước của chúng ta.

Một vài tấm gương tôi sẽ dùng đến là từ quyển *Daughters in My Kingdom: The History and Work of Relief Society*. Quyển sách này đầy đầy những tấm gương của các phụ nữ đã tìm thấy niềm vui trong việc tuân giữ các giao ước.

Tầm Quan Trọng của Việc Trung Tín Tuân Giữ Các Giao Ước

Sách Hướng Dẫn Thánh Thư cho chúng ta biết rằng giao ước là sự thỏa thuận giữa Thượng Đế và loài người. “Thượng Đế, thể theo lòng nhân từ của Ngài muốn quy định những điều kiện mà loài người chấp nhận. . . . Phúc âm được sắp đặt sao cho các nguyên tắc và các giáo lễ được tiếp nhận qua giao ước mà đặt người nhận dưới bốn phận và trách nhiệm nặng nề để tôn trọng sự cam kết.”³ Trong cụm từ “trung tín tuân giữ những giao ước,” từ *trung tín tuân giữ* có nghĩa là “tôn trọng triệt để” một điều nào đó.⁴

Trong thánh thư, chúng ta học về những người nam và người nữ đã lập giao ước với Thượng Đế. Thượng Đế đã ban cho những chỉ dẫn về điều gì phải làm để tôn trọng các giao ước đó, và rồi khi các giao ước đó được tuân giữ thì các phước lành đã được hứa sẽ tiếp theo sau.

Ví dụ, qua giáo lễ báp têm, chúng ta lập một giao ước với Cha Thiên Thượng. Chúng ta tự chuẩn bị mình cho phép báp têm bằng cách có đức tin nơi Chúa Giê Su Ky Tô, hối cải tội lỗi của mình, và tình nguyện mang danh của Đấng Ky Tô. Chúng ta cam kết tuân giữ các giáo lệnh của Thượng Đế và luôn luôn tưởng nhớ tới Đấng Cứu Rỗi. Chúng ta giao ước “sẵn lòng mang gánh nặng lẫn cho nhau để cho gánh nặng ấy được nhẹ nhàng.” Chúng ta cho biết rằng chúng ta sẵn sàng than khóc với những ai than khóc và an ủi những ai cần được an ủi.⁵



Trong các đền thờ thánh, các giáo lễ thiêng liêng khác được tiếp nhận và các giao ước khác được lập. Trong những thời kỳ ban đầu của Sự Phục Hồi, Tiên Tri Joseph Smith khát khao cho Các Thánh Hữu có được các phước lành đền thờ đã được hứa. Chúa phán: “Hãy xây cất ngôi nhà này cho danh ta, để ta có thể mặc khải những giáo lễ của ta ở trong đó cho dân ta biết.”⁶

“Một trong các mục đích của Chúa trong việc tổ chức Hội Phụ Nữ là chuẩn bị các con gái của Ngài cho các phước lành lớn lao hơn của chức tư tế nằm trong các giáo lễ và giao ước của đền thờ. Các . . . chị em phụ nữ ở Nauvoo mong đợi đền thờ được hoàn thành với niềm phấn khởi lớn lao, vì họ biết, như Tiên Tri Joseph Smith đã hứa với Mercy Fielding Thompson, rằng lễ thiên ân sẽ mang họ ‘ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng.’”⁷

“Có hơn 5.000 Thánh Hữu quy tụ lại ở Đền Thờ Nauvoo sau lễ cung hiến của đền thờ đó để họ có thể nhận được lễ thiên ân và giáo lễ gắn bó trước khi bắt đầu cuộc hành trình” đến thung lũng Salt Lake Valley.⁸ Chủ Tịch Brigham Young cùng nhiều vị lãnh đạo Giáo Hội và những người làm việc trong đền thờ dành ra thời giờ của họ, cả ngày lẫn đêm, phục vụ trong đền thờ để công việc quan trọng này có thể được thực hiện cho Các Thánh Hữu.

Các giao ước của chúng ta hỗ trợ chúng ta cho dù trong những lúc tốt đẹp hay trong những lúc khó khăn. Chủ Tịch Boyd K. Packer nhắc chúng ta nhớ rằng “chúng ta là dân giao ước. Chúng ta giao ước sẽ dâng hiến nguồn lực của mình bằng thời giờ, tiền bạc và tài năng—tất cả con người của mình và tất cả những gì chúng ta có—vì lợi ích của vương quốc của Thượng Đế trên thế gian. Nói một cách giản dị, chúng ta giao ước để làm điều tốt. Chúng ta là dân giao ước, và đền thờ là trọng tâm của các giao ước chúng ta. Đó là nguồn giao ước.”⁹

Thánh thư nhắc nhở chúng ta: “Và đây sẽ là giao ước của chúng ta—rằng chúng ta sẽ sống theo tất cả giáo lễ của Chúa.”¹⁰

Chúng ta nhận được các phước lành lớn lao khi trung tín tuân giữ các giao ước của mình.

Niềm Vui và Sự Bảo Vệ Đến từ Việc Tuân Giữ Các Giao Ước của Chúng Ta

Trong Sách Mặc Môn, chúng ta đọc bài giảng của Vua Bê-nê Gia Mìn. Ông dạy dân chúng về Chúa Giê Su Kỵ Tô, rằng Ngài sẽ đến thế gian và chịu tất cả mọi hoạn nạn. Ông dạy dân chúng rằng Đấng Kỵ Tô sẽ chuộc tội lỗi của tất cả nhân loại và rằng danh của Ngài là danh duy nhất mà qua đó con người có thể đạt được sự cứu rỗi.¹¹

Sau khi lắng nghe những lời giảng dạy tuyệt vời này, dân chúng hạ mình

và hết lòng mong muốn được sạch tội và được thanh tẩy. Họ hối cải và tuyên xưng đức tin của họ nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô. Họ lập giao ước với Thượng Đế rằng họ sẽ tuân giữ các giáo lệnh của Ngài.¹²

“Thánh Linh của Chúa giáng xuống trên họ, và họ tràn đầy hân hoan, vì đã nhận được sự xá miễn tội lỗi của mình và có được sự yên ổn trong lương tâm, nhờ họ có đức tin mãnh liệt nơi Chúa Giê Su Kỵ Tô.”¹³

Một ví dụ khác đã được Am Môn cho thấy là về niềm vui có được qua lòng trung tín trong việc tuân giữ các giáo lệnh của Thượng Đế và chia sẻ phúc âm của Ngài với những người khác. Am Môn và các anh em của ông là công cụ trong việc giúp hàng ngàn người đến cùng Đấng Kỵ Tô. Đây là một số câu nói Am Môn đã dùng để mô tả cảm nghĩ của ông khi có rất nhiều người chịu phép báp têm và lập giao ước với Thượng Đế:

“Chúng ta không có lý do để hoan hỷ hay sao?”¹⁴

“Này, sự vui mừng của tôi thật tràn trề, phải, tim tôi tràn trề niềm vui sướng, và tôi sẽ hoan hỷ trong Thượng Đế của tôi.”¹⁵

“Tôi không thể nói được một phần ít nhất những cảm giác của tôi.”¹⁶

“Chưa có người nào có lý do mạnh mẽ để hoan hỷ như chúng ta cả.”¹⁷

Việc lập và tuân giữ các giao ước thiêng liêng làm cho chúng ta có thể có được Đức Thánh Linh ở cùng với mình. Đây là Thánh Linh mà “sẽ làm cho tâm hồn người tràn đầy niềm vui.”¹⁸

Đệ Nhị Thế Chiến đã gây ra nhiều đau khổ cho nhiều người trên khắp thế giới. Các Thánh Hữu ở Đức đã chịu đựng nhiều thử thách. Chủ tịch Hội Phụ Nữ ở Stuttgart, Đức, là Chị Maria Speidel. Khi nói về những thử thách của họ, chị nói: “Sự tin cậy của chúng tôi nơi Chúa và chúng ngôn về Giáo Hội của Ngài là nguồn sức mạnh của chúng tôi. . . . Chúng tôi hân hoan hát các bài ca của Si Ô-n và đặt sự tin cậy của mình nơi Chúa. Ngài làm cho mọi việc được tốt đẹp.”¹⁹

Một lần nữa, khi các tín hữu tuân giữ các giao ước của họ, thì họ cảm

thấy vui mừng cho dù đang đối phó với những thử thách gay go.

Sarah Rich là một phụ nữ ngay chính sống ở Nauvoos được kêu gọi phục vụ trong đền thờ trước khi Các Thánh Hữu bị đuổi ra khỏi thành phố đó. Đây là những lời của bà về các phước lành của các giao ước đền thờ: “Chúng tôi đã nhận được nhiều phước lành trong nhà của Chúa, là điều đã làm cho chúng tôi hân hoan và được an ủi ở giữa tất cả những điều phiền muộn và làm cho chúng tôi có thể có được đức tin nơi Thượng Đế, vì biết rằng Ngài sẽ hướng dẫn và hỗ trợ chúng tôi trong cuộc hành trình xa lạ sắp tới.”²⁰

Trước đó, Các Thánh Hữu đã hoàn thành Đền Thờ Kirtland, và nhiều người đã tham dự lễ cung hiến. Sau lễ cung hiến, đền thờ được Chúa chấp nhận. Chúa phán bảo họ phải “hết sức hân hoan vì những phước lành sẽ được trút xuống, . . . đầu dân [Ngài].”²¹

Trong khi càng ngày càng có nhiều đền thờ thánh được xây cất trên khắp thế giới, tôi đã thấy các phước lành đến với cuộc sống của các tín hữu. Vào năm 2008, tôi đã chứng kiến niềm vui trên gương mặt của một cặp vợ chồng ở Ukraine khi họ nói cho tôi biết là họ sắp đi Freiberg, Đức, để nhận các giáo lễ đền thờ của họ. Để đi đến đền thờ, hai tín hữu đầy tận tụy này phải ngồi trên xe khách liên tỉnh trong 27 giờ cho mỗi chiều đi và chiều về, và họ đã không thể đi đền thờ thường xuyên được. Họ vui mừng thấy Đền Thờ Kyiv Ukraine sắp hoàn thành và họ sẽ có thể đi tham dự đền thờ thường xuyên hơn. Ngôi đền thờ đó hiện nay đã mở cửa và hàng ngàn người vui hưởng các phước lành ở đó.

Khi đọc tiểu sử cá nhân của bà ngoại tôi, tôi biết được về niềm vui lớn lao của bà trong các giao ước của bà. Bà thích đi đền thờ và thực hiện các giáo lễ cho hàng ngàn người đã qua đời. Đó là sứ mệnh trong cuộc sống của bà. Bà phục vụ với tư cách là người làm việc trong đền thờ trong hơn 20 năm ở Đền Thờ Manti Utah. Bà viết rằng bà đã kinh nghiệm được nhiều phép chữa lành kỳ diệu để có thể dưỡng dục con cái bà và phục vụ những người khác bằng cách làm



công việc đền thờ cho họ. Là các cháu ngoại của bà, nếu chúng tôi biết được bất cứ điều gì về Bà Ngoại Rymer, thì đó chính là bà là một phụ nữ ngay chính đã tuân giữ các giao ước của mình và muốn chúng tôi làm như vậy. Khi người ta lục soạn của cải của mình sau khi chúng ta qua đời, thì họ sẽ thấy bằng chứng rằng chúng ta có tuân giữ các giao ước của mình không?

Vị tiên tri yêu quý của chúng ta là Chủ Tịch Thomas S. Monson nói với chúng ta trong đại hội trung ương lần trước: “Khi các anh chị em và tôi đi đến ngôi nhà thánh của Thượng Đế, nếu ghi nhớ các giao ước chúng ta lập ở bên trong đền thờ, thì chúng ta sẽ có thể dễ dàng chịu đựng mọi thử thách và khắc phục mọi cám dỗ. Trong nơi tôn nghiêm thiêng liêng này, chúng ta sẽ tìm được bình an; chúng ta sẽ được đổi mới và củng cố.”²²

Một lần nữa: “Hãy nức lòng và vui mừng, và hãy trung tín tuân giữ những giao ước người đã lập.”²³ Việc tuân giữ các giao ước là niềm vui và hạnh phúc đích thực. Đây là sự an ủi và bình an. Đây là sự bảo vệ khỏi những điều xấu xa của thế gian. Việc tuân giữ các giao ước của chúng ta sẽ giúp chúng ta trong những lúc thử thách.

Tôi làm chứng rằng khi chúng ta có đức tin nơi Đấng Ky Tô và trung tín tuân giữ những giao ước của mình, chúng ta sẽ nhận được niềm vui được

nói đến trong thánh thư và đã được hứa bởi các vị tiên tri ngày sau của chúng ta.

Các chị em thân mến, tôi yêu mến các chị em và hy vọng rằng các chị em sẽ kinh nghiệm được niềm vui lớn lao này trong cuộc sống của mình. Trong tôn danh của Chúa Giê Su Ky Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Giáo Lý và Giao Ước 25:13.
2. Phước lành tộc trưởng do Walter E. Hanks ban cho, ngày 25 tháng Mười năm 1912, ở Lyman, Wayne County, Utah.
3. Sách Hướng Dẫn Thánh Thư, “Giao Ước.”
4. *Merriam-Webster's Collegiate Dictionary*, xuất bản lần thứ 11 (2003), “cleave.”
5. Xin xem Mô Si A 18:8–9; xin xem thêm Thomas S. Monson, “Hôm Nay, Tôi Đã Làm Được Gì cho Người Khác?” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2009, 85–87.
6. Giáo Lý và Giao Ước 124:40.
7. *Daughters in My Kingdom: The History and Work of Relief Society* (2011), 131–32.
8. *Daughters in My Kingdom*, 29.
9. Boyd K. Packer, *Đền Thờ Thánh* (1980), 170.
10. Giáo Lý và Giao Ước 136:4.
11. Xin xem Mô Si A 3:5–18.
12. Xin xem Mô Si A 4:2; 5:5.
13. Mô Si A 4:3.
14. An Ma 26:1.
15. An Ma 26:11.
16. An Ma 26:16.
17. An Ma 26:35.
18. Giáo Lý và Giao Ước 11:13.
19. Maria Speidel, trong *Daughters in My Kingdom*, 76.
20. Sarah Rich, trong *Daughters in My Kingdom*, 30.
21. Giáo Lý và Giao Ước 110:9–10.
22. Thomas S. Monson, “The Holy Temple—a Beacon to the World,” *Liahona*, tháng Năm năm 2011, 93.
23. Giáo Lý và Giao Ước 25:13.



Bài của Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf
Đệ Nhị Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn

Xin Đừng Quên Tôi

Tôi cầu nguyện và ban phước để các chị em sẽ không bao giờ quên rằng các chị em là các con gái thật sự quý báu trong vương quốc của Thượng Đế.

Các chị em thân mến, thật là một niềm vui được có mặt với các chị em ngày hôm nay. Tôi luôn luôn trông chờ buổi họp Hội Phụ Nữ trung ương thường niên này và những sứ điệp được đưa ra ở nơi đây. Xin cảm ơn các chị em. Thật là một vinh dự quý báu đối với tôi để được Chủ Tịch Thomas S. Monson chỉ định nói chuyện và nói thêm một vài điều gửi đến các chị em trong Giáo Hội.

Cách đây đã lâu, tôi đi bộ xuyên qua một khu vườn xinh đẹp với vợ và con gái tôi. Tôi kinh ngạc trước vẻ vinh quang và tuyệt mỹ trong sự sáng tạo của Thượng Đế. Và rồi tôi thấy một đóa hoa nhỏ nhất ở giữa các khóm hoa rực rỡ. Tôi biết tên của loài hoa này vì từ khi còn nhỏ, tôi đã có một mối quan hệ tuyệt vời với nó. Loài hoa này tên là Hoa Lưu Ly hay là Xin Đừng Quên Tôi.

Tôi không biết chắc tại sao đóa hoa nhỏ bé này lại có ý nghĩa nhiều như thế đối với tôi trong nhiều năm. Nó không làm người ta chú ý ngay lập tức, rất dễ bị bỏ quên ở giữa những đóa hoa to hơn và rực rỡ hơn; vậy mà nó thật đẹp, với màu sắc long lanh phản ánh bầu trời trong xanh nhất—có lẽ còn một lý do khác làm cho tôi rất thích nó.

Đó là tên của nó giống như một

lời khẩn nài. Có một truyền thuyết Đức kể lại rằng khi Thượng Đế đặt tên xong cho tất cả các loài cây cỏ rồi thì có một loài hoa không được đặt tên. Một tiếng nói nhỏ nhẹ cất lên: “Ôi Chúa! Xin đừng quên tôi!” Và Thượng Đế đáp lại rằng đây chính là tên của loài hoa đó.

Buổi tối hôm nay, tôi muốn dùng loài hoa nhỏ bé này làm một ẩn dụ. Năm cánh hoa của đóa hoa nhỏ bé “xin đừng quên tôi” thúc giục tôi xem xét năm điều mà chúng ta sẽ không ngoan để đừng bao giờ quên.

Thứ nhất, xin đừng quên là phải kiên nhẫn với chính mình.

Tôi muốn nói với các chị em một điều mà tôi hy vọng các chị em sẽ hiểu theo cách thức đúng: Thượng Đế biết rõ rằng các chị em và tôi không hoàn hảo.

Tôi xin nói thêm rằng: Thượng Đế cũng biết rõ rằng những người mà các chị em nghĩ là hoàn hảo thì thật sự họ không hoàn hảo đâu.

Vậy mà, chúng ta bỏ ra rất nhiều thời giờ và nghị lực để so sánh mình với những người khác—thường thường so sánh khuyết điểm của mình với ưu điểm của họ. Điều này làm cho chúng ta tạo ra những kỳ vọng cho bản thân mình mà không thể nào

đạt được. Do đó, chúng ta không bao giờ ngợi khen các nỗ lực tốt lành của mình vì dường như chúng kém hơn điều mà một người nào khác làm.

Mỗi người đều có ưu điểm và khuyết điểm.

Thật là tuyệt vời nếu các chị em có ưu điểm.

Và việc các chị em có khuyết điểm là một phần của kinh nghiệm trần thế của mình.

Thượng Đế muốn giúp chúng ta cuối cùng biến tất cả những khuyết điểm của mình thành ưu điểm¹ nhưng Ngài biết rằng đây là một mục tiêu dài hạn. Ngài muốn chúng ta trở nên hoàn hảo như Ngài,² và nếu chúng ta vẫn ở trên con đường của môn đồ thì một ngày kia chúng ta sẽ được hoàn hảo. Các chị em chưa đạt đến mức đó thì cũng không sao đâu. Cứ tiếp tục cố gắng nhưng hãy ngừng hành hạ mình.

Các chị em thân mến, nhiều người trong các chị em có lòng trắc ẩn và kiên nhẫn vô bờ bến đối với yếu điểm của những người khác. Cũng xin nhớ hãy có lòng trắc ẩn và kiên nhẫn đối với bản thân mình.

Trong khi ấy, hãy biết ơn về những thành công nhỏ trong nhà, trong mối quan hệ gia đình, học vấn và sinh kế của các chị em, sự tham gia vào Giáo Hội và sự tiến triển của cá nhân mình. Giống như loài hoa “xin đừng quên tôi”, những thành công này có thể dường như nhỏ nhặt đối với các chị em và có thể không được những người khác nhìn thấy, nhưng Thượng Đế thấy chúng và chúng không hề nhỏ nhặt đối với Ngài. Nếu chỉ xem thành công là đóa hoa hồng hoàn hảo hay đóa hoa lan long lanh lấp lánh, thì các chị em có thể bỏ lỡ những kinh nghiệm tuyệt vời nhất của cuộc sống.

Ví dụ, việc khẳng định đòi phải có một buổi họp tối gia đình đẹp như bức tranh mỗi tuần—ngay cả việc làm như vậy sẽ khiến cho các chị em và mọi người xung quanh mình khổ sở—có thể không phải là điều lựa chọn tốt nhất. Thay vì thế, hãy tự hỏi: “Với tính cách là một gia đình, chúng ta có thể làm điều gì thú vị và đầy thuộc linh cũng như mang chúng ta đến gần nhau hơn?” Buổi họp tối gia đình như

thể—mặc dù phạm vi và cách thực hiện có thể giản dị—nhưng có thể có những kết quả tích cực dài hạn hơn.

Cuộc hành trình của chúng ta hướng tới sự hoàn hảo thì rất dài, nhưng chúng ta có thể tìm ra điều kỳ diệu và thích thú ngay cả trong những bước nhỏ nhất của cuộc hành trình đó.

Thứ hai, xin đừng quên điều khác biệt giữa một sự hy sinh khôn ngoan và hy sinh dại dột.

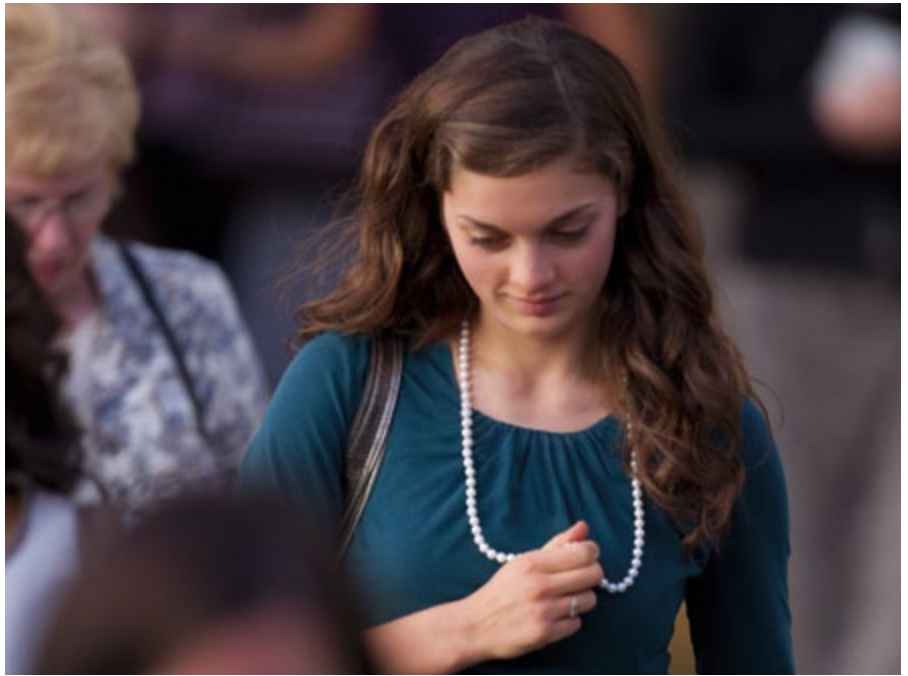
Một sự hy sinh có thể chấp nhận được là khi nào chúng ta từ bỏ một điều tốt lành để đạt được một điều có giá trị lớn lao hơn nhiều.

Việc bỏ giấc ngủ một chút để giúp một đứa con bị ác mộng là một sự hy sinh khôn ngoan. Chúng ta đều biết điều này. Thức suốt đêm, làm hại sức khỏe của mình, để làm một vật phụ cho bộ quần áo mặc ngày Chủ Nhật cho một đứa con gái thì có thể không phải là một sự hy sinh khôn ngoan.

Dành ra một số thời giờ của mình để nghiên cứu thánh thư hoặc chuẩn bị giảng dạy một bài học là một sự hy sinh khôn ngoan. Việc bỏ ra nhiều giờ để khâu tựa đề của bài học vào khăn lót nổi tựa làm ở nhà cho mỗi người trong lớp học của mình có thể không phải là một sự hy sinh khôn ngoan.

Mỗi người và mỗi hoàn cảnh đều khác nhau, và một sự hy sinh khôn ngoan trong một ví dụ có thể là một sự hy sinh dại dột trong một ví dụ khác.

Làm thế nào chúng ta có thể biết được sự khác biệt đối với hoàn cảnh riêng của mình? Chúng ta có thể tự hỏi: “Tôi có đang cam kết thời giờ và nghị lực của mình cho những điều quan trọng nhất không?” Có rất nhiều điều tốt lành để làm, nhưng chúng ta không thể làm tất cả những điều đó được. Cha Thiên Thượng hài lòng nhất khi chúng ta hy sinh một điều tốt lành cho một điều có nhiều giá trị lớn lao hơn trong một viễn cảnh vĩnh cửu. Đôi khi, điều đó còn có thể có nghĩa là chăm lo cho một đóa hoa “xin đừng quên tôi” nhỏ bé nhưng xinh đẹp, thay vì một khu vườn rộng lớn với những bông hoa kỳ dị.



Thứ ba, xin đừng quên phải vui về bây giờ.

Trong câu chuyện thiếu nhi được ưa thích tên là *Charlie and the Chocolate Factory* (*Charlie và Xưởng Làm Kẹo Sô Cô La*), người làm kẹo bí ẩn tên Willy Wonka giấu một tấm vé màu vàng trong năm thỏi kẹo trong số các thỏi kẹo của mình và loan báo rằng người nào tìm được một trong các tấm vé đó sẽ thắng một chuyến tham quan xưởng làm kẹo của ông và số kẹo sô cô la ăn suốt đời.

Câu này được viết trên mỗi tấm vé màu vàng: “Xin có lời chào bạn, người may mắn tìm ra Tấm Vé Màu Vàng này . . . ! Những điều kỳ diệu đang được dành cho bạn! Nhiều điều ngạc nhiên tuyệt vời đang chờ bạn! . . . Những điều ngạc nhiên bí ẩn và kỳ lạ . . . sẽ làm cho bạn vui thích, . . . sống sờ và hoang mang.”³

Trong câu chuyện cổ điển này của thiếu nhi, mọi người trên khắp thế giới đều thiết tha mong muốn tìm ra một tấm vé màu vàng. Một số người cảm thấy rằng cả hạnh phúc tương lai của họ đều tùy thuộc vào việc họ có tìm ra tấm vé màu vàng đó hay không. Trong nỗi khoắc khoải của họ, người ta bắt đầu quên đi niềm vui giản dị mà họ từng tìm thấy trong một thỏi kẹo. Thỏi kẹo tự nó trở thành một nỗi thất vọng hoàn toàn nếu không có

chứa một tấm vé màu vàng.

Có rất nhiều người ngày hôm nay đang chờ đợi tấm vé màu vàng của mình—tấm vé mà họ tin rằng sẽ nắm giữ chìa khóa hạnh phúc họ luôn luôn mơ ước. Đối với một vài người, tấm vé màu vàng có thể là một cuộc hôn nhân hoàn hảo; đối với những người khác, đó có thể là một căn nhà tuyệt vời đến nỗi được đăng hình trên bìa tạp chí hay có lẽ, đó là không bị căng thẳng và lo lắng.

Sẽ không có gì sai trái nếu như chúng ta có những khát vọng chính đáng—hy vọng và theo đuổi những điều gì “đạo đức, đáng yêu chuộng, hay có tiếng tốt hay đáng khen.”⁴ Vấn đề là ở chỗ chúng ta trì hoãn hạnh phúc của mình lại trong khi chờ đợi điều sẽ xảy ra trong tương lai—một tấm vé màu vàng—đến với chúng ta.

Một người phụ nữ nọ muốn kết hôn với một người ngay chính nắm giữ chức tư tế trong đền thờ và được làm vợ làm mẹ hơn bất cứ điều nào khác. Người ấy mơ ước điều này suốt cuộc sống của mình, và ôi, người ấy sẽ là một người mẹ tuyệt vời và người vợ triu mến. Căn nhà của người ấy sẽ tràn đầy tình yêu thương nhân từ. Không bao giờ có lời đấng cay. Thức ăn sẽ không bao giờ bị cháy. Và con cái của người ấy, thay vì tụ tập với bạn bè, thì sẽ thích dành buổi tối và

những ngày cuối tuần với Cha Mẹ.

Đây chính là tấm vé màu vàng của người ấy. Người ấy cảm thấy cuộc sống của mình chỉ duy nhất tùy thuộc vào điều đó. Đó chỉ là một điều duy nhất mà người ấy thiết tha mong muốn.

Nhưng điều đó không bao giờ xảy ra. Và, khi thời gian trôi qua, người ấy trở nên càng ngày càng sống cô lập, cay đắng, và còn tức giận nữa. Người ấy không thể hiểu tại sao Thượng Đế không ban cho mình ước muốn ngay chính này.

Người ấy là giáo viên tiểu học, và việc trẻ em vây quanh suốt ngày hoàn toàn nhắc nhở người ấy rằng tấm vé màu vàng của mình đã không bao giờ có trong tay. Khi thời gian trôi qua, người ấy càng trở nên thất vọng và sống cô lập nhiều hơn. Những người khác không thích ở gần người ấy và tránh người ấy bất cứ lúc nào họ có thể tránh được. Người ấy còn trút nỗi bức bối của mình lên trên các trẻ em ở trường học. Người ấy thấy mình mất bình tĩnh và liên tục trải qua cơn tức giận thái quá, rồi nổi cơn đơ cứng cứ tiếp tục mãi.

Thảm kịch của câu chuyện này là người phụ nữ đáng mến này, trong nỗi thất vọng cùng cực về tấm vé màu vàng của mình, đã không nhìn thấy các phước lành mình *quả thật* đã có. Người ấy không có con cái ở nhà, nhưng được vây quanh bởi các trẻ em trong lớp học. Người ấy không được ban phước với một gia đình, nhưng Chúa đã ban cho người ấy một cơ hội mà ít người có được—cơ hội có ảnh hưởng tốt đối với cuộc sống của hàng trăm trẻ em và gia đình với tư cách là một giáo viên.

Bài học ở đây là nếu chúng ta dành ra những ngày tháng của mình để chờ đợi các đóa hoa hồng rực rỡ, thì có thể bỏ lỡ vẻ đẹp và vẻ diệu kỳ của các đóa hoa nhỏ bé “xin đừng quên tôi” đang ở xung quanh chúng ta.

Điều này không phải nói rằng chúng ta nên từ bỏ hy vọng hoặc kiểm chế các mục tiêu của mình. Đừng bao giờ ngừng cố gắng đạt được điều tốt lành nhất ở bên trong các chị em. Đừng ngừng hy vọng về tất cả những ước muốn ngay chính của lòng mình. Nhưng đừng

từ chối không nhìn vào vẻ đẹp giản dị và thanh lịch của những giây phút thường ngày mà sẽ tạo ra một cuộc sống phong phú, tốt đẹp.

Những người hạnh phúc nhất mà tôi biết đều không phải là những người tìm ra tấm vé màu vàng của họ; họ là những người, trong khi theo đuổi các mục tiêu xứng đáng, đã khám phá và quý trọng vẻ đẹp cũng như vẻ tuyệt vời của những giây phút thường ngày. Họ là những người, từng ngày một, dệt nên một tấm thảm về lòng biết ơn và điều kỳ diệu trong suốt cuộc sống của họ. Đây chính là những người thật sự hạnh phúc.

Thứ tư, xin đừng quên “lý do” của phúc âm.

Đôi khi, trong các thói quen của cuộc sống, chúng ta thường vô tình bỏ qua một khía cạnh thiết yếu của phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô, cũng giống như người ta có thể bỏ qua đóa hoa “xin đừng quên tôi” xinh đẹp, mỏng manh. Trong các nỗ lực siêng năng để làm tròn tất cả các bổn phận và nghĩa vụ của mình, với tư cách là tín hữu Giáo Hội, đôi khi chúng ta xem phúc âm như một bản liệt kê dài những nhiệm vụ mà chúng ta cần phải thêm một số thời gian vào bản liệt kê “những điều phải làm” vốn đã dài lê thê để làm cho phù hợp với lịch trình bận rộn của mình. Chúng ta tập trung vào *điều* Chúa muốn chúng ta làm và *cách* làm điều đó, nhưng đôi khi lại quên đi *lý do tại sao*.

Các chị em thân mến, phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô không phải là một nghĩa vụ; đó là con đường, đã được Cha Thiên Thượng nhân từ đánh dấu, dẫn đến hạnh phúc và bình an trong cuộc sống này cũng như vinh quang và mãn nguyện không thể tả xiết trong cuộc sống mai sau. Phúc âm là ánh sáng soi thấu cuộc sống trên trần thế và chiếu rọi con đường trước mặt chúng ta.

Trong khi điều cần thiết là sự hiểu biết về phúc âm và cách phúc âm hiện hữu như thế nào, thì ngọn lửa vĩnh cửu và vẻ uy nghiêm của phúc âm đến từ lý do tại sao phúc âm hiện hữu. Khi chúng ta hiểu *lý do tại sao*

Cha Thiên Thượng đã ban cho chúng ta khuôn mẫu này để sống theo, khi nhớ đến *lý do* chúng ta đã cam kết để làm cho phúc âm thành một phần nền tảng trong cuộc sống của mình, thì phúc âm không còn trở thành một gánh nặng mà thay vì thế sẽ trở thành một niềm vui và điều thích thú. Phúc âm trở nên quý báu và tuyệt diệu.

Chúng ta không nên bước trên con đường mòn đổ với đôi mắt nhìn xuống đất, chỉ nghĩ đến những nhiệm vụ và bổn phận trước mắt mình. Chúng ta không nên bước đi mà không biết đến vẻ đẹp của phong cảnh rực rỡ và thuộc linh trên trần thế xung quanh mình.

Thưa các chị em, hãy tìm kiếm vẻ uy nghi, vẻ đẹp, và niềm vui tốt bụng trong lý do hiện hữu của phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô.

Việc vâng lời xác định con đường và giữ chúng ta đi đúng đường. Lý do của việc vâng lời thánh hóa hành động của chúng ta, biến đổi điều trần tục thành điều hùng vĩ. Việc vâng lời làm vinh hiển hành động nhỏ nhặt của chúng ta thành hành động đáng hiển thiêng liêng.

Thứ năm, xin đừng quên rằng Chúa yêu thương các chị em.

Khi còn nhỏ và thường nhìn vào các đóa hoa “xin đừng quên tôi” nhỏ bé, đôi khi tôi cảm thấy hơi giống như loài hoa đó—nhỏ bé và vô nghĩa. Tôi tự hỏi mình sẽ bị gia đình hay Cha Thiên Thượng quên lãng không.

Nhiều năm sau, tôi có thể nhìn lại cậu bé đó với cảm nghĩ dịu dàng và lòng trắc ẩn. Và giờ đây, tôi thật sự biết—tôi không bao giờ bị quên lãng.

Và tôi còn biết một điều nữa: với tư cách là Sứ Đồ của Đức Thầy chúng ta, Chúa Giê Su Kỵ Tô, tôi xin nói với tất cả lòng tin chắc của mình—rằng các chị em cũng không bị quên lãng đâu.

Các chị em không bị quên lãng đâu.

Thưa các chị em, cho dù các chị em đang ở đâu, cho dù hoàn cảnh của các chị em ra sao đi nữa, các chị em cũng không bị quên lãng đâu. Cho dù những năm tháng của các chị em dường như có thể khó khăn, cho dù các chị em có thể cảm thấy mình tầm



thường đến đâu đi nữa, cho dù các chị em có thể cảm thấy mình bất hạnh đến đâu đi nữa, thì Cha Thiên Thượng cũng không quên các chị em đâu. Thực ra, Ngài yêu thương các chị em với một tình yêu thương vô hạn.

Hãy nghĩ về điều này: Các chị em được một Đấng oai nghiêm, đầy quyền năng và vinh quang nhất trong vũ trụ biết và nhớ đến! Các chị em được Vua của không gian vô tận và thời gian trường cửu yêu thương!

Ngài là Đấng tạo dựng và biết các vì sao, biết các chị em và biết tên của các chị em—các chị em là con gái của vương quốc Ngài. Tác giả sách Thi Thiên đã viết:

“Khi tôi nhìn xem các tầng trời là công việc của ngón tay Chúa, Mặt trăng và các ngôi sao mà Chúa đã đặt, Chúa làm người kém Đức Chúa Trời một chút, Đội cho người sự vinh hiển và sang trọng.

“Loài người là gì, mà Chúa nhớ đến? . . .

“Chúa làm người kém Đức Chúa Trời một chút, Đội cho người sự vinh hiển và sang trọng.”⁵

Thượng Đế yêu thương các chị em vì các chị em là con cái của Ngài. Ngài yêu thương các chị em cho dù đôi khi các chị em có thể cảm thấy cô đơn hoặc làm điều lầm lỗi.

Tình yêu thương của Thượng Đế và quyền năng của phúc âm phục hồi là sự cứu chuộc và cứu rỗi. Nếu các chị em sẵn sàng chịu tiếp nhận tình yêu thương thiêng liêng của Ngài vào cuộc sống của mình, thì tình yêu thương đó có thể băng bó bất cứ thương tích nào, chữa lành bất cứ vết thương nào, và xoa dịu bất cứ nỗi buồn phiền nào.

Các chị em Hội Phụ Nữ thân mến, các chị em ở gần thiên thượng hơn mình nghĩ đấy. Các chị em được dự định cho nhiều điều hơn mình có

thể tưởng tượng ra được. Hãy tiếp tục tiến triển trong đức tin và sự ngay chính cá nhân. Hãy chấp nhận phúc âm phục hồi của Chúa Giê Su Kỵ Tô làm lối sống của các chị em. Hãy trân quý ân tứ về sự tích cực trong Giáo Hội vĩ đại và chân chính này. Hãy quý trọng ân tứ về sự phục vụ trong tổ chức thiêng liêng của Hội Phụ Nữ. Hãy tiếp tục củng cố nhà cửa và gia đình. Hãy tiếp tục tìm kiếm và giúp đỡ những người cần sự giúp đỡ của các chị em và Chúa.

Các chị em thân mến, có một điều đầy soi dẫn và cao quý về đóa hoa “xin đừng quên tôi” nhỏ bé. Tôi hy vọng rằng đóa hoa ấy sẽ là một biểu tượng về những điều nhỏ bé mà làm cho cuộc sống của các chị em được vui sướng và tuyệt diệu. Đừng bao giờ quên rằng các chị em cần phải kiên nhẫn và trắc ẩn đối với bản thân mình, rằng có một số hy sinh thì tốt hơn những hy sinh khác, rằng các chị em không cần phải chờ đợi có tấm vé màu vàng của mình để được hạnh phúc. Xin đừng bao giờ quên rằng phúc âm của Chúa Giê Su Kỵ Tô sẽ soi dẫn và nâng cao các chị em. Và cũng đừng bao giờ quên rằng Cha Thiên Thượng biết, yêu thương và quý mến các chị em.

Xin cảm ơn về con người của các chị em. Xin cảm ơn về vô số hành động yêu thương và phục vụ mà các chị em đã ban phát cho rất nhiều người. Xin cảm ơn về tất cả những gì các chị em sẽ làm để mang niềm vui của phúc âm đến cho gia đình, cho Giáo Hội, cho cộng đồng của các chị em và cho các quốc gia trên thế giới.

Thưa các chị em, chúng tôi yêu mến các chị em. Tôi cầu nguyện và ban phước để các chị em sẽ không bao giờ quên rằng các chị em là các con gái thật sự quý báu trong vương quốc của Thượng Đế, trong thánh danh của Đấng Cứu Rỗi yêu quý của chúng ta là Chúa Giê Su Kỵ Tô, A Men. ■

GHI CHÚ

1. Xin xem Ê The 12:27.
2. Xin xem 3 Nê Phi 12:48.
3. Roald Dahl, *Charlie and the Chocolate Factory* (1964), 55–56.
4. Những Tín Điều 1:13.
5. Thi Thiên 8:3–5.

Bảng Chú Dẫn Các Câu Chuyện Kể Tại Đại Hội

Sau đây là bản liệt kê những kinh nghiệm được chọn ra từ các bài nói chuyện tại đại hội trung ương mà có thể sử dụng trong việc học tập riêng cá nhân, buổi họp tối gia đình và những việc giảng dạy khác. Con số ở trên trang cho biết trang đầu của bài nói chuyện.

NGƯỜI NÓI CHUYỆN	CÂU CHUYỆN
Anh Cả Richard G. Scott	(6) Richard G. Scott làm một băng thu giọng đọc Sách Mặc Môn cho gia đình mình.
Anh Cả José L. Alonso	(14) Lòng cha mẹ đầy lo âu khi lạc mất đứa con trai nhỏ ở thành phố Mexico City náo nhiệt.
Chủ Tịch Boyd K. Packer	(16) Boyd K. Packer nhận phước lành tộc trưởng của mình.
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf	(19) Dieter F. Uchtdorf giúp xây cất một căn nhà hội trong khi tham dự khóa huấn luyện phi công trong không lực. Một cặp vợ chồng trung tín tạo ra ảnh hưởng tốt đối với những người xung quanh.
Anh Cả David A. Bednar	(24) Các thiếu niên trong Chức Tư Tế A Rôn giảng dạy một lớp học lịch sử gia đình.
Anh Cả Neil L. Andersen	(28) James O. Mason và vợ của ông quyết định không trì hoãn việc sinh con. Scott và Becky Dorius nhận con nuôi sau 25 năm kết hôn.
Anh Cả Carl B. Cook	(33) Thomas S. Monson khuyên dạy Carl B. Cook nên nhìn lên. Các chị em phụ nữ thả “những gánh nặng” lên bầu trời dưới hình thức các quả bóng bay.
Anh Cả LeGrand R. Curtis Jr.	(35) Các tín hữu kém tích cực tìm ra sự cứu chuộc khi được mời trở lại nhà thờ.
Anh Cả D. Todd Christofferson	(38) Người sống sót của Nhóm Tiên Phong Donner nhớ lại buổi sáng khi ông nhìn thấy Nông Trại Johnson.
Anh Cả W. Christopher Waddell	(50) Người truyền giáo tên Javier Misiego gặp người đã làm báp têm cho cha của anh.
Chủ Tịch Henry B. Eyring	(56) Thiếu niên Henry B. Eyring và vị giám trợ đi thăm một chị phụ nữ trong tiểu giáo khu của họ. Gordon B. Hinckley và Henry B. Eyring duyệt lại một bản thảo vào đêm khuya.
Chủ Tịch Thomas S. Monson	(60) Thomas S. Monson nghĩ rằng ông chỉ là tín hữu duy nhất của Giáo Hội tại trại huấn luyện tân binh. Thomas S. Monson nói chuyện với những người trên xe buýt về Giáo Hội.
Chủ Tịch Henry B. Eyring	(68) Henry B. Eyring nói chuyện tại một trường đại học nơi ông được yêu cầu không chia sẻ chứng ngôn của ông về Chúa Giê Su Ky Tô. Henry B. Eyring dẫn hai con gái của mình đi thăm một người bạn sắp lìa đời vì bệnh ung thư. Một người sắp lìa đời mặc quần áo trang trọng để nhận một phước lành chức tư tế. Nhiều năm sau khi bỏ nhà ra đi, một người đàn ông đọc Sách Mặc Môn và nhận được một chứng ngôn.
Anh Cả Tad R. Callister	(74) Một thiếu nữ làm chứng với bạn của mình về lẽ thật của Sách Mặc Môn.
Chủ Tịch Thomas S. Monson	(82) Thomas S. Monson học về quyền năng của sự cầu nguyện sau khi tìm ra tờ giấy năm đô la mà ông nghĩ rằng mình đã mất rồi. Thomas S. Monson có ấn tượng để loan báo rằng Peter Mourik sẽ nói chuyện tại buổi lễ cung hiến Đền Thờ Frankfurt Germany.
Anh Cả Russell M. Nelson	(86) Hai người Nga cải đạo quý trọng lễ hôn phối trong đền thờ của họ.
Anh Cả Randall K. Bennett	(98) Randall K. Bennett làm ngơ trước những lời cảnh cáo về một luồng nước mạnh ở đại dương.
Anh Cả J. Devn Cornish	(101) J. Devn Cornish bắt gặp một đồng tiền hai mươi lăm xu khi lời cầu nguyện của ông được đáp ứng một cách mâu nhiệm.
Anh Cả Quentin L. Cook	(104) Alma Sonne hủy bỏ vé đi trên tàu <i>Titanic</i> . Irene Corbett chết trên con tàu <i>Titanic</i> .
Silvia H. Allred	(114) Một chị phụ nữ đau đớn vì nhiều bệnh tật được các giảng viên thăm viếng an ủi. Một người đàn ông đã cải đạo sau khi các giảng viên thăm viếng phục vụ gia đình của người đó.
Chủ Tịch Dieter F. Uchtdorf	(120) Một người phụ nữ trở nên cay đắng vì không được kết hôn và không có con cái.

Sự Giảng Dạy cho Thời Chúng Ta

Các bài học của Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc và Hội Phụ Nữ vào ngày Chủ Nhật thứ tư của mỗi tháng sẽ được dành cho “Sự Giảng Dạy cho Thời Chúng Ta.” Mỗi bài học có thể được chuẩn bị từ một hoặc nhiều bài nói chuyện tại đại hội trung ương gần đây nhất (xin xem biểu đồ dưới đây).

Các vị chủ tịch giáo khu và giáo hạt có thể chọn nên sử dụng bài nói chuyện nào, hoặc họ có thể chỉ định trách nhiệm này cho các vị giám trợ và chủ tịch chi nhánh. Các vị lãnh đạo cần phải nhấn mạnh đến giá trị của việc các anh em Chức Tư Tế Mên Chi Xê Đéc và các chị em trong Hội Phụ Nữ học cùng một bài học vào các ngày Chủ Nhật đó.

Những người tham dự bài học trong ngày Chủ Nhật thứ tư của tháng được khuyến khích học hỏi và mang đến lớp học số tạp chí về đại hội trung ương gần đây nhất.

Những Đề Nghị để Chuẩn Bị một Bài Học từ Các Bài Nói Chuyện

Cầu nguyện rằng Đức Thánh Linh sẽ ở với các anh chị em khi các anh chị em học hỏi và giảng dạy (các) bài nói chuyện. Các anh

chị em có thể bị cám dỗ để chuẩn bị bài học bằng cách sử dụng các tài liệu khác, nhưng các bài nói chuyện tại đại hội là chương trình giảng dạy đã được chấp thuận. Nhiệm vụ của các anh chị em là giúp những người khác học hỏi và sống theo phúc âm như đã được giảng dạy trong đại hội trung ương gần đây nhất của Giáo Hội.

Hãy ôn lại (các) bài nói chuyện, tìm kiếm các nguyên tắc và giáo lý nhằm đáp ứng nhu cầu của các học viên. Cũng nên tìm kiếm các câu chuyện, đoạn tham khảo thánh thư và lời phát biểu từ (các) bài nói chuyện mà sẽ giúp các anh chị em giảng dạy các lễ thật này.

Lập ra một đại cương về cách giảng dạy các nguyên tắc và giáo lý đó. Đại cương của các anh chị em nên gồm có những câu hỏi nhằm giúp các học viên:

- Tìm kiếm các nguyên tắc và giáo lý trong (các) bài nói chuyện.
- Suy nghĩ về ý nghĩa của các nguyên tắc và giáo lý này.
- Chia sẻ sự hiểu biết, ý kiến, kinh nghiệm và chứng ngôn.
- Áp dụng các nguyên tắc và giáo lý này trong cuộc sống của mình. ■

CÁC BÀI HỌC ĐƯỢC GIẢNG DẠY TRONG THÁNG

Tháng Mười Một năm 2011–
Tháng Tư năm 2012

CÁC TÀI LIỆU HỌC VÀO NGÀY CHỦ NHẬT THỨ TƯ TRONG THÁNG

Các bài nói chuyện được đăng trong tạp chí *Liahona** số tháng Mười Một năm 2011

Tháng Năm 2012–
Tháng Mười 2012

Các bài nói chuyện được đăng trong tạp chí *Liahona** số tháng Năm năm 2012

* Các bài nói chuyện này có sẵn bằng nhiều ngôn ngữ tại conference.lds.org.

Các Chủ Tịch Đoàn Tổ Chức BỔ TRỢ Trung Ương

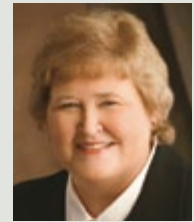
HỘI PHỤ NỮ



Silvia H. Allred
Đệ Nhất Cố Vấn



Julie B. Beck
Chủ Tịch



Barbara Thompson
Đệ Nhị Cố Vấn

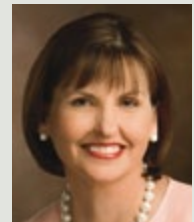
HỘI THIẾU NỮ



Mary N. Cook
Đệ Nhất Cố Vấn



Elaine S. Dalton
Chủ Tịch

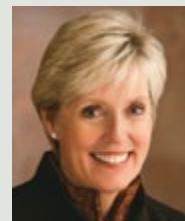


Ann M. Dibb
Đệ Nhị Cố Vấn

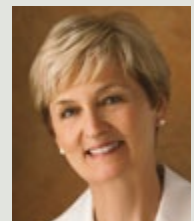
HỘI THIẾU NHI



Jean A. Stevens
Đệ Nhất Cố Vấn



Rosemary M. Wixom
Chủ Tịch



Cheryl A. Espin
Đệ Nhị Cố Vấn

HỘI THIẾU NIÊN



Larry M. Gibson
Đệ Nhất Cố Vấn



David L. Beck
Chủ Tịch



Adrián Ochoa
Đệ Nhị Cố Vấn

TRƯỜNG CHỦ NHẬT



David M. McConkie
Đệ Nhất Cố Vấn



Russell T. Osguthorpe
Chủ Tịch



Matthew O. Richardson
Đệ Nhị Cố Vấn



Họa phẩm của một họa sĩ cho thấy Đại Thánh Đường Provo bị thiêu hủy vì hỏa hoạn được sửa chữa lại làm ngôi đền thờ thứ hai ở Provo, Utah, Hoa Kỳ.

Đại Hội Trung Ương Bán Niên kỳ thứ 181

Vào ngày 1 và 2 tháng Mười, hơn 100.000 người đã tham dự năm phiên họp của Đại Hội Trung Ương Bán Niên kỳ thứ 181 của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Kỵ Tô trong Trung Tâm Đại Hội ở thành phố Salt Lake City, Utah, Hoa Kỳ. Hàng triệu người khác đã xem hay nghe buổi phát sóng qua hệ thống truyền hình, truyền thanh, vệ tinh và Internet.

Trong phiên họp thứ nhất vào thứ Bảy ngày 1 tháng Mười, Chủ Tịch Thomas S. Monson loan báo các địa điểm của sáu ngôi đền thờ mới: Barranquilla, Colombia; Durban, Nam Phi; Kinshasa, Cộng Hòa Dân Chủ Congo; Paris, Pháp; Provo, Utah, Hoa Kỳ; và Star Valley, Wyoming, Hoa Kỳ.

Tiếp theo lời loan báo này, Chủ Tịch Monson mời các tín hữu đóng góp cho Quỹ Trung Ương Phụ Giúp Người Đi Đền Thờ của Giáo Hội. Ông nói: “Quỹ này trang trải chi phí chỉ cho một chuyến đi đền thờ cho những người không thể đi đền thờ bằng bất cứ cách nào khác.”

Vào trưa thứ Bảy, Anh Cả David A. Bednar thuộc Nhóm Túc Số Mười Hai Vị Sứ Đồ loan báo một phần mới của trang mạng youth.lds.org là—FamilySearch Youth and Family History (lds.org/familyhistoryyouth). Phần mới này nhằm giúp giới trẻ tìm

ra lịch sử gia đình và phục vụ tổ tiên bằng cách tìm kiếm các hồ sơ của họ. (Xin xem bài ở trang 128.)

Cũng trong phiên họp này, Anh Cả Claudio R. M. Costa được giải nhiệm từ Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười. Anh Cả Tad R. Callister (xin xem trang 128 về tiểu sử của ông) được tán trợ vào Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mười. Mười Hai Thầy Bảy Mười và Thầy Bảy Mười Có Thẩm Quyền Giáo Vùng đã được giải nhiệm hoặc nhận được tình trạng danh dự (xin xem trang 23 về những người được tán trợ và giải nhiệm).

Trong bài nói chuyện vào sáng Chủ Nhật, Chủ Tịch Henry B. Eyring, Đệ Nhất Cố Vấn trong Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, nhắc nhở mọi người về lời kêu gọi—được đưa ra tại đại hội trung ương tháng Tư năm nay—cho tất cả các tín hữu tham gia vào một ngày phục vụ trong năm 2011 (xin xem Henry B. Eyring, “Cơ Hội Làm Điều Thiện,” *Liahona*, tháng Năm năm 2010, 22).

Các tín hữu trên khắp thế giới lắng nghe đại hội bằng 93 ngôn ngữ. Để có thông tin về khi nào văn bản, băng thu âm, và băng thu hình về đại hội sẽ có sẵn bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, xin vào xem lds.org/general-conference/when-conference-materials-will-be-available. ■

Các Con Gái trong Vương Quốc của Ta: Một Tác Phẩm Lịch Sử dành cho Phụ Nữ Thánh Hữu Ngày Sau Thời Nay

Bài của Chelsee Niebergall

Các Tạp Chí Giáo Hội

Trong buổi họp Hội Phụ Nữ trung ương vào tháng Chín năm 2011, chủ tịch trung ương Hội Phụ Nữ Julie B. Beck đã nói: *Các Con Gái trong Vương Quốc của Ta: Lịch Sử và Việc Làm của Hội Phụ Nữ* là một quyển sách mới được soạn thảo dưới sự hướng dẫn của Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn, quyển sách này ghi chép về di sản của Hội Phụ Nữ và các phụ nữ của Giáo Hội.

Chị nói: “Sách này sẽ thống nhất và giúp các chị em phụ nữ trên toàn thế giới sống theo các mục đích của Hội Phụ Nữ và các mẫu mực cùng đặc ân của các môn đồ.” “Sách này là bằng chứng về vai trò thiết yếu của phụ nữ trong kế hoạch hạnh phúc của Đức Chúa Cha, sách cũng cung ứng một tiêu chuẩn bất di bất dịch về điều chúng ta tin, điều chúng ta làm và điều chúng ta sẽ bênh vực” (trang 113 của số báo này).

Chị Beck nói rằng sách này cung ứng một nền tảng cho nguồn gốc của phụ nữ với tư cách là các con gái của Thượng Đế. Chị nói rằng khi nghiên cứu sách này, người ta sẽ có thể thấy cách Hội Phụ Nữ cần phải ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi chị em phụ nữ như thế nào.

Quyển Sách Ra Đòi Như Thế Nào

Dự án bắt đầu với một chỉ định từ Đệ Nhất Chủ Tịch Đoàn. Susan W. Tanner, cựu chủ tịch trung ương Hội Thiếu Nữ, được phong nhiệm để viết sách này. Chị Beck cùng hai cố vấn của chị, Silvia H. Allred và Barbara



Thompson, được chỉ định quản lý dự án và làm việc với Chị Tanner, các biên tập viên, các nhà thiết kế, và những người khác để xác định chiều hướng của dự án đó qua tinh thần mặc khải. Chị Beck nói: “Tôi chưa bao giờ làm việc với một dự án nào mà được Thánh Linh hướng dẫn nhiều hơn dự án này.”

Một phần tiến trình đó gồm có việc quyết định bài nào trong số hàng ngàn trang viết về lịch sử cần phải được gồm vào sách đó. Chị Beck, hai cố vấn của chị, và Chị Tanner duyệt lại những biên bản từ các buổi họp ban đầu của Hội Phụ Nữ ở Nauvoos cùng với lịch sử và các câu chuyện khác về Hội Phụ Nữ và các phụ nữ của Giáo Hội.

Chị Beck nói rằng kết quả không phải là một lịch sử điển hình theo thời gian mà là một lịch sử tinh thần của các phụ nữ trong Giáo Hội và Hội Phụ Nữ.

Trong bài nói chuyện tại buổi họp Hội Phụ Nữ trung ương vào tháng Chín năm 2010, Chị Beck đã nói: “Chúng ta nghiên cứu lịch sử của mình vì lịch sử giúp chúng ta thay đổi.” “Cuối cùng, giá trị của lịch sử không phải vì ngày tháng, thời gian và không gian của nó. Lịch sử có giá trị khi dạy chúng ta về các nguyên tắc, mục đích cũng như các mẫu mực mà chúng ta phải tuân theo và giúp chúng ta biết mình là ai, điều chúng ta phải làm, cùng đoàn kết chúng ta trong việc củng cố mái gia đình của Si Ôn và xây đắp vương quốc của Thượng Đế trên thế gian” (“Các Con Gái trong Vương Quốc của Ta: Lịch Sử và Việc Làm của Hội Phụ Nữ,” *Liahona*, tháng Mười Một năm 2010, 115).

Mặc dù sách có sắp xếp theo niên đại, nhưng những điều giảng dạy của sách đều được trình bày trong các chương được viết theo đề tài. Sách sử dụng các câu chuyện và tấm gương từ thánh thư và thời kỳ hiện đại, từ những lời của các vị tiên tri, và những người lãnh đạo của Hội Phụ Nữ để giảng dạy các sứ điệp quan trọng của sách.

Ảnh Hưởng của Sách

Chị Beck nói rằng qua sách này, các chị em phụ nữ sẽ học cách làm tròn các mục đích của Hội Phụ Nữ trong cuộc sống của họ và với tư cách là tình chị em của các môn đồ tuân giữ giao ước.

Trong một cuộc phỏng vấn với các tạp chí của Giáo Hội, Chị Beck nói: “Họ sẽ học về ý nghĩa của việc gia tăng đức tin và sự ngay chính cá nhân, củng cố mái gia đình, và đi tìm kiếm giúp đỡ những người đang gặp hoạn nạn.” “Khi các chị em phụ nữ hiểu được vai trò của họ trong việc làm của Hội Phụ Nữ, họ có thể hiểu được các phụ nữ có ảnh hưởng như thế nào trong sự phát triển của Giáo Hội, trong thời xưa lẫn trong những ngày sau, và họ có thể biết được mục đích và nguồn gốc của mình.”

Chị Beck tin rằng những người đọc sách này sẽ học được qua tấm gương và điều giảng dạy về cách lắng nghe Đức Thánh Linh và nhận được sự mặc khải cá nhân. Họ cũng có thể được củng cố và khuyến khích trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong những thử thách và gian khổ của mình.

Chị Beck nói: “Có rất nhiều tấm gương về sức mạnh trong sách đó—nhiều tấm gương về sức mạnh mà chúng ta có thể noi theo,” “Vậy nên vào những ngày khó khăn, tôi hy vọng mọi người sẽ có sẵn quyển sách của mình, và cầm sách lên để đọc một câu chuyện hay tấm gương mà sẽ củng cố họ.”

Chị Beck cũng nói rằng sách này sẽ đi vào những căn nhà của Giáo Hội qua bàn tay của các chị em phụ nữ, nhưng chị tin rằng quyển sách này sẽ là một tài liệu quan trọng cho đàn ông lẫn phụ nữ. Sách sẽ giúp các thiếu nữ hiểu cách họ trở thành một phần của tình chị em tuyệt vời trên toàn cầu, và

sách có thể kết hợp vợ chồng trong việc làm thiêng liêng của họ để hướng dẫn gia đình mình cùng phục vụ trong Giáo Hội.

Sau khi nghiên cứu sách xong, chủ tịch Giáo Khu Syracuse Utah Bluff là Dale Cook nói rằng sách này là một tài liệu quan trọng không những để giúp cho các phụ nữ của Giáo Hội mà còn cho những người đàn ông trong Giáo Hội hiểu vai trò của họ với tư cách là các môn đồ của Đấng Ky Tô. Chủ tịch Cook nói: “Các anh chị em đọc và thấy cách [Hội Phụ Nữ] gắn bó và liên kết với chức vụ tế như thế nào.” “Sách này đã giúp tôi nhận biết quyền năng ở bên trong người phôi ngẫu của tôi và [cách] yêu thương bà [nhiều hơn] và giúp đỡ cùng hỗ trợ bà.”

Về Quyển Sách Này

Quyển sách này là một tài liệu cho việc học tập cá nhân và giảng dạy ở nhà, trong Hội Phụ Nữ và trong những bối cảnh khác của Giáo Hội. Sách đã được gửi cho các vị giám trợ và chủ tịch chi nhánh là những người sẽ làm việc với các chủ tịch Hội Phụ Nữ để quyết định cách tốt nhất để phân phát sách nhằm mang đến phước lành cho các chị em phụ nữ trong tiểu giáo khu và chi nhánh.

Các quyển sách này được dự tính là sẽ có sẵn trong gần hai mươi ngôn ngữ vào cuối tháng Giêng năm 2012. Nhiều ngôn ngữ cũng có sẵn trực tuyến, là nơi các tín hữu có thể tìm ra các băng video, chia sẻ những trích dẫn, cũng như đọc những đề nghị liên quan đến sách về cách sử dụng và chia sẻ các sứ điệp trong sách này. Xin vào xem lds.org/relief-society/daughters-in-my-kingdom. Bấm vào “**Additional Languages (PDF)**” ở giữa trang dưới phần “**Related Resources**.” Một bản liệt kê các ngôn ngữ có sẵn sẽ hiện ra ở phía tay phải của trang kế tiếp. Cuối cùng, trang mạng này sẽ được phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ.

Một số bản in ra bằng bìa cứng được dự kiến là sẽ có sẵn qua Các Dịch Vụ Phân Phối và store.lds.org bằng tiếng Anh, Bồ Đào Nha, và Tây Ban Nha vào cuối năm nay. ■

Trang Mạng Mới nhằm Giúp Các Thanh Thiếu Niên Bắt Đầu Lịch Sử Gia Đình

Phần FamilySearch Youth and Family History mới của trang mạng youth.lds.org (lds.org/familyhistoryyouth) nhằm giúp các thanh thiếu niên tìm ra lịch sử gia đình và phục vụ tổ tiên của họ bằng cách tìm kiếm hồ sơ của tổ tiên.

Trang mạng này mô tả những tài liệu dạy các thanh thiếu niên cách bắt đầu sử dụng FamilySearch. Trong năm bước đơn giản, giới trẻ được giảng dạy cách truy tìm cây gia phả của họ, lập các hồ sơ gia đình và chuẩn bị tên những người qua đời để mang đến đền thờ. Trang mạng này cũng gồm có những ý kiến về cách các lớp học và nhóm túc số có thể sử dụng lịch sử gia đình làm một phương tiện để phục vụ những người khác.

Phần mới này hiện có sẵn bằng tiếng Anh, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Sẽ có thêm những ngôn ngữ khác trong các tháng tới. ■



Cuộc Thi Nghệ Thuật Mời Gọi Giới Trẻ Chiếu Sáng

Viện Bảo Tàng Lịch Sử Giáo Hội mời các thanh thiếu niên từ 13 đến 18 tuổi tham dự Cuộc Thi Nghệ Thuật Quốc Tế dành cho Giới Trẻ lần đầu tiên.

Các nghệ sĩ cần phải tạo ra các tác phẩm biểu lộ ý nghĩa của việc “đứng dậy và chiếu sáng” (xin xem GLGU 115:4–6).

Tác phẩm nghệ thuật cần phải được tạo ra sau ngày 1 tháng Giêng năm 2009. Thí sinh phải đủ 13 tuổi trước ngày 1 tháng Giêng năm 2012, và có thể nộp một tác phẩm nghệ thuật từ ngày 2 tháng Giêng năm 2012, cho đến hạn cuối là —thứ Sáu ngày 1 tháng Sáu năm 2012. Tác phẩm phải có độ dài tối đa là 213 centimet. Tất cả các phương tiện truyền thông nghệ thuật và phong cách đều được hoan nghênh trong cuộc thi này.

Sẽ có sẵn thông tin về việc nộp tác phẩm tại lds.org/youthartcomp.

Những người thắng giải sẽ được yêu cầu gửi bản chính của tác phẩm đến viện bảo tàng để trưng bày trong cuộc triển lãm từ ngày 16 tháng Mười Một năm 2012 đến ngày 17 tháng Sáu năm 2013. ■



Anh Cả Tad R. Callister

Thuộc Chủ Tịch Đoàn

Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi

Anh Cả Tad R. Callister, mới được tán trợ vào Chủ Tịch Đoàn của Nhóm Túc Số Thầy

Bảy Mươi và cũng là thành viên của Đệ Nhị Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi, giải thích rằng một trong các mục tiêu của Các Vị Thẩm Quyền Trung Ương là mang đến “sức tăng trưởng thật sự” trong Giáo Hội. Ông nói: “Điều đó đòi hỏi càng ngày càng nhiều người hơn không những đến buổi lễ Tiệc Thánh mà còn dự phần Tiệc Thánh, tiếp nhận các giáo lễ do Giáo Hội cung ứng và tuân giữ giao ước của họ.”

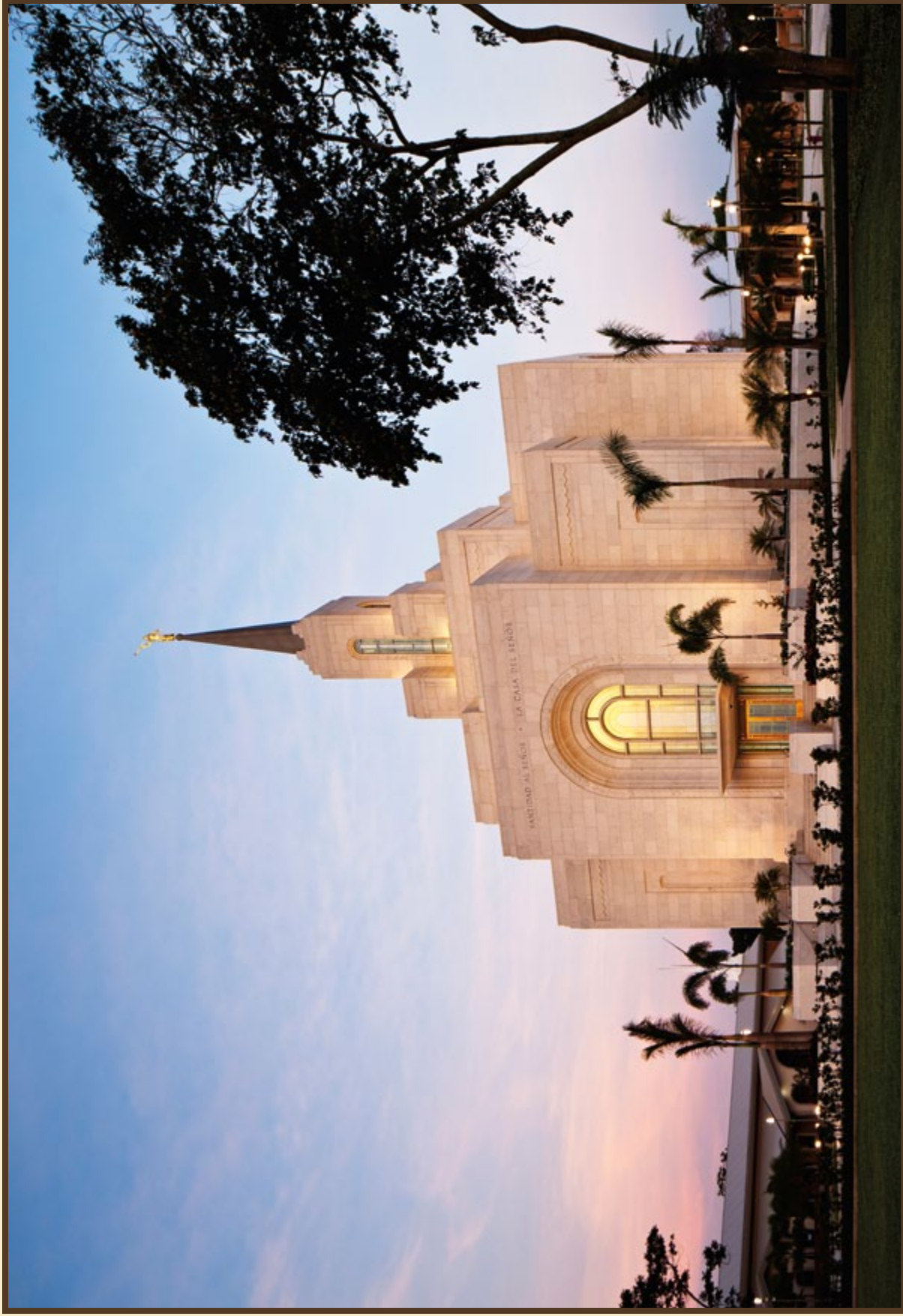
Vì mong muốn giúp đỡ các vị lãnh đạo Giáo Hội địa phương trong nỗ lực đó, Anh Cả Callister biết ơn rằng Chúa đã ban cho ông nhiều cơ hội phục vụ trong nhiều sự kêu gọi. Ông giải thích “Chính vì có được kinh nghiệm của nhiều người tôi hiện đang làm việc với—các chủ tịch giáo khu và các giám trợ cùng các chủ tịch nhóm túc số các anh cả—nên hy vọng tôi sẽ được nhạy bén và biết được nhu cầu của họ hơn.”

Anh Cả Callister đã phục vụ với tư cách người truyền giáo toàn thời gian ở Phái Bộ Truyền Giáo Eastern Atlantic States, chủ tịch nhóm túc số các anh cả, chủ tịch truyền giáo của giáo khu, cố vấn của chủ tịch giáo khu, giám trợ, chủ tịch giáo khu, vị đại diện giáo vùng, Thầy Bảy Mươi Có Thẩm Quyền Giáo Vùng, chủ tịch Phái Bộ Truyền Giáo Canada Toronto East (2005–08), và đang phục vụ với tư cách là Chủ Tịch Giáo Vùng Thái Bình Dương khi được kêu gọi vào Chủ Tịch Đoàn Nhóm Túc Số Thầy Bảy Mươi.

Anh Cả Callister là con của Ông Reed và Bà Norinne Callister, sinh vào tháng Mười Hai năm 1945, ở Glendale, California, Hoa Kỳ. Ông nhận được bằng kế toán từ trường Brigham Young University vào năm 1968. Ông tốt nghiệp trường luật tại University of California Los Angeles vào năm 1971. Vào năm 1972, ông nhận được bằng LL.M (cao học) về luật thuế vụ từ trường New York University. Từ năm 1972 đến năm 2005, ông hành nghề luật sư, ông cũng đã viết sách về Sự Chuộc Tội, Sự Bội Giáo và Sự Phục Hồi.

Ông kết hôn với Kathryn Louise Saporiti vào tháng Mười Hai năm 1968 trong Đền Thờ Los Angeles California. Họ có sáu người con.

Anh Cả Callister đã nhìn nhận có bàn tay của Chúa trong cuộc sống của mình. “Tình yêu thương của Đấng Cứu Rỗi thật đầy tràn đến mức tôi nghĩ rằng Ngài và Cha Thiên Thượng đang nóng lòng chờ đợi để ban phước cho chúng ta dù chúng ta chỉ làm một điều tốt nhỏ nhất, vì đó là thiên tính của hai Ngài.” ■



HÌNH ẢNH DO MATTHEW REIER THỰC HIỆN

Đền Thờ San Salvador El Salvador

Vào ngày 21 tháng Tám năm 2011, ngôi đền thờ này ở El Salvador được làm lễ cung hiến. Đây là ngôi đền thờ mới nhất trong số 135 ngôi đền thờ hoạt động trên khắp thế giới. Khi nói về đền thờ trong bài nói chuyện của ông tại đại hội trung ương vào tháng Mười năm 1994, Chủ tịch Howard W. Hunter (1907–95) nói: “Chúng ta hãy là một dân tộc tham dự đền thờ. Hãy tham dự đền thờ càng tốt khi hoàn cảnh cá nhân cho phép. Hãy giữ một tâm ảnh đền thờ trong nhà các anh chị em để con cái các anh chị em có thể thấy tâm ảnh đó” (“Exceeding Great and Precious Promises,” Ensign, tháng Mười Một năm 1994, 8).



Trong phiên họp bế mạc Đại Hội Trung Ương Bán Niên Kỳ thứ 181, Chủ Tịch Thomas S. Monson nói: “Tôi làm chứng cùng các anh chị em rằng công việc này là chân chính, rằng Đấng Cứu Rỗi hằng sống, Ngài hướng dẫn và chỉ dẫn Giáo Hội của Ngài ở nơi đây trên thế gian.” “Tôi để lại với các anh chị em lời làm chứng và chứng ngôn của mình rằng Thượng Đế Đức Chúa Cha Vĩnh Cửu hằng sống và yêu thương chúng ta. Ngài quả thật là Đức Chúa Cha, và Ngài là một Đấng có thật. Cầu xin cho chúng ta biết và hiểu rằng Ngài sẵn lòng đến gần với chúng ta biết bao, Ngài sẵn lòng giúp đỡ chúng ta biết bao, Ngài yêu thương chúng ta cũng như Ngài đã làm và sẵn lòng làm cho chúng ta biết bao.”